|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  | **PHẦN 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC LỚP 5** |  |
| 1 | **Chuyên đề 1: Ôn tập kiến thức Tiếng Việt lớp 5**.  - Bài 1: Luyện từ và câu.  - Bài 2: Ôn tập về từ loại.  - Bài 3: Phân loại từ theo nhóm nghĩa.  - Bài 4: Các biện pháp tu từ từ vựng.  - Bài 5: Câu và các thành phần câu |  |
| 2 | **Chuyên đề 2: Ôn tập, rèn kĩ năng làm văn kể chuyện**  - Kể chuyện đời thường.  - Một số bài văn mẫu tham khảo |  |
| 3 | **Chuyên đề 3: Ôn tập rèn kĩ năng làm văn miêu tả**  - Tả đồ vật  - Tả loài vật  - Tả người  - Tả cảnh  - Một số bài văn tham khảo từng dạng đề trên |  |
| 4 | **PHẦN 2: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6** |  |
| 5 | **Chuyên đề 1: Truyện truyền thuyết, cổ tích.**  - Làm quen với các văn bản truyện lớp 6  - Ôn tập các kĩ năng cơ bản: Đọc - hiểu  - Các bài văn mẫu theo văn bản đi kèm từng bài. |  |
| 6 | **Chuyên đề 2: Thơ**  - Làm quen tiếp cận với các văn bản thơ lớp 6.  - Ôn tập các kĩ năng cơ bản: Đọc - hiểu - Các bài văn mẫu theo văn bản đi kèm từng bài. |  |
| 7 | **Chuyên đề 3: Truyện đồng thoại.**  - Làm quen tiếp cận với các văn bản truyện đồng thoại lớp 6.  - Ôn tập các kĩ năng cơ bản: Đọc - hiểu  - Các bài văn mẫu theo văn bản đi kèm từng bài. |  |
| 8 | **Chuyên đề 4: Văn nghị luận.**  - Làm quen tiếp cận với các văn bản nghị luận lớp 6.  - Ôn tập các kĩ năng cơ bản: Đọc - hiểu - Các bài văn mẫu theo văn bản đi kèm từng bài. |  |
| 9 | **Chuyên đề 5: Chuyên đề Tiếng Việt.**  **-** Bài 1: Cụm từ, nghĩa của từ, dấu chấm phẩy  - Bài 2: Nghĩa của từ, thành ngữ, điệp ngữ... |  |
| 10 | **Chuyên đề 6: Rèn kĩ năng làm các dạng bài văn tự sự lớp 6.**  - Bài 1: Kĩ năng làm bài văn kể chuyện đời thường.  - Bài 2: Rèn các kĩ năng đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện truyền thuyết, cổ tích.  - Bài 3: Kĩ năng làm bài kể chuyện tưởng tượng.  - Các bài văn tham khảo từng dạng đề trên đi kèm |  |
| 11 | **Chuyên đề 7: Rèn kĩ năng làm văn nghị luận.**  - Kĩ năng viết đoạn văn ngắn nghị luận xã hội.  - Các đoạn văn mẫu đi kèm |  |
| 12 | Một số đề thi kiểm tra kiến thức học sinh. |  |

**CHUYÊN ĐỀ 1: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT**

**I. Lý thuyết**

**1. Từ là gì ?**

**a.** **Tiếng** là đơn vị cấu tạo nên từ. Tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

**VD** : Đất đai ( Tiếng **đai** đã mờ nghĩa )

Sạch sành sanh ( Tiếng **sành, sanh** trong không có nghĩa )

**b.** **Từ** là đơn vị nhỏ nhất dùng có nghĩa dùng để đặt câu. Từ có 2 loại :

- Từ do 1 tiếng có nghĩa tạo thành gọi là từ đơn.

- Từ do 2 hoặc nhiều tiếng ghép lại tạo thành nghĩa chung gọi là từ phức. Mỗi tiếng trong từ phức có thể có nghĩa rõ ràng hoặc không rõ ràng.

**c. Cách phân định ranh giới từ:**

**-** Để tách câu thành từng từ, ta phải chia câu thành từng phần có nghĩa sao cho được nhiều phần nhất ( chia cho đến phần nhỏ nhất ). Vì nếu chia câu thành từng phần có nghĩa nhưng chưa phải là nhỏ nhất thì phần đó có thể là 1 cụm từ chứ chưa phải là 1 từ.

- Dựa vào tính hoàn chỉnh về cấu tạo và về nghĩa của từ, ta có thể xác định được 1 tổ hợp nào đó là 1 từ ( từ phức) hay 2 từ đơn bằng cách xem xét tổ hợp ấy về 2 mặt : kết cấu và nghĩa

**- Cách 1** : Dùng thao tác chêm, xen: Nếu quan hệ giữa các tiếng trong tổ hợp mà lỏng lẻo, dễ tách rời, có thể chêm, xen 1 tiếng khác từ bên ngoài vào mà nghĩa của tổ hợp về cơ bản vẫn không thay đổi thì tổ hợp ấy là 2 từ đơn.

**VD**: ***tung cánh*** Tung ***đôi*** cánh

***lướt nhanh*** Lướt ***rất*** nhanh

(Hai tổ hợp trên đã chêm thêm tiếng ***đôi*** , ***rất*** nhưng nghĩa các từ này về cơ bản không thay đổi, do đó ***tung cánh*** và ***lướt nhanh*** là kết hợp 2 từ đơn)

- Ngược lại, nếu mối quan hệ giữa các tiếng trong tổ hợp mà chặt chẽ, khó có thể tách rời và đã tạo thành một khối vững chắc, mang tính cố định ( không thể chêm , xen ) thì tổ hợp ấy là 1 từ phức.

**V.D**: ***chuồn chuồn nước*** chuồn chuồn **sống ở** nước

***mặt hồ*** mặt **của** hồ

(Khi ta chêm thêm tiếng ***sống*** và ***của*** vào, cấu trúc và nghĩa của 2 tổ hợp trên đã bị phá vỡ ,do đó ***chuồn chuồn nước*** và ***mặt hồ*** là kết hợp 1 từ phức)

**- Cách 2** : Xét xem trong kết hợp có yếu tố nào đã chuyển nghĩa hay mờ nghĩa gốc hay không.

**VD** : **bánh dày** (tên 1 loại bánh); **áo dài** ( tên 1 loại áo ) đều là các kết hợp của 1 từ đơn vì các yếu tố **dày**, **dài** đã mờ nghĩa, chỉ còn là tên gọi của 1 loại bánh, 1 loại áo, chúng kết hợp chặt chẽ với các tiếng đứng trước nó để tạo thành 1 từ

**- Cách 3** : Xét xem tổ hợp ấy có nằm trong thế đối lập không ,nếu có thì đấy là kết hợp củ 2 từ đơn.

VD: có ***xoè ra*** chứ không có ***xoè vào***

có ***rủ xuống*** chứ không có ***rủ lên*** ***xoè ra, rủ xuống*** là 1 từ phức

ngược với ***chạy đi*** là ***chạy lại***

ngược với ***bò vào*** là ***bò ra*** ***chạy đi, bò ra*** là những kết hợp của 2 từ đơn

**\* Chú ý :**

+ Khả năng dùng 1 yếu tố thay cho cả tổ hợp cũng là cách để chúng ta xác định tư cách từ.

**VD**: ***cánh én*** ( chỉ con chim én )

***tay người*** ( chỉ con người )

+ Có những tổ hợp mang tính chất trung gian, nghĩa của nó mang đặc điểm của cả 2 loại ( từ phức và 2 từ đơn ). Trong trường hợp này ,tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ta có kết luận nó thuộc loại nào.

- Từ là đơn vị ngôn ngữ dùng để đặt câu.

**2. Từ đơn và từ phức:**

- Có 2 loại: Từ đơn, từ phức.

+ Từ đơn là từ chỉ có 1 tiếng

**Cấu tạo từ phức :**

**\* Có 2 cách chính để tạo từ phức**:

- *Cách 1* : ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau. Đó là các từ ghép .

- *Cách 2*: Phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần ( hoặc cả âm đầu và vần ) giống nhau. Đó là các từ láy.

**a. Từ ghép**: Là từ do 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa ghép lại tạo thành nghĩa chung.

- Từ ghép được chia thành 2 kiểu :

- Từ ghép có nghĩa tổng hợp (T.G hợp nghĩa, T.G đẳng lập, T.G song song ): Là từ ghép mà nghĩa của nó biểu thị những loại rộng hơn, lớn hơn, khái quát hơn so với nghĩa các tiếng trong từ.

Từ ghép có nghĩa phân loại ( T.G phân loại, T.G chính phụ ): Thường gồm có 2 tiếng, trong đó có 1 tiếng chỉ loại lớn và 1 tiếng có tác dụng chia loại lớn đó thành loại nhỏ hơn.

**- Lưu ý :**

+ Các tiếng trong từ ghép tổng hợp thường cùng thuộc một loại nghĩa ( cùng danh từ, cùng động từ,...)

+ Các từ như : *chèo bẻo, bù nhìn, bồ kết, ễnh ương, mồ hôi, bồ* *hóng,..., axit, càphê , ôtô, môtô, rađiô*,...có thể cho là từ ghép ( theo định nghĩa ) hoặc từ đơn ( tuy có 2 tiếng trở lên nhưng các tiếng đó phải gộp lại mới có nghĩa , còn từng tiếng tách rời thì không có nghĩa . Những trường hợp này gọi là từ đơn đa âm ).

**b. Từ láy:** Là từ gồm 2 hay nhiều tiếng láy nhau. Các tiếng láy có thể có 1 phần hay toàn bộ âm thanh được lặp lại.

( *\* Xem thêm* :

Căn cứ vào bộ phận được lặp lại, người ta chia từ láy thành 4 kiểu: Láy tiếng, láy vần, láy âm, láy cả âm và vần . Căn cứ vào số lượng tiếng được lặp lại, người ta chia thành 3 dạng từ láy : láy đôi, láy ba,láy tư,...)

***\*Từ tượng thanh*** : Là từ láy mô phỏng, gợi tả âm thanh trong thực tế : Mô phỏng tiếng người, tiếng của loài vật, tiếng động,...

VD: rì rào, thì thầm, ào ào,...

*\* Từ tượng hình* : Là từ láy gợi tả hình ảnh, hình dáng của người, vật gợi tả màu sắc, mùi vị.

VD: Gợi dáng dấp: *lênh khênh, lè tè, tập tễnh*, ...

Gợi tả màu sắc: *chon chót, sặc sỡ, lấp lánh*,...

Gợi tả mùi vị: *thoang thoảng, nồng nàn ,ngào ngạt*,...

**\* Lưu ý:** + Một số từ vừa có nghĩa tượng hình, vừa có nghĩa tượng thanh, tuỳ vào văn cảnh mà ta xếp chúng vào nhóm nào.

VD: Làm *ào ào* (*ào ào* là từ tượng hình), thối *ào ào* (*ào ào* là từ tượng thanh)

+ Trong thực tế, vẫn tồn tại những từ tượng thanh và tượng hình không phải là từ láy (ở phạm vi tiểu học không đề cập tới các từ này ).

VD: *bốp* ( tiếng tát ), *bộp* (tiếng mưa rơi), *hoắm* (chỉ độ sâu), *vút* ( chỉ độ cao)....

*\*Nghĩa của từ láy*: Rất phong phú, cũng như từ ghép, chúng có cả nghĩa khái quát, tổng hợp và nghĩa phân loại.

V.D : *làm lụng, máy móc, chim chóc*, ...( nghĩa tổng hợp ) *nhỏ nhen, nhỏ nhắn, xấu xa, xấu xí* ,...( nghĩa phân loại ). Tuy nhiên , ở tiểu học thường đề cập đến mấy dạng cơ bản sau :

- *Diễn tả sự giảm nhẹ của tính chất* (so với nghĩa của từ hay tiếng gốc).

VD : đo đỏ < đỏ

Nhè nhẹ < nhẹ

- *Diễn tả sự tăng lên, mạnh lên của tính chất*:

VD: cỏn con > con

sạch sành sanh > sạch

- Diễn tả sự lặp đi lặp lại các động tác, khiến cho từ láy có giá trị gợi hình cụ thể

VD: gật gật, rung rung, cười cười nói nói, ...

- Diễn tả sự đứt đoạn, không liên tục nhưng tuần hoàn.

VD: lấp ló, lập loè, bập bùng, nhấp nhô, phập phồng,...

- Diễn tả tính chất đạt đến mức độ chuẩn mực, không chê được.

VD: nhỏ nhắn, xinh xắn, tươi tắn, ngay ngắn, vuông vắn ,tròn trặn,...

**3. Phân biệt từ láy với từ ghép**

- Nếu các tiếng trong từ có cả quan hệ về nghĩa và về âm thì ta xếp vào từ ghép

VD: mặt mũi, phẳng lặng, mơ mộng,...

- Nếu các từ chỉ còn 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng không có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ ghép.

VD: Xe cộ, tre pheo, gà qué, chợ búa,...

- Nếu các từ chỉ còn 1 tiếng có nghĩa, còn 1 tiếng đã mất nghĩa nhưng 2 tiếng có quan hệ về âm thì ta xếp vào nhóm từ láy

VD: chim chóc, đất đai, tuổi tác, thịt thà, cây cối, máy móc,...

**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1:** Cho các từ:

Ruộng nương, ruộng rẫy, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, nương náu, đền chùa, đền đài, miếu mại, lăng tẩm, lăng kính, lăng loàn, lăng nhăng.

- Tìm các từ ghép, từ láy

*\* Từ láy*: Lăng loàn, lăng nhăng, miếu mạo, ruộng rẫy.

*\* Từ ghép*: Ruộng nương, nương rẫy, vườn tược, đình chùa, lăng tẩm, lăng kính

**Bài 2**: Cho trước tiếng: Làm

Hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành 5 từ ghép 5 từ láy.

*\* 5 từ ghép*: làm việc, làm ra, làm ăn, làm việc, làm cho

*\*5 từ láy*: Làm lụng, làm lành, làm lẽ, làm lấy, làm liếc

**Bài 3:** Phân loại từ trong đoạn văn

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thầm nói đúng. Chàng bèn chẹn chọn thứ gạo nếp thơm lừng trắng tinh. Hạt nào hạt nấy tròn mẩy đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ.

*\*Từ ghép*: mừng thầm, ngẫm nghĩ, gạo nếp, thơm lừng, trắng tinh, đậu xanh, thịt lợn, lá dong, hình vuông (chú ý/l hai tiếng khi đọc liền nhau)

*\*Từ láy*: không có

*\*Từ đơn*: Các từ còn lại

# **Bài 4**: Cho các tiếng sau

# Mát, xinh, đẹp , xe, hoa

# a) Hãy tạo ra từ láy và đặt câu

b) Hãy tạo ra từ ghép

\* Từ láy: mát mẻ, xinh xắn, đẹp đẽ,....

\* Từ ghép: xinh đẹp, mát lạnh,...

\* Đặt câu: Thời tiết hôm nay thật mát mẻ.

**Bài 5:** Điền từ

- *Cười góp*: Cười theo người khác

- *Cười mát*: Cười nhếch mép có vẻ khinh bỉ giận hờn.

- *Cười nụ*: Cười chúm môi một cách kín đáo.

- *Cười trừ*: Cười để khỏi trả lời trực tiếp.

- *Cười xoà*: Cười vui vẻ để xua tan sự căng thẳng.

**Bài 6:** *Nghe - Viết chính tả*

**Bài 7:** *Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có* :

a. ***Các từ ghép*** : ***b. Các từ láy :***

- mềm ..... - mềm.....

- xinh..... - xinh.....

- khoẻ..... - khoẻ.......

- mong.... - mong.....

- nhớ..... - nhớ.....

- buồn..... - buồn.....

\* Các từ ghép: mềm dẻo, xinh tươi, khỏe mạnh, nhớ thương, buồn chán

\* Các từ láy: mềm mại, xinh xắn, khỏe khoắn, nhớ nhung, buồn bã

**Bài 8 :***Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :*

***a. TGTH b. TGPL c. Từ láy***

- nhỏ..... - nhỏ..... - nhỏ.....

- lạnh..... - lạnh..... - lạnh.....

- vui..... - vui..... - vui.....

- xanh... - xanh..... - xanh.....

|  |  |
| --- | --- |
| \* Nhỏ  - Từ ghép phân loại: Nhỏ xíu.  - Từ ghép tổng hợp: Nhỏ bé.  - Từ láy: Nhỏ nhắn. | \* Vui :  - Từ ghép phân loại: Vui lòng.  - Từ ghép tổng hợp: Vui sướng.  - Từ láy: Vui vẻ. |
| \* Lạnh :  - Từ ghép phân loại: Tủ lạnh.  - Từ ghép tổng hợp: Lạnh giá.  - Từ láy : Lạnh lẽo. | \* Xanh :  - Từ ghép phân loại: Xanh tươi.  - Từ ghép tổng hợp: Trong xanh.  - Từ láy: Xanh xao. |

**Bài 9:** *Hãy xếp các từ sau vào 3 nhóm* : ***Từ ghép phân loại, từ ghép tổng hợp, Từ láy :***

Thật thà, bạn bè, bạn đường, chăm chỉ, gắn bó, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn học, khó khăn, học hỏi, thành thật, bao bọc, quanh co, nhỏ nhẹ.

\*TGTH: *bạn bè , san sẻ , gắn bó , giúp đỡ .*

\*TGPL: *bạn học , bạn đường , bạn đọc .*

\*TL: *thật thà , chăm chỉ , khó khăn , ngoan ngoãn .*

**Bài 10:**“ ***Tổ quốc***” là 1 từ ghép gốc Hán ( từ Hán Việt ). *Em hãy* :

* Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “ ***tổ*** ”.
* Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “ ***quốc*** ’’.

**Bài 11:** Tìm 5 từ láy để miêu tả bước đi, dáng đứng của người. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

**Bài 12**: Em hãy tìm:

- 3 thành ngữ nói về việc học tập:

*+ Tiên học lễ hậu học văn*

*+ Học ăn học nói học gói học mở*

*+ Học thầy ko tày học bạn*

- 3 thành ngữ ( tục ngữ ) nói về tình cảm gia đình.

*+   Chim trời ai dễ đếm lông*

*Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày*

*+  Lòng mẹ như bát nước đầy*

*Mai này khôn lớn, ơn này tính sao*

*+   Lên non mới biết non cao*

*Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền*

**Bài 13**: *Tìm các từ tượng hình, tượng thanh thích hợp điền vào chỗ trống* :

* hang sâu *thăm thẳm* - cười *khà khà* - rộng *mênh mông*
* vực sâu *thăm thẳm* - nói *oang oang* - dài *loằng ngoằng*
* cánh đồng rộng *mênh mông* - gáy *ầm ầm* - cao *lênh khênh*
* con đường rộng *thênh thang* - thổi *ào ào* - thấp *lè tè*

**Bài 14**: Tìm 4 từ ghép có tiếng “ ***thơm***’’ đứng trước, chỉ mức độ thơm khác nhau của hoa; phân biệt nghĩa của các từ này.

1. *thơm lừng*: mùi thơm tỏa ra mạnh và rộng

2*. thơm ngát*: mùi thơm dễ chịu, lan tỏa ra xa

3. *thơm nức*: mùi thơm sực lên, tỏa hương nồng ra khắp mọi nơi

4. *thơm thoang thoảng*: thoảng nhẹ qua, chỉ đủ cảm nhận được

**Bài 15:** Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành các thành ngữ :

* Chậm như...... - Ăn như ....
* Nhanh như..... - Nói như ....
* Nặng như..... - Khoẻ như ...
* Cao như...... - Yếu như ...
* Dài như..... - Ngọt như ...
* Rộng như.... - Vững như ...

**BTVN PHẦN TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Câu 1:** Phân tích cấu tạo của các từ trong đoạn văn, đoan thơ*.*

*- Trăng đã lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Núi Trùm cát trắng đứng sững sừng bên bờ sông thành một khối tím thâm thẫm. Dưới ánh trăng lấp lánh, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn, gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát phẳg lì.*

*- Một hôm bà ra đồng thấy một vết chân to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử xem thua kém bao nhiêu.*

*- Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng*

*- Dưới trăng quyên đã gọi hè*

*Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.*

**Câu 2:** Cấu tạo của từ ghép và từ láy có gì giống nhau và có gì khác nhau ?

**Câu 3:** Từ là gì? Xét về cấu tạo, từ tiếng việt chia thành những loại nào? Khái quát đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt bằng sơ đồ ?

**Câu 4:** Đặt câu với các từ sau đây: Chập chững, khanh khách, nức nở, hông hào, líu lo

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Câu 1:** Cho đoạn trích sau:

*“Ta vốn nòi rồng sống ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn người ở nước, tính tình, tập quán, khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được”.*

a, Hãy tìm các từ phức trong đoạn trích trên

b, Các từ phức trong đoạn trích trên có từ nào là từ láy không? vì sao?

**Câu 2:** Cho từ “làm” hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành từ láy,từ ghép?

**Câu 3:**

Tìm từ ghép, từ láy trong câu văn sau:

“Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh.”

**Câu 4:** Hãy chép các câu phức in nghiêng trong câu dưới đây thành hai loại; từ ghép và từ láy.

" Nhân dân ***ghi nhớ*** công ơn Chữ Đồng Tử, lập ***đền thờ*** ở nhiều nới bên sông Hồng. Cũng từ năm đó, suốt mấy mùa xuân, cvả một vùng ***bờ bãi*** sông Hồng lại nô nức làm lẽ, mở hội để tưởng nhớ ông"

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Câu 1:** Tìm từ ghép, từ láy trong đoạn thơ sau

*Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi !*

*Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt*

*Nắng chói Sông Lô, hò ô tiếng hát*

*Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca.*

**Câu 2:** Cho các từ dưới đây, em hãy tách riêng các từ láy ?

*Đất đai, cây cỏ, ruộng rẫy, vuông vắn, bao bọc, ngay ngắn, cười cợt, tướng tá, thướt tha, thẫn thờ, trong trắng, tội lỗi, bâng khuâng, mồ mả, đón đợi ấm áp, tốt tươi, thơm thảo, thơm tho.*

**Câu 3:***Cho các từ đơn : xanh, trắng, vàng .*

a, Em hãy tạo các từ láy và từ ghép ?

b,Tìm những câu thơ có các từ : xanh, trắng, vàng ?

c, Trong các câu thơ sau từ “ xanh” được dùng với chức vụ gì ?

“ *Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc”*

(Mùa xuân nho nhỏ –Thanh Hải)

*“Trâu về xanh lại Thái Bình*

*Nứa mai gài chặt mối tình ngược xuôi”*

( Việt Bắc –Tố hữu)

**BÀI 2: NGHĨA CỦA TỪ**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Thế nào là nghĩa của từ ?**

- Khái niệm: nội dung mà từ biểu thị.

- Ví dụ:

+ Cái bàn: là đồ dùng làm bằng gỗ, có mặt phẳng, có chân, dùng để bày đồ đạc, thức ăn, để làm việc.

+ Bát: đồ bằng sứ, sành hoặc kim loại, miệng tròn, dùng để đựng thức ăn thức uống.

+ Ăn: là từ chỉ hoạt động đưa thực phẩm vào dạ dày.

+ Chạy: chỉ hoạt động dời chỗ bằng chân với tốc độ cao.

**2. Cách giải thích nghĩa của từ**

Người ta có thể giải thích nghĩa của từ bằng các cách sau đây :

***a. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị:***

- Ví dụ :

+ Danh từ là những từ chỉ người, chỉ loài vật, cây cối, đồ vật,...

+ Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của người, của sự vật. '

+ Tính từ là những từ chỉ tính chất như màu sắc, kích thước, hình thể, phẩm chất,...

+ Quan liêu là những người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

+ Chạy là hoạt động dời chỗ bằng chân của người hoặc động vật với tốc độ cao.

***b. Dùng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ mà mình giải thích.***

- Ví dụ :

+Tổ quốc: là đất nước mình .

+ Cao: là số đo chiều thẳng đứng, đối lập với thấp.

+ Dài: là số đo chiều nằm ngang, đối lập với ngắn.

+ Bấp bênh: là không vững chắc.

**3. Từ nhiều nghĩa**

**\* Khái niệm:** Từ nhiều nghĩa là từ có 1 nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.

- Một từ nhưng có thể gọi tên nhiều sự vật, hiện tượng, biểu thị nhiều khái niệm (về sự vật, hiện tượng) có trong thực tế thì từ ấy gọi là từ nhiều nghĩa.

VD1: Xe đạp: chỉ loại xe người đi, có 2 bánh, dùng sức người đạp cho quay bánh. Đây là nghĩa duy nhất của từ xe đạp. Vậy từ xe đạp là từ chỉ có một nghĩa.

VD2: Với từ "Ăn'':

- Ăn cơm: cho vào cơ thể thức nuôi sống (nghĩa gốc).

- Ăn cưới: Ăn uống nhân dịp cưới.

- Da ăn nắng: Da hấp thụ ánh nắng cho thấm vào, nhiễm vào.

- Ăn ảnh: Vẻ đẹp được tôn lên trong ảnh.

- Tàu ăn hàng: Tiếp nhận hàng để chuyên chở.

- Sông ăn ra biển: Lan ra, hướng đến biển.

- Sơn ăn mặt: Làm huỷ hoại dần từng phần.

=> Như vậy, từ "Ăn" là một từ nhiều nghĩa.

**\* Nghĩa đen ( nghĩa gốc):** Mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính, nghĩa gốc và còn gọi là nghĩa đen. Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, dễ hiểu ; nghĩa đen không hoặc ít phụ thuộc vào văn cảnh.

**\* Nghĩa bóng ( nghĩa chuyển)**: Là nghĩa có sau (nghĩa chuyển, nghĩa ẩn dụ), được suy ra từ nghĩa đen. Muốn hiểu nghĩa chính xác của một từ được dùng, phải tìm nghĩa trong văn cảnh.

- Ngoài ra, cũng có một số từ mang tính chất trung gian giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, đang chuyển dần từ nghĩa đen sang nghĩa bóng.

VD: - Tôi đi sang nhà hàng xóm.

+ Đi: (Người) tự di chuyển từ nơi này đến nơi khác, không kể bằng cái gì. Nghĩa này của từ đi không hoàn toàn giống nghĩa đen (hoạt động của 2 bàn chân di chuyển từ nơi này đến nơi khác). Nhưng nó vẫn có mối quan hệ với nghĩa đen (di chuyển từ nơi này đến nơi khác). Gặp những trường hợp này, ta cũng xếp là từ mang nghĩa bóng (nghĩa chuyển)

**\* Lưu ý:** Khi làm những bài tập về giải nghĩa từ, các em cần mô tả chính xác khái niệm được từ hiển thị.

VD:

- Bãi biển: Bãi cát rộng, bằng phẳng ở ven biển sát mép nước.

- Tâm sự: Thổ lộ tâm tư thầm kín của mình với người khác.

- Bát ngát: Rộng và xa đến mức nhìn như không thấy giới hạn.

Tuy nhiên, đôi khi cũng có thể giải thích một cách nôm na, mộc mạc nhưng cũng vẫn phải đúng nghĩa.

VD:

- Tổ quốc: Đất nước mình.

- Bài học: Bài HS phải học.

- Bãi biển: Bãi cát ở vùng biển.

- Bà ngoại: Người sinh ra mẹ.

- Kết bạn: Làm bạn với nhau.

**4. Dùng từ đúng nghĩa**

- Muốn dùng từ đúng nghĩa trước hết ta phải nắm vững được nghĩa của từ. Thông thường một từ có rất nhiều nghĩa.

Ví dụ : Từ ăn có 13 nghĩa, từ chạy có 12 nghĩa, từ đánh có 27 nghĩa.

Vì thế muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải đặt từ trong câu cụ thể. Do sự kết hợp giữa các từ trong câu mà nghĩa cụ thể của từ được bộc lộ. Ta cũng có thể tra từ điển để nắm được nghĩa của từ. Cách tốt nhất là đạt từ trong câu cụ thể.

Ví dụ : Trong các câu :

-Tôi ăn cơm.

Từ *ăn* có nghĩa là hoạt động đưa thực phẩm vào dạ dày.

- Tôi đi ăn cưới.

Từ *ăn* có nghĩa là ăn uống nói chung, nhân dịp lễ thành hôn.

- Họ ăn hoa hồng.

Từ *ăn* có nghĩa là nhận lấy để hưởng.

Chúng ta phải luôn luôn học hỏi, tìm tồi để hiểu đúng nghĩa của từ, tập nói, tập viết thường xuyên. Khi nói, khi viết phải lựa chọn và phải kết hợp một cách thành thạo các từ, nhất là khi gặp một từ có nhiều từ đồng nghĩa thì phải cân nhắc một cách cẩn thận.

Ví dụ : chết, mất, toi, qua đời, từ trần, hi sinh.

Muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải liên hội được quan hệ giữa từ với sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất mà từ biểu thị. Từ đó chỉ ra những đặc điểm, những thuộc tính của sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất,... mà từ biểu thị.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1:**Điền các từ *kiêu căng, kiêu hãnh* vào chỗ trống dưới đây cho phù hợp

(1)..................: tự cho mình là tài giỏi hơn mà khinh người khác.

(2)...................: có vẻ tự hào, hãnh diện về giá trị cao quý của mình.

**Gợi ý**

(1) Kiêu căng

(2) Kiêu hãnh

**Bài 2:**Điền các từ *cười nụ, cười góp, cười xòa, cười trừ, cười mát* vào chỗ trống dưới đây cho phù hợp

(1)............: cười theo người khác.

(2).............: cười nhếch mép có vẻ khinh bỉ hoặc hờn giận.

(3).............: cười chúm môi một cách kín đáo.

(4).............: cười để khỏi trả lời trực tiếp.

(5).............: cười vui vẻ để xua tan sự căng thẳng.

**Gợi ý**

(1): Cười góp

(2): Cười mát

(3): Cười nụ

(4): Cười trừ

(5): Cười xòa

**Bài 3:**Cho các nghĩa sau của từ chín

(1) (Quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương vị thơm ngon, trái với xanh

(2) (Thức ăn) được nấu đến mức ăn được, trái với sống

(3) (Sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả

(4) (Màu da mặt) đỏ ửng lên

Hãy cho biết nghĩa nào của từ chín được dùng trong các câu sau:

- Vườn cam chín đỏ.

- Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho chín.

- Ngượng chín cả mặt.

- Trên cây, hồng xiêm đã bắt đầu chín.

- Cơm sắp chín, có thể dọn cơm được rồi.

- Lúa chín đầy đồng.

- Gò má chín như quả bồ quân.

**Gợi ý**

- Vườn cam chín đỏ - nghĩa (1)

- Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho chín – nghĩa (3)

- Ngượng chín cả mặt – nghĩa (4)

- Trên cây, hồng xiêm đã bắt đầu chín – nghĩa (1)

- Cơm sắp chín, có thể dọn cơm được rồi – nghĩa (2)

- Lúa chín đầy đồng – nghĩa (1)

- Gò má chín như quả bồ quân – nghĩa (4)

**Bài 4.** Điền các từ thích hợp vào chỗ trống trong các trường hợp dưới đây :

………….......... phương tiện đi lại hoặc vận tải trên bộ có bánh lăn.

.......................... xe người đi, có hai bánh, tay lái nối với bánh trước, dùng sức người đạp cho quay bánh sau.

..........................  từ dùng cho người nhỏ tuổi, tự xưng một cách thân mật với thầy (cô) giáo hoặc anh chị.

...........................công trình xây dựng có mái, có tường vách để ở hay để dùng vào một việc nào đó.

...........................  đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất, có nghĩa hoàn chỉnh, cấu tạo ổn định dùng để đặt câu.

........................... người đàn ông làm nghề dạy học.

**Bài 5:** Dùng các từ dưới đây để đặt câu (một câu theo nghĩa gốc, một câu theo nghĩa chuyển): nhà, đi, ngọt.

**Gợi ý**

Nhà

* Ngôi nhà của Lan đẹp quá
* Anh xã nhà tôi làm việc ở Viettel

Đi

* Bé Loan đang tập đi
* Gia đình tôi chuẩn bị đi du lịch

Ngọt

* Quả na này vừa ngọt vừa thơm
* Cô giáo em có giọng nói ngọt ngào

**Bài 6**: Hãy xác định nghĩa của các từ được gach chân trong các kết hợp từ dưới đây rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghĩa chuyển:

a) Miệng cười tươi, miệng rộng thì sang, há miệng chờ sung, miệng bát, miệng túi, nhà 5 miệng ăn.

b) Xương sườn, sườn núi, hích vào sườn, sườn nhà, sườn xe đạp, hở sườn, đánh vào sườn địch.

**Gợi ý**

a)- Nghĩa gốc: Miệng cười...,miệng rộng... (bộ phận trên mặt người hay ở phần trước của đầu động vật, dùng để ăn và nói. Thường được coi là biểu tượng của việc ăn uống và nói năng của con người: há miệng chờ sung (ám chỉ kẻ lười biếng, suy ra từ câu chuyện có kẻ muốn ăn sung nhưng do lười biếng nên không chịu đi nhặt mà chỉ nằm há miệng chờ cho sung rụng vào mồm); trả nợ miệng (nợ về việc ăn uống)

- Nghĩa chuyển: miệng bát, miệng túi (Phần trên cùng, chỗ mở ra thông với bên ngoài của vật có chiều sâu ); nhà 5 miệng ăn (5 cá nhân trong một gia đình, mỗi người coi như một đơn vị để tính về mặt những chi phí tối thiểu cho đời sống)

b) - Nghĩa gốc: xương sườn, hích vào sườn (Các xương bao quanh lồng ngực từ cột sống đến vùng ức)

- Nghĩa chuyển: sườn nhà, sườn xe đạp (bộ phận chính làm nòng, làm chỗ dựa để tạo nên hình dáng của vật); hở sườn, sườn địch (chỗ trọng yếu, quan trọng)

**Bài 7:** Trong các từ gạch chân dưới đây, từ nào là từ đồng âm, từ nào là từ nhiều nghĩa:

a) Vàng:

- Giá vàng trong nước tăng đột biến

- Tấm lòng vàng

- Chiếc lá vàng rơi xuống sân trường

b) Bay:

- Bác thợ nề đang cầm bay trát tường.

- Đàn cò đang bay trên trời

- Đạn bay vèo vèo

- Chiếc áo đã bay màu

**Gợi ý**

a) Giá vàng: Từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc)

Tấm lòng vàng: Từ nhiều nghĩa (nghĩa chuyển)

Lá vàng: Từ đồng âm

b) - Cầm bay trát tường: Từ đồng âm

- Đàn cò bay: từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc)

- Đạn bay: từ nhiều nghĩa (nghĩa chuyển)

- Bay màu: từ nhiều nghĩa (nghĩa chuyển)

**Bài 8**: Với mỗi từ dưới đây của một từ, em hãy đặt 1 câu:

a) Cân (là DT, ĐT, TT)

b) Xuân (là DT, TT)

**Gợi ý**

a) Cân (là DT, ĐT, TT)

* Bác Đào mới mua một chiếc cân đĩa
* Bác Hoa cân thịt lợn
* Hai lớp 4A và 4B có thành tích cân sức cân tài

b) Xuân (là DT, TT)

* Mùa xuân đang đến
* Mẹ em đang trong thời kì xuân sắc

**Bài 9:**

Cho các từ ngữ sau: *đánh trống, đánh giày, đánh tiếng, đánh trứng, đánh đàn, đánh cá, đánh răng, đánh bức điện, đánh bẫy.*

a) Xếp các từ ngữ trên theo các nhóm có từ đánh cùng nghĩa với nhau.

b) Hãy nêu nghĩa của từ đánh trong từng nhóm từ ngữ đã phân loại nói trên

**Gợi ý**

- Nhóm 1: đánh trống, đánh đàn (làm cho phát ra tiếng báo hiệu hoặc tiếng nhạc bằng cách gõ hoặc gảy)

- Nhóm 2: đánh giày, đánh răng (làm cho bề mặt bên ngoài đẹp hoặc sạch hơn bằng cách chà xát)

- Nhóm 3: đánh tiếng, đánh bức điện (làm cho nội dung cần thông báo được truyền đi)

- Nhóm 4: đánh trứng, đánh phèn (làm cho một vật (hoặc chất) thay đổi trạng thái bằng cách khuấy chất lỏng)

- Nhóm 5: Đánh cá, đánh bẫy (làm cho sa vào lưới hay bẫy để bắt)

**Bài 10.** Nối mỗi cụm từ có tiếng trông ở bên trái với nghĩa thích hợp của cụm từ ở bên phải:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) Trông lên đỉnh núi |  | (1) hướng đến ai với hi vọng được giúp đỡ |
| b) Cử người trông thi |  | (2) nhìn bằng mắt |
| c) Nhà trông ra hướng đông |  | (3) để ý coi sóc, bảo vệ |
| d) Trông vào sự giúp đỡ của bạn bè |  | (4) hướng mặt về phía nào đó |

**BÀI TẬP VỀ NHÀ PHẦN NGHĨA CỦA TỪ**

**Bài 1.**

a) Giải thích các từ sau đây theo cách đã biết: *giếng, ao, đầm, đũa, thìa, cho, biếu, tặng, khúc khuỷu, to, lớn.*

b) Đặt ba câu với các từ : *cho, biếu, tặng.*

**Bài 2.**

Điền vào chỗ trống các tiếng thích họp trong các trường hợp dưới đây. Biết rằng :

+ Tiếng đầu của từ là *hải*.

......................... : chim lớn cánh dài và hẹp, mỏ quặp, sống ở biển khơi.

....................... : cửa biển dùng làm nơi ra vào của một nước.

........................: thú có chân biến thành bơi chèo, răng nanh dài, sống ở Bắc Cực và Nam Cực.

...................... : khoảng đất nhô lên ngoài mặt biển hoặc đại dương.

..................…………: việc kiểm soát và đánh thuế đối với hàng hoá nhập từ nước này sang nước khác.

........................... : sản phẩm động vật, thực vật khai thác ở biển.

+ Tiếng đầu của từ là *giáo* :

.........................: người dạy học ở bậc phổ thông.

....................... : học sinh trường sư phạm.

...................... : bài soạn của giáo viên để lên lớp giảng.

....................... : đồ dùng dạy học để làm cho học sinh thấy một cách cụ thể.

......................... : viên chức ngành giáo dục.

**Bài 3**. Đặt 4 câu có tiếng nhà mang 4 nghĩa sau:

a) Nơi để ở

………………………………………………………………………………………….

b) Gia đình

………………………………………………………………………………………….

c) Người làm nghề

………………………………………………………………………………………….

d) Chỉ vợ (hoặc chồng) của người nói

………………………………………………………………………………………….

**Bài 4:** Tìm nghĩa gốc của từ mũi và các nghĩa chuyển của nó chỉ bộ phận của dụng cụ hay vũ khí.

Nghĩa gốc của từ mũi :……………………………………………………………………

Nghĩa chuyển: ……………………………………………………………………………

**Bài 5:**

a. Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ *lá* trong các câu sau:

- Lá cờ tung bay trước gió. ………………………………………………………………..

- Mỗi con người có hai lá phổi. …………………………………………………………...

- Về mùa thu, cây rụng lá. ………………………………………………………………...

- Ông viết một lá đơn dài để đề nghị giải quyết. ………………………………………….

b. Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ quả trong các câu sau:

Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao………………………………………………………

Quả cau nho nhỏ. ………………………………………………………………………….

Trăng tròn như quả bóng.………………………………………………………………….

Quả đất là ngôi nhà chung của chúng ta.…………………………………………………..

Quả hồng như thể quả tim giữa đời..………………………………………………………

**Bài 6:** Đặt câu cho mỗi nghĩa sau đây của từ đầu một câu tương ứng.

* Bộ phận trên cùng của người, có chứa bộ não.

………………………………………………………………………………………….

* Vị trí ngoài cùng của một số đồ vật.

………………………………………………………………………………………….

* Vị trí trước hết của một khoảng không gian.

………………………………………………………………………………………….

* Thời điểm trước hết của một khoảng thời gian.

………………………………………………………………………………………….

**Bài 7**: Với mỗi nghĩa dưới đây của từ chạy, hãy đặt câu:

- Dời chỗ bằng chân với tốc độ cao.

- Tìm kiếm.

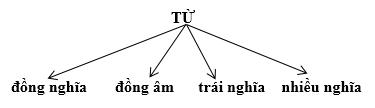
- Trốn tránh.

- Vận hành, hoạt động.

- Vận chuyển.

**BÀI 3: PHÂN LOẠI TỪ THEO NHÓM NGHĨA**

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI TỪ THEO NHÓM NGHĨA



**I. LÍ THUYẾT**

**1. Từ đồng nghĩa**

**a. Khái niệm**

- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

- Ví dụ: huyền, mun, đen, mực,….

**b. Phân loại:** 2 loại

**\* Từ đồng nghĩa hoàn toàn:**

- Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

- Ví dụ: xe lửa với tàu hỏa, con lợn với con heo,…

**\* Từ đồng nghĩa không hoàn toàn**

- Từ đồng nghĩa không hoàn toàn (đồng nghĩa tương đối, đồng nghĩa khác sắc thái): Là các từ tuy cùng nghĩa nhưng vẫn khác nhau phần nào sắc thái biểu cảm (biểu thị cảm xúc, thái độ) hoặc cách thức hành động. Khi dùng những từ này, ta phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp.

- VD: Biểu thị mức độ, trạng thái khác nhau: cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô,...(chỉ trạng thái chuyển động, vận động của sóng nước)

+ Cuồn cuộn: hết lớp sóng này đến lớp sóng khác, dồn dập và mạnh mẽ.

+ Lăn tăn: chỉ các gợn sóng nhỏ, đều, chen sát nhau trên bề mặt.

+ Nhấp nhô: chỉ các đợt sóng nhỏ nhô lên cao hơn so với xung quanh.

Ví dụ: chết, hi sinh, toi mạng, ra đi,…

**2. Từ trái nghĩa**

**- Khái niệm:** Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

- VD: đúng với sai, khóc và cười,…

- TD: Việc đặt các từ trái nghĩa bên cạnh nhau có tác dụng làm nổi bật những sự vật, sự việc, hoạt động, trạng thái,.... đối lập nhau.

- Lưu ý

+ Một từ có thể có nhiều từ trái nghĩa với nó, tuỳ theo từng lời nói hoặc câu văn khác nhau.

+ Sự đối lập về nghĩa phải đặt trên một cơ sở chung nào đó.

VD: Với từ “nhạt”:

(muối) nhạt > < mặn: cơ sở chung là “độ mặn”

(đường) nhạt > < ngọt: cơ sở chung là “độ ngọt”

(tình cảm) nhạt > < đằm thắm: cơ sở chung là “mức độ tình cảm”

(màu áo) nhạt > < đậm: cơ sở chung “màu sắc”.

**3. Từ đồng âm**

**a. Khái niệm**: Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm nhưng khác hẳn nhau về nghĩa.

- VD: Kho trong nhà kho và kho cá

- Lưu ý

+ Muốn hiểu được nghĩa của các từ đồng âm, cần đặt các từ đó vào lời nói hoặc câu văn cụ thể .

+ Dùng từ đồng âm để chơi chữ: Là dựa vào hiện tượng đồng âm, tạo ra những câu nói có nhiều nghĩa, gây những bất ngờ thú vị cho người đọc, người nghe.

VD: Mẹ em *đậu* xe lại để em mua một gói xôi *đậu*.

*Đậu1*: chỉ hành động đỗ xe lại, dừng xe lại.

*Đậu2:* chỉ một món ăn, đồ ăn.

=> Hai từ *đậu* xuất hiện trong câu chính là từ đồng âm vì chúng giống nhau về âm nhưng nghĩa lại khác nhau hoàn toàn.

### b. Hiện tượng dùng từ đồng âm để chơi chữ

- Dùng từ đồng âm để chơi chữ là dựa vào hiện tượng từ đồng âm, tạo ra những câu nói có nhiều nghĩa, gây những bất ngờ thú vị cho người đọc, người nghe.

VD:

*Bà già đi chợ Cầu Đông*

*Hỏi xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?*

*Thầy bói xem quẻ nói rằng:*

*Lợi thì có lợi nhưng răng không còn!*

- Dùng hai chữ *lợi* đồng âm để chơi chữ.

+ *lợi*1: tiện lợi, tốt đẹp.

+ *lợi*2: phần thịt bao giữ xung quanh chân răng.

-> Một cách nói chệch đi: Bà già đã rụng hết răng (móm) chỉ còn lợi. Thật là hóm hỉnh và hài hước!

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài tập 1**

Tìm các từ đồng nghĩa:

a. Chỉ màu xanh.

b. Chỉ màu đỏ.

c. Chỉ màu trắng.

d. Chỉ màu đen.

**Gợi ý trả lời:**

a. Chỉ màu xanh: xanh lơ, xanh lục, xanh ngọc, xanh biếc, xanh rờn, xanh thẫm, xanh nét, xanh tươi, xanh um, xanh sẫm, xanh ngát, xanh ngắt, xanh xao, xanh đen, xanh xanh mượt, xanh lè, xanh lét, xanh bóng…

b. Chỉ màu đỏ: đỏ thắm, đỏ tía, đỏ rực, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ au, đỏ chói, đỏ sọc, đỏ lòm, đỏ ngầu, đỏ ối, đỏ hoét, đỏ ửng, đỏ hồng, …

c. Chỉ màu trắng: trắng lóa, trắng bóc, trắng bạch, trắng bệch, trắng nõn, trắng phau, trắng muốt, trắng tinh, trắng toát, trắng ngần, trắng ngà, trắng bong, trắng dã, trắng nuột, trắng hếu …

d. Chỉ màu đen: đen trũi, đen thui, đen kịt, đen sịt, đen nghịt, đen ngòm, đen láy, đen giòn, đen sì, đen lánh, đen đen, đen nhức, đen nhẻm…

**Bài 2:**

Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (được gạch chân) trong các dòng thơ sau:

a. Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao. (Nguyễn Khuyến)

b. Tháng Tám mùa thu xanh thắm. (Tố Hữu)

c. Một vùng cỏ mọc xanh rì. (Nguyễn Du)

d. Nhớ từ sóng Hạ Long xanh biếc. (Chế Lan Viên)

e. Suối dài xanh mướt nương ngô. (Tố Hữu)

Đáp án

a. Xanh một màu xanh trên diện rộng.

b. Xanh tươi đằm thắm.

c. Xanh đậm và đều như màu của cây cỏ rậm rạp.

d. Xanh lam đậm và tươi ánh lên.

e. Xanh tươi mỡ màng.

**Bài 3:**

Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây:

a) Câu văn cần được (đẽo, gọt, gọt giũa, vót, bào) cho trong sáng và súc tích

b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ bừng, đỏ đắn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng).

c) Dòng sông chảy rất (hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

a) gọt giũa

b) Đỏ chói.

c) Hiền hoà

**Bài 4:**

Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm:

a) Cắt, thái, ...

b) To, lớn,...

c) Chăm, chăm chỉ,...

\* Gợi ý trả lời

a) ...xắt, xắn, xẻo, pha, chặt, băm, chém, phát, xén, cưa, xẻ, bổ,...

(Nghĩa chung: chia cắt đối tượng thành những phần nhỏ (bằng dụng cụ))

b) ...to lớn, to tướng, to tát , vĩ đại,...

(Nghĩa chung: Có kích thước, cường độ quá mức bình thường)

c) ...siêng năng, chịu khó, cần cù, chuyên cần,...

(Nghĩa chung: Làm nhiều và làm đều đặn một việc gì đó)

**Bài 5:**

Dựa vào nghĩa của tiếng “hoà”, chia các từ sau thành 2 nhóm, nêu nghĩa của tiếng “hoà” có trong mỗi nhóm:

Hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà mình, hoà tan, hoà tấu, hoà thuận, hoà vốn.

\* Gợi ý trả lời

- Nhóm 1: hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà thuận, (tiếng hoà mang nghĩa: trạng thái không có chiến tranh, yên ổn)

- Nhóm 2: hoà mình, hoà tan, hoà tấu (tiếng hoà mang nghĩa: trộn lẫn vào nhau)

**Bài 6:**

Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau:

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa ..., tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà...., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng ... vì một lá cỏ non vừa ..., hình như mỗi giọt khí trời cũng...., không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay. (Theo Nguyễn Đình Thi)

(1): tái sinh, thay da đổi thịt, đổi mới, đổi thay, thay đổi, khởi sắc, hồi sinh.

(2): sinh sôi, sinh thành, phát triển, sinh năm đẻ bảy.

(3): xốn xang, xao động, xao xuyến, bồi hồi, bâng khâng,chuyển mình, cựa mình, chuyển động.

(4): bật dậy, vươn cao, xoè nở. nảy nở, xuất hiện, hiển hiện .

(5): lay động, rung động, rung lên, lung lay.

Đáp án

Là các từ đã gạch chân (theo văn bản gốc). Song theo ý kiến cá nhân người soạn thì ở đáp án (1) cũng có thể điền từ “thay da đổi thịt”.

**Bài 7**

Sắp xếp các từ dưới đây thành từng nhóm từ đồng nghĩa

chết, hi sinh, tàu hỏa, máy bay, ăn, xơi, nhỏ, bé, rộng, rộng rãi, bao la, toi mạng, quy tiên, xe lửa, phi cơ, tàu bay, ngốn, đớp, loắt choắt, bé bỏng, bát ngát, mênh mông.

Phương pháp

Từ đồng nghĩa là từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

**Gợi ý trả lời:**

- Nhóm 1 (Chỉ những người không còn sống nữa, đã ngừng thở, tim ngừng đập): chết, hi sinh, toi mạng, quy tiên

- Nhóm 2 (Chỉ một loại phương tiện giao thông đi lại trên đường sắt): tàu hoả, xe lửa

- Nhóm 3 (Chỉ hoạt động đưa thức ăn vào miệng): ăn, xơi, ngốn, đớp

- Nhóm 4 (Chỉ hình dáng bé nhỏ hơn mức bình thường): nhỏ, bé, loắt choắt, bé bỏng

- Nhóm 5 (Chỉ một loại phương tiện giao thông đi lại bằng đường hàng không): máy bay, tàu bay, phi cơ

- Nhóm 6 (Chỉ những diện tích lớn hơn mức bình thường): rộng, rộng rãi, bao la, bát ngát, mênh mông

**Bài 8**

Đặt câu với từ chết và từ hi sinh để phân biệt hai từ này:

Phương pháp:

Chết và hi sinh là hai từ đồng nghĩa không hoàn toàn chỉ một người đã ngừng thở, tim ngừng đập nhưng khác nhau về sắc thái biểu hiện.

Chết: Nói một cách chung chung

Hi sinh: Cái chết của những người đã ngã xuống vì sự nghiệp chung của đất nước, xã hội ⟶ bày tỏ sự tiếc nuối, tri ân

**Gợi ý trả lời:**

- Anh ta đã chết ba hôm nay nhưng hàng xóm chẳng ai hay.

- Anh ấy đã hi sinh để bảo vệ bí mật quốc gia.

**Bài 9 :** *Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại* :

a. Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.

b. Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở,nơi chôn rau cắt rốn.

**Bài 10 :***Tìm từ lạc trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại :*

a. Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.

b. Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp,thợ hàn, thợ mộc,thợ nề, thợ nguội.

c. Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.

**Bài 11:** Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống: **im lìm, vắng lặng, yên tĩnh.**

Cảnh vật trưa hè ở đây ..., cây cối đứng..., không gian..., không một tiếng động nhỏ.

**Bài 12:** Tìm các từ ghép được cấu tạo theo mẫu :

1. ***Thợ*** + X
2. X + ***viên***
3. ***Nhà*** + X
4. X + *sĩ*

**Bài 13:** *Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây :*

*Bảng.... ; vải.... ; gạo.... ; đũa..... ; mắt.... ; ngựa.... ; chó.....*

**Bài 14 :** Dùng các từ dưới đây để đặt câu ( một câu theo nghĩa gốc, một câu theo nghĩa chuyển) : **nhà, đi, ngọt.**

**Bài 15 :**Hãy xác định nghĩa của các từ được gach chân trong các kết hợp từ dưới đây rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghã chuyển:

a. **Miệng** cười tươi, **miệng** rộng thì sang, há **miệng** chờ sung, trả nợ **miệng**, **miệng** bát, **miệng** túi, nhà 5 **miệng** ăn .

b. Xương **sườn, sườn** núi, hích vào **sườn, sườn** nhà, **sườn** xe đạp, hở **sườn**, đánh vào **sườn** địch

**Bài 16**: Trong các từ gạch chân dưới đây, từ nào là từ đồng âm, từ nào là từ nhiều nghĩa:

a. Vàng:

- Giá **vàng** trong nước tăng đột biến .

- Tấm lòng **vàng** .

- Chiếc lá **vàng** rơi xuống sân trường .

**b. Bay :**

- Bác thợ nề đang cầm **bay** trát tường.

- Đàn cò đang **bay** trên trời .

- Đạn **bay** vèo vèo .

- Chiếc áo đã **bay** màu .

**Bài 17:** Với mỗi từ dưới đây của một từ, em hãy đặt 1 câu :

a. Cân ( là Danh từ, Động từ, Tính từ )

b. Xuân ( là Danh từ, Tính từ )

**Bài 18:** Cho các từ ngữ sau :

Đánh trống, đánh giày, đánh tiếng, đánh trứng , đánh đàn, đánh cá, đánh răng, đánh bức điện, đánh bẫy.

a. Xếp các từ ngữ trên theo các nhóm có từ đánh cùng nghĩa với nhau.

b. Hãy nêu nghĩa của từ đánh trong từng nhóm từ ngữ đã phân loại nói trên

**BÀI 4: ÔN TẬP VỀ TỪ LOẠI**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Danh từ và cụm danh từ**

**a. Danh từ**

**b. Cụm danh từ:**

***- Khái niệm:*** Cụm danh từ (CDT) là loại tổ hợp từ do danh từ cùng với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

***- Cấu tạo:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trước** | | **Phần trung tâm** | | **Phần sau** | |
| **t2** | **t1** | **T1** | **T2** | **s1** | **s2** |
| (bổ sung ý nghĩa về số và lượng cho Danh từ) | |  | | (bổ sung ý nghĩa về đặc điểm, vị trí, không gian, thời gian cho Danh từ) | |

*→ Lưu ý:* Các bộ phận trước và sau (t1, t2, s1, s2) không bắt buộc phải luôn xuất hiện cùng nhau, chỉ cần ít nhất 1 trong 4 thành phần ấy xuất hiện thì sẽ tạo nên Cụm danh từ.

***- Ví dụ:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần trước** | | **Phần trung tâm** | | **Phần sau** | |
| **t2** | **t1** | **T1** | **T2** | **s1** | **s2** |
| **VD1** | x | các | con | gà | x | kia |
| → Cụm danh từ: các con gà kia | | | | | |
| **VD2** | tất cả | những | bông | hoa | x | x |
| → Cụm danh từ: tất cả những bông hoa | | | | | |

**2. Động từ và cụm động từ**

**a. Động từ**

**b. Cụm động từ:**

***- Khái niệm:*** Cụm động từ (CĐT) là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

***- Cấu tạo:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần trước** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| Phụ ngữ trước | Động từ | Phụ ngữ sau |
| (bổ sung ý nghĩa về: thời gian, sự tiếp diễn, sự khuyến khích / ngăn cản, sự khẳng định/ phủ định… đối với Động từ chính) |  | (bổ sung ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện, cách thức… của Động từ chính) |

*→ Lưu ý:* Cụm động từ có thể cùng lúc có cả phận trước và phần sau, nhưng cũng có thể chỉ có một trong 2 bộ phận này.

***- Ví dụ:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần trước** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| **VD1** | x | học | môn Toán |
|  |  | (bổ sung ý nghĩa về đối tượng của Động từ) |
| → Cụm động từ: học môn Toán | | |
| **VD2** | đang | chạy | x |
| (bổ sung ý nghĩa về sự tiếp diễn của động từ) |  |  |
| → Cụm động từ: đang chạy | | |

**3. Tính từ và cụm tính từ**

**a. Tính từ**

**b. Cụm tính từ:**

***- Khái niệm:*** Cụm tính từ (CTT) là loại tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

***- Cấu tạo:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần trước** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| Phụ ngữ trước | Tính từ | Phụ ngữ sau |
| (bổ sung ý nghĩa về thời gian, sự tiếp diễn, mức độ của đặc điểm, tính chất, sự khẳng định hoặc phủ định… về tính từ) |  | (bổ sung ý nghĩa về vị trí, sự so sánh, mức độ, phạm vi, nguyên nhân… của tính từ) |

*→ Lưu ý:* Trong cụm động từ, có thể chỉ có 1 trong 2 bộ phận (phụ ngữ trước hoặc phụ ngữ sau), hoặc đồng thời xuất hiện cả 2.

***- Ví dụ:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần trước** | **Phần trung tâm** | **Phần sau** |
| **VD1** | rất | xinh đẹp | x |
| (bổ sung ý nghĩa về mức độ cho tính từ) |  |  |
| → Cụm tính từ: rất xinh đẹp | | |
| **VD2** | x | tròn trịa | như quả bóng |
|  |  | (bổ sung ý nghĩa về sự so sánh cho tính từ) |
| → Cụm tính từ: tròn trịa như quả bóng | | |

**4. Đại từ, đại từ xưng hô**

**- Khái niệm**

- Đại từ là từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

+ Đại từ dùng để xưng hô (đại từ xưng hô , đại từ xưng hô điển hình): Là từ được người nói dùng để tự chỉ mình hay chỉ người khác khi giao tiếp .

Đại từ xưng hô thể hiện ở 3 ngôi:

- Đại từ chỉ ngôi thứ nhất (chỉ người nói): tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,.

- Đại từ chỉ ngôi thứ hai ( chỉ người nghe ) : mày, cậu, các cậu, ...

- Đại từ chỉ ngôi thứ ba ( người được 2 người ở ngôi thứ nhất và thứ 2 nói tới) : họ, nó, hắn, bọn họ, chúng nó,...

\* Đại từ dùng để hỏi : ai ? gì? nào? bao nhiêu ?...

\* Đại từ dùng để thay thế từ ngữ đã dùng cho khỏi lặp : vậy, thế .

**Lưu ý:** Đại từ có khả năng thay thế cho từ loại nào thì có thể giữ những chức vụ giống như từ loại ấy. Cụ thể :

- Các đại từ xưng hô có khả năng thay thế danh từ đo đó chúng có thể có chức vụ trong câu như danh từ.

- Các đại từ vậy, thế có khả năng thay thế động từ, tính từ do đó chúng có thể có chức vụ trong câu như động từ, tính từ.

- Bên cạnh các đại từ xưng hô chuyên dùng, Tiếng Việt còn sử dụng nhiều danh từ làm từ xưng hô (gọi là danh từ chỉ người lâm thời làm đại từ xưng hô). Đó là các danh từ:

+ Chỉ quan hệ gia đình-thân thuộc : ông, bà,anh, chị, em, con ,cháu,...

+ Chỉ một số chức vụ - nghề nghiệp đặc biệt :chủ tịch, thứ trưởng, bộ trưởng, thầy, bác sĩ, luật sư,...

Để biết khi nào một từ là danh từ chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc, danh từ chỉ chức vụ - nghề nghiệp và khi nào nó được dùng như danh từ chỉ đơn vị hoặc khi nào nó là đại từ xưng hô , ta cần dựa vào hoàn cảnh sử dụng cụ thể của nó.

VD1: Cô của em dạy Tiếng Anh (Cô là danh từ chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc)

VD2: Cô Hoa luôn giúp đỡ mọi người ( Cô là danh từ chỉ đơn vị).

VD3: Cháu chào cô ạ ! (cô là đại từ xưng hô)

**5. Quan hệ từ**

**- Khái niệm:** Quan hệ từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau: và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,…

VD:

- Dù đúng hay sai thì cậu ấy cũng phải về nhà.

- Lan và Mai là đôi bạn cùng tiến trong học tập.

**- Lưu ý**

Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng một cặp quan hệ từ. Các cặp quan hệ từ thường gặp là:

Vì…nên…; do….nên….; nhờ….mà…: Biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả

VD:

Vì trời mưa nên chúng tôi quyết định ở nhà.

Do lười học nên Hoa đã bị điểm kém trong bài kiểm tra vừa rồi

Nhờ kiên trì mà anh ấy đã đạt được cái gật đầu từ cô ấy

Nếu…thì…; hễ…thì…: Biểu thị giả thiết – kết quả, điều kiện – kết quả

VD:

Nếu mẹ đồng ý thì tối nay em sẽ đi xem phim với Hoa.

Hễ anh ấy nói chuyện thì lũ trẻ con trong xóm lại bắt đầu cười

Tuy…nhưng…; mặc dù…nhưng…: Biểu thị quan hệ tương phản

VD

Tuy đường xa nhưng Hoa chưa bao giờ đi học muộn.

Mặc dù mất điện nhưng Lan vẫn kiên trì ngồi học bài.

Không những….mà…; không chỉ…mà….:; Biểu thị quan hệ tăng tiến

VD

Không những lười học mà Hoa còn mải chơi.

Không chỉ chăm học mà Lan còn chăm làm việc nhà

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1:** Tìm quan hệ từ trong mỗi câu sau và nêu rõ tác dụng của chúng.

a. Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.

(Võ Quảng)

b. Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

c. Bé Thu rất khoái ra ban công ngồi với ông nội, nghe ông rủ rỉ giảng về từng loài cây

(Theo Vân Long)

**Gợi ý trả lời:**

a) Và, của, rằng là quan hệ từ.

**và** dùng để nối "Chim, Mây, Nước" với "Hoa"

**của** dùng để nối "tiếng hót kì diệu" với "Họa Mi"

**rằng** nối cho với bộ phận đứng sau

b) Và, như là quan hệ từ.

- **và** nối to với nặng

- **như** nối rơi xuống với ai ném đá

c) Với, về là quan hệ từ.

- **với** nối ngồi với ông nội

- **về** nối giảng với từng loại cây

**Bài 2:** Đặt câu với mối quan hệ từ: và, nhưng, của

**\* Gợi ý trả lời:**

**Và**

- Trăng, sao **và**mây trời đã làm cho bầu trời đêm thu đẹp mơ mộng.

- Những dụng cụ học tập như bút máy, bút chì, thước kẻ, com-pa, tẩy… **và**sách vở, em đều giữ gìn cẩn thận, lúc nào cũng sẵn sàng.

**Nhưng**

- Vào đầu năm học mới, nhiều hôm trời mưa rất to. **Nhưng** các bạn lớp em đều đi học đầy đủ và đúng giờ.

- Mây của bầu trời. Mây của những cơn mưa. **Nhưng** có lúc mây còn che mát những ngày hè nắng gắt.

**Của**

- Tất cả các đồ chơi **của** Nam đều được bố mua ở chuyến công tác Đà Nẵng

- Sông Lam là địa phận **của** tỉnh Nghệ An.

**Bài 3**: *Cho các từ sau:*

Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, cái, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, , chiếc, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phấn khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.

a. X*ếp các từ trên vào 2 loại* : danh từ và không phải DT

b. *Xếp các DT tìm được vào các nhóm* : DT chỉ người, DT chỉ vật, DT chỉ hiện tượng, DT chỉ khái niệm, DT chỉ đơn vị.

**Bài 4 :** Cho các từ : ***cánh đồng, tình thương, lịch sử***. Hãy đặt thành 2 câu ( với mỗi từ ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau.

**Bài 5:** *Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây* :

* Anh ấy đang ***suy nghĩ***.
* Những ***suy nghĩ*** của anh ấy rất sâu sắc.
* Anh ấy sẽ ***kết luận*** sau.
* Những ***kết luận*** của anh ấy rất chắc chắn.
* Anh ấy ***ước mơ*** nhiều điều.
* Những ***ước mơ*** của anh ấy thật lớn lao.

**Bài 6**: *Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ* :

* Đi ngược về xuôi.
* Nhìn xa trông rộng.
* nước chảy bèo trôi.

**Bài 7**: *Xác định DT, ĐT, TT của các câu sau :*

* Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
* Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.
* Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.
* Nước chảy đá mòn.

**Bài 8:** *Xác định từ loại của những từ sau :*

Niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình thương, yêu thương, đáng yêu.

**Bài 9:** *Xác định từ loại của những từ sau :*

Sách vở, kiên nhẫn, kỉ niệm, yêu mến, tâm sự,lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn , vui, thân thương, sự nghi ngờ, suy nghĩ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, trìu mến, nỗi buồn.

**Bài 10:** Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :

a. Tôi đang học bài thì Nam đến.

b. Người được nhà trường biểu dương là tôi.

c. Cả nhà rất yêu quý tôi.

d. Anh chị tôi đều học giỏi.

d. Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.

**Bài 11** :Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau , nói rõ từng đại từ thay thế cho từ ngữ nào :

Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc :

* Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? ( câu 1 )
* Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2 )
* Tớ cũng thế. (câu 3 )

**Bài 12** : Đọc các câu sau :

Sóc nhảy nhót chuyền cành thế nào ngã trúng ngay vào Chó Sói đang ngủ. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt, Sóc bèn van xin :

- Xin ông thả cháu ra.

Sói trả lời :

-Thôi được, ta sẽ thả mày ra. Có điều mày hãy nói cho ta hay , vì sao họ nhà Sóc chúng mày lúc nào cũng vui vẻ như vậy ?

( *Theo Lép Tôn- xtôi* ).

a.Tìm đại từ xưng hô trong các câu trên.

b. Phân các đại từ xưng hô trên thành 2 loại :

* Đại từ xưng hô điển hình.
* Danh từ lâm thời làm đị từ xưng hô.

**Bài 13 :** Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại :

a. Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.

b. Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.

c. Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?

* Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?
* Tớ cũng được 10 điểm.

**Bài 14:** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

*Nghe nói, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng, để biết đích xác hơn nữa, vua sai thử lại. Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.*

**a.** Liệt kê các danh từ xuất hiện trong đoạn văn.

**b.** Tìm các cụm danh từ có trong đoạn văn trên.

**c.** Phân tích cấu tạo của các cụm danh từ vừa tìm được.

**Bài 15:** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

*Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.*

**a.** Tìm cụm động từ xuất hiện trong đoạn văn.

**b.** Tìm các tính từ có trong đoạn văn trên. Chọn 3 trong các tính từ vừa tìm được để phát triển thành cụm tính từ.

**Bài 16:** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

*Người ta kể rằng,* ***những bụi tre ngà****ở huyện Gia Bình vì bị ngựa phun lửa cháy mới ngả màu vàng óng như thế, còn* ***những vết chân ngựa*** *nay thành* ***những ao hồ*** *liên tiếp.*

**a.** Các cụm từ in đậm trong đoạn văn trên thuộc loại cụm từ nào?

**b.** Phân tích cấu tạo của các cụm từ in đậm trong đoạn văn.

**Bài 17:** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

*Tâm đã bước xa rồi, hàng tre vi vút thêm, trời lại lấm tấm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đầu đòn gánh đẩy cửa rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Ðây là nhà rồi.*

**a.** Em hãy phân tích cấu tạo của câu “Cánh cửa gỗ chưa đóng”.

**b.** Em hãy phát triển danh từ “cánh cửa” thành một cụm danh từ.

**c.** Em hãy cho biết “đã bước xa rồi” là loại cụm từ gì? Hãy phân tích cấu tạo của cụm từ này.

**Bài 18:** Hãy chỉ ra các cụm danh từ có trong đoạn thơ sau và phân tích cấu tạo của các cụm danh từ đó.

*Những chiếc khăn màu thổn thức bay  
Những bàn tay vẫy những bàn tay  
Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt,  
Buồn ở đâu hơn ở chốn này?*

**Bài 19:** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

*Khí lạnh bắt đầu bao vây cả người tôi. Tôi mặc thêm cái áo đen dài nữa. Cắm thuyền xong tôi liền bước chân lên một tảng đá lớn. Nước lấp lánh trong khe đá như thủy tinh. Sau một làn sóng dội, nước trong mấy lạch đá cùng một lần hòa nhịp phập phồng theo.*

**a.** Em hãy cho biết các cụm từ “cái áo đen dài”, “một tảng đá lớn”, “một làn sóng”là loại cụm từ nào. Hãy phân tích cấu tạo các cụm từ đó.

**b.** Chỉ rõ tác dụng của việc sử dụng các cụm từ đó trong đoạn văn.

**Bài 20:**Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới:

*… Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Son Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh…*

a. Hãy giải nghĩa từ *tay* và cho biết từ *tay* trong đoạn văn trên được dùng với nghĩa nào.

b. Đặt câu có từ *tay* được dùng với nghĩa chuyển.

c. Hãy phát triển từ *tay* thành một cụm danh từ có đầy đủ các thành phần, chỉ ra các thành phần ấy.

d. Cụm từ *vẫy tay về phía đông* thuộc loại cụm từ gì?

**BÀI 4: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ - TỪ VỰNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. SO SÁNH:**

**a. Khái niệm:** So sánh là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.

**b. Cấu tạo của biện pháp so sánh:**

- A là B:

*“Người ta là hoa đất*”

                                                               [tục ngữ]

*“Quê hương là chùm khế ngọt”*

                                                               [Quê hương  - Đỗ Trung Quân]

- A như B:

*“Nước biếc trông như làn khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào”*

                                                                [Thu vịnh – Nguyễn Khuyến]

*“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét*

*Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng*

*Như xuân đến chim rừng lông trở biếc*

*Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”*

                                                        [Tiếng hát con tàu  - Chế Lan Viên]

- Bao nhiêu…. bấy nhiêu….

*“Qua đình ngả nón trông đình*

*Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu”*

*[ca dao]*

 Trong đó:

 + A – sự vật, sự việc được so sánh

 + B – sự vật, sự việc dùng để so sánh

 + *“Là” “Như” “Bao nhiêu…bấy nhiêu”* là từ ngữ so sánh, cũng có khi bị ẩn đi.

**c. Các kiểu so sánh:**

-   Phân loại theo mức độ:

+ So sáng ngang bằng:

“*Người là cha, là bác, là anh*

*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”*

                                                                [Sáng tháng Năm – Tố Hữu]

+ So sánh không ngang bằng:

*“Con đi trăm núi ngàn khe*

*Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm*

*Con đi đánh giặc mười năm*

*Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi”*

                                                                 [Bầm ơi – Tố Hữu]

- Phân loại theo đối tượng:

+ So sánh các đối tượng cùng loại:

*“Cô giáo em hiền như cô Tấm”*

+ So sánh khác loại:

*“Anh đi bộ đội sao trên mũ*

*Mãi mãi là sao sáng dẫn đường*

*Em sẽ là hoa trên đỉnh núi*

*Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm!*”

                                                                    [Núi đôi – Vũ Cao]

+ So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng và ngược lại:

“*Trường Sơn: chí lớn ông cha*

*Cửu Long: lòng mẹ*bao la sóng trào”

                                                     [Nguyễn Văn Trỗi – Lê Anh Xuân]

*“Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*

                                                                                         [ca dao]

**2. NHÂN HÓA:**

**a. Khái niệm:** Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.

**b. Các kiểu nhân hóa:**

- Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: *Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió,…*

- Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật:

*“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”*

                                                           [Tây Tiến – Quang Dũng]

*"Sông Đuống trôi đi*

*Một dòng lấp lánh*

*Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”*

[Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm]

- Trò chuyện với vật như với người:

*“Trâu ơi ta bảo trâu này…*”

                                                                      [ca dao]

**3. ẨN DỤ:**

**a. Khái niệm**: Ẩn dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác *có nét tương đồng* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**b. Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:**

+ Ẩn dụ hình thức - tương đồng về hình thức

*“Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông”*

                                                               [Truyện Kiều – Nguyễn Du]

                                  [hoa lựu màu đỏ như lửa]

+ Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức

*“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”*

                                                            [ca dao]

 [*ăn quả* - hưởng thụ, “*trồng cây”* – lao động]

“*Về thăm quê Bác làng Sen,*

*Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng”*

                                                                [Nguyễn Đức Mậu]

                              [thắp: nở hoa, chỉ sự phát triển, tạo thành]

+ Ẩn dụ phẩm chất -  tương đồng về phẩm chất

*“Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”*

 [ca dao]

                          [*thuyền* – người con trai; *bến* – người con gái]

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác - chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác.

*“Ngoài thêm rơi chiếc lá đa*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”*

                                              [Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa]

*“Cha lại dắt con đi trên cát mịn*

*Ánh nắng chảy đầy vai”*

                                                  [Những cánh buồm – Hoàng Trung Thông]

*“Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

                                                  [Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải]

*“Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”*

                                           [Từ đêm Mười chín – Khương Hữu Dụng]

**c. Lưu ý:**

-  Phân biệt ẩn dụ tu từ và ẩn dụ từ vựng:

+ AD tu từ: có tính lâm thời, tính cá thể, phải đặt trong từng văn cảnh cụ thể để khám phá ý nghĩa.

*“Lặn lội thân cò khi quãng vắng”*

                                                                [Thương vợ - Tú Xương]

+ AD từ vựng: cách nói quen thuộc, phổ biến, không có/ ít có giá trị tu từ:*cổ chai, mũi đất, tay ghế, tay bí, tay bầu,...*

**4. HOÁN DỤ:**

**a. Khái niệm:** Hoán dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác *có quan hệ gần gũi* với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**b. Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:**

+ Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể:

*“Đầu xanh có tội tình gì*

*Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi”*

                                                      [Truyện Kiều - Nguyễn Du]

*“Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”*

                                                      [Bài ca vỡ đất – Hoàng Trung Thông]

+ Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng:

*“Vì sao trái đất nặng ân tình,*

*Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh”*

                                                                      [Tố Hữu]

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật:

*“Áo chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*

                                                                  [Việt Bắc - Tố Hữu]

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

*“Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”*

Lưu ý:

Ẩn dụ và hoán dụ cùng chung cấu trúc nói A chỉ B nhưng khác nhau:

-  Ẩn dụ: A và B có quan hệ tương đồng [giống nhau]

-  Hoán dụ: A và B có quan hệ gần gũi, hay đi liền với nhau.

**5. ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ:**

- Là BPTT nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấm mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.

*“Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”*

 [Cây tre Việt Nam – Thép Mới]

- Điệp ngữ có nhiều dạng:

+ Điệp ngữ cách quãng:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu ?*

*Buồn trông nội cỏ dàu dàu,*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

                                                                      [Truyện Kiều – Nguyễn Du]

+ Điệp nối tiếp:

*“Mai sau*

*Mai sau*

*Mai sau*

*Đất xanh, tre mãi xanh màu tre xanh”*

                                                           [Tre Việt Nam – Nguyễn Duy]

+ Điệp vòng tròn:

*“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”*

                                                            [Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm]

**\* Phân biệt so sánh và ẩn dụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | Diễn đạt dựa trên cơ sở những nét tương đồng của sự vật hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. | |
| Khác | Thực chất là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật, hiện tượng. Trong đó:  + Phải có một vế sự vật, hiện tượng bị ẩn đi. | Một phép so sánh thường gồm các thành phần:  + Hai vế bắt buộc phải có: vế được so sánh và vế dùng để so sánh  + Phương diện so sánh và từ dùng để so sánh có thể có hoặc không. |
| Biện pháp ẩn dụ giữa các sự vật, hiện tượng thường mang tính ngang bằng, tương đương nhau. | So sánh có hai kiểu: so sánh ngang bằng hoặc so sánh hơn/kém. |

**\* Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | - Đều là lấy sự vật hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng khác dựa trên một mối quan hệ nào đó.  - Đều làm tăng tính hiệu quả cho diễn đạt: làm cho diễn đạt trở nên hàm súc, giàu tính hình tượng, biểu cảm. | |
| Khác | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương đồng ( giống nhau) giữa các đối tượng. | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương cận ( gần gũi, song hành) giữa các đối tượng. |
| - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng độc lập. | - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các phương diện khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng. |

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm phép nhân hoá trong khổ thơ sau:  *Ông trời*  *Mặc áo giáp đen*  *Ra trận*  *Muôn nghìn cây mía*  *Múa gươm*  *Kiến*  *Hành quân*  *Đầy đường.*  (Trần Đăng Khoa)  **Câu 2:** So với cách diễn đạt sau, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ của Trần Đăng Khoa hay ở chỗ nào?  *-  Bầu trời đầy mây đen.*  *-  Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.*  *-  Kiến bò đẩy đường.*  **Câu 3:** Trong các câu dưới đây những sự vật nào được nhân hoá?  *a) Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*  (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)  *b) Gậy tre, chông tre,****chống lại****sắt thép của quân thù. Tre****xung phong****vào xe tăng, đại bác. Tre****giữ****làng,****giữ****nước,****giữ****mái nhà tranh,****giữ****đồng lúa chín.*  (Thép Mới)  *c) Trâu****ơi,****ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày cho ta.*  (Ca dao)  Dựa vào các từ in đậm, cho biết mỗi sự vật trên được nhân hoá bằng cách nào?  **Câu 4:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?  *– Bão bùng thân bọc lấy thân*  *Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*  ( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy).  *– Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  ( Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận).  *– Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*  ( Ngắm trăng – Hồ Chí Minh). |
| Gợi ý:  Câu 1: - Phép nhân hoá:  + Ông trời mặc áo giáo đen ra trận  + Muôn nghìn cây mía múa gươm  + Kiến hành quân đầy đường  -  "Ông" thường dược dùng để gọi người, ở đây được dùng để gọi trời.  -  Các hoạt động: mặc áo giáp, ra trận là các hoạt động của con người nay được dùng để tả bầu trời trước cơn mưa.  -  Từ "múa gươm" để tả cây mía, "hành quân" để tả kiến.  Câu 2: So sánh cách diễn đạt trên với cách miêu tả trong khổ thơ của Trần Đăng Khoa thấy cách diễn đạt trong thơ Trần Đăng Khoa có tính hình ảnh, là cho các sự vật, việc được miêu tả gần gũi hơn với con người.  Câu 3: Những sự vật được nhân hoá:  -  Câu a: miệng, tai, mắt, chân, tay  -  Câu b: tre  -  Câu c: trâu   Các nhân hoá những sự vật trong các câu văn, thơ:  -  Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật (câu a):  lão, cô, bác, cậu  -  Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật (câu b):  “chống lại”, “xung phong”, “giữ”  -  Trò chuyện, xưng hô với vật như với người (câu c).  Câu 4:  Nhân hóa dựa vào từ miêu tả hoạt động con người của sự vật.  – ôm, níu.  – xuống, cài, sập.  – ngắm, soi , nhòm , ngắm . |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Câu 1:**

Trong câu ca dao sau đây:

*Trâu ơi ta bảo trâu này*

*Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta*

Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

**Câu 2:**

Hãy cho biết phép nhân hóa trong mỗi đoạn trích dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào.

a) *Núi cao chi lắm núi ơi*

*Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!*

(Ca dao)

b) *Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày này bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếc mỏ, chẳng được miếng nào.*

(Tô Hoài)

c) *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. […] Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trút xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.*

(Võ Quảng)

**Câu 3:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?

–  *Dòng sông mới*điệu *làm sao*

*Nắng lên*mặc áo*lụa đào*thướt tha

                                ( *Dòng sông mặc áo* – Nguyễn Trọng Tạo).

- Hàng cau nhút nhát, e thẹn trước ánh nắng ban mai.

- Họa Mi ***tự tin khoe*** tiếng hót của mình trước các loài chim.

|  |
| --- |
| **Gợi ý:**  **Câu 1:**  - Chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ tình cảm gì ? Tầm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Theo đó em sẽ trả lời được câu hỏi.  **Câu 2:**  a)  núi ơi: trò chuyện, xưng hô với vật như người.  ⟶ Coi vật trở thành người tri âm, tri kỉ để bộc lộ tình cảm, giãi bày suy nghĩ, tình cảm trong lòng  b)  - (cua cá) tấp nập; (cỏ, vạc, sếu, le ...) cãi cọ om sòm: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật;  -  họ (cò, sếu, vạc, le ...), anh (cò): dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.  ⟶ Miêu tả bức tranh đời sống của động vật sống động như chính đời sống của con người.  c)  (chòm cổ thụ) dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm, lặng nhìn; (thuyền) vùng vằng: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật.  ⟶ Thế giới cây cối, đồ vật giàu sức sống, sinh động như chính thế giới của con người.  d)    (cày) bị thương; thân mình, vết thương, cục máu: dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất, bộ phận của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.  ⟶ Cây xà nu được nhân hóa thể hiện sức sống kiên cường, bất khuất của con người và cây cối nơi đây  **Câu 3:** Nhân hóa dựa vào từ diễn tả tính cách con người của sự vật  **-** Điệu***,*** mặc áo*,* thướt tha  - Nhút nhát, e thẹn |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Câu 1:** Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hổi bồi hồi  
Như đứng đống lửa như ngồi đống than

a) Cụm từ *bổi hổi bồi hồi* là từ gì?  
b) Giải nghĩa cụm từ *bồi hổi bồi hồi*c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.  
**Câu 2:** Tìm phép so sánh trong đoạn trích sau đây, nêu rõ tác dụng của phép so sánh đó:

*“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”.*

(Đoàn Giỏi)

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

a) Đây là từ láy chỉ mức độ cao.

b) Giải nghĩa: trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người.  
c) Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể: đứng đống lửa, ngồi đống than để người khác hiểu được cái mình muốn nói một cách dễ dàng. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm.

**Câu 2:**

\*Các hình ảnh so sánh:

* Dòng sông Năm Căn…như thác.
* Cá nước bơi hàng đàn….đầu sóng trắng.
* Rừng đước dựng lên cao ngất….vô tận

\*Tác dụng: Giúp người đọc hình dung cụ thể sinh động về sự mênh mông, hùng vĩ của cảnh sông nước Cà Mau.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **Câu 1:** Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:  *Mẹ già như chuối và hương Như xôi nếp một, như đường mía lau.*  (Ca dao)  **Câu 2:** Hãy điền các tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu sau vào mô hình so sánh:  a. *“Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện”* (Tô Hoài).  b. “*Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh gạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện”* (Đoàn Giỏi).  c. Trăng tròn như cái đĩa.  d. “*Trường Sơn: chí lớn ông cha*  *Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào".*  (Lê Anh Xuân)  e. “*Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất”* (Thép Mới)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Phần trích | Vế A  (sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B  (sự vật dùng để  so sánh) | | a |  |  |  |  | | b |  |  |  |  | | c |  |  |  |  | | d |  |  |  |  | | e |  |  |  |  | |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây:

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.

Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: chuối và hương – xôi nếp mật - đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần  trích | Vế A  (Sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh |
| a | Người | gầy gò và dài lêu nghêu |
| b | Sông ngòi, kếnh rạch | càng bủa giăng chi chít |
| c | Trăng | tròn |
| d | Trường Sơn | (bị khuyết) |
|  | Cửu Long | (bị khuyết) |
| e | Con người | không chịu khuất |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

**Bài 1: Cho câu thơ sau:**

“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ trong 2 câu thơ trên?

**Bài 2:** Hãy chỉ ra những điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn sau và nêu tác dụng của những điệp ngữ đó. ( Nhằm nhấn mạnh ý gì, hoặc gợi cảm xúc gì cho người đọc?)

*a) Mình về với Bác đường xuôi*

*Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*

*Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời*

*Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường.*

*Nhớ Người những sáng tinh sương*

*Ung dung yên ngựa trên đường suối reo*

*Nhớ chân Người bước lên đèo*

*Người đi, rừng núi trông theo bóng Người.....*

(Nhớ Việt Bắc – Tố Hữu)

*b) Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bôn hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.*

(Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách)

*c) Người ta đi cấy lấy công*

*Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.*

*Trông trời, trông đất, trông mây*

*Trông mưa, rông nắng, trông ngày, trông đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm*

*Trời êm bể lặng mới yên tầm lòng*

(Đi cấy – Ca dao)

**GỢI Ý:**

**Bài 1:** Điệp ngữ “chưa ngủ”: như 1 bản lề mở ra 2 cung bậc tâm trạng của nhân vật chữ tình: niềm say mê cảnh sắc thiên nhiên và nỗi lo nước nhà. Hai tâm trạng đó thống nhất trong con người Bác thể hiện sự hòa hợp giữa nhà thơ và người chiến sĩ trong vị lãnh tụ.

**Bài 2:** a) Trong đoạn thơ đó, tác giả đã sử dụng điệp ngữ: *Nhớ, Người*. Những điệp ngữ đó có tác dụng gây ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc về Bác Hồ kính yêu đồng thời gợi cảm xúc nhớ thương gắn bó da diết với Việt Bắc – Nơi căn cứ địa của Cách mạng, nơi có những người dân sống rất chân tình và hết lòng chở che cho Cách mạng

b) Tả cảnh đẹp của Sa Pa, nhà văn Nguyễn Phan Hách có viết: “Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu........hiếm quí.” “ Thoắt cái” là từ chỉ thời gian. Việc lặp lại từ này tới ba lần trong đoạn văn có tác dụng gợi cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng và nhấn mạnh sự thay đổi rất nhanh của thời gian. Du khách đến Sa Pa không những được tận hưởng cảnh đẹp nên thơ mà còn được chứng kiến sự biến đổi huyền ảo của thời tiết ở đó.

c) Trong bài ca dao đó, điệp ngữ *trông* có tác dụng nhấn mạnh được ý nghĩa sâu sắc: người đi cấy phải luôn tính toán, lo lắng, mong mỏi rất nhiều điều để công việc đạt kết quả tốt và bản thân được yên lòng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

**Bài 1:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng?

*“Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai sấm được trai đừng thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân”*( Minh Hương)

**Bài 2: Theo em, đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm hay không?**

*Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trông rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày quốc tế phụ nữ, em hái hoa sau vừn nhà tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị.*

**Bài 3:**Viết lại những câu văn sau có dùng điệp ngữ nhằm nhấn mạnh và gợi cảm xúc cho người đọc

*a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.*

*b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!*

*c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.*

**GỢI Ý:**

**Bài 1:** “ai bảo được, ai cấm được”, chữ “thương” được lặp lại 4 lần liên kết với chữ “yêu”, chữ “nhớ” đã tạo nên trường thương nhớ mênh mang tràn ngập khắp các câu văn, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc đọc lên ta cứ ngỡ như lời thơ, lời hát.

=> Thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước.

**Bài 2:** Việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ trong đoạn văn không có tác dụng biểu cảm, bởi vì sự lặp lại đó không phải do dụng ý nghệ thuật, mà do sự vụng về của người viết.

Sửa lại:

Mảnh vườn phía sau nhà em trông rất nhiều loài hoa: Cúc, thược dược, đồng tiền, hoa hồng và cả lay ơn nữa. Ngày Quốc tế phụ nữ em hái hoa tặng mẹ và tặng chị..

**Bài 3:**

a) Tôi yêu căn nhà đơn sơ, khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và cả lũy tre thân mật làng tôi.

*- >* Tôi *yêu* căn nhà đơn sơ, *yêu* khu vườn đầy hoa thơm trái ngọt và *yêu* cả lũy tre thân mật làng tôi.

b) Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi đẹp quá!

- > Bức tranh buổi sớm trên quê hương tôi *đẹp* quá, *đẹp* đến mê hồn!

c) Tôi lớn lên bằng tình thương của bố, của mẹ, của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

- > Tôi lớn lên bằng *tình thương* của bố, *tình thương* của mẹ, *tình thương* của bà con xóm giềng nơi tôi ở.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

**Câu 1:** Tìm, phân tích phép ẩn dụ trong các ví dụ dưới đây và điền vào bảng :

a,Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được.

(Xuân Quỳnh)

b, Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.

.(Ca dao)

c, Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc, đặm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.

(Nguyễn Tuân)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ví dụ | Phép ẩn dụ | Đôi tượng ẩn dụ | Kiểu ẩn dụ |
| a |  |  |  |
| b |  |  |  |
| c |  |  |  |

**Câu 2:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong hai câu thơ:

*Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

**Câu 3:** Tìm ra biện pháp ẩn dụ trong bài **“**Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ví dụ | Phép ẩn dụ | Đôi tượng ẩn dụ | Kiểu ẩn dụ |
| a | Con sóng | Con người đang nhớ nhung | ẩn dụ phẩm chất |
| b | Con cò | Con người vất vả, cực nhọc, đắng cay | ẩn dụ phẩm chất |
| c | Cát vàng giòn | Cát vàng rực rỡ | chuyển đổi cảm giác |

**Câu 2:** Ta tìm ra được nét tương đồng giữa thuyền và bến với một cái gì đó có liên quan. Cần phải nhớ rằng trong ẩn dụ dù có lấy sự vật, hiện tượng nào ra so sánh đi chăng nữa thì mục đích cuối cùng là cũng để chỉ con người hoặc trực tiếp, gián tiếp liên quan đến con người ( trong câu ca dao này thuyền và bến cũng là ẩn dụ cho con người). Đối với câu thơ trên, ta thấy thuyền là vật không cố định, không ở yên một chỗ và thường di chuyển. Do vậy không khó khăn khi ta tìm ra được nét tương đồng giữa thuyền với người con trai (người con trai trong xã hội xưa đầu đội trời, chân đạp đất chí ở bốn phương, thường ra đi lập nên sự nghiệp lớn). Như vậy thuyền là ẩn dụ để chỉ người con trai. Tương tự, ta có thể lí giải về mối tương quan giữa bến và người con gái. Bến là vật cố định, đứng yên, không thay đổi vị trí. Người con gái thường là người ở lại, thủy chung, son sắt đợi chờ. Do vậy bến chính là hình ảnh ẩn dụ để chỉ người con gái.

**Câu 3:** Những hình ảnh *bảy nổi ba chìm, rắn nát mặc dầu* của chiếc bánh trôi nước có những nét tương đồng với thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ là những người chịu nhiều bất hạnh, bất công ngang trái, không làm chủ được số phận của mình. Họ bị chà đạp, bị rẻ rúng, chỉ là một thứ đồ chơi không hơn không kém. Nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù có bị đối xử bất công, ngang trái đến đâu, người phụ nữ vẫn giữ được phẩm chất trong sáng của mình. Như vậy chiếc bánh trôi nước là hình ảnh ẩn dụ cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa,…

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

**Câu 1:** Trong lời ăn tiếng nói hàng ngày chúng ta thường nói :

- *Nói ngọt lọt đến xương.*

*- Nói nặng quá.*

Những lời nói đó thuộc kiểu ẩn dụ gì?

**Câu 2:** Tìm phép ẩn dụ trong những ví dụ sau và cho biết thuộc kiểu ẩn dụ nào?:

*a. Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

( Đêm Côn Sơn – Trần Đăng Khoa).

*b. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.*

( Người lái đò sông Đà – Nguyễn Tuân).

c.

*Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

*Ướt tiếng cười của bố*

( Chiếc võng của bố – Phan Thế Cải).

Gợi ý:

**Câu 1:**

Đây là những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác- Lấy những từ ngữ chỉ cảm giác của giác quan này để chỉ cảm giác của giác quan khác:

- Ngọt : Vị giác sang Thính giác

**Câu 2:**

Thông thương mỗi con người có 5 giác quan với các chức năng riêng biệt: tai để nghe ( thính giác), mắt để nhìn (thị giác), mũi để ngửi ( khứu giác), lưỡi để nếm (vị giác), da để cảm nhận ( xúc giác). Nếu trong sáng tác văn học, nhà văn sử dụng những hình ảnh mà chức năng của giác quan có sự chuyển đổi thì hình ảnh đó chính là hình ảnh ẩn dụ ( thường gọi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác).

a,Tiếng lá rơi, vốn là âm thanh, được thu nhận bằng thính giác, không có hình dáng, không cầm nắm được; ở đây, nhờ sự chuyển đổi cảm giác, cái nhẹ của tiếng lá rơi được gợi tả tinh tế, trở nên có hình khối cụ thể (mỏng – vốn là hình ảnh của xúc giác) và có dáng vẻ (rơi nghiêng – vốn là hình ảnh của thị giác). Đây là hình ảnh chuyển đổi cảm giác vì thế rơi rất mỏng và rơi nghiêng chính là ẩn dụ.

b, Ở đây ta thấy nắng được thấy qua cơ quan thị giác còn giòn tan chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác ( sờ, cầm, nắm). Như vậy nắng giòn tan là hình ảnh chuyển đổi cảm giác và đó là hình ảnh ẩn dụ.

c, Thông thường, tiếng cười là âm thanh và được nghe bằng thính giác, còn ướt chỉ có thể cảm nhận bằng xúc giác. Như vậy ướt tiếng cười là sự chuyển đổi cảm giác. Đó chính là hình ảnh ẩn dụ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

**Phiếu học tập số 1:**

Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

***Câu 1:***

a.Họ là hai chục tay sào, tay chèo,làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.



b.Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von… Tiếng sáo theo chân hai người tới lối rẽ.

***Câu 2***

a.Nhận của quá khứ những con đê vỡ, những nạn đói, ta đã làm nên những mùa vàng năm tấn, bảy tấn.

b. Bóng hồng nhác thấy nẻo xa

Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai

**GỢI Ý:**

***Câu 1:***

a.Tay sào, tay chèo : Kiểu hoán dụ có quan hệ dấu hiệu của sự vật với sự vật có dấu hiệu đó.

b. Chân : Kiểu hoán dụ có quan hệ bộ phận và toàn thể.

***Câu 2***

a. “ Mùa vàng” : ẩn dụ

b. “ Bóng hồng” : Hoán dụ có quan hệ sở hữu và vật bị sở hữu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 10**

**Câu 1**: Chỉ ra các hoán dụ trong những câu sau và cho biết chúng thuộc kiểu hoán dụ nào ?

a, Vì sao trái đất nặng ân tình

Nhắc đến tên người Hồ Chí Minh.

( Theo chân Bác – Tố Hữu).

b, Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

( Bác ơi – Tố Hữu).

**Câu 2**: Xác định và phân tích biện pháp tu từ trong các ví dụ sau:

Em tưởng giếng sâu

Em nối sợi gàu dài

Ai ngờ giếng cạn

Em tiếc hoài sợi dây”

(Ca dao)

***Gợi ý:***

*Câu 1:*

*a, Ta dễ dàng nhận ra trái đất là vật chứa đựng bởi nó là từ chỉ ý nghĩa tổng quát, bao trùm lên tất cả. Nó biểu thị cho tất cả con người sống trên mặt đất (vật bị chứa đựng). Vì thế trái đất ở đây là hình ảnh hoán dụ-> Thuộc kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.*

*b, Miền Nam là vật chứa đựng, nó biểu thị cho tất cả con người đang sống ở miền Nam (vật bị chứa đựng). Vì thế miền Nam là hình ảnh hoán dụ.-> Thuộc kiểu hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.*

*Câu 2:*

*- Hình ảnh “Giếng sâu” tượng trưng cho tình cảm chân thật, sâu sắc*

*- Hình ảnh“Gàu dài”- thể hiện sự vụ đắp tình cảm*

*- Hình ảnh “Giếng cạn” – thể hiện tình cảm hời hợt*

*- Hình ảnh “Sợi dây” – Thể hiện tình cảm biết bao lâu vun đắp*

*→ Bài ca dao mang hàm ý than thở, oán trách người yêu*

*→ Sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ*

**BTVN:**

**Bài 1:** Nêu ý nghĩa của từ miền Nam trong các câu thơ sau. Chỉ rõ trường hợp nào là hoán dụ và thuộc kiểu hoán dụ nào?

a. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

( Viễn Phương )

b. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mĩ tuyến đầu

( Lê Anh Xuân )

*a. Từ miền Nam trong câu a là một địa danh của đất nước, không phải là nghệ thuật hoán dụ.*

*b. Từ miền Nam ở câu b là hoán dụ, miền Nam để chỉ con người miền Nam --> Kiểu hoán dụ: lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng.*

**Bài 2:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*“Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống đất (…). Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã đem lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt. ”*

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên:

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Miêu tả kết hợp biểu cảm và tự sự

2. Xác định biện pháp tu từ của câu số 2 trong đoạn trích trên:

A. so sánh B. nhân hóa C. điệp từ D. điệp ngữ

3. Xác định biện pháp tu từ của câu 4 và 5 trong đoạn trích trên:

A. điệp từ B. điệp ngữ C. so sánh D. nhân hóa

4. Trong câu “Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt” đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh ngang bằng:

A. Đúng B. Sai C. … D. …

5. Trong câu “Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa trái ngọt” từ ngữ được sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa:

A. cây B. trả nghĩa C. bằng D. hoa trái ngọt

**Bài 3:** Đọc đoạn trích thơ dưới đây và trả lời câu hỏi:

*“Chú bé loắt choắt*

*Cái xắc xinh xinh*

*Cái chân thoăn thoắt*

*Cái đầu nghênh nghênh*

*Ca lô đội lệch*

*Mồm huýt sáo vang*

*Như con chim chích*

*Nhảy trên đường vàng…”*

1. Đoạn thơ trên viết theo thể loại:

A. Tứ tuyệt B. Ngũ ngôn C. Thơ bốn chữ D. Thơ năm chữ

2. Đoạn trích thơ trên sử dụng biện pháp tu từ:

A. So sánh B. Điệp từ C. Điệp ngữ D. Nhân hóa

3. Đoạn trích thơ trên có số từ láy:

A. 1 từ B. 2 từ C. 3 từ D. 4 từ

**Bài 4:** Câu nào dưới đây có sử dụng điệp từ:

1. Mùa xuân ta xin hát/ Nước non ngàn dặm mình/ Nước non ngàn dặm tình

2. Trần trụi với thiên nhiên/ Hồn nhiên như cây cỏ

3. Khi con tu hú gọi bầy/ Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

4. Sáng ra bờ suối, tối vào hang/ Cháo bẹ rau măng đã sẵn sàng

**Bài 5:**

a.Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau là:

*“ Em thấy cả trời sao*

*Xuyên qua từng kẽ lá*

*Em thấy cơn mưa rào*

*Ướt tiếng cười của bố”*

A. ẩn dụ B. so sánh C. ẩn dụ kết hợp so sánh D. Điệp từ

b. Câu “Giọng nói của chị ấy rất ngọt ngào” thuộc kiểu ẩn dụ:

A. Ẩn dụ hình thức B. Ẩn dụ cách thức C. Ẩn dụ phẩm chất D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

c. Hình ảnh vầng trăng trong câu nào dưới đây được sử dụng biện pháp ẩn dụ:

A. “Trăng cứ tròn vành vạnh/ Kể chi người vô tình” B. Vầng trăng vui mừng, hạnh phúc trong đêm nguyên tiêu C. Vầng trăng đi qua ngõ D. Trăng tỏa ánh sáng dịu nhẹ xuống mặt sông

d. Hình ảnh ẩn dụ “thác ”trong câu thơ

“Thác bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời

(Tố Hữu, Nước non ngàn dặm)

A. chỉ người/ sức lao động B. ý chí, nghị lực của con người C. ý chỉ những thách thức, trở ngại, khó khăn D. ý chỉ rất nhiều thác

f. Trong các câu dưới đây, câu nào không sử dụng biện pháp so sánh:

A. Truyền thống nề nếp bị sự phấn khích đè bẹp nhưng hầu như không ai quan tâm. B. Một con rắn đến là kinh, các cậu chẳng tưởng tượng nổi đâu, dài 14 mét nhé, và dữ như ong vò vẽ. C. Vầng trăng như chiếc mâm bạc, sáng lấp lánh treo trên bầu trời đêm D. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người.

g. Điểm khác nhau giữa ẩn dụ và so sánh là:

A. Là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật hiện tượng, trong đó có một vế sự vật bị ẩn đi.

B. Là phép so sánh giữa hai sự vật mà cả hai đối tượng đều xuất hiện trong câu

C. Đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng của sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác.

D. Ẩn dụ là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật, trong đó có một vế sự vật bị ẩn đi, còn so sánh thì cả hai vế của sự vật đều xuất hiện trong câu.

**Bài 6:**

a. Có mấy kiểu hoán dụ thường gặp:

A. 2 kiểu B. 3 kiểu C. 4 kiểu D. 5 kiểu

b. Chọn đáp án không dùng biện pháp hoán dụ:

A. " Sen tàn cúc lại nở hoa." B. "Một trái tim lớn lao đã giã từ cuộc đời." C. "Vì sao Trái Đất nặng ân tình/ Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh." D. " Cha lại dắt con đi trên cát mịn/ Ánh nắng chảy đầy vai."

c. Chỉ ra hình ảnh hoán dụ trong câu thơ sau: “Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà/Miền Nam thương bác nỗi thương cha. ”

A. từ “miền Nam” ở câu thơ thứ nhất. B. từ “miền Nam” ở câu thơ thứ hai. C. nỗi nhớ D. nhà

d. Xác định phép hoán dụ được sử dụng trong câu thơ sau: “Một trái tim lớn lao đã giã từ cuộc đời/Một khối óc lớn đã ngừng sống”

A. Lấy cụ thể để chỉ trừu tượng B. Lấy bộ phận để chỉ toàn thể C. Lấy vật chứa đựng để gọi toàn thể D. Lấy dấu hiệu để gọi đối tượng

e. Chọn phương án dùng biện pháp hoán dụ:

A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. B. “Ngoài thềm rơi cái lá đa/ Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng” C. “Mình về với Bác đường xuôi/Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ người” D. “Người Cha mái tóc bạc/ Đốt lửa cho anh nằm”

f. Câu thơ “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” thuộc kiểu hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật:

A. Đúng B. Sai

g. Trong câu “Nó là chân sút cừ của đội bóng” từ “chân sút cừ” sử dụng biện pháp hoán dụ lấy bộ phận để chỉ toàn thể:

A. Đúng B. Sai

h. Sói không sợ chó chăn cừu mà sợ sợi dây xích của nó. (Tục ngữ Nga). “Sợi dây xích” trong câu sau có nghĩa là:

A. Sự an toàn của chó săn cừu khi được bảo vệ. B. Sức mạnh của sợi dây xích. C. Tình trạng bị giam cầm, mất tự do, nô lệ. D. Sự dũng mãnh của chó săn.

i. Câu “Vì lợi ích mười năm trồng cây / Vì lợi ích trăm năm trồng người” sử dụng phép hoán dụ:

A. Phép hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi tên cái trừu tượng. B. Phép hoán dụ lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng. C. Phép hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật. D. Phép hoán dụ lấy bộ phận gọi tên toàn thể.

k. Phương án không sử dụng phép hoán dụ là:

A. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác. B. Miền Nam đi trước về sau. C. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy. D. Hình ảnh miền Nam luôn ở trong trái tim của Bác.

**BÀI 5: CÂU VÀ CÁC THÀNH PHẦN CÂU**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm câu: *Câu do từ tạo thành và diễn đạt được một ý trọn vẹn. Nói và viết phải thành câu thì người khác mới hiểu được .***

***Câu :*** Phân loại theo cấu tạo: Câu đơn

Phân loại theo mục đích nói: Câu kể Câu ghép

Câu hỏi

Câu cảm

Câu khiến

**2. Các thành phần của câu**

***\*Các thành phần của câu***:

Chủ ngữ Vị ngữ Trạng ngữ Định ngữ\* Bổ ngữ\* Hô ngữ\* (\**Không đưa vào dạy trong chương trình học đại trà ở tiểu học song đôi khi vẫn có ở chương trình nâng cao*)

- Câu được phân tích ra thành nhiều thành phần, trong đó có những thành phần chính và những thành phần phụ.

**a. Chủ ngữ (CN):**

- Là một trong hai bộ phận chính của câu. CN nêu người, sự vật được miêu tả, nhận xét. Câu thường có một CN hoặc có thể có nhiều CN đặt kế tiếp nhau. Muốn tìm CN, ta đặt câu hỏi : Ai ? Con gì ? Cái gì ? Việc gì ?...

**b. Vị ngữ (VN) :**

- Là mộtt trong hai bộ phận chính của câu. VN chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất, vị trí để miêu tả hoặc nhận xét về người, sự vật được nêu ở CN. Câu thường có một VN hoặc có thể có nhiều VN. Trong câu,VN thường đứng sau CN (song đôi khi, để gây sự chú ý, VN cũng được đảo lên trước CN). Muốn tìm VN, ta đặt câu hỏi : ...làm gì ? ...như thế nào ? ....là gì ?

**c. Trạng ngữ**

- KN: Là bộ phận phận phụ của câu, có tác dụng thêm nghĩa cho câu.

- Vị trí: Trạng ngữ thường đứng ở đầu câu và ngăn cách với CN, VN bằng dấu phẩy.

- Phân loại:

**+ Trạng ngữ chỉ thời gian cho  câu.**

*Trạng ngữ chỉ thời gian* dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. *Trạng ngữ chỉ thời gian* trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .**

VD:*Buổi sáng hôm ấy*, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.

**+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.**

*Trạng ngữ chỉ nơi chốn* để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu.*Trạng ngữ chỉ nơi chốn* trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**

VD :*Trên bờ*, tiếng trống càng thúc dữ dội.

+ **Trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu:** *Trạng ngữ chỉ nguyên nhân* để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?**.

VD*: Nhờ học giỏi*, Nam được cô giáo khen.

**+ Trạng ngữ chỉ mục đích cho câu:** *Trạng ngữ chỉ mục đích* nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. *Trạng ngữ chỉ mục đích* trả lời cho các cau hỏi**Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**

VD:*Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh*, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

**+ Trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu:** *Trạng ngữ chỉ phương tiện* thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?,  Với cái gì ? .

VD : *Bằng một giọng thân tình*, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt

**- Tác dụng:**

+ Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác

+ Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc

**\*Định ngữ** : Là bộ phận phụ của câu. ĐN bổ sung ý nhĩa cho DT trong câu. DT nào trong câu cũng có thể có ĐN. Các ĐN có thể đứng trước hoặc đứng sau DT. ĐN đứng trước chỉ số lượng, khối lượng; ĐN đứng sau chỉ đặc điểm,sở hữu.

***\*Bổ ngữ*** : Là thành phần phụ của câu. BN bổ sung ý nghĩa cho ĐT,TT trong câu. BN phụ cho ĐT thêm các ý nghĩa về đối tượng, thời gian, nơi chốn, cách thức,...BN phụ cho TT thêm các ý nghĩa về đối tượng, mức độ,...của tính chất. ĐT,TT nào trong câu cũng có thể có BN, Các BN có thể đứng trước hoặc đứng sau ĐT,TT.

**Lưu ý** : TN phụ cho cả khối câu còn ĐN,BN chỉ phụ cho một từ trong câu.

\****Các bước xác định ĐN*** ( ***xác định BN cũng thực hiện tương tự***) :

*- Bước 1* : Tách câu thành 3 khối lớn ( CN, VN và TN (nếu có ))

*- Bước 2* : Xác định DT ( ĐT, TT ) có ở từng khối.

*- Bước 3* : Tìm những từ đứng trước và sau DT (ĐT,TT ), bổ sung ý nghĩa cho DT (ĐT, TT ) đó.

**VD** : Chúng em /chăm chỉ học tập ( yếu tố chăm chỉ được nhấn mạnh ).

TT BN

Chúng em / học tập chăm chỉ ( hoạt động học tập được nhấn mạnh )

ĐT BN

( Nếu trong câu có 2 ĐT (hoặc TT) thì yếu tố nào được nhấn mạnh (đứng trước ) là bộ phận chính; còn yếu tố kia (đứng sau) là bộ phận phụ (làm BN). Đây cũng là cách để ta áp dụng tìm ĐT hoặc TT chính làm VN trong câu ).

***\*Hô ngữ*** : Là những từ, ngữ dùng để làm lời hô, gọi, gây sự chú ý ở người nghe hoặc biểu lộ cảm xúc. Hô ngữ thường đứng ở vị trí đầu hoặc cuối câu.

**Lưu ý** : Lời hô, gọi, lời bộc lộ cảm xúc nhiều khi được dùng như một câu đơn độc lập, không phải là thành phần câu. Khi đó lời gọi , lời hô không phải là hô ngữ.

**VD** : - ***Ôi ! Đẹp quá !*** (Ôi là câu độc lập )

***- Ôi, đẹp quá !*** (Ôi là hô ngữ )

***\*Bộ phận song song (BPSS)*** : Những bộ phận đặt cạnh nhau, cùng giữ chức vụ ngữ pháp giống nhau trong câu (cùng là CN,VN,TN, ĐN hoặc BN ) gọi là BPSS. BPSS giúp cho việc diễn đạt ngắn gọn hơn. CN, VN, TN, ĐN, BN đều có thể đặt cạnh nhau làm BPSS. Các BPSS ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy hoặc bằng từ chỉ quan hệ : và, hoặc, hoặc là, hay, hay là,...

**Lưu ý** : Các BP cùng giữ chức vụ ngữ pháp như nhau nhưng phải đồng loại mới là BPSS.

**VD** : ***- Quyển sách mới của em rất đẹp.*** ( Câu này có từ ***mới*** và ***của em*** cùng là ĐN cho ***quyển sách*** nhưng không phải là BPSS vì chúng không đồng loại).

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1:** Trong những dòng sau đây, dòng nào viết chưa thành câu, hãy sửa lại cho thành câu hoàn chỉnh :

a. Ngày khai trường

b. Bác rất vui lòng

c. Cái trống trường em

d. Trên mặt nước loang loáng như gương

e. Những cô bé ngày nào nay đã trở thành

**Bài 2:** *Xếp các từ sau thành câu theo các cách khác nhau :*

a. Chim, trên, hót, ríu rít, cây.

b. Đồ Sơn, ở, rất, em, thích, nghỉ ,hè.

**Bài 3:** Đặt câu với mỗi từ sau : Xum xuê, rập rờn, ngập ngừng, long lanh, sóng sánh.

***\*Lưu ý HS*** : khi đặt câu với từ cho trước, phải tìm cách diễn đạt đúng ý nghĩa của từ đó.

**VD :**

- Mặt ao sóng sánh ; cánh bướm rập rờn; giọt sương long lanh; bước chân ngập ngừng (Lan ngập ngừng bước vào lớp)....

**Bài 4 :**

*Viết tiếp 3 câu để thành đoạn :*

a. Hôm nay là ngày khai trường...

b. Thế là mùa xuân đã về...

***\*Lưu ý HS***: Vì viết thành đoạn nên ngoài việc đặt câu đúng ngữ pháp, cần phải có câu cuối cùng hợp lí để tạo thành câu kết của đoạn.

**VD:**

a. Hôm nay là ngày khai trường .Hầu hết mọi người đều hăm hở bước . Khuôn mặt ai cũng tươi roi rói. Thế là một năm học mới lại bắt đầu.

b. Thế là mùa xuân đã về. Mùa xuân về trên những chồi non, lộc biếc. Mùa xuân về bằng những bụi mưa lay phay trên vai áo người đi đường. Mùa xuân về bằng cả tiếng chim hót lảnh lót trong các vòm cây .

**Bài 5:** Ngắt đoạn văn sau thành từng câu (đặt dấu chấm vào cuối mỗi câu và viết hoa chữ cái đầu câu ):

Những ngày nghỉ học, chúng tôi thường rủ nhau ra cánh đồng tìm bắt dế chọi trong túi áo đứa nào cũng có sẵn bốn ,năm chiếc vỏ bao diêm Toàn có đôi tai thính như tai meo và bước chân êm, nhẹ như thỏ nhảy cậu ta nổi tiếng là tay bắt dế chọi lành nghề.

**Bài 6:** Sắp xếp lại trật tự để các câu sau tạo thành đoạn văn thích hợp:

a. Không lúc nào nó thèm bay bổng, thèm ca hát bằng lúc này (1). Bọ ve rạo rực cả người (2). Từ tít trên cao kia, mùi hoa lí toả xuống thơm ngát và tiếng những bạn ve inh ỏi (3).

b. Mặt nước sáng loá (1). Trăng lên cao (2). Biển và trời những hôm có trăng đẹp quá (3). Bầu trời càng sáng hơn (4). Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi (5).

**Bài 8 :**

*Các câu văn sau thiếu bộ phận chính nào ? Hãy sửa lại bằng 2 cách :*

a. Khi em nhìn thấy ánh mắt trìu mến ,thương yêu của Bác.

b. Những đợt sóng nhè nhẹ liếm trên bãi cát ấy.

c. Một hôm, chích bông đang đậu trên một cành cây nhỏ.

d. Truyện Hươu và Rùa người xưa đã cho chúng ta thấy tình bạn giữa Hươu và Rùa rất đẹp.

e. Qua câu truyện Hươu và Rùa đã cho chúng ta thấy tình bạn tuyệt vời giữa Hươu và Rùa.

**Bài 9:** Tìm CN, VN và TN của những câu văn sau :

a. Vào một đêm cuối xuân 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác,/ Bác Hồ / đến nghỉ chân ở một nhà ven đường .

B. Ngoài suối , trên mấy cành cây cao,/ tiếng chim, tiếng ve / cất lên inh ỏi, râm ran.

**Bài 10:** Tìm CN, VN của các câu sau :

a. Suối / chảy róc rách.

b. Tiếng suối chảy / róc rách.

c. Sóng / vỗ loong boong trên mạn thuyền.

d. Tiếng sóng vỗ / loong boong trên mạn thuyền.

e. Tiếng mưa rơi / lộp độp ,// tiếng mọi người gọi nhau / í ới .

g. Mưa / rơi lộp độp,// mọi người / gọi nhau í ới .

h. Con gà / to, ngon.

i. Con gà to / ngon.

k. Những con voi về đích trước tiên / huơ vòi chào khán giả.

l. Những con voi / về đích trước tiên, huơ vòi chào khán giả .

m. Những con chim bông biển trong suốt như thuỷ tinh / lăn tròn trên những con sóng.

f. Những con chim bông biển/ trong suốt như thuỷ tinh, lăn tròn trên những con sóng.

p. Mấy chú dế / bị sặc nước ,loạng choạng bò ra khỏi tổ .

q. Mấy chú dế bị sặc nước / loạng choạng bò ra khỏi tổ.

r. Chim / hót líu lo. Nắng / bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió / đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng.

v. Sách vở của con / là vũ khí. Lớp học của con / là chiến trường.

Lưu ý : Ở phần này, khi hướng dẫn HS tìm CN, VN, giáo viên cần yêu cầu HS xác định đúng mẫu câu ( Ai là gì? Ai làm gì ? Ai thế nào ? ) ( Hỏi : Câu này thuộc mẫu câu nào ? ). Bên cạnh đó , cần yêu cầu HS tìm được mục đích thông báo chính của câu là gì ( yêu cầu này mới đầu cần có sự hỗ trợ của GV vì với những câu mang nội dung thông báo kép HS rất dễ bị nhầm lẫn ).

**VD1**:

- Câu “Con gà to, ngon” ý nói gì ? (ý nói con gà vừa to , vừa ngon .Vậy to và ngon là 2 VN song song ,CN là Con gà ).

- Câu “Con gà to ngon” ý nói gì ? ( vì không có dấu phẩy tách giữa to và ngon nên ta phải hiểu là : Con gà to thì ngon ( Nội dung thông báo chính ở đây là : Con gà ngon). Vậy VN chỉ là ngon . Còn to là ĐN của DT Con gà .Do đó CN là Con gà to.

**VD2:**

“Những con voi về đích trước tiên, huơ vòi chào khán giả” ( hiểu tương tự như trên: Nội dung thông báo có 2 ý.Ý 1 là :Những con voi về đích trước ; ý 2 là: Những con voi huơ vòi chào khán giả. Vậy có 2 VN song song là : về đích trước tiên và huơ vòi chào khán giả , còn CN chỉ là : Những con voi.

- Còn câu “Những con voi về đích trước tiên huơ vòi chào khán giả” phải hiểu là: Những con voi về đích trước tiên đã huơ vòi chào khán giả ( Nội dung thôn báo chính là: Những con voi đã huơ vòi chào khán giả ).Vậy huơ vòi chào khán giả là VN, còn về đích trước tiên làm ĐN cho Nhữngcon voi (đứng ở khối CN ).

- Các câu k) l) m) n) hướng dẫn tương tự như trên.

Riêng các câu a) b) hướng dẫn như sau :

- Ở câu a) : Suối thế nào ? ( Suối “chảy róc rách” ). Do đó : chảy róc rách là VN. Còn Suối là CN .

- Ở câu b): Tiếng suối như thế nào ? Nếu HS trả lời là: Tiếng suối “chảy róc rách” thì GV hỏi lại: Tiếng suối có chảy được không ? ( không chảy được mà chỉ nghe được bằng tai ). Vậy tiếng suối ở đây nghe như thế nào ? ( nghe róc rách ). Vậy VN phải là róc rách , còn chảy là ĐN của Tiếng suối (đứng ở khối CN).

*Các câu c) d) e) f) hướng dẫn tương tự như câu a) b).*

**Bài 11 :** Tìm CN, VN, TN của những câu sau :

a.Trên những ruộng lúa chín vàng,/ bóng áo chàm và nón trắng / nhấp nhô, //tiếng nói , tiếng cười / rộn ràng ,vui vẻ.

b. Hoa lá, quả chín ,những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân / đua nhau toả hương.

c. Ngay thềm lăng,/ mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự / đứng trang nghiêm.

**Bài 12 :***Gọi tên các bộ phận được gạch chân trong các câu sau :*

a. Ở Vinh, tôi được nghỉ hè. (TN )

b. Tôi được nghỉ hè ở Vinh. (BN)

**Bài 13 :**

Với mỗi loại trạng ngữ sau đây, hãy đặt 1 câu : ***TN chỉ nơi chốn, TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ thời gian, TN chỉ mục đích, TN chỉ phương tiện.***

**Bài 14:** Dùng gạch ( / ) tách CN và VN trong từng câu sau và cho biết VN trong từng câu là ĐT hay cụm ĐT.

a. Em bé / cười. (ĐT)

b. Cô giáo /đang giảng bài . ( Cụm ĐT)

c. Đàn cá chuối con / ùa lại tranh nhau đớp tới tấp \*. ( Cụm ĐT)

**Bài 15:** Tìm CN, VN, trạng ngữ của các câu văn sau:

Cá Chuối mẹ / lại bơi về phía bờ, rạch lên rìa nước, nằm chờ đợi. Bỗng nhiên, nghe như có tiếng bước chân rất nhẹ, Cá Chuối mẹ / nhìn ra, thấy hai con mắt xanh lè của mụ mèo đang lại gần. Cá Chuối mẹ / lấy hết sức định nhảy xuống nước. Mụ mèo / đã nhanh hơn, lao phấp tới cắn vào cổ Cá Chuối mẹ. Ở dưới nước, đàn cá chuối con /chờ đợi mãi không thấy mẹ.

**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1:** Đặt câu hỏi cho từng bộ phận được gạch chân sau:

a. Dưới ánh nắng chói chang, Bác nông dân đang cày ruộng.

b. Bà cụ ngồi bán những con búp bê khâu bằng vải vụn.

**Bài 2:** Dựa vào các tình huống sau, hãy đặt câu hỏi để tự hỏi mình:

a. Tự hỏi mình về một người trông rất quen nhưng không nhớ tên.

b. Một dụng cụ học tập cần tìm mà chưa thấy.

c. Một công việc mẹ dặn nhưng quên chưa làm.

**Bài 3:** Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong từng câu dưới đây :

a. Giữa vườn lá um tùm, ***bông hoa*** đang dập dờn trước gió.

b. Bác sĩ Ly là một người ***đức độ, hiền từ mà nghiêm nghị.***

***c. Chủ nhật tuần tới***, mẹ sẽ cho con đi chơi.

d. Bé rất ân hận ***vì không nghe lời mẹ dặn.***

**Bài 4 :**Trong từng câu sau, mục đích dùng câu hỏi để làm gì?

a. Anh chị nói nhỏ một chút có được không?

b. Sao bạn chịu khó thế ?

c. Sao con hư thế nhỉ ?

d. Cậu làm như thế này là đúng à ?

e. Tớ làm thế này mà sai à ?

**c. Câu kể:**

- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật) là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc; hoặc dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư của mỗi người. Cuối câu kể phải ghi dấu chấm.

- Câu kể có các cấu trúc: ***Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?***

a. Câu kể : Ai làm gì ? (- Gồm 2 bộ phận : Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ (CN), trả lời cho câu hỏi: Ai (Con gì; Cái gì) ? Bộ phận thứ 2 là vị ngữ (VN),trả lời cho câu hỏi: Làm gì ?

- VN trong câu kể Ai làm gì ? nêu lên hoạt động của người, con vật (hoặc đồ vật, cây cối được nhân hoá. VN có thể là : Động từ hoặc cụm ĐT.

- CN trong câu kể Ai là gì ? chỉ sự vật ( người,con vật hay đồ vật, cây cối được nhân hoá) có hoạt động được nói đến ở VN. CN thường do danh từ hoặc cụm DT tạo thành.

b. Câu kể Ai thế nào? (Tuần 21- Lớp 4)

- Câu kể Ai thế nào ? gồm 2 bộ phận chính : CN trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì , con gì)? Vn trả lời cho câu hỏi: thế nào ?

- VN trong câu kể Ai thế nào? chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật được nói đến ở CN. VN thường do tính từ , động từ (hoặc cụm TT, cụm ĐT) tạo thành.

- CN trong câu kể Ai thế nào? chỉ những sự vật có đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái được nêu ở VN. CN thường do DT ( hoặc cụm DT) tạo thành.

c. Câu kể Ai là gì? (Tuần 24- Lớp 4)

- Câu kể Ai là gì? gồm 2 bộ phận. Bộ phận thứ nhất là CN, trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì) ? Bộ phận thứ 2 trả lời cho câu hỏi : là gì (là ai, là con gì)?

- Câu kể Ai là gì ? được dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về một người, một vật nào đó.

- Trong câu kể Ai là gì? VN được nối với CN bằng từ là VN thường do DT( hoặc cụm DT) tạo thành.

- CN trong câu kể Ai là gì? chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở VN. CN trả lời cho câu hỏi : Ai ( con gì, cái gì ) ? CN thường do DT (hoặc cụm DT) tạo thành.

**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

(Lưu ý : Một số BT sẽ ghi đáp án luôn ở phần đề bài)

**Bài 1:** *Tìm câu kể* ***Ai làm gì?*** *trong đoạn văn sau rồi gạch dưới các bộ phận VN của* từng câu tìm được:

- Bàn tay mền mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bống. Tấm ngắm nhìn bống. Tấm nhúng bàn tay xuống nước vuốt nhẹ hai bên lườn của cá\*. Cá đứng im trong tay chị Tấm.

\*Phần tách CN và VN của câu này chép theo đáp án của tài liệu gốc, nhưng như vậy rất khó xác định ĐT trung tâm , theo quan điểm của tôi thì VN chỉ là **vuốt nhẹ hai bên lườn của cá** . Nếu muốn giữ đáp án như tài liệu gốc thì nên thêm dấu phẩy vào cho rõ ràng:Tấm / nhúng bàn tay xuống nước, vuốt nhẹ hai bên lườn của cá.

**Bài 2:** Dùng gạch ( / ) tách CN và VN trong từng câu sau và cho biết VN trong từng câu là ĐT hay cụm ĐT.

a. Em bé / cười. (ĐT)

b. Cô giáo /đang giảng bài . ( Cụm ĐT)

c. Đàn cá chuối con / ùa lại tranh nhau đớp tới tấp \*. ( Cụm ĐT)

\*Phần tách CN và VN của câu này chép theo đáp án của tài liệu gốc , nhưng như vậy rất khó xác ĐT trung tâm, theo quan điểm của tôi thì VN chỉ là tranh nhau đớp tới tấp . Nếu muốn giữ đáp án như tài liệu gốc thì nên thêm dấu phẩy cho rõ ràng : Đàn cá chuối con / ùa lại, tranh nhau đớp tới tấp.

**Bài 3:** Đặt 2 câu kể **Ai làm gì?** Trong đó một câu có VN là ĐT, một câu có VN là cụm ĐT.

**Bài 4:** Tìm CN, VN, trạng ngữ của các câu văn sau:

Cá Chuối mẹ / lại bơi về phía bờ, rạch lên rìa nước, nằm chờ đợi. Bỗng nhiên, nghe như có tiếng bước chân rất nhẹ, Cá Chuối mẹ / nhìn ra, thấy hai con mắt xanh lè của mụ mèo đang lại gần. Cá Chuối mẹ / lấy hết sức định nhảy xuống nước. Mụ mèo / đã nhanh hơn, lao phấp tới cắn vào cổ Cá Chuối mẹ. Ở dưới nước, đàn cá chuối con /chờ đợi mãi không thấy mẹ.

**Bài 5:***Tìm các câu kể Ai thế nào? rồi gạch dưỡi các bộ phận VN.*

Rừng hồi ngào ngạt, xanh thẫm trên các quả đồi quanh làng. Một mảnh lá gãy cũng dậy mùi thơm. Gió càng thơm ngát. Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe. Cành hồi giòn , dễ gãy hơn cả cành khế. Quả hồi phơi mình xoè trên mặt lá đầu cành\*.

*\*Chú thích tương tự BT1 và BT2*

**Bài 6:***VN trong các câu kể* ***Ai thế nào ?*** *tìm được ở BT5 biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ thế nào tạo thành?*

**B. Bài tập**

**Bài 1:**

Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.*Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời.* Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Bài 2***:*

Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 3:**

Hãy viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hóa.

**Gợi ý:**

Một ngày chủ nhật nhẹ nhàng, buồn chiều nắng nhẹ, tôi cùng **chú mèo con** đi ra cách đồng trước nhà. Dưới cánh đồng xanh thời thiếu nữ, từng **bác cua**, **chú ốc** đang lặng lẽ kiếm ăn. **Họ** **đào xới**những chiếc tổ dành riêng cho **gia đình mình**. Ngồi trên bờ ngắm cảnh, tôi nhìn thấy **cụ cua già**đang **chỉ đạo** **đàn con cháu** **xây** chiếc tổ mới thay thế cho chiếc tổ nhỏ xíu trước đây bởi **đứa con dâu** mới về của **cụ** chuẩn bị **sinh** một **đàn chắt đáng yêu** cho **cụ**. Bên kia bờ, lại có những **chị cốc**dắt theo **đàn con nhỏ** kiếm ăn. Dường như mới lần đầu đi theo **mẹ,** **đàn cốc bé** ríu rít, **ánh mắt** lộ rõ vẻ**hiếu kì,** **chăm chú nhìn** xuống thửa ruộng. Bầu trời hôm nay thật đẹp, trong xanh mà mát vẻ với những đám mây trắng bồng bềnh và những làn gió nhẹ thổi qua. Trên cao, **gia đình cò** cùng nhau trở về tổ, **họ** bay **chậm rãi** như đang **thưởng thức** vài ánh nắng nhẹ nhàng của **ông mặt trời.** Mọi vật **bận rộn** với những công việc của riêng mình và cả con người cũng vậy. Bác nông dân đang nhổ đi những đám cỏ xấu xí, bé Bi đang dắt**chú trâu** nhà mình gặm cỏ trên đồi, mẹ tôi đang loay hoay với khu vười nhỏ xinh,... còn tôi ngồi bên **bé mèo con** ngắm cảnh. Cuộc sống thật vui vẻ và bình yên.

**Phép nhân hóa trong bài:**chú mèo con, bác cua, chú ốc, họ, gia đình, cụ cua già, chỉ đạo, dàn con cháu, xây, đứa con dâu, cụ, sinh, dàn chắt, đáng yêu, chị cốc, đàn con nhỏ, mẹ, đàn cốc bé,ánh mắt, hiếu kì, chăm chú, nhìn, gia đình cò, họ, chậm rãi, thưởng thức, ông mặt trời, bận rộn, chú trâu, bé mèo con

**Bài 4:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh và nhân hóa.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

**BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC SỐ 1**

**ĐỀ 1:**

**Phần I: Đọc – Hiểu ( 4 điểm)**

**Đọc kĩ đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau, tre chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người.*

*Chẳng may thân gãy cành rơi*

*Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.*

*Nòi tre đâu chịu mọc cong*

*Chưa lên đã nhọn như trông lạ thường.*

*Lưng trần phơi nắng, phơi sương*

*Có manh áo cộc, tre nhường cho con.”*

*( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy Trích Tiếng Việt lớp 4)*

**Câu 1***( 2 điểm****)***: a. Ghi lại các động từ trong hai dòng thơ đầu

b. Câu thơ: Nòi tre đâu chịu mọc cong / Chưa lên đã nhọn như trông lạ thường. ghi lại các tính từ trong 2 câu thơ đó

c. Đoạn thơ trên đã nói lên những phẩm chất nào của tre? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để nói lên phẩm chất của tre?

**Câu 2: (***2 điểm)*

*“Tiếng dừa làm dịu nắng trưa,*

*Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo.*

*Trời trong đầy tiếng rì rào,*

*Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.*

*Đứng canh trời đất bao la*

*Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.*

***(Trích: Cây dừa- Trần Đăng Khoa).***

Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Cách miêu tả đó giúp em cảm nhận như thế nào về cây dừa.

**Phần II. Tập làm văn ( 6 điểm)**

Em hãy miêu tả cảnh dòng sông quê em

**HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **ĐIẺM** |
| **Phần Đọc Hiểu ( 4 điểm)** | | |
|  | **Câu 1**: ( 2 điểm)  a. Hs ghi lại được 2 động từ: ôm, níu ( 0,5 điểm)  b. Hai tính từ cong và nhọn (0,5 điểm)  c. Phẩm chất của tre: nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, cần cù, chịu thương chịu khó…. Nghệ thuật nhân hóa để tô đậm phẩm chất của tre. ( 1 điểm) | **2** |
|  | **Câu 2:** ( 2 điểm)   |  | | --- | | - Hs chỉ đúng nghệ thuật nhân hóa được 0,5 điểm | | - Đưa ra được những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây dừa như con người: tiếng dừa, gọi, múa reo, đứng canh, đủng đỉnh... 1,5 điểm  - Nêu được cảm nhận của bản thân em về cây dừa: Cây dừa thật gần gũi, gắn bó với con người, cây dừa đã điều hoà được khí hậu, là nơi tụ hội của chim muông, cây dừa đã làm đẹp cho quê hương đất nước. Hình ảnh về cây dừa cũng là biểu tượng của con người Việt nam nói chung, con người miền Nam nói riêng.  - Biết cách sắp xếp ý thành một đoạn văn hoàn chỉnh | | **2** |
| **LÀM VĂN ( 6 điểm)** | | |
|  | **1. Mở bài:** ( 1 điểm ) Giới thiệu bao quát về dòng sông quê em  - Con sông quê có nhiều kỉ niệm gắn bó với em.  **2. Thân bài**: Tả dòng sông. ( 4 điểm)  - Con sông này không rõ nguồn gốc từ đâu, chỉ thấy có đoạn chảy qua trước nhà như một dãy lụa mềm ôm chặt đôi bờ cù lao.  - Mặt sông rộng mênh mông. Đứng bên đây bờ có thể nhìn sang bên kia bờ.  a) Buổi sớm:  - Khi mặt trời lên, mặt sông lấp lánh như sao sa.  - Dòng sông trong xanh như ngọc bích long lanh.  - Những con đò, thuyền câu xuôi ngược, dọc ngang rộn ràng.  - Hai bên bờ, lũy tre xanh nghiêng mình soi bóng xuống mặt sông.  - Gió thổi nhè nhẹ làm những bụi tre lao xao.  - Chim chóc đua nhau chuyền cành, ca hát để đón chào ngày mới.  - Đã có lần tôi thấy con cá lóc to dẫn đàn rồng rồng đi tìm mồi.  b) Buổi trưa:  - Một nhóm trẻ ra sông vùng vẫy, tắm rửa, té nước vào nhau, cười vui vẻ.  - Vài đứa con trai bơi lội khéo léo như những chú cá heo.  - Dòng sông như dang rộng vòng tay ôm tất cả vào lòng.  - Bây giờ, dòng sông khoác lên mình chiếc áo xanh duyên dáng, óng ánh dưới ánh nắng mặt trời.  c) Buổi chiều:  - Mặt trời đỏ ối chiếu ánh nắng xuống mặt sông.  - Buổi chiều êm ả, dòng sông trở nên dịu dàng kì lạ.  - Gió thổi mang theo hơi nước mát lạnh.  - Nhiều người ra bờ sông hóng mát, ngắm dòng sông quê hương.  - Tiếng gà chiều xôn xao đã xóa đi sự yên tĩnh của dòng sông.  **3. Kết bài:** ( 1 điểm)  - Nêu cảm nghĩ của em về dòng sông quê em  - Dòng sông đã ghi lại bao kỉ niệm đẹp của cuộc đời | **6** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐẦU NĂM**  **Môn: Ngữ văn 6**  **Thời gian: 70 phút** |

**ĐỀ 2:**

**Phần I: Đọc – Hiểu ( 4 điểm)**

**Đọc kĩ đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau, tre chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người.*

*Chẳng may thân gãy cành rơi*

*Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.*

*Nòi tre đâu chịu mọc cong*

*Chưa lên đã nhọn như trông lạ thường.*

*Lưng trần phơi nắng, phơi sương*

*Có manh áo cộc, tre nhường cho con.”*

*( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy Trích Tiếng Việt lớp 4)*

**Câu 1***( 2 điểm****)***: a. Ghi lại các động từ trong hai dòng thơ đầu

b. Câu thơ: Nòi tre đâu chịu mọc cong / Chưa lên đã nhọn như trông lạ thường. ghi lại các tính từ trong 2 câu thơ đó

c. Đoạn thơ trên đã nói lên những phẩm chất nào của tre? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để nói lên phẩm chất của tre?

**Câu 2: (***2 điểm)*

Cho đoạn thơ sau:

*“Chào những ngôi trường ngói đỏ bình yên*

*Lấp lánh cánh đồng đang gặt đang hái*

*Xuôi ngược công trường những bánh xe reo*

*Ngọn khói con tàu như tay vẫy gọi đó”*

Em hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật

**Phần II. Tập làm văn ( 6 điểm)**

Em hãy miêu tả cảnh cánh đồng lúa chín trên quê hương em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
|  | **Phần 1: Đọc – Hiểu ( 4 điểm)** |  |
|  | **Câu 1: ( 2 điểm)**  a. Hs ghi lại được 2 động từ: ôm, níu ( 0,5 điểm)  b. Hai tính từ cong và nhọn (0,5 điểm)  c. Phẩm chất của tre: nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, cần cù, chịu thương chịu khó…. Nghệ thuật nhân hóa để tô đậm phẩm chất của tre. ( 1 điểm) | **2** |
|  | **Câu 2: ( 2 điểm)**  - Đoạn thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh. So sánh hình ảnh ngọn khói của tàu hỏa với những bàn tay vẫy gọi.  - Sử dụng biện pháp tu từ so sánh giúp cho câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. Giúp người đọc dễ dàng liên tưởng đến hình ảnh những làn khói bay lên từ đoàn tàu, rung động trong gió như những bàn tay đang tạm biệt hậu phương để tiến về phía chiến trường xa xôi | **2** |
|  | **Phần II: Tập làm văn ( 6 điểm)** |  |
|  | **1. Mở bài**  Giới thiệu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mà em được ngắm nhìn cánh đồng lúa chín.  **2. Thân bài**  - Cánh đồng lúa rộng tít tắp, trải dài đến chân trời.  - Lúa chín đều, vàng ươm, cả cánh đồng như một tấm thảm lụa màu vàng ấm áp.  - Ruộng được chia thành từng ô vuông, giữa các ô vuông là những lối đi nhỏ cho người nông dân dễ di chuyển. Khiến thửa ruộng nhìn từ trên cao xuống như một bàn cờ khổng lồ.  - Các bông lúa cong xuống như lưỡi liềm bởi sức nặng của các hạt gạo.  - Những hạt gạo sau bao tháng ngày cần mẫn hấp thu chất dinh dưỡng của đất trời nay đã trưởng thành, căng tròn.  - Mỗi hạt gạo là một hạt ngọc của đất trời, là kết tinh của sự lao động chăm chỉ của người nông dân.  - Mùi hương của lúa chín nồng đượm, khó có thể nhầm lẫn với mùi hương khác.  - Cả cánh đồng bao trùm lên thứ mùi của hương đồng, gió nội.  - Mỗi khi có gió thổi qua, những bông lúa rung rinh, khẽ chạm vào nhau như đang nói chuyện.  - Âm thanh của bông lúa chạm vào nhau tạo nên những rì rào nhè nhẹ như bản giao hưởng mừng vui cho một vụ mùa bội thu.  - Nếu có gió mạnh thổi tới, thì cả cánh đồng sẽ dập dềnh lên xuống, như những con sóng vàng miên man, bất tận.  - Khi ngắm cánh đồng lúa chín em cảm thấy lòng mình bình yên, nhẹ nhàng đến lạ.  **c. Kết bài**  - Hình ảnh cánh đồng lúa chín vàng ươm báo hiệu một mùa no ấm, đủ đầy với người nông dân.  - Sắc vàng rực rỡ ấy đem đến hạnh phúc, vui sướng cho tất cả mọi người.  - Vì thế, em rất yêu thích khung cảnh của cánh đồng lúa chín.  - Mỗi khi người nông dân bắt đầu gieo trồng, em lại mong chờ đến giờ phút cả cánh đồng lúa chín vàng ươm. | **6** |

**BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 6**  **Năm học: 2019 – 2020**  *Thời gian: 70 phút* |

**Phần I: Đọc – Hiểu ( 5 điểm)**

Đọc kĩ đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ*

*Một màu trắng đến nôn nao*

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao*

*Mẹ ơi trong lời mẹ hát*

*Có cả cuộc đời hiện ra*

*Lời ru chắp con đôi cánh*

*Lớn rồi con sẽ bay xa.*

*(Tiếng Việt lớp 5- tập 2)*

**Câu 1***: ( 2 điểm)*

a. Khổ thơ trên được trích trong bài thơ nào? Nêu tên tác giả bài thơ.

b. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“chạy”* trong khổ thơ trên?

c. Qua khổ thơ trên giúp em hiểu gì về hình ảnh người mẹ?

**Câu 2**: *(1điểm)* Xác định thành phần trạng ngữ, chủ ngữ và vị ngữ trong các câu sau:

a. Xa xa, đoàn thuyền trên sông đang từ từ trôi.

b. Mùa xuân đến, cây gạo gọi đến bao nhiêu loài chim ríu rít.

**Câu 3: (***2điểm)*

*“Tiếng dừa làm dịu nắng trưa,*

*Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo.*

*Trời trong đầy tiếng rì rào,*

*Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.*

*Đứng canh trời đất bao la*

*Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.*

***(Trích: Cây dừa- Trần Đăng Khoa).***

Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Cách miêu tả đó giúp em cảm nhận như thế nào về cây dừa.

**Phần II. Tập làm văn ( 5 điểm)**

Ngôi nhà em đang ở là nơi gắn bó và có nhiều kỉ niệm đối với em. Em hãy viết bài văn tả ngôi nhà của gia đình em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | **Phần I: Đọc – Hiểu ( 5 điểm)** | **5** |
|  | **Câu 1: (2 điểm)**  a. Khổ thơ trên được trích từ bài thơ “ *Trong lời mẹ hát*” của tác giả Trương Nam Hương.  b. “Chạy” ý nói thời gian trôi đi rất nhanh.  c. Người mẹ: Vất vả, tần tảo … nuôi dạy con khôn lớn trưởng thành | **2** |
| **2** | **Câu 2 (1 điểm):** Mỗi câu xác định đúng được 0,5 điểm  a. Xa xa, / đoàn thuyền / trên sông đang từ từ trôi.  TN CN VN  b. Mùa xuân đến,/ cây gạo / gọi đến bao nhiêu loài chim ríu rít.  TN CN VN | **2** |
|  | **Câu 3: (2 điểm)**  - Hs chỉ đúng nghệ thuật nhân hóa được 0,5 điểm  - Đưa ra được những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây dừa như con người: tiếng dừa, gọi, múa reo, đứng canh, đủng đỉnh... 1,5 điểm  - Nêu được cảm nhận của bản thân em về cây dừa: Cây dừa thật gần gũi, gắn bó với con người, cây dừa đã điều hoà được khí hậu, là nơi tụ hội của chim muông, cây dừa đã làm đẹp cho quê hương đất nước. Hình ảnh về cây dừa cũng là biểu tượng của con người Việt nam nói chung, con người miền Nam nói riêng.  - Biết cách sắp xếp ý thành một đoạn văn hoàn chỉnh |  |
|  | **Phần II: Tập làm văn ( 5 điểm)** |  |
|  | *1. Mở bài: (1 điểm)*  - Giới thiệu địa điểm ngôi nhà  - Giới thiệu những đặc điểm dễ nhận biết nhất của ngôi nhà  *2. Thân bài (3 điểm)*  \* Miêu tả đặc điểm bên ngoài của ngôi nhà  - Nhà lớn hay nhỏ? Cũ hay mới? Được làm bằng gì? (Xây kiên cố bằng gạch hay được làm bằng gỗ, bằng tre?)  - Hình dáng của nó? (Chữ nhật, hình hộp, dạng nhà biệt thự hay nhà ống...)  \* Miêu tả đặc điểm của ngôi nhà:  (Miêu tả từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới.)  - Cổng nhà, cửa vào nhà, các cửa sổ... làm bằng gì?  - Mái nhà lợp bằng gì? Màu vôi trần, tường? Nền nhà?...  - Các phòng trong nhà: Mấy phòng? Những phòng nào? Cách bài trí trong từng phòng ra sao? Gắn bó với các sinh hoạt cùa gia đình và bản thân em như thế nào?  *3. Kết bài: (1 điểm)*  Nêu tình cảm của em đối với ngôi nhà ấy. |  |

**BÀI 2: ÔN TẬP VỀ TỪ LOẠI**

**I. DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ**

**1. Danh từ**

**a. Khái niệm:**

Danh từ là những từ chỉ sự vật(người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)

VD: hoa hồng, cơn gió, đạo đức,….

**b. Phân loại**

- Danh từ chỉ hiện tượng : mưa, nắng , sấm, chớp,...

- Danh từ chỉ khái niệm : đạo đức, người, kinh nghiệm, cách mạng,...

- Danh từ chỉ đơn vị : Ông, vị (vị giám đốc ),cô (cô Tấm ) ,cái, bức, tấm,... mét, lít, ki-lô-gam,... ;nắm, mớ, đàn,...

- Khi phân loại danh từ tiếng Việt, trước hết , người ta phân chia thành 2 loại : DT riêng và danh từ chung .

+ Danh từ riêng : là tên riêng của một sự vật ( tên người, tên địa phương, tên địa danh,..) + Danh từ chung : là tên của một loại sự vật (dùng để gọi chung cho một loại sự vật ). - Danh từ chung có thể chia thành 2 loại :

- Danh từ cụ thể: là danh từ chỉ sự vật mà ta có thể cảm nhận được bằng các giác quan (sách, vở, gió, mưa,...).

+ Danh từ trừu tượng: là các danh từ chỉ sự vật mà ta không cảm nhận được bằng các giác quan ( cách mạng, tinh thần, ý nghĩa,... )

- Các danh từ chỉ hiện tượng, chỉ khái niệm, chỉ đơn vị được giảng dạy trong chương trình SGK lớp 4 chính là các loại nhỏ của danh từ chung.

+ Danh từ chỉ hiện tượng :

- Hiện tượng là cái xảy ra trong không gian và thời gian mà con người có thể nhận thấy, nhận biết được. Có hiện tượng tự nhiên như : mưa , nắng, sấm, chớp, động đất,... và hiện tượng xã hội như : chiến tranh, đói nghèo, áp bức,... Danh từ chỉ hiện tượng là danh từ biểu thị các hiện tượng tự nhiên ( cơn mưa, ánh nắng, tia chớp,...) và hiện tượng xã hội (cuộc chiến tranh, sự đói nghèo,...) nói trên.

+ Danh từ chỉ khái niệm :

- Chính là loại danh từ có ý nghĩa trừu tượng (Danh từ trừu tượng đã nêu ở trên). Đây là loại danh từ không chỉ vật thể, các chất liệu hay các đơn vị sự vật cụ thể ,mà biểu thị các khái niệm trừu tượng như : tư tưởng, đạo đức, khả năng, tính nết, thói quen, quan hệ, thái độ,cuộc sống, ý thức , tinh thần, mục đích, phương châm,chủ trương, biện pháp, ý kiến, cảm tưởng, niềm vui, nỗi buồn, tình yêu, tình bạn,...Các khái niệm này chỉ tồn tại trong nhận thức, trong ý thức của con người, không “vật chất hoá”, cụ thể hoá được. Nói cách khác, các khái niệm này không có hình thù, không cảm nhận trực tiếp được bằng các giác quan như mắt nhìn, tai nghe,...

+ Danh từ chỉ đơn vị :

- Hiểu theo nghĩa rộng, danh từ chỉ đơn vị là những từ chỉ đơn vị các sự vật. Căn cứ vào đặc trưng ngữ nghĩa , vào phạm vi sử dụng, có thể chia danh từ chỉ đơn vị thành các loại nhỏ như sau:

- Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên: Các danh từ này chỉ rõ loại sự vật, nên còn được gọi là

- Danh từ chỉ loại. Đó là các từ: con, cái, chiếc; cục, mẩu, miếng; ngôi, tấm, bức; tờ, quyển, cây, hạt, giọt, hòn ,sợi,...

- Danh từ chỉ đơn vị đo lường: Các danh từ này dùng để tính đếm, đo đếm các sự vật, vật liệu, chất liệu,...VD: lạng, cân, yến, tạ, mét thước, lít sải, gang,...

- Danh từ chỉ đơn vị tập thể : Dùng để tính đếm các sự vật tồn tại dưới dạng tập thể , tổ hợp. Đó là các từ: bộ, đôi, cặp, bọn, tụi, đàn,dãy, bó,...

- Danh từ chỉ đơn vị thời gian:Các từ như: giây, phút , giờ, tuần, tháng,mùa vụ, buổi,...

- Danh từ chỉ đơn vị hành chính, tổ chức: xóm, thôn, xã, huyện, nước,nhóm, tổ, lớp , trường, tiểu đội, ban, ngành,...

**2. Động từ**

*a. Khái niệm*

Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

VD: ăn, uống, ngủ,…..

*b. Một số lưu ý*

- Động từ chỉ trạng thái không thể kết hợp với từ “xong” nhưng động từ chỉ hoạt động lại có thể kết hợp với từ “xong”

VD: hồi hộp với ăn

- Động từ nội động: Là những động từ hướng vào người làm chủ hoạt động(ngồi, ngủ, đứng,...). ĐT nội động không có khả năng có bổ ngữ chỉ đối tượng trực tiếp mà phải có quan hệ từ.

VD1: Bố mẹ rất lo lắng cho tôi

- Động từ nội động Q.H.T Bổ ngữ

- Động từ ngoại động: là những ĐT hướng đến người khác, vật khác (xây, phá, đập , cắt,...). ĐT ngoại động có khả năng có bổ ngữ chỉ đối tượng trực tiếp.

VD2: Bố mẹ rất thương yêu tôi.

- Động từ ngoại động Bổ ngữ

**3. Tính từ**

**a. Khái niệm**: Tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của vật, hoạt động, trạng thái,...

\*Có 2 loại Tính từ đáng chú ý là :

- Tính từ chỉ tính chất chung không có mức độ ( xanh, tím, sâu, vắng,... )

- Tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ ( mức độ cao nhất ) (xanh lè, tím ngắt, sâu hoắm, vắng tanh,...)

\* Phân biệt từ chỉ đặc điểm, từ chỉ tính chất, từ chỉ trạng thái :

- Từ chỉ đặc điểm :

- Đặc điểm là nét riêng biệt, là vẻ riêng của một một sự vật nào đó ( có thể là người, con vật, đồ vât, cây cối,...). Đặc điểm của một vật chủ yếu là đặc điểm bên ngoài (ngoại hình ) mà ta có thể nhận biết trực tiếp qua mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi ngửi,... Đó là các nét riêng , vẻ riêng về màu sắc , hình khối, hình dáng, âm thanh,...của sự vật . Đặc điểm của một vật cũng có thể là đặc điểm bên trong mà qua quan sát,suy luận, khái quát,...ta mới có thể nhận biết được. Đó là các đặc điểm về tính tình, tâm lí, tính cách của một người, độ bền, giá trị của một đồ vật...

Từ chỉ đặc điểm là từ biểu thị các đặc điểm của sự vật, hiện tượng như đã nêu ở trên.

VD : + Từ chỉ đặc điểm bên ngoài: Cao, thấp, rộng , hẹp, xanh, đỏ,...

+ Từ chỉ đặc điểm bên trong: tốt ,ngoan, chăm chỉ, bền bỉ,...

- Từ chỉ tính chất:

- Tính chất cũng là đặc điểm riêng của sự vật, hiện tượng (bao gồm cả những hiện tượng xã hội, những hiện tượng trong cuộc sống,...), nhưng thiên về đặc điểm bên trong, ta không quan sát trực tiếp được, mà phải qua quá trình quan sát, suy luận, phân tích , tổng hợp ta mới có thể nhân biết được. Do đó , từ chỉ tính chất cũng là từ biểu thị những đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng.

VD : Tốt, xấu, ngoan, hư, nặng ,nhẹ, sâu sắc, nông cạn, suôn sẻ, hiệu quả, thiết thực,...

- Như vậy, đối với HS tiểu học, khi phân biệt ( một cách tương đối) từ chỉ đặc điểm và từ chỉ tính chất, GV có thể tạm thời cho rằng : Từ chỉ đặc điểm thiên về nêu các đặc điểm bên ngoài , còn từ chỉ tính chất thiên về nêu các đặc điểm bên trong của sự vật, hiện tượng. Một quy ước mang tính sư phạm như vậy được coi là hợp lí và giúp HS tránh được những thắc mắc không cần thiết trong quá trình học tập.

- Từ chỉ trạng thái :

- Trạng thái là tình trạng của một sự vật hoặc một con người, tồn tại trong một thời gian nào đó. Từ chỉ trạng thái là từ chỉ trạng thái tồn tại của sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.

VD : *Trời đang đứng gió .*

*Người bệnh đang hôn mê.*

*Cảnh vật yên tĩnh quá.*

*Mặt trời toả ánh nắng rực rỡ.*

- Xét về mặt từ loại, từ chỉ trạng thái có thể là động từ, có thể là tính từ hoặc mang đặc điểm của cả động từ và tính từ (từ trung gian), song theo như định hướng trong nội dung chương trình SGK, ở cấp tiểu học , chúng ta thống nhất chỉ xếp chúng vào nhóm ĐT để HS dễ phân biệt.

**d. Cách phân biệt các Danh từ, động từ, tính từ dễ lẫn lộn :**

- Để phân biệt các Danh từ, động từ, tính từdễ lẫn lộn, ta thường dùng các phép liên kết (kết hợp) với các phụ từ.

**\*Danh từ :**

- Có khả năng kết hợp với các từ chỉ số lượng như: mọi, một, hai, ba, những, các,... ở phía trước ( những tình cảm, những khái niệm, những lúc, những nỗi đau,...)

- Danh từ kết hợp được với các từ chỉ định : này, kia, ấy, nọ ,đó,... ở phía sau ( hôm ấy, trận đấu này, tư tưởng đó,... )

- Danh từ có khả năng tạo câu hỏi với từ nghi vấn “ nào” đi sau ( lợi ích nào ? chỗ nào? khi nào?...)

- Các Động từ và Tính từ đi kèm : sự, cuộc, nỗi, niềm, cái,... ở phía trước thì tạo thành một Danh từ mới ( sự hi sinh, cuộc đấu tranh, nỗi nhớ, niềm vui,...)

- Chức năng ngữ pháp thay đổi cũng cũng dẫn đến sự thay đổi về thể loại:

VD: Sạch sẽ là mẹ sức khoẻ. (sạch sẽ (Tính từ) đã trở thành Danh từ )

**\* Động từ** :

- Có khả năng kết hợp với các phụ từ mệnh lệnh : hãy , đừng , chớ,... ở phía trước ( hãy nhớ, đừng băn khoăn, chớ hồi hộp,...)

- Có thể tạo câu hỏi bằng cách đặt sau chúng từ bao giờ hoặc bao lâu (Tính từ không có khả năng này ) (đến bao giờ? chờ bao lâu?...)

**\*Tính từ :**

- Có khả năng kết hợp được với các từ chỉ mức độ như : rất , hơi, lắm, quá, cực kì, vô cùng,... (rất tốt, đẹp lắm,...)

**\* Lưu ý**: Các Động từ chỉ cảm xúc ( trạng thái ) như : yêu, ghét, xúc động,... cũng kết hợp được với các từ :rất, hơi, lắm,.... Vì vậy,khi còn băn khoăn một từ nào đó là động từ hay tính từ thì nên cho thử kết hợp với hãy, đừng , chớ,...Nếu kết hợp được thì đó là động từ.

**II. ĐẠI TỪ, ĐẠI TỪ XƯNG HÔ**

**1. Khái niệm**

- Đại từ là từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

+ Đại từ dùng để xưng hô (đại từ xưng hô , đại từ xưng hô điển hình): Là từ được người nói dùng để tự chỉ mình hay chỉ người khác khi giao tiếp .

Đại từ xưng hô thể hiện ở 3 ngôi:

- Đại từ chỉ ngôi thứ nhất (chỉ người nói): tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,.

- Đại từ chỉ ngôi thứ hai ( chỉ người nghe ) : mày, cậu, các cậu, ...

- Đại từ chỉ ngôi thứ ba ( người được 2 người ở ngôi thứ nhất và thứ 2 nói tới) : họ, nó, hắn, bọn họ, chúng nó,...

\* Đại từ dùng để hỏi : ai ? gì? nào? bao nhiêu ?...

\* Đại từ dùng để thay thế từ ngữ đã dùng cho khỏi lặp : vậy, thế .

**Lưu ý:** Đại từ có khả năng thay thế cho từ loại nào thì có thể giữ những chức vụ giống như từ loại ấy. Cụ thể :

- Các đại từ xưng hô có khả năng thay thế danh từ đo đó chúng có thể có chức vụ trong câu như danh từ.

- Các đại từ vậy, thế có khả năng thay thế động từ, tính từ do đó chúng có thể có chức vụ trong câu như động từ, tính từ.

- Bên cạnh các đại từ xưng hô chuyên dùng, Tiếng Việt còn sử dụng nhiều danh từ làm từ xưng hô (gọi là danh từ chỉ người lâm thời làm đại từ xưng hô). Đó là các danh từ:

+ Chỉ quan hệ gia đình-thân thuộc : ông, bà,anh, chị, em, con ,cháu,...

+ Chỉ một số chức vụ - nghề nghiệp đặc biệt :chủ tịch, thứ trưởng, bộ trưởng, thầy, bác sĩ, luật sư,...

Để biết khi nào một từ là danh từ chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc, danh từ chỉ chức vụ - nghề nghiệp và khi nào nó được dùng như danh từ chỉ đơn vị hoặc khi nào nó là đại từ xưng hô , ta cần dựa vào hoàn cảnh sử dụng cụ thể của nó.

VD1: Cô của em dạy Tiếng Anh (Cô là danh từ chỉ quan hệ gia đình- thân thuộc)

VD2: Cô Hoa luôn giúp đỡ mọi người ( Cô là danh từ chỉ đơn vị).

VD3: Cháu chào cô ạ ! (cô là đại từ xưng hô)

**3. Lưu ý:**

Tiếng việt còn sử dụng nhiều danh từ làm đại từ xưng hô (gọi là danh từ chỉ người lâm thời làm đại từ xưng hô). Vd:

- Chỉ quan hệ gia đình - thân thuộc: ông, bà, con, cháu, cậu, mợ,…

- Chỉ một số chức vụ, nghề nghiệp: chủ tịch, hiệu trưởng, luật sư, tiến sĩ,…

VD1: Cô của em dạy Tiếng Anh (Cô là danh từ chỉ quan hệ gia đình - thân thuộc)

V.D2: Cô Hoa luôn giúp đỡ mọi người (Cô là danh từ chỉ đơn vị).

V.D3: Cháu chào cô ạ! (cô là đại từ xưng hô)

**III. QUAN HỆ TỪ**

**I. Quan hệ từ là gì?**

Quan hệ từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau: và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,…

VD:

- Dù đúng hay sai thì cậu ấy cũng phải về nhà.

- Lan và Mai là đôi bạn cùng tiến trong học tập.

**II. Lưu ý**

Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng một cặp quan hệ từ. Các cặp quan hệ từ thường gặp là:

Vì…nên…; do….nên….; nhờ….mà…: Biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả

VD:

Vì trời mưa nên chúng tôi quyết định ở nhà.

Do lười học nên Hoa đã bị điểm kém trong bài kiểm tra vừa rồi

Nhờ kiên trì mà anh ấy đã đạt được cái gật đầu từ cô ấy

Nếu…thì…; hễ…thì…: Biểu thị giả thiết – kết quả, điều kiện – kết quả

VD:

Nếu mẹ đồng ý thì tối nay em sẽ đi xem phim với Hoa.

Hễ anh ấy nói chuyện thì lũ trẻ con trong xóm lại bắt đầu cười

Tuy…nhưng…; mặc dù…nhưng…: Biểu thị quan hệ tương phản

VD

Tuy đường xa nhưng Hoa chưa bao giờ đi học muộn.

Mặc dù mất điện nhưng Lan vẫn kiên trì ngồi học bài.

Không những….mà…; không chỉ…mà….:; Biểu thị quan hệ tăng tiến

VD

Không những lười học mà Hoa còn mải chơi.

Không chỉ chăm học mà Lan còn chăm làm việc nhà

**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1:**  Dựa vào ý khổ thơ 2 trong bài thơ Hạt gạo làng ta của Trần Đăng Khoa, viết một đoạn văn ngắn tả người mẹ cấy lúa giữa trưa tháng 6 nóng bức. Chỉ ra một động từ, một tính từ và một quan hệ từ em đã dùng trong đoạn văn ấy.

**\* Gợi ý trả lời**

Nơi em sống là một làng nhỏ gần bãi sông Hồng, nổi tiếng với nghề trồng lúa nước. Công việc của nhà nông thật cực nhọc. Giữa trưa tháng sáu, trời nắng như đổ lửa, nước ruộng nóng như nước sôi. Cá, tôm, cua cũng không sống nổi. Thế mà giữa trưa nắng chang chang, mẹ em và mọi người phải đội nắng khom lưng cần mẫn cấy từng hàng lúa để làm ra hạt gạo nuôi em ăn học.

Động từ: sống, trồng lúa, đổ, khom lưng, cấy, làm, nuôi, học.

Tính từ: nổi tiếng, cực nhọc, nóng bức, cần mẫn.

Quan hệ từ: với, của, như, thế mà, và, để

**Bài 2:** Tìm quan hệ từ trong mỗi câu sau và nêu rõ tác dụng của chúng.

a. Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.

(Võ Quảng)

b. Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

c. Bé Thu rất khoái ra ban công ngồi với ông nội, nghe ông rủ rỉ giảng về từng loài cây

(Theo Vân Long)

**Gới y trả lời:**

Các quan hệ từ và tác dụng của chúng:

a) Và, của, rằng là quan hệ từ.

**và** dùng để nối "Chim, Mây, Nước" với "Hoa"

**của** dùng để nối "tiếng hót kì diệu" với "Họa Mi"

**rằng** nối cho với bộ phận đứng sau

b) Và, như là quan hệ từ.

- **và** nối to với nặng

- **như** nối rơi xuống với ai ném đá

c) Với, về là quan hệ từ.

- **với** nối ngồi với ông nội

- **về** nối giảng với từng loại cây

**Bài 3**

Đặt câu với mối quan hệ từ: và, nhưng, của

**\* Gợi ý trả lời:**

**Và**

- Trăng, sao **và**mây trời đã làm cho bầu trời đêm thu đẹp mơ mộng.

- Những dụng cụ học tập như bút máy, bút chì, thước kẻ, com-pa, tẩy… **và**sách vở, em đều giữ gìn cẩn thận, lúc nào cũng sẵn sàng.

**Nhưng**

- Vào đầu năm học mới, nhiều hôm trời mưa rất to. **Nhưng** các bạn lớp em đều đi học đầy đủ và đúng giờ.

- Mây của bầu trời. Mây của những cơn mưa. **Nhưng** có lúc mây còn che mát những ngày hè nắng gắt.

**Của**

- Tất cả các đồ chơi **của** Nam đều được bố mua ở chuyến công tác Đà Nẵng

- Sông Lam là địa phận **của** tỉnh Nghệ An.

**Bài 4**: *Cho các từ sau:*

Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, cái, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, , chiếc, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phấn khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.

a. X*ếp các từ trên vào 2 loại* : danh từ và không phải DT

b. *Xếp các DT tìm được vào các nhóm* : DT chỉ người, DT chỉ vật, DT chỉ hiện tượng, DT chỉ khái niệm, DT chỉ đơn vị.

**Bài 5 :***Tìm chỗ sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng* :

a. Bạn Vân đang nấu cơm nước.

b. Bác nông dân đang cày ruộng.

c. Mẹ cháu vừa đi chợ búa.

d. Em có một người bạn bè rất thân.

**Bài 6:** Cho các từ : ***cánh đồng, tình thương, lịch sử***. Hãy đặt thành 2 câu ( với mỗi từ ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau.

**Bài 7:** *Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây* :

* Anh ấy đang ***suy nghĩ***.
* Những ***suy nghĩ*** của anh ấy rất sâu sắc.
* Anh ấy sẽ ***kết luận*** sau.
* Những ***kết luận*** của anh ấy rất chắc chắn.
* Anh ấy ***ước mơ*** nhiều điều.
* Những ***ước mơ*** của anh ấy thật lớn lao.

**Bài 8**: *Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ* :

* Đi ngược về xuôi.
* Nhìn xa trông rộng.
* nước chảy bèo trôi.

**Bài 9**: *Xác định DT, ĐT, TT của các câu sau :*

* Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
* Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.
* Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.
* Nước chảy đá mòn.

**Bài 10:** *Xác định từ loại của những từ sau :*

Niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình thương, yêu thương, đáng yêu.

**Bài 11:** *Xác định từ loại của những từ sau :*

Sách vở, kiên nhẫn, kỉ niệm, yêu mến, tâm sự,lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn , vui, thân thương, sự nghi ngờ, suy nghĩ, cái đẹp, cuộc vui, cơn giận dữ, trìu mến, nỗi buồn.

**Bài 12:** Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :

a. Tôi đang học bài thì Nam đến.

b. Người được nhà trường biểu dương là tôi.

c. Cả nhà rất yêu quý tôi.

d. Anh chị tôi đều học giỏi.

d. Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.

**Bài 13** :Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau , nói rõ từng đại từ thay thế cho từ ngữ nào :

Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc :

* Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? ( câu 1 )
* Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2 )
* Tớ cũng thế. (câu 3 )

**Bài 14** : Đọc các câu sau :

Sóc nhảy nhót chuyền cành thế nào ngã trúng ngay vào Chó Sói đang ngủ. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt, Sóc bèn van xin :

- Xin ông thả cháu ra.

Sói trả lời :

-Thôi được, ta sẽ thả mày ra. Có điều mày hãy nói cho ta hay , vì sao họ nhà Sóc chúng mày lúc nào cũng vui vẻ như vậy ?

( *Theo Lép Tôn- xtôi* ).

a.Tìm đại từ xưng hô trong các câu trên.

b. Phân các đại từ xưng hô trên thành 2 loại :

* Đại từ xưng hô điển hình.
* Danh từ lâm thời làm đị từ xưng hô.

**Bài 15 :** Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại :

a. Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.

b. Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.

c. Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?

* Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?
* Tớ cũng được 10 điểm.

**==============================================**

*============================================*

**BÀI 4: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ - TỪ VỰNG**

**A. Mục tiêu cần đạt**

- Hiểu thế nào là so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ

- Nhận biết và bước đầu phân tích đượcgiá trị của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong văn bản

- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong nói và viết

**B. Nội dung**

**I. So sánh**

**1. Khái niệm:**

Là việc đối chiếu hai hay nhiều sự vật có những điểm tương đồng nhằm làm nổi bật lên những đặc điểm riêng biệt của đối tượng đó và làm sự diễn đạt trở nên sống động, giàu hình ảnh, cảm xúc. So sánh được phân thành hai loại: so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

=>So sánh là sự đối chiếu sự vật, sự việc với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn biết ngủ, biết hoc hành là ngoan.

So sánh: Trẻ em = búp trên cành =>Đều non tơ, trẻ trung, bụ bẫm, đáng yêu.

**2. Cấu tạo của phép so sánh**

+ Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nếu lên sự vật, sự việc được so sánh)

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế).

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh

- Từ ngữ chỉ ý so sánh ( gọi tắt là so sánh)

- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

**3. Các kiểu so sánh**

Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

 Những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên là:

***“Những ngôi sao thức***” – “chẳng bằng” – ***“mẹ đã thức”***

=> So sánh ko ngang bằng

Ví dụ 2: Cô giáo như mẹ hiền

Hình ảnh so sánh: Cô giáo với mẹ hiền => So sánh ngang bằng

**4. Tác dụng của so sánh**

- So sánh có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể sinh động

- Vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm.

**II. Nhân hóa**

**1. Khái niệm**

Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm

của con người.

Ví dụ: *Khăn thương nhớ ai*

*Khăn rơi xuống đất*

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn vắt trên vai*

*Đèn thương nhớ ai*

*Mà đèn chẳng tắt*

*( Ca dao)*

Thương, nhớ: Vốn là hành động của con người được gán cho sự vật là khăn , đèn => nhân hóa

**2. Các kiểu nhân hóa**

Có 3 kiểu nhân hóa thường gặp

- Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật

- Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật.

- Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người

Ví dụ:

a. Từ đó, **lão***Miệng,***bác** *Tai,* **cô** Mắt**, cậu** *Chân***, cậu** *Tay* lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

*(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Miệng, Tai, Mắt, Chân,Tay*

b. Gậy tre, chông tre**chống lại**sắt thép quân thù. Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác. Tre**giữ** làng,**giữ** nước**, giữ**mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín.

*(Thép Mới)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Tre*

c.      Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

*(Ca dao)*

- Các sự vật được nhân hóa: *Trâu*

**B. Bài tập**

**Bài 1:**

Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.*Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời.* Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Bài 2***:*

Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 3:**

Hãy viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hóa.

**Gợi ý:**

Một ngày chủ nhật nhẹ nhàng, buồn chiều nắng nhẹ, tôi cùng **chú mèo con** đi ra cách đồng trước nhà. Dưới cánh đồng xanh thời thiếu nữ, từng **bác cua**, **chú ốc** đang lặng lẽ kiếm ăn. **Họ** **đào xới**những chiếc tổ dành riêng cho **gia đình mình**. Ngồi trên bờ ngắm cảnh, tôi nhìn thấy **cụ cua già**đang **chỉ đạo** **đàn con cháu** **xây** chiếc tổ mới thay thế cho chiếc tổ nhỏ xíu trước đây bởi **đứa con dâu** mới về của **cụ** chuẩn bị **sinh** một **đàn chắt đáng yêu** cho **cụ**. Bên kia bờ, lại có những **chị cốc**dắt theo **đàn con nhỏ** kiếm ăn. Dường như mới lần đầu đi theo **mẹ,** **đàn cốc bé** ríu rít, **ánh mắt** lộ rõ vẻ**hiếu kì,** **chăm chú nhìn** xuống thửa ruộng. Bầu trời hôm nay thật đẹp, trong xanh mà mát vẻ với những đám mây trắng bồng bềnh và những làn gió nhẹ thổi qua. Trên cao, **gia đình cò** cùng nhau trở về tổ, **họ** bay **chậm rãi** như đang **thưởng thức** vài ánh nắng nhẹ nhàng của **ông mặt trời.** Mọi vật **bận rộn** với những công việc của riêng mình và cả con người cũng vậy. Bác nông dân đang nhổ đi những đám cỏ xấu xí, bé Bi đang dắt**chú trâu** nhà mình gặm cỏ trên đồi, mẹ tôi đang loay hoay với khu vười nhỏ xinh,... còn tôi ngồi bên **bé mèo con** ngắm cảnh. Cuộc sống thật vui vẻ và bình yên.

**Phép nhân hóa trong bài:**chú mèo con, bác cua, chú ốc, họ, gia đình, cụ cua già, chỉ đạo, dàn con cháu, xây, đứa con dâu, cụ, sinh, dàn chắt, đáng yêu, chị cốc, đàn con nhỏ, mẹ, đàn cốc bé,ánh mắt, hiếu kì, chăm chú, nhìn, gia đình cò, họ, chậm rãi, thưởng thức, ông mặt trời, bận rộn, chú trâu, bé mèo con

**Bài 4:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh và nhân hóa.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

=============================================

**CHUYÊN ĐỀ 2: RÈN KĨ NĂNG LÀM VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. Kể chuyện đời thường.**

**1. Khái niệm:**

- Kể chuyện đời thường: là kể những câu chuyện hàng ngày đã từng diễn ra, đã trải qua, từng gặp

VD: - Kể lại một lần mắc lỗi

- Kể về một người bạn thân của em

- Kể một chuyện vui trong sinh hoạt

→ Kể chuyện diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, có người thật, việc thật

**\*. Yêu cầu kể:**

- Kể chân thật những điều em quan sát hoặc nghe thấy. Không cần thiết phải xây dựng thành truyện có tình tiết, diễn biến bất ngờ như truyện cổ tích, truyền thuyết, …Điều cốt yếu là các sự việc, chi tiết phải được lựa chọn để thể hiện tập trung cho một chủ đề nào đó gây ấn tượng. (Không được gặp đâu kể đó, nhớ gì kể đấy làm cho bài văn rời rạc, tản mạn)

**\*. Quá trình thực hiện một đề tự sự**

- 4 bước: - Tìm hiểu đề, tìm ý

- Lập dàn ý

- Viết bài

- Đọc lại và sửa chữa

**Đề 1. Kể lại một kỷ niệm đáng nhớ thời thơ ấu của mình.**

*\*Yêu cầu*

− Kiểu bài: kể chuyện đời thường.

- Nội dung:

+ Đó phải là một kỷ niệm để lại trong tâm hồn em những ấn tượng sâu sắc, khó phai mờ (có thể là kỷ niệm với một người thân; kỷ niệm với bạn bè, thầy cô; kỷ niệm về một chuyến đi...).

+ Kể lại diễn biến kỷ niệm ấy một cách hợp lý, các sự việc liên kết chặt chẽ. Câu chuyện để lại trong tâm hồn em một bài học, một cảm xúc sâu lắng...

- Hình thức: Dùng lời kể ngôi thứ nhất.

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài**

- Tuổi thơ của mỗi người có bao kỉ niệm buồn vui.

- Với em cũng vậy, em có rất nhiều kĩ niệm vui, buồn.

- Trong những kĩ niệm đó, em nhớ nhất một kĩ niệm buồn xảy ra năm em chuẩn bị vào lớp Một.

**2. Thân bài**

a). Giới thiệu sự việc

- Vào những ngày hè, quê hương em rất vui và náo nhiệt.

- Tuổi thơ chúng em vui chơi thỏa thích trong những chiều hè. Các anh lớn tuổi tập trung chơi bóng đá trên bãi cỏ. Một số anh chị lại chơi thả diều. Các chị chơi đá cầu hoặc kéo co. Tiếng cười đùa vang lên thật vui.

- Em theo các anh chị đi bắt chuồn chuồn, châu chấu về cho mấy con ngan, con vịt ăn. Rồi một sự việc bất ngờ đã xảy ra.

b). Diễn biến sự việc

- Em đang cố với tay bắt một con chuồn chuồn đậu trên cành cây bên cạnh bờ ao thì dưới chân em, đất bờ ao bỗng nhiên bị sụt lở. Em không kịp lùi lại nên rơi tùm xuống nước.

- Em không biết bơi. Hai tay em chới với. Một chút thôi mà em uống tới mấy ngụm nước.

- Em loáng thoáng nghe tiếng ai đó trên bờ kêu cứu.

- Khi em vùng vẫy sắp chìm xuống thì có ai đó nắm tóc em kéo lên.

- Thế rồi em chẳng còn hay biết gì nữa.

- Khi tỉnh dậy, em thấy mình đang nằm trong căn phòng với bốn bức tường sơn màu trắng. Xung quanh em là bác sĩ và cô y tá. Mẹ em đứng xa hơn một chút và nước mắt ngắn dài. Ba em đang đứng cạnh mẹ em.

- Suốt ngày hôm đó, mẹ luôn ở bên em. Lúc này, em mới cảm nhận được tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho em.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**3. Kết bài**

Sau khi về nhà, mẹ dặn em không nên chơi gần bờ sông, bờ ao vì chơi ở những nơi đó sẽ rất nguy hiểm.

- Em sẽ nghe lời dạy bảo của mẹ. Em tránh xa những nơi nguy hiểm.

- Đã nhiều năm rồi mà em vẫn không quên được kĩ niệm buồn thời thơ ấu của em.

**Đề 2. Kể lại chuyện mình (hoặc một bạn) từng mắc lỗi.**

*\*Yêu cầu*

− Kiểu bài: kể chuyện đời thường

− Nội dung: kể về một lần em mắc lỗi (không nghe lời ông bà, cha mẹ, thầy cô...; một việc làm thiếu trung thực...) làm cha mẹ (hoặc thầy, cô...) phiền lòng, bản thân em rất ân hận. Các chi tiết trong truyện cần hợp lý, chân thực.

- Hình thức: Kể ở ngôi thứ nhất, lời kể phải thể hiện được thái độ, cảm xúc của bản thân.

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**1. Mở bài**

- Câu chuyện này đã xây ra cách đây hơn một năm rồi, nhưng mỗi khi nhớ lại em lại thấy không vui vì hành động của mình ngày hôm đó.

- Em đến nhà dì chơi vào ngày chủ nhật, khi em và các em họ chơi trốn tìm, do mải tìm chỗ trốn mà em đã không may làm gãy mấy cành hoa hồng của dì.

**2. Thân bài**

- Em giật mình hoảng sợ vì biết dì rất thích giống hoa hồng Đà Lạt này và đã mất rất nhiều công ươm trồng, chăm sóc.

- Vì không có ai ở đó, nên em quyết định trốn sang chỗ khác và coi như không có chuyện gì xây ra,

- Buổi trưa, bữa cơm vẫn vui vẻ vì không ai phát hiện ra những cành hồng bị gãy. Dì còn liên tục khen em ngoan, học giỏi khiến em xấu hổ vô cùng.

- Về nhà em rất day dứt. Mấy ngày sau, em quyết định kể cho mẹ nghe. Mẹ không mắng mà khuyên em nên xin lỗi dì.

- Em đã xin lỗi và được dì tha lỗi cho.

**3. Kết bài**

- Đó là một kỉ niệm đáng nhớ với em. Em đã học được rằng: Phải sống trung thực, dám nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm.

**Đề 3. Hãy kể chuyện về gia đình em vào một chiều thứ bảy.**

*\*Yêu cầu*

- Kiểu bài: kể chuyện đời thường

- Nội dung: Kể, tái hiện được không khí, quang cảnh ấm cúng, hạnh phúc... trong gia đình em vào chiều thứ bảy (ví dụ: lời hỏi han trìu mến của ông bà, cử chỉ yêu thương của cha mẹ, sự quan tâm lẫn nhau của những thành viên trong gia đình...).

- Hình thức: Kể kết hợp với miêu tả (ánh mắt, nụ cười, cử chỉ âu yếm...), bộc lộ cảm xúc của em về quang cảnh ấy.

**Đề 4. Em đã được học rất nhiều cô giáo và có những kỷ niệm sâu sắc, hãy kể lại một trong những kỷ niệm đó.**

*\*Yêu cầu*

- Kiểu bài: kể chuyện về một nhân vật

- Nội dung:

+ Giới thiệu cô giáo từng dạy, có ấn tượng và nhiều kỷ niệm. Chú ý là cô giáo Tiểu học (vì người kể đang học lớp 6).

+ Trong số rất nhiều kỷ niệm, nên chọn kỷ niệm đáng nhớ nhất (Đó là kỷ niệm gì? Xảy ra khi nào? Xảy ra như thế nào? Vì sao lại xảy ra việc đó? Kết thúc ấy như thế nào?

+ Em suy nghĩ gì về kỷ niệm đó (việc làm đối với cô và thấy được những gì cô đã làm cho mình).

- Hình thức: Kể theo ngôi thứ nhất, kể xen bộc lộ tình cảm.

**Dàn ý 1**

**1. Mở bài:**

– Không khí tưng bừng đón chào ngày 20 – 11 ở trong trường lớp, ngoài xã hội.

– Bản thân mình: Nghĩ về thầy cô giáo và bồi hồi nhớ lại những kỉ niệm vui buồn cùng thầy cô, trong đó có một kỉ niệm không thể nào quên.

**2. Thân bài:**

– Giới thiệu về kỉ niệm (câu chuyện):

+ Đó là kỉ niệm gì, buồn hay vui, xảy ra trong hoàn cảnh nào, thời gian nào?…

– Kể lại hoàn cảnh, tình huống diễn ra câu chuyện (kết hợp nghị luận và miêu tả nội tâm):

+ Kỉ niệm đó liên quan đến thầy(cô) giáo nào?

+ Đó là người thầy (cô) như thế nào?

+ Diện mạo, tính tình, công việc hằng ngày của thầy (cô).

+ Tình cảm, thái độ của học sinh đối với thầy cô.

– Diễn biến của câu chuyện:

+ Câu chuyện khởi đầu rồi diễn biến như thế nào? Đâu là đỉnh điểm của câu chuyện?…

+ Tình cảm, thái độ, cách ứng xử của thầy (cô) và những người trong cuộc, người chứng kiến sự việc.

– Câu chuyện kết thúc như thế nào? Suy nghĩ sau câu chuyện: Câu chuyện đã để lại cho em những nhận thức sâu sắc trong tình cảm, tâm hồn, trong suy nghĩ: Tấm lòng, vai trò to lớn của thầy (cô), lòng biết ơn, kính trọng, yêu mến của bản thân đối với thầy (cô).

**3. Kết bài:**

Câu chuyện là kỉ niệm, là bài học đẹp và đáng nhớ trong hành trang vào đời của tuổi học trò.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Dàn ý 2**

**1. Mở bài:**

- Thấy các em nhỏ chuẩn bị sách vở, quần áo đón năm học mới, tôi lại nôn nao nhớ đến ngày đầu tiên đi học của mình.

(Hoặc:

- Tình cờ trông thấy bức ảnh trong ngày đầu mình đi học.

- Một món quà lưu niệm gợi nhớ ngày đầu tiên đi học,…)

- Nhớ nhất là những cảm giác bỡ ngỡ, hồi hộp, sợ sệt của mình.

**2. Thân bài:**

*a. Trước ngày khai giảng:*

- Trước ngày đi học, tôi được mẹ mua quần áo mới, tập sách mới. Lòng nôn nao không ngủ được.

- Trằn trọc, rồi lại ngồi dậy mân mê chiếc cặp mới và những quyển tập còn thơm mùi giấy.

Sáng, tôi dậy thật sớm, thay bộ đồng phục mới tinh mẹ mua từ mấy hôm trước. Trong lòng bồi hồi khó tả.

*b. Trên đường đến trường:*

- Chỉnh tề trong bộ đồng phục áo trắng quần xanh, đội nón lúp xúp đi bên cạnh mẹ.

- Bầu trời buổi sớm mai trong xanh, cao vòi vọi, vài tia nắng xuyên qua cành cây, tán lá. Vài chú chim chuyền cành hót líu lo.

- Xe cộ đông đúc, bóp còi inh ỏi.

- Hàng quán hai bên đường đã dọn ra, buôn bán nhộn nhịp.

- Có nhiều anh chị học sinh với khăn quàng đỏ trên vai, tươi cười đi đến trường.

- Hôm ấy là ngày tổng khai giảng năm học mới nên phụ huynh đưa con đến trường thật đông.

- Tôi trông thấy vài anh chị trong xóm, các bạn học mẫu giáo chung cũng được ba mẹ đưa đến trường.

- Cảnh vật quen thuộc mọi ngày sao hôm nay thấy khác lạ.

- Lòng tôi hồi hộp pha lẫn cảm giác e ngại rụt rè khi gần đến cổng trường tiểu học.

*c. Vào sân trường:*

- Ngôi trường bề thế, khang trang hơn trường mẫu giáo nhiều.

- Trước cổng trường được treo một tấm băng rôn màu đỏ có dòng chữ mà tôi lẩm nhẩm đánh vần được: “Chào mừng năm học mới”.

- Sân trường thật nhộn nhịp với cờ hoa, học sinh, phụ huynh, giáo viên,…trông ai cũng tươi vui rạng rỡ, áo quần tươm tất.

- Các anh chị lớp lớn vui mừng tíu tít trò chuyện với nhau sau ba tháng hè mới gặp lại.

- Tôi quan sát thấy nhiều bạn có lẽ cũng là học sinh mới vào lớp một như tôi bởi cái vẻ rụt rè, nhiều bạn còn bíu chặt lấy tay mẹ và khóc nức nở làm mắt tôi cũng rơm rớm theo.

- Một hồi trống vang lên, theo hướng dẫn của một thầy giáo các anh chị nhanh chóng xếp hàng vào lớp. Chỉ có lũ học trò lớp một bọn tôi là bối rối không biết phải làm gì.

- Chúng tôi được các cô giáo chủ nhiệm đọc tên điểm danh, có nhiều bạn được gọi tên nhưng lại sợ sệt im lặng không đáp lời cô đến nỗi phụ huynh phải lên tiếng đáp thay. Khi nghe gọi đến tên tôi, tôi giật mình. Tim đập nhanh. Trán rịn mồ hôi. Dù đã đi học mẫu giáo rồi nhưng trong lòng tôi vẫn cảm thấy hồi hộp, lo sợ thế nào ấy. Khi buông tay mẹ để bước vào hàng tôi có cảm giác bơ vơ lạc lõng. Vậy là tôi đã bước vào một thế giới khác: Rộng lớn và đầy màu sắc hơn. Nhiều bạn òa lên khóc nức nở bám lấy mẹ không chịu xếp hàng, cô giáo phải dỗ dành. Các bạn khác cũng khóc theo.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Thầy hiệu trưởng bước lên bục đọc lời khai giảng năm học mới.

- Sau đó giáo viên chủ nhiệm dẫn chúng tôi vào lớp. Tôi ngoái lại tìm mẹ, chân ngập ngừng không muốn bước. Mẹ phải dỗ dành an ủi.

*d. Vào lớp học:*

- Ngồi vào chỗ, đón nhận giờ học đầu tiên. (Ấn tượng sâu đậm về tâm trạng vừa bỡ ngỡ vừa sợ sệt, hồi hộp, gần gũi và tự tin,..).

- Mùi vôi mới, bàn ghế sạch sẽ …

- Quan sát khung cảnh lớp học: Các bạn ai cũng ngồi ngay ngắn, háo hức đón giờ học đầu tiên.

**3. Kết bài:**

Nhớ mãi kỉ niệm trong sáng êm đềm của tuổi thơ.

**Đề 5. Em hãy kể về một chuyến về thăm quê nội hoặc quê ngoại.**

*\*Yêu cầu*

- Kiểu bài: văn kể chuyện (kết hợp miêu tả).

- Nội dung:

+ Trình bày thời gian, không gian: quê ở đâu, đường về thế nào, về thăm khi nào?

+ Miêu tả những nét cơ bản nhất về phong cảnh làng quê (cây đa, bến nước...).

+ Những kỉ niệm thân thuộc từ thuở nhỏ, những ấn tượng sâu sắc.

+ Xúc cảm khi về quê cũng như khi chia tay.

+ Tình cảm sâu nặng đối với quê hương.

- Hình thức: Kể theo ngôi thứ nhất, kể xen bộc lộ cảm xúc.

*1. Mở bài*:

Lý do về thăm quê, về quê với ai?

*2. Thân bài:*

+ Cảm xúc khi được về quê

+ Quang cảnh chung của quê hương

+ Gặp họ hàng ruột thịt

+ Thăm mộ tổ tiên

+ Gặp bạn bè cùng tuổi

+ Dưới mái nhà người thân

+ Phút chia tay

*3. Kết bài:*

Cảm nghĩ về chuyến về quê

**Đề 6: Kể về một thầy (cô) giáo kính yêu nhất của em.**

*\*Yêu cầu*

Nêu được tình cảm với thầy (cô) giáo mà người viết yêu kính nhất.

*\*Nội dung*

- Giới thiệu người thầy (cô) giáo dạy mình.

- Miêu tả dáng qua dáng vóc, ăn mặc... đặc biệt là những chi tiết liên quan đến tính cách, phẩm chất... của thầy (cô) giáo.

- Dẫn dắt chuyện hợp lý, lô gích, phù hợp với tính cách nhân vật, cần có chi tiết bất ngờ, thú vị có sức lôi cuốn người đọc.

- Thầy (cô) giáo có ý nghĩa với tuổi thơ của người viết như thế nào?

\*Hình thức: Kể theo ngôi thứ nhất. Giọng kể thể hiện cảm xúc trân trọng, gần gũi, thân thương đối với thầy (cô) giáo.

**Dàn ý**

***1. Mở bài:***

- Giới thiệu qua về thầy/cô giáo mà em sắp kể.

- Kể lại hoàn cảnh và ấn tượng khiến em kính trọng và quý mến cô/thầy giáo.

***2. Thân bài:***

- Miêu tả đôi nét về thầy/cô giáo mà em quý mến. Nên tả những nét độc đáo và ấn tượng của thầy/cô giáo.

- Kể về tính tình, tính cách của thầy/cô giáo.

- Kỉ niệm sâu sắc nhất giữa em và thầy/cô giáo đó là gì?

- Tình cảm của em đối với thầy/cô giáo đó ra sao?

***3. Kết bài:***

- Nêu ra sự kính trọng và yêu mến khi không còn được học với thầy/cô giáo và em sẽ phấn đấu trong việc học tập để không phụ lòng thầy/cô.

**MỘT SỐ BÀI VĂN HAY THAM KHẢO**

## ****Đề 1: Hãy kể một kỉ niệm khó quên về tình bạn****

**Bài tham khảo 1**

Mai Anh là đứa bạn thân nhất của em, hai đứa luôn khăng khít với nhau, cùng nhau chia sẻ niềm vui nỗi buồn. Dù Mai đã theo gia đình về quê sinh sống nhưng những tình bạn tốt đẹp ấy vẫn luôn sống trong em.

Mai Anh có vóc dáng nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh nhưng rất khỏe, mái tóc dài thường buông xõa lúc ở nhà và được cột gọn gàng khi đến trường. Với gương mặt sáng cùng chiếc mũi thanh tú nhìn rất thông minh. Bạn là học sinh giỏi nhiều năm liền ở lớp. Vua siêng năng lại sáng dạ, học đâu hiểu đây và nhớ bài lâu, Mai Anh được các bạn mến phục. Mai Anh tốt lắm, luôn giúp đỡ những bạn gặp khó khăn về học tập lẫn sức khỏe.

Em nhớ như in một sự việc đã khiến em cảm thấy hổ thẹn, sự việc ấy đã là một kỉ niệm đẹp, một bài học quý cho em về tình bạn.

Bạn Dung trong lớp nghỉ học đã hai ngày, không rõ lí do,cô giáo và các bạn rất lo. Được cô giáo phân công, Mai Anh tìm đến nhà Dung. Gia đình Dung rất khó khăn. Bố mất sớm, mẹ lấy chồng và sinh sống nơi khác. Nhà chỉ còn Dung với bà. Bà lại già và thường xuyên đau ốm nên những ngày qua, bà không ra chợ mua bán rau củ được. Theo em, sau khi rõ căn nguyên, Mai chỉ cần báo lại cho cô là xong. Thế mà bạn ấy ngày hai buổi đến với bạn Dung. Có hôm tôi mịt mới về. Thú thật rằng khi ấy em giận Mai Anh lắm. Em cho rằng Mai Anh không còn thân thiết với em nữa. Em tỏ thái độ lạnh nhạt với bạn ấy, thậm chí, em cũng chẳng thèm đến nhà Dung, dù Mai Anh và các bạn cùng lớp nhiều lần khuyên nhủ.

Hôm Dung trở lại lớp, cô giáo tuyên bố với lớp rằng bạn ấy vẫn đủ sức dự thi học kì. Cô đã kiểm tra và nhận xét tốt về những kiến thức mà bạn Dung còn thiếu trong thời gian vắng mặt. Có được kết quả ấy, công của bạn Mai Anh rất lớn. Cô giáo rất hài lòng về bạn. Mai Anh là một người bạn tốt, luôn quan tâm đến mọi người, giúp đỡ ai thì giúp tận tình. Bà của Dung cũng gửi lời cảm ơn đến Mai Anh.

Thật ngại ngùng khi nghe Mai rủ vào thư viện xem truyện vào giờ ra chơi. Em lấy hết can đảm, hỏi Mai Anh có giận mình không. Câu trả lời của Mai Anh khiến em không thể nào quên: "Giận về điều gì? Tình cảm bạn bè rất đáng quý, đáng trân trọng nhất trong quãng đời học sinh. Không hài lòng vì ta chưa hiểu, khi hiểu thì ta sẽ quý nhau hơn.

Em rất nhớ Mai Anh, người bạn tốt nhất của em. Em cố gắng học thật tốt, thật giỏi để sánh với bạn ấy. Bạn Mai Anh là tấm gương để em noi theo.

**Đề 2: Kể lại một buổi sinh hoạt lớp em**

    Vào giữa năm học lớp chúng tôi được nhà trường báo là sẽ có cô giáo chủ nhiệm mới. Chúng tôi khá lo lắng vì cô giáo chủ nhiệm còn là cô giáo dạy văn mà tình hình học văn của chúng tôi cũng khá kém thế nên những buổi sinh hoạt lớp chắc chắn sẽ khiến chúng tôi cảm thấy rất sợ hãi đây.

    Đầu tuần chúng tôi cũng đã có những tiết học văn đầu tiên với cô giáo chủ nhiệm mới. Chúng tôi nhận xét cô là một giáo viên giỏi cô dạy rất hay và cô cũng rất hiền. Thế nhưng chúng tôi cũng khá là lo lắng khi thường thì cô giáo chủ nhiệm sẽ nhân những giờ ra chơi để nói về công việc học tập của lớp nhưng cô thì lại không nói gì về chuyện đó cả khiến chúng tôi càng cảm thấy lo lắng về buổi sinh hoạt lớp đầu tiên với cô giáo chủ nhiệm mới.

   Hôm ấy như thường lệ là tiết cuối cùng của ngày thứ bảy nên chúng tôi ở lại để sinh hoạt lớp. Đối với chúng tôi đây là một giờ khá căng thẳng nên chúng tôi khá lo sợ. Một lát sau khi cô giáo đã họp với nhà trường về những việc cần làm trong tuần tới, cô giáo lên lớp để bắt đầu buổi sinh hoạt lớp.

   Đầu tiên cô cho gọi các tổ trưởng báo cáo tình hình của tổ mình trong tuần vừa qua. Các bạn tổ trưởng bạn nào bạn ấy đều rất nhanh nhẹn báo cáo cho cô. Nói chung tình hình học tập của lớp tôi khá là tốt. Đến phiên bạn tổ trưởng nhận xét thì bạn nói lớp có bạn An của tổ chúng tôi xin nghỉ đã hai ngày nay do bạn phải đi viện. Sau phần báo cáo của bạn lớp trưởng cô có vẻ khá lo lắng cô nói hôm sau cô và chúng tôi sẽ đến nhà bạn động viên để bạn sớm phục hồi sức khỏe để nhanh chóng đi học lại. Nghe cô giáo nói đứa nào cũng đồng tình với cô và hứa sẽ đến thăm bạn. Sau phần phổ biến tình hình vừa qua của lớp cô đánh giá lại một lần nữa những ưu khuyết điểm của chúng tôi. Cô không khắt khe phạt nặng chúng tôi mà cô dùng những lời lẽ quan tâm hỏi thăm chúng tôi tại sao lại để tình trạng đó xảy ra. Trước những cử chỉ ấy của cô chúng tôi cảm thấy mình thật có lỗi vì đó chỉ là những việc đơn giản thôi mà chúng tôi lại không để ý.

   Sau đó cô triển khai những công việc mà chúng tôi phải làm trong tuần tới. Khi cô nói đến tuần tới trường ta sẽ tổ chức buổi liên hoan văn nghệ để chào đón ngày 20/11 cả lớp chúng tôi ùa lên thích thú. Chả là chuyện văn nghệ thì lớp chúng tôi thích lắm vì lớp có rất nhiều bạn mà chúng tôi hay gọi là giọng ca vàng mà. Cô thấy lớp tôi rất sôi động về vấn đề này nên cô cũng rất thích thú, cô nói mỗi tổ hãy chọn một bạn hát hay nhất để biểu diễn cho cả lớp xem thử để lấy biểu quyết. Thế là buổi sinh hoạt lớp càng sôi động hơn chúng tôi đứa nào đứa đấy mặt cũng hớn hở chọn ra giọng ca mà mình thích nhất. Cô cũng thường xuyên nhắc lớp giữ trật tự chút để lớp khác sinh hoạt, mỗi lần như thế chúng tôi lại im phăng phắc nhưng cũng chỉ một lát sau là đâu lại vào đấy cả. Cô đi đến từng tổ hỏi chúng tôi đã chọn ra ai thích hợp chưa. Khoảng mười lăm phút sau những giọng ca vàng của mỗi tổ đã lên biểu diễn. Bạn nào hát cũng hay, sau mỗi tiết mục của mỗi bạn là tiếng hò reo của cả lớp khiến cho không khí lớp chúng tôi càng sôi nổi hơn. Cuối cùng bạn được bình chọn nhiều nhất là bạn Dung bạn hát bài bụi phấn quả thật rất hay và rất ấm áp. Cô giáo cũng đồng tình với sự lựa chọn của chúng tôi đồng thời cô cũng nhắc nhở Dung là về phải tập hát thêm nữa để có thể dinh quà về cho lớp, Cô cũng nhắc bạn sắp đến ngày biểu diễn rồi nên cần phải giữ giọng để biểu diễn cho thật tốt.

    Buổi sinh hoạt lớp thực sự rất cần thiết đối với mỗi lớp học, nếu không có hoạt động này lớp học sẽ thiếu đi nền nếp của cả một tập thể, không có sự tổng kết của một tuần học từ đó sẽ không nhận ra những khuyết điểm cần phải khắc phục của cả lớp để từ đó đưa lớp đi lên tiến bộ hơn. Bên cạnh đó những buổi sinh hoạt như thế đã khiến chúng tôi hiểu rất nhiều về cô hơn và cũng khiến lớp chúng tôi củng cố được tinh thần đoàn kết hơn.

**Đê 3: Bài văn Kể về một việc làm tốt của bạn em**

Năm lớp bốn, có một chuyện mà đến giờ em vẫn nhớ trong câu chuyện đó em đã đấu tranh với sai lầm của chính mình.

Hôm đó, cô gọi các bạn lên bảng chữa bài tập toán, khi cô gọi bạn Mai Hương lên chữa bài, em nhìn thấy bạn lúng túng nói gì đó với bạn bên cạnh, lúc bạn lên đến bàn em, bạn nói thầm vào tai em: Phương Anh ơi! Cho tớ mượn vở nhé! Em hơi lưỡng lự rồi đưa cho bạn vở của mình. Các bạn chữa bài xong, cô bảo cả lớp thu vở lúc đó em mới lên nói với cô là Mai Hương quên vở, cô hỏi: Thế sao lúc này bạn lại có vở và lên chữa bài? Em trả lời là em không biết. Vừa lúc đó, tiếng trống trường từ báo hiệu giờ ra chơi, cô cho các bạn ra chơi, thế là cả lớp ùa ra ngoài như những chú chim non rời tổ, em cũng ra theo. Ra chơi vào, cô trả vở và gọi các bạn đọc điểm, cô gọi đến Mai Hương thì bạn lí nhí trả lời: Thưa cô, em… em quên vở ạ. Thế là cô cho bạn điểm kém, bạn rất buồn.

Về đến nhà, em kể chuyện của bạn cho mẹ, mẹ bảo em: Con nên đến thú thật với cô thì chắc cô sẽ không nói gì đâu. Tối hôm đó, em trằn trọc không ngủ được. Hôm sau, em đến nói thật với cô là chính em đã cho bạn mượn vở. Chẳng ngờ cô đã không mắng em mà còn khen em trong tiết học sinh hoạt lớp. Hôm đó em rất vui, khi vừa đến gặp mẹ ở nhà em đã tíu tít kể chuyện và em thấy mẹ nói rất đúng.

Câu chuyện đó luôn khắc sâu trong tâm trí em, em rất tự hào vì mình đã làm một việc tốt.

**Đề 4: Kể về ngày hội trên quê hương em - Lễ hội quê em**

   Mỗi vùng quê, mỗi mảnh đất đều có những phong tục tập quán riêng. Và những ngày hội là điều làm nên nét riêng vốn có ấy. Ở quê em cũng vậy, hằng năm cứ vào dịp tết đến lại có ngày hội tổ chức các trò chơi dân gian để mọi người cùng vui chơi và giải trí.

   Trò chơi dân gian được làng em tổ chức vào dịp mùng 3 Tết hằng năm, khi tiết trời mùa xuân đang ôm lấy cả đất trời. Không khí tươi mới, rạo rực, niềm vui luôn hiển hiện trên nụ cười của mỗi người. Những trò chơi dân gian được tổ chức tại sân kho của làng. Đó là một cái sân bằng đất rất rộng, đủ để mọi người vui chơi nhiều trò. Nào là trò vất cù, trò chơi chuyền, trò ném pháo đất, trò đấu vật. Mỗi trò đều có một nét đặc trưng riêng tạo nên không khí tưng bừng và phấn khởi nhất.

   Đây là lễ hội lớn nhất trong một năm của làng quê em. Có thể nói đây là ngày lưu giữ lại trong lòng người nhiều cảm xúc nhất. Vừa có cái gì đó tươi mới, vừa có cái gì đó gợi lại những điều xưa cũ. Những người đi trước luôn vẫn cảm thấy điều này khi xem các trò chơi dân gian diễn ra.

   Những đứa trẻ chúng em chỉ biết thích thú nhìn người lớn chơi và reo hò ầm ĩ. Dù thắng hay thua thì mọi người vẫn luôn giữ được niềm vui và nụ cười ở trên môi. Bởi rằng ngày Tết, tổ chức lễ hội là để ôn lại truyền thống, để gìn giữ và phát huy hơn nữa nét đẹp truyền thống đối với thế hệ trẻ.

   Trò chơi nào cũng thu hút được người xem, tuy nhiên lớn nhất vẫn là trò chơi đánh đu. Ai đu cao hơn sẽ giành chiến thắng. Nhiều lúc em có cảm tưởng như người ta sắp rơi khỏi dây vì đu lên quá cao. Trò chơi ném pháo đất với tiếng nổ lớn, vang xa cũng khiến nhiều người xem thích thú.

   Người chơi ai cũng nỗ lực chơi hết mình, không mong dành chiến thắng nhưng mang đến cho người xem nhiều tiếng cười cũng như dư âm thú vị sau khi kết thúc. Cứ thế sân kho của làng trở nên đông đúc trong tiết trời se lạnh của những ngày Tết. Ai cũng háo hức, vui mừng khi được đắm chìm trong không khí vui tươi và an lành như thế này.

   Mọi người cùng chúc nhau những lời chúc tốt đẹp sau khi lễ hội kết thúc và trao cho nhau những phong bao lì xì đầy may mắn.

**Bài tham khảo số 2**

    Mùa xuân là mùa tưng bừng, rạo rực nhất trong năm. Làm nên không khí rộn ràng, sôi nổi ấy một phần lớn nhờ vào những lễ hội xuân náo nhiệt, ồn ã mà không kém phần trang nghiêm. Rồi cái ngày người dân quê tôi mong chờ đã đến, mùng sáu Tết, quê tôi có lễ hội làng truyền thống.

    Lễ hội làng tương truyền là để nhớ đến thành hoàng làng đã có công khai khẩn đất hoang lập làng lập xóm. Theo tục lệ, vào buổi sáng sẽ có lễ rước rồng. Và thế là từ sáng sớm, mọi người đã quần là áo lượt chỉnh tề để ra đường đón chờ đoàn rước. Những nhà nằm trên đường đoàn rước đi qua thì lập nhanh một bàn thờ nhỏ đặt trước cửa nhà nhang khói nghi ngút.

   "Tùng tùng tùng cắc, tùng tùng tùng tùng..." từ xa tiếng trống bất ngờ vang lên rộn rã. Đoàn rước tiến lại gần. Đi đầu là một con rồng giả được đội múa rồng của làng tạo nên. Nó uốn lượn những đường vòng đẹp mắt, cái đầu rồng thì lắc lư chuyển động liên tục, rồng giả mà cũng oai hùng lắm! Tiếp đó là đoàn trống chiêng ồn ã, náo nhiệt đi trước dọn đường cho đoàn rước kiệu thành hoàng làng.

   Chiếc kiệu tám người khênh với đường nét tinh xảo được sơn son thiếp vàng cầu kì, trang nghiêm. Sau kiệu là hai chiếc lọng rất lớn màu đỏ rực rỡ. Theo sau là một chú ngựa gỗ cao to như thật. Nối theo sau là đoàn người mang bát bảo, mang cờ ngũ sắc rực rỡ tưng bừng.

   Tiếp đến là những đại diện các tầng lớp xã hội trong làng: hội người cao tuổi, hội phụ nữ, hội nông dân, đội thiếu nhi. Mỗi hội người lại mang một bộ đồng phục đặc trưng: áo tứ thân, áo the khăn xếp, áo dài,... tất cả đều rực rỡ sắc màu. Đi cuối cùng đoàn rước là mọi tầng lớp nhân dân, già trẻ, gái trai,... họ đi theo đoàn rước để cầu khấn những điều may mắn trong năm mới.

   Đoàn rước đi mỗi lúc một xa nhưng gương mặt ai cũng tươi tắn, họ mang theo cảm giác tự hào, hãnh diện và sung sướng. Phần “lễ” được diễn ra trọn vẹn vào buổi sáng như thế, còn phần “hội” sẽ được diễn ra vào buổi chiều ngày hôm ấy. Không khí của hội dễ khiến người đi dự choáng ngợp bởi sự đông, vui tấp nập hiếm có.

   Những gian hàng bán quà lưu niệm chạy dài một bên đường cái mà người chủ hàng là những người trong làng trong xã, họ đến bán hàng để cầu may, cầu phúc cho năm mới. Đi sâu vào trong là khu trò chơi dân gian. Bên trái là cờ người, bên phải là đánh vật còn chếch sang trái là nấu cơm niêu đất.

   Trò chơi nấu cơm niêu đất đến lạ. Hai người một nam một nữ, nam gánh nồi cơm chạy còn nữ sẽ phải chạy theo nam đốt lửa phía dưới bao giờ cơm chín tới mới được thôi. Cạnh đó là thi kéo co, chia làm hai đội mỗi đội mười người ra sức kéo một sợi dây thừng đến khi nào bên kia chịu thua mới thôi. Ngoài ra còn trò chơi ném tiêu, bịt mắt bắt dê,... các trò chơi hiện đại khác cũng xuất hiện rất nhiều: đu quay, chạy tàu điện,...

    Kết thúc buổi lễ hội, mọi người ra về trong tâm trạng phấn khởi hân hoan. Lễ hội làng tôi là một nét đẹp về văn hóa truyền thống dân tộc, mong sao tục lệ tổ chức lễ hội đầu năm này được lưu truyền mãi.

**Đề 5: Kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên đi học của em**

     Đầu năm nay, dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp nên chủ yếu thời gian chúng em được các thầy cô dạy học online và không phải đến trường. Thật may mắn rằng Việt Nam đã kiểm soát được dịch và cuộc sống trở lại như bình thường. Chính vì thế, việc quay lại trường trong ngày đầu tiên của năm học mới đối với chúng em vô cùng ý nghĩa.

     Hơn nửa năm chỉ học ở nhà không được gặp thầy cô và bạn bè khiến em vô cùng buồn chán. Khi nhận được tin mùa thu này chúng em được quay lại trường học em đã rất vui mừng. Em cùng bố mẹ đi hiệu sách sắm sửa sách vở cẩn thận, chu đáo. Từng quyển sách, quyển vở được em bao bọc và dán nhãn thật đẹp đẽ. Em hồi hộp đếm từng ngày được gặp lại bạn bè và mái trường thân yêu.

    Cuối cùng ngày ấy cũng đã đến, sau bữa cơm tối, bố mẹ dặn dò em kiểm tra lại sách vở đồ dùng, quần áo một lần nữa để ngày mai có thể đến trường thật tốt. Em ngồi khoanh tay trên bàn ngắm nhìn những quyển sách mới tinh được xếp ngăn nắp và suy nghĩ miên man. Không biết trong những tháng ngày qua các bạn đã thay đổi như thế nào; những cái cây bé xíu trong trường đã lớn thêm nhiều chưa; bao nhiêu câu hỏi vây quanh em vừa làm em háo hức, hồi hộp lại thêm trằn trọc khó ngủ.

    Sáng ngày tựu trường em dậy sớm và được mẹ đưa đến trường. Trước cánh cổng rộng lớn đang mở ra trước mắt mình, em vẫy tay chào mẹ rồi bước vội vào trong. Hiện ra trước mắt em là một sân trường đông đúc, rộn rã tiếng cười đùa, trò chuyện của các bạn học sinh sau bao ngày gặp lại. Những hàng cây như lớn hẳn lên, chững chạc, cứng cáp hơn trước rất nhiều. Thoang thoảng là mùi sơn mới của những bức tường, những bộ bàn ghế lâu ngày không sử dụng được nhà trường tân trang lại.

    Em từ từ bước đi, hít thở bầu không khí ở trường học đã lâu không được tận hưởng thì chợt có một cánh tay vỗ vào vai em. Hóa ra đó là cô bạn thân cùng lớp của em. Chà! Cậu lớn hơn nhiều đấy nhỉ. Chúng em cùng nhau trò chuyện tíu tít và bước đi đến lớp học của mình - cái cảm giác mà lâu lắm rồi mới có lại được vô cùng dễ chịu. Bước chân vào lớp học, các bạn tươi cười chào em; bạn nào cũng lớn hơn, đáng yêu hơn và vui vẻ hơn. Vì là ngày đầu tiên nên chúng em chưa phải học gì nhiều chỉ nghe cô giáo dặn dò và chuẩn bị cho buổi khai giảng ngày mai. Cô giáo từ từ bước vào lớp, trên tay cầm quyển sổ ghi chép tươi cười nhìn chúng em. Cô mặc chiếc áo dài trắng, khuôn mặt hiền từ, giọng nói nhẹ nhàng và có nụ cười tươi. Cô phổ biến chúng em về nội quy của lớp học và công tác chuẩn bị cho năm học mới. Chính sự tập trung và say mê của cô làm cho chúng em đắm chìm mà quên mất đi sự trôi chảy của thời gian.

     Sau khi phổ biến xong nội quy lớp học và nội dung chương trình, cô trò chuyện cùng chúng em để hiểu nhau hơn. Buổi dặn dò kết thúc trong niềm hân hoan của cả cô và trò. Trở về nhà trong tâm trạng vui vẻ, em hi vọng đây sẽ là một năm học đầy may mắn và hứng khởi.

**=================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 3: RÈN KĨ NĂNG LÀM VĂN MIÊU TẢ**

### 1. Yêu cầu bài văn miêu tả

- Miêu tả là dùng lời văn có hình ảnh, làm hiện ra trước mắt người đọc bức tranh cụ thể về một cảnh, một người, một vật đã làm ta chú ý và cảm xúc sâu sắc. Người tả phải nắm vững cảnh, vật mình định tả có những nét gì nổi bật, đặc sắc và diễn tả lại bằng từ ngữ giàu sức gợi cảm, cho thấy rõ hình khối, kích thước, màu sắc, âm thanh, hương vị,...và những cảm giác vui, buồm, ngạc nhiên, thích thú,...khi nhìn cảnh, vật.

Cầm trên tay chiếc bút máy, ta có thể tháo rời để xem nó có những bộ phận gì: nắp bút, thân bút, ngòi bút; Riêng nắp bút lại gồm: nắp nhựa, đai sắt, ghim cài, ốc chốt. Nếu chỉ mới nêu tên thế thôi thì đó là kể. Tả là phải nói cụ thể hơn, làm cho người đọc, người nghe như trông thấy trước mắt từng bộ phận của nó: Vuông, tròn, to, nhỏ, dài, ngắn ra sao, có màu sắc gì?...lại thấy cả tình cảm gắn bó giữa người với bút. Nhìn cảnh, vật ta nhìn bằng mắt và cả bằng tấm lòng yêu ghét của mình. Bài tả phải vừa gợi hình, vừa gợi cảm, phải đạt được những yêu cầu sau:

- Tả giống với thực tế.

- Tả cụ thể và có thứ tự.

- Tả gắn với tình người.

Đối với HSG, những yêu cầu trên được nâng cao hơn, cụ thể:

- Tả có những nét tinh tế.

- Tả sinh động.

- Cảm xúc lồng vào các nét tả tự nhiên và đậm đà.

**2. Phương pháp chung:**

Nhằm đạt được những yêu cầu trên, cần làm tốt mấy việc dưới đây:

- Quan sát trực tiếp và tỉ mỉ cảnh, vật, người định tả: Sự tiếp xúc hàng ngày chỉ cho ta những nhận biết hời hợt, chung chung, chưa toàn diện. Có quan sát kĩ, nhiều mặt, nhiều lượt, bằng nhiều giác quan (nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm) thì mới có những hiểu biết đầy đủ, phong phú và chính xác. Quan sát trực tiếp còn cho ta những cảm xúc "nóng hổi" để đưa vào bài viết, tránh được tẻ nhạt.

- Quan sát tìm ý đi đôi với tìm từ ngữ để diễn tả đúng và sinh động điều đã quan sát được.

- Cân nhắc để chọn được một thứ tự sắp xếp các chi tiết sẽ tả mà mình coi là thích hợp hơn cả. Thông thường, ta trình bày theo thứ tự không gian (từ bao quát toàn thể đến các bộ phận chi tiết, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới,...). Ta cũng có thể trình bày theo thứ tự thời gian (điều gì thấy trước, diễn ra trước thì tả trước); hoặc theo thứ tự tâm lí (nét gì mình chú ý nhiều nhất hoặc cho là quan trọng nhất thì tả trước). Đó là phần thân bài. Một bài văn miêu tả hoàn chỉnh phải gồm đủ 3 phần: MB, TB, KB.

### 3. Tả đồ vật

a. Phương pháp làm bài:

\*Bước 1: Xác định đối tượng miêu tả:

Đồ vật em định tả là cái gì? Đồ vật đó của ai? Do đâu mà có? Nó xuất hiện trong thời gian nào?

\*Bước 2: Quan sát đối tượng miêu tả:

- Quan sát kĩ: hình dáng, kích thước, màu sắc của đồ vật và chất liệu tạo nên nó.

- Ghi nhớ những nét bao quát và những nét cụ thể của đồ vật (cấu tạo bên ngoài, bên trong, từng bộ phận....). Sắp xếp các chi tiết ấy theo một trình tự hợp lí cho dễ miêu tả.

- Công dụng của đồ vật ấy đối với người sử dụng.

\*Bước 3: Lập dàn ý.

\*Bước 4: Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để xây dựng thành một bài văn tả đồ vật hoàn chỉnh.

**b. Dàn bài chung:**

\* Mở bài:

- Tên đồ vật được tả.

- Đồ vật ấy của ai? Nó được mua hay được làm, trong thời gian nào?

\*Thân bài:

- Tả khái quát về hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu và cấu tạo của đồ vật đó.

- Tả cụ thể tường bộ phận của đồ vật (theo trình tự từ trên xuống dưới hay từ ngoài vào trong).

- Tác dụng của đồ vật.

\*Kết bài:

Nêu cảm nghĩ của bản thân đối với đồ vật được miêu tả.

c. Bài tập thực hành:

\*Đề bài: Em hãy tả lại chiếc bút máy mà em đang sử dụng.

### 4. Tả cây cối

a- Phương pháp làm bài:

\*Bước 1: Xác định đối tượng miêu tả:

Cây định tả là cây gì? Của ai? Trồng ở đâu? Có từ bao giờ?...

\*Bước 2: Quan sát:

Quan sát toàn diện và cụ thể đối tượng miêu tả. Rút ra các nhận xét về:

- Tầm vóc, hình dáng, vẻ đẹp của cây (rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả,...).

- Màu sắc, hương thơm (tập trung nhất ở hoa, quả).

- Tác dụng của cây đó đối với môi trường xung quanh và cuộc sống con người.

\*Bước 3: Lập dàn ý:

Sắp xếp các chi tiết đã quan sát được theo mộtt trình tự hợp nhất định thành dàn ý.

\*Bước 4: Làm bài:

Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để từ dàn ý viết thành một bài văn tả cây cối hoàn chỉnh.

**b. Dàn bài chung:**

**Mở bài:**

- Giới thiệu cây cần miêu tả.

- Đó là cây gì? Mọc ở đâu?

- Ấn tượng của bạn về cây đó.

(Chú ý, phần mở bài nên ngắn gọn, không nên giới thiệu lòng vòng. Nếu có thể, bạn nên trực tiếp miêu tả cây ngay từ những dòng dồng tiên để thu hút sự chú ý của người đọc).

**II. Thân bài:**

*a. Miêu tả tổng quát và chi tiết đặc điểm của cây:*

- Miêu tả hình dáng, chiều cao, màu sắc, phạm vi tỏa bóng,….(Có thể so sánh với các cây khác có ở xung quanh hoặc cây mà bạn biết).

- Miêu tả chi tiết từng bộ phận cây. Đối với bài miêu tả cây cối bạn nên theo trật tự từ dưới lên trên (từ gốc rễ đến hoa lá). Trật tự này phù hợp với cấu trúc cây, xuất phất từ cội nguồn sinh dưỡng (rê) đến cơ quan duy trì giống nòi (quả) là rất hợp lí, lại giúp người đọc dễ hình dung:

- Gốc và rễ cây.

- Thân gốc và thân chính.

- Cành lớn và các nhánh nhỏ.

- Lá cây và tán lá cây.

- Hoa, quả, hạt.

- Mầm non.

(Chú ý, khi miêu tả bạn phải dùng nhiều tính từ miêu tả, từ láy và các biện pháp nghệ thuật như so sánh, liệt kê, nhân hóa, cường điệu để làm cho việc miêu tả thêm phần sinh động, hấp dẫn, giàu sức biểu cảm).

*b. Miêu tả những sinh vật sống trên cây hoặc gắn với cây:*

- Chim chóc, ông bướm, sóc,…

- Sâu bọ, kiến, các côn trùng khác….

- Miêu tả các yếu tố ngoại cảnh tác động lên cây:

- Nắng, mưa, gió, bão, giá rét,…

- Các tác động của con người: Chăm tưới, bảo vệ, hủy hoại, đốt, đốn hạ).

- Miêu tả vai trò, ý nghĩa của cây trong đời sống con người:

- Cho hoa, bóng mát, gỗ, che chắn,…

- Ý nghĩa tâm linh, tín ngưỡng,….

*c. Miêu tả các hoạt động và tình cảm của con người đối với cây:*

- Vui chơi, nghỉ mát, thưởng thức hoa đẹp,…

- Các hoạt động văn hóa.

**Kết bài:** Khẳng định giá trị, vai trò, ý nghĩa của cây trong đời sống và những hành động (bảo vệ, phát triển, tôn vinh

### 5. Tả loài vật

**a. Phương pháp làm bài:**

\*Bước 1: Xác định đối tượng miêu tả.

Con vật em định tả là con gì? Của ai? Nuôi đã được bao lâu?...

\*Bước 2: Quan sát con vật:

- Quan sát con vật trong môi trường sống của nó. Chú ý tới ngoại hình với những đặc điểm tiêu biểu về hình dáng, màu sắc, đường nét,...

- Quan sát những đặc tính bên trong của con vật, thể hiện qua tính nết, hành đọng của con vật. Những nét thể hiện rõ nhất đặc tính chung của giống loài và những nét mang tính cá thể, riêng biệt của con vật.

- Nhận xét về mối quan hệ giữa con vật với môi trường xung quanh và đời sống con người.

\*Bước 3: Lập dàn ý chi tiết, ghi rõ những nội dung cần miêu tả.

\*Bước 4: Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để phát triển dàn ý thành một bài văn tả loài vật hoàn chỉnh.

**b. Dàn bài chung:**

**a. Mở bài:**Giới thiệu về con vật nuôi mà em yêu thích:

- Con vật đấy là loài động vật gì? Tên của nó là gì?

- Con vật đấy là do ai nuôi? Em có yêu thích nó không?

**b. Thân bài**

- Miêu tả con vật đó:

- Con vật nó có hình dáng, kích thước, cân nặng như thế nào? (có thể so sánh với các đồ vật tương đương để xác định rõ hơn)

- Con vật đấy có bộ lông bên ngoài như thế nào? (màu sắc, độ dài, cảm giác khi chạm vào)

- Những chiếc chân của nó có hình dáng, kích thước như thế nào? Và có đặc điểm gì đặc biệt? (giống chim có móng vuốt, chó mèo thì có đệm thịt dưới chân…)

- Đôi mắt, cái tai, cái miệng, hàm răng… của nó có hình dáng gì, có gì đặc biệt không?

- Cái đuôi của nó có độ dài, kích thước thế nào? Khi trong trường hợp đặc biệt thì có phản ứng gì lạ không?

- Miêu tả tính cách, hoạt động của con vật:

- Con vật đấy có tính nết như thế nào? (ngoan ngoãn, hiếu động, nghịch ngợm, lười biếng…)

- Hằng ngày, con vật đấy thích làm gì? (chạy bộ, nằm tắm nắng, bay lượn…)

- Con vật đấy có thích chơi với em không? Các em sẽ chơi trò gì?

- Món ăn yêu thích của con vật là gì?

**c. Kết bài**

- Tình cảm của em dành cho con vật đó

- Những mong muốn của em dành cho con vật đó

### 6. Tả người

**a. Phương pháp làm bài:**

Tả người là ghi lại những riêng về hình dáng và tính tình của một người mà em đã nhìn thấy.

Để làm tốt dạng văn tả người, em cần phải:

- Xác định rõ người sẽ tả là ai.

- Quan sát kĩ người sẽ tả để tìm ra những nét riêng biệt của người đó. Mỗi lứa tuổi, con người có những đặc điểm về hình dáng và tính tình khác nhau (người già thì tóc bạc, da nhăn; người trẻ thì mái tóc mượt mà, làn da căng tràn sức sống,...). Mỗi người một hoàn cảnh sống, một trình đọ văn hoá khác nhau. Tất cả những thứ ấy đều có ảnh hưởng đến sinh hoạt toàn diện của họ.

- Lựa chọn những từ ngữ thích hợp (nhất là các động từ, tính từ để vừa nêu được những nét riêng biệt, nổi bật nhất của người được tả, vừa bộc lộ được thái độ, tình cảm của mình đối với người đó.

**b. Dàn bài chung:**

\*Mở bài:

Giới thiệu người sẽ tả: Em được gặp người ấy ở đâu/ Trong thời gian nào? Cảm xúc ban đầu của em về người đó như thế nào?...

\*Thân bài:

- Tả hình dáng:

+Tả bao quát về tuổi tác (già hay trẻ), tầm vóc (cao lớn hay nhỏ nhắn), dáng điệu (duyên dáng, nhanh nhẹn hay chậm chạp), nghề nghiệp (bác sĩ, công nhân,...), cách ăn mặc,...

+Tả chi tiết: Những nét nổi bật nhất (khuôn mặt, mái tóc, đôi mắt, cái miệng, làn da, chân tay,...)

- Tả tính tình - hoạt động:

+ Tính tình của người đó như thế nào? (chất phác, vui nhộn hay dễ cáu gắt,...). Giọng nói ra sao? (nhẹ nhàng hay sang sảng), cử chỉ, điệu bộ,...Cách cư xử với người khác (ân cần, chu đáo,...), việc làm bộc lộ rõ rệt đạo đức, tình cảm và tính nết của người được tả.

+ Hoạt động: Tả các việc làm cụ thể: người ấy đang làm gì? Cách làm như thế nào?

Chú ý: Khi tả người, cần làm nổi bật các đặc điểm về lứa tuổi, tác phong, tính tình, hình dáng cho phù hợp với nghề nghiệp, hoàn cảnh riêng của mỗi người; cần kết hợp tả hoạt động, tính tình và đôi nét về hình dáng.

\*Kết bài:

Cảm nghĩ cuối cùng của em về người đó (ấn tượng sâu sắc, ảnh hưởng của người đó đối với bản thân...)

**c. Bài tập thực hành:**

**\*Đề bài: Em hãy tả lại mẹ em và nói lên tình cảm của em đối với mẹ.**

**Bài tập 1: (yêu cầu từ tiết trước)**

Hãy quan sát kĩ mẹ của mình.

**Bài tập 2:**

Diễn đạt lại các câu văn sau cho hay hơn:

- Mẹ em ngoài (30) tuổi.

- Người mẹ (gầy).

- Gương mặt (xương xương).

- Đôi mắt (hiền dịu).

- Tóc mẹ (dài).

- Nước da mẹ (hơi đen).

- Bàn tay mẹ (chai sần).

(Chú ý: Các em có thể điều chỉnh phần trong ngoặc đơn cho phù hợp với hình dáng của mẹ mình)

**Bài tập 3:**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 dòng), tả tính tình mẹ em dựa vào các gợi ý sau:

- Mẹ em là người giản dị, ân cần và chu đáo.

- Mẹ chăm chỉ, lam lũ, không ngại gian khổ.

- Mẹ rất thương yêu mọi người trong gia đình.

(Chú ý: Các em có thể tự điều chỉnh các gợi ý cho phù hợp với tính tình của mẹ mình).

### 7. Tả cảnh

**a. Phương pháp làm bài:**

\* Bước 1: Xác định đối tượng miêu tả:

Xác định xem đối tượng miêu tả là cảnh gì? Ở đâu? Cảnh đó có từ bao giờ?...

Phạm vi không gian và thời gian của cảnh được miêu tả và nội dung chủ yếu cần làm toát lên từ cảnh đó.

Lưu ý: Trong các cảnh được miêu tả, có khi bao gồm cả người và vật, nhưng cảnh vẫn là chính. Phần tả người và vật làm cho cảnh trở nên sinh động, tự nhiên.

\*Bước 2: Quan sát đối tượng miêu tả.

Chọn vị trí quan sát thuận tiện nhất để nắm bắt được những chi tiết, đặc điểm cơ bản quan trọng của cảnh. Người quan sát có thể là người trong cuộc (người trực tiếp tham gia) hoặc là người trực tiếp chứng kiến.

Quan sát bằng mắt nhìn, tai nghe và kết hợp các giác quan khác. Lưu ý đến các yếu tố: màu sắc, hình ảnh, âm thanh có hoà hợp với nhau không?

\*Bước 3: Lập dàn ý.

\*Bước 4: Sắp xếp ý, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để xây dựng thành một bài văn hoàn chỉnh.

**b. Dàn bài chung:**

\*Mở bài:

- Giới thiệu cảnh định tả (ngôi nhà, trường học, vườn hoa,...).

- Cảnh đó ở đâu? Em tả nó vào thời điểm nào? Em có tham gia chứng kiến cảnh đó?...

\*Thân bài:

- Tả những nét chung nổi bật của toàn cảnh: Những nét bao quát khi thoạt nhìn cảnh:

Quang cảnh chung, cảm tưởng chung về cảnh.

- Tả từng bộ phận của cảnh (theo trình tự hợp lí từ ngoài vào trong hoặc từ trên xuống dưới,...).

+ Chọn tả những nét tiêu biểu nhất, xác định trung tâm của cảnh cần miêu tả là gì?

+ Chú ý tả đường nét, màu sắc của cảnh vật. Sự liên quan giữa cảnh vật ấy với cảnh vật xung quanh nó.

+ Tả người, vật gắn với cảnh (nếu có).

- Tình cảm, thái độ của người tả.

\*Kết bài: Nêu cảm nghĩ của người viết trước cảnh được tả.

**MỘT SỐ BÀI THAM KHẢO**

### Đề 1: Tả cái tủ lạnh

Trong căn bếp ấm áp của gia đình em, nhờ có bàn tay khéo léo của mẹ mà mọi đồ vật đều được sắp xếp gọn gàng, sạch đẹp. Trong số những đồ vật đó, em thích nhất là chiếc tủ lạnh bởi nó phục vụ nhu cầu tất yếu cho các thành viên trong gia đình. Nó đến với gia đình em đã được ba năm rồi từ nhà sản xuất Samsung.

Cái tủ lạnh nhà em trông còn mới lắm. Nằm gọn gàng trong góc bếp nhà em nhưng với em nó như một người khổng lồ âm thầm, lặng lẽ. Cái tủ cao hơn đầu em, màu bạc lấp lánh. Nó có cái đế thật chắc chắn. Phía trước tủ là hình ảnh một mùa đông giá lạnh với gia đình người tuyết đang dạo chơi. Nhìn thấy nó đã thấy mát dịu cả người.

Tủ lạnh là một khối hình hộp chữ nhật thẳng đứng có dung tích 120 lít. Vỏ tủ lạnh bằng nhựa trắng với màu sơn bạc trông rất mát mắt. Tủ được chia thành hai tầng. Tầng trên là ngăn đá nên chứa nhiều hơi lạnh nhất. Tầng dưới lại có nhiều ngăn nhỏ khác, ngăn đựng thức ăn, ngăn đựng rau, trứng, ngăn để đồ uống...

Tủ lạnh như một siêu thị thu nhỏ. Mở cửa tủ, bao hơi mát ùa ra mang theo sự sảng khoái. Khi đói bụng, em lại chạy đến bên tủ lạnh, lúc đó nó là “người bạn” em yêu nhất. Mở cánh cửa lớn là phần dưới tủ lạnh, đây là ngăn mát có ba tầng và một hộc kéo có nắp, mỗi tầng là một tấm kính chịu lực dày tám li. Phần này là nơi để rau quả, nước uống thức ăn.

Có bốn hộc đeo ở cánh cửa. Các phần bên trong tủ làm bằng nhựa cao cấp màu trắng và mi-ca mờ. Tủ lạnh giúp mẹ đỡ mất thì giờ đi chợ nhiều lần khi mà thức ăn được mua cho gia đình ăn trong một tuần.

Mẹ luôn lau tủ lạnh hàng tuần cho sạch sẽ để bảo vệ sức khỏe cho mọi thành viên trong gia đình. Em rất yêu quý chiếc tủ kì diệu này.

### Đề 2: Tả chiếc tủ đựng quần áo

Em có một chiếc tủ đựng quần áo rất xinh xắn. Chiếc tủ này đã gắn bó với em từ khi em còn rất nhỏ. Đến bây giờ, chiếc tủ vẫn được đặt trong góc phòng ngủ của em.

Chiếc tủ này chỉ cao chín mươi lăm phân, thấp hơn so với chiều cao của em một chút nhưng em thấy nó rất vừa vặn và hợp với phòng ngủ của em. Trên mặt tủ, em có đặt một khung ảnh gia đình và một cái đèn ngủ khiến cho chiếc tủ trông đẹp đẽ hơn. Viền trên và viền dưới của tủ được thiết kế theo hình lượn sóng khiến chiếc tủ khô cứng trở nên mềm mại.

Tủ quần áo tuy nhỏ bé như thế nhưng quan trọng hơn cả là nó rất hữu dụng. Chiếc tủ được chia làm hai phần. Phần bên trái của tủ là một ngăn treo quần áo. Ngăn này không có cánh tủ nên em dễ dàng lấy đồ mà không mất thời gian mở ra, đóng vào. Đích thân ông ngoại đã làm cho em những chiếc mắc xinh xắn vừa với tủ để em có thể treo chúng lên.

Bên phải của tủ là những ngăn kéo nhỏ dùng để đựng những món đồ nhỏ xinh. Mỗi ngăn kéo đều có 2 cánh tay cầm hình ngôi sao để em thuận tiện hơn trong việc mở tủ. Đối với em, ngăn tủ chính là một thế giới bí mật giúp em cất giữ những món đồ riêng của mình.

Mai sau, dù có lớn lên, chiếc tủ không còn đủ sức chứa những món đồ của em nữa thì em vẫn yêu mến chiếc tủ này và luôn luôn giữ gìn nó để nó trở thành vật hữu ích nhất.

**MỘT SỐ BÀI MẤU MIÊU TẢ VỀ CÂY CỐI**

**Đề 1: Miêu tả cây đa đầu làng**

Quê hương! Hai tiếng gọi đó thật thân thương biết nhường nào! Quê hương đối với mỗi người có thể là cánh đồng rộng lớn thẳng cánh cò bay, là dòng sông hiền hòa ôm ấp xóm làng trù phú… Còn đối với em quê hương chính là cây đa cổ thụ ở đầu làng.

Cây đa này không biết đã có ở đây từ bao giờ, chỉ biết rằng khi em mới chỉ là một đứa bé, cây đã đứng sừng sững ở đây như một minh chứng lịch sử. Thân cây rất to, ba người bọn em nắm tay nhau ôm cũng không xuể. Cây cao với những cành cây tỏ ra tứ phía trông giống hệt như hàng chục cánh tay của những người khổng lồ.

Rễ cây lan rộng trên mặt đất, ngoằn ngoèo như những chú rắn hổ mang. Phần lớn rễ cây đã cắm sâu vào trong lòng đất để vừa làm bệ đỡ vừa hút chất dinh dưỡng nuôi cây.

Lá đa to hơn bàn tay người lớn một tẹo với những vần lá chạy từ cuống rồi lan ra toàn bộ bề mặt chiếc lá. Từ xa nhìn lại cây đa này trông chẳng khác gì một chiếc ô xanh khổng lồ tỏ bóng che rợp cả một khoảng đất rộng. Đây cũng là nơi nghỉ mát của dân làng sau những buổi làm đồng mệt mỏi đồng thời cũng là nơi tụi trẻ con chúng em luôn chọn làm nơi đùa nghịch. Trưa hè oi bức mà được ngồi dưới gốc cây xanh hóng gió thì tuyệt biết mấy.

Những buổi chiều trước khi mặt trời bắt đầu ngả sang màu vàng cam tuyệt đẹp thì đây chính là địa điểm cho mọi trò chơi của tụi chúng em diễn ra. Nào là ô ăn quan, nhảy dây, đá bóng và rất nhiều trò chơi khác. Chẳng biết từ lúc nào mà hình ảnh cây đa đã in sâu vào tâm trí mỗi người dân quê em. Ai đi xa trở về làng việc đầu tiên họ làm chính là đưa mắt tìm kiếm hình ảnh cây đa quen thuộc.

Em rất yêu quý cây đa này. Cây đa vừa là người bạn, vừa là người em chia sẻ mọi buồn vui trong cuộc sống.

**Đề 2: Miêu tả cây xoài**

Nhà ông em trồng rất nhiều các loại cây khác nhau. Một mảnh vườn được chia ra thành nhiều khu khác nhau để trồng trọt: một khu để trồng rau, một khu để trồng hoa và khu đất lớn còn lại phía sau chính là trồng cây ăn quả. Trong đám đó, em thích nhất là khu trồng cây ăn quả, đặc biệt là cây xoài đứng lặng yên nơi góc vườn bởi nó là chính tay em chăm sóc.

Cây xoài ấy qua thời gian năm tháng đã lớn lên rất nhiều so với hình ảnh một cây xoài nho nhỏ trong trí nhớ của em. Thân cây xù xì màu nâu quen thuộc như những cây ăn quả khác. Rễ cây cắm sâu xuống lòng đất để kiếm tìm nguồn nước ngầm cũng như hút chất dinh dưỡng, chuyển hóa cho cây để cây phát triển mà lớn cao, mà ra hoa, ra trái.

Em nhớ ngày được ông chỉ cho cây xoài ấy ngày còn bé, nó cũng chỉ cao bằng một nửa so với bây giờ thôi. Những chiếc lá còn bé, chỉ lớn bằng bàn tay của em ngày ấy mà thôi. Ngay cả quả cũng chẳng được nhiều và to như bây giờ. Nhưng hương thơm và vị ngọt của trái vẫn như vậy, vẫn ngon ngọt khiến người người yêu thích.

Ông em nói mùa xuân mà ra ngắm vườn, ngắm cây thì thích lắm. Bởi lúc đó là thời điểm cây xoài ra hoa. Giữa trời xuân lất phất mưa phùn, trong cái rét còn lưu giữ hơi thở của nàng đông, những nụ hoa xoài trắng muốt e thẹn như người thiếu nữ xuất hiện giữa không gian. Nụ hoa màu vàng nhạt, hương thơm nhè nhẹ dễ chịu được gió xuân mang vào trong không gian.

Khi những cơn mưa rào mùa hạ kéo về, ấy cũng là khi những cánh hoa trắng rụng đầy dưới gốc, những trái xoài non màu xanh dần nhú lên nhờ sự cần mẫn của rễ, của lá, của cây. Qua năm tháng, nhờ mưa, nhờ gió, nhờ nắng, những trái xoài ấy lớn dần. Lớp áo xanh bên ngoài cũng theo đó mà chuyển sang màu vàng tươi mắt. Những trái xoài lúc lỉu trên cành như mời gọi người đến hái.

Xoài nhà ông em vô cùng ngọt nên được rất nhiều người thích. Mỗi hè, thu được rất nhiều quả, trong nhà ăn không hết, ông và em đem đi biếu tặng hàng xóm mỗi người vài quả. Ai cũng tấm tắc khen ngon.

Cây xoài ngày càng lớn lên, nhưng thói quen chăm sóc của em dành cho nó vẫn không hề thay đổi. Em hứa sẽ giữ thói quen ấy đến tận sau này để cây có thể tiếp tục ra những trái xoài ngon ngọt như bây giờ.

**Đề 3: Miêu tả cây gạo mà em có dịp quan sát**

Bốn phía ở làng quê em đều trồng nhiều cây gạo. Cây gạo như thật quen thuộc với tất cả người dân làng em và đặc biệt với lũ trẻ chúng em thường thường hay tụ tập để có thể chơi đùa dưới tán lá râm mát của cây.

Cây gạo như là một người bạn thân với mỗi người dân quê em. Lá của cây gạo to xoè ra bằng bàn tay người lớn, màu xanh nhạt và khi lá đã già thì lại chuyển sang màu vàng. Thế rồi em như thấy được thân cây gạo to bằng cột đình làng, thân cây nó cũng như đã cao thẳng đuột. Thế rồi em như cũng thấy được những cành chĩa ra bốn phía như những cánh tay dũng sĩ. Cứ đến mỗi dịp Tết đến làng lại hân hoan mở Tết trồng cây năm nào cũng vậy, các cụ già làng em lại ra vun gốc và tưới phân cho các cây gạo thêm xanh tốt nữa.

Cây hoa gạo đẹp nhất bởi tháng ba, tháng ba, gạo ra hoa. Quan sát thấy được rằng, chính nụ gạo to bằng cái chén uống rượu của các cụ, và nụ gạo lại có màu đỏ nâu, đỏ sẫm. Dễ nhận thấy được rằng, chính nụ hoa có cái cuống to bằng chiếc đũa, và hơn hết em dường như cũng đã thấy được rằng cuống như cũng có độ dài độ đốt ngón tay. Hoa gạo dường như cũng đã nở xoè to hơn cái chén tống, có nhiều cánh, màu đỏ hồng, đỏ tươi nhìn thật đẹp biết bao nhiêu.

Thế rồi cho đến tháng tư, trong nắng hè chói chang, và em như thấy được chính cây gạo làng em nở hoa như thắp muôn nghìn ngọn lửa cháy rừng rực giữa trời xanh. Vào những buổi sớm sớm, chiều chiều thì ở cây gạo lại như đã có hàng trăm con chim kéo đến. Có thể kể ra có các loài chim đó chính là chim cu gáy, chim sáo sậu, sáo đen, chim sâu, chim vành khuyên, chim quạ,.. Chúng cứ như hót líu lo, chúng chuyện trò râm ran, chúng bay lượn. Tưởng như bầy chim trời kéo về dự hội hoa gạo vậy.

Khi mà hoa gạo nở hoa rồi kết thành trái. Cho đến cuối tháng sáu, đầu tháng bảy, trái gạo dường như cũng đã chín nở xoè ra nhiều múi. Bông gạo như thật là trắng tinh mang theo hạt gạo. Nó dường như cũng đã được những cơn gió đưa đi khắp mọi chân trời.

Cây gạo chính là một trong những vẻ đẹp bình dị và gần gũi của quê em. Năm nay, gạo nở hoa đỏ rực, báo tin một vụ chiêm bội thu cho cả làng em và ai ai cũng yêu quý cây gạo.

**BÀI THAM KHẢO MIÊU TẢ VỀ LOÀI VẬT**

**Đề 1: Miêu tả về con chó**

Biết em rất yêu quý chó nên kỳ nghỉ hè vừa rồi về chơi với bà ngoại, bà cho em một con chó rất dễ thương, lúc đó chú chó mới được 3 tháng tuổi, em nhìn chú chó là đã thích ngay rồi, em xin bà và khi về bế chú chó theo, em đặt tên cho chú là Misa.

Misa lớn rất là nhanh. Lúc bà cho em, nó chỉ to bằng bắp chân của em bây giờ chú không những lớn nhanh mà còn rất khỏe khoắn, chú có một thân hình đẹp cân đối, bộ lông của chú mượt và mịn như nhung. Hai cái lỗ tai của Misa nhọn, luôn vểnh lên nhìn rất đáng yêu như để nghe ngóng mọi động tĩnh xung quanh mình, Misa rất thông minh và ngoan ngoãn.

Chiếc mũi của chú ướt ướt luôn hếch lên để đánh hơi lạ. chú ta có một hàm răng sắc, khi nhìn thấy chú chắc chắn không có tên trộm nào đến gần. Chú đi đứng rất nhẹ nhàng và chạy rất nhanh. Sáng nào cũng vậy, Misa đùa với chú mèo đen ngoài sân.

Đùa chán, chú lại tìm chỗ nào đó mát để nằm. Misa nằm sấp gác mõm lên hai chân trước của mình, lim dim ngủ, tưởng như chú ngủ rất ngon nhưng không phải thế nhé! chú sẽ luôn luôn đứng phắt dậy khi khi nghe có tiếng động hoặc ngửi thấy mùi lạ nào đó. Nếu là người lạ, chú ta liền tỏ ra hung dữ nhe nanh, gầm gừ như muốn nói: “Hãy ra khỏi đây nhanh nào!” nhưng ngược lại đối với thành viên trong gia đình em khi đi đâu vê chỉ cần đến đầu ngõ thôi, chú đã biết và luôn luôn chạy ngay ra cổng đón, chú còn chạy quanh người đuôi thì ngoáy tít lên vì vui sướng, những lúc đó thật là vui, bài văn tả con chó mà em yêu quý nhất. Nhà em tất cả các thành viên ai cũng thích Misa.

Chú chó như một thành viên quan trọng trong gia đình em. Trước khi đi ngủ, chú luôn đi vòng quanh kiểm tra quanh nhà xem có gì đó bất thường không khiến nhà em luôn yên tâm ngủ sau một ngày làm việc, học tập mệt mỏi, căng thẳng.

**Đề 2: Miêu tả về chú gà trống**

Trong tất cả các con vật trong nhà em, em yêu thích nhất là chú gà trống. Chú gà trống đã trở thành một người bạn thân thiết của gia đình em không biết từ bao giờ.

Bố em nói, chú gà này thuộc giống gà Đông Tảo, chú to, béo, nặng tầm bốn đến năm cân, em ôm vào lòng không xuể. Cái đầu chú to gần bằng cái bát ăn cơm, nối giữa đầu và thân là chiếc cổ dài kiêu hãnh. Trên đỉnh đầu chú nở rộ bông hoa đỏ chót, rực rỡ, đó là cái mào của chú đấy, cái mào lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời, khiến người ta liên tưởng đến một loài hoa cùng tên là hoa mào gà. Đôi mắt chú sáng quắc, tròn xoe, đen long lanh như hai hột cườm, lúc nào cũng như ngấn nước. Cái mỏ nhỏ, vàng sậm nhưng đầy sắc bén, mỗi khi mổ thóc đều phát ra tiếng kêu "bộp bộp" nghe rất vui tai. Chú có hai chân vàng ươm, thẳng tắp với những ngón chân xòe ra, nhất là chiếc cựa sắc nhọn là vũ khí để săn mồi, chiến đấu với kẻ thù.

Nhắc đến gà trống không thể không nhắc đến bộ lông rực rỡ của chú. Chú khoác trên mình tấm áo óng á, mượt mà với sự hòa trộn giữa các màu chàm, vàng, nâu, đỏ khiến chú nổi bật hẳn trên sân. Khi tấm áo ấy khoe sắc dưới những tia nắng mặt trời chói chang, nó càng thêm rực rỡ, như được dát vàng dát bạc. Chú gà bước đi đầy oai dũng, mỗi lần bước là chiếc đuôi dài, xòe rộng, lấp lánh lại tung tẩy, rung lên theo từng nhịp bước chân, trông chú kiêu sa như một bá tước vậy. Cứ vào mỗi buổi sáng sớm, khi vạn vật còn đang chìm trong giấc ngủ say nồng, chú gà nhà em đã oai vệ bước lên đống rơm trước sân, rướn cao cổ rồi từ từ cất tiếng gáy to "Ò ó o o" vang xa khắp xóm làng, đánh thức mọi người bắt đầu một ngày mới. Sau khi cất tiếng gáy xong, chú lại vỗ mạnh đôi cánh to, dày như đầy tự hào, kiêu hãnh về thành quả của mình rồi bước đi oai phong tìm mồi cho bữa sáng của mình.

Chú đã trở thành chiếc đồng hồ báo thức quen thuộc, một người bạn thân thiết của gia đình em và của cả xóm làng xung quanh. Bên cạnh đó, chú như một người vệ sĩ bảo vệ mùa màng, bắt sâu, bắt giun cho cây trồng ở vườn. Ngày ngày chú đi lon ton trong sân, nhặt những hạt thóc rơi vãi, có khi lại vỗ cánh lộp bộp để xua đuổi những chú chim bồ câu đang tranh giành phần ăn của mình. Sự hiện diện của chú gà đã trở nên quen thuộc với gia đình em.

Em rất yêu quý chú gà trống nhà em. Chú đã trở thành một phần trong nếp sống của gia đình em. Dù đi đâu xa, em cũng sẽ không bao giờ có thể quên chú gà trống yêu quý ấy.

**Đề 3: Miêu tả con trâu**

Mỗi khi hè về em lại được về thăm quê nội. Quê nội có rất nhiều điều thú vị khiến em phải say mê, nhưng điều làm em ấn tượng và thích thú nhất là được chơi cùng chú trâu đáng yêu.

Hè năm ngoái em về chơi thì chú trâu mới được đón về cách đó ít lâu, khi đó nó còn là một con nghé xinh xắn, dễ thương. Thế mà bây giờ đã là một chú trâu đực to lớn, hùng dũng. Em phải nhón chân, với tay mới sờ được trên sống lưng nó. Thân hình của nó thật to lớn, vòng thân có lẽ lớn gấp tư cây dừa. Da nó dày và đen nhánh, trông thật khỏe và hơi dữ tợn. Cái đầu khá vuông vức, góc cạnh, trên có cặp sừng nhọn hoắt và cong vút. Cái mũi thật to, đen ươn ướt lúc nào cũng thở phì phì. Tuy dáng vẻ của nó nhìn rất mạnh mẽ và dữ tợn, nhưng cặp mắt thật hiền lành. Cặp mắt đen tròn, to như quả chanh, lúc nào cũng ươn ướt, có vẻ ngơ ngác rất dễ thương. Bốn chân lớn, bắp thịt cuồn cuộn, săn chắc. Cái đuôi dài, tận cùng là một chùm lông lúc nào cũng phe phẩy như cây phất trần của ông tiên. Nó cứ phe phẩy đuôi như thế để xua ruồi nhặng.

Về quê thấy lũ trẻ ở quê dắt trâu đi ăn, em cũng muốn được tận hưởng cảm giác ấy nên đã xin bà đưa trâu ra bãi cho trâu ăn. Vừa dắt ra khỏi cổng chuồng, chú trâu đực đã kêu lên "nghé... ọ....", giọng vang rền có vẻ sung sướng lắm. Em đòi bà bế lên ngồi trên lưng trâu để giống với lũ trẻ trong làng. Chắc nó đã nhận ra em là người bạn cũ của nó, nên mắt nó chớp vài cái có vẻ thân thiện. Chú trâu đi chầm chậm, bước những bước đủng định và vững vàng. Cái cảm giác được cưỡi trâu, ngồi trên lưng trâu, tay nắm lấy sừng trâu thật là tuyệt! Ra đến bãi sông, em nằm xoài trên bãi cỏ, chú trâu thong thả gặm cỏ non rất ngon lành. Khi tôi về thăm quê thì quê tôi cũng đã xong mùa vụ, trâu không phải lao động vất vả, chỉ việc đi kiếm ăn và về chuồng thôi. Ngày mùa trâu vất vả lắm, trâu phải kéo những xe lúa nặng trĩu vai, phải cày bừa những thửa ruộng lớn. Trâu làm việc rất chăm chỉ và luôn tuân theo sự chỉ dẫn của con người.

Em rất yêu quý trâu, nó rất gần gũi và là người bạn tri kỉ của nhà nông. Trâu đã làm rất nhiều việc giúp đỡ con người, và luôn nghe lời chỉ dẫn của con người. Giờ đây khi xã hội đã phát triển, các máy móc đã làm đỡ công việc của trâu, trâu đỡ vất vả hơn nhiều, nhưng tình cảm của người nôn dân thì vẫn con đó. Nhiều nhà vẫn nuôi trâu như một thói quen khó bỏ, như một người bạn mãi mãi gắn bó với nghề nông.

**THAM KHẢO MỘT SỐ BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**Đề 1: Miêu tả người mẹ của em**

*“ Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Lời ca dao khiến tôi chợt nghĩ đến hình ảnh của mẹ tôi- một người mẹ tần tảo, lam lũ, dành cả cuộc đời để yêu thương những đứa con…

Mẹ tôi lấy bố khi mẹ hai mươi lăm tuổi. Giờ mẹ đã gần năm mươi, hơn hai mươi năm qua, cả cuộc đời mẹ dành cho ba chị em tôi. Cuộc đời ấy, với nắng và gió, với sự lo toan vất vả đã cướp đi ở mẹ làn da trắng để bây giờ là làn da đen sạm đi, lại dần điểm những chấm đồi mồi. Trên gương mặt của mẹ đã xuất hiện những nếp nhăn. Đó không chỉ là dấu hiệu của thời gian đã in trên gương mặt mẹ mà còn  những vất vả, những toan lo. Mái tóc đen điểm những sợi bạc- cuộc đời sương gió in trên cả mái tóc của mẹ.

Mẹ tôi hiền lắm. Nhưng mẹ cũng rất nghiêm khắc. Khi thế giới công nghệ với các thiết bị như máy tính bảng, điện thoại,…rất hấp dẫn giới trẻ, mẹ cho phép chị em tôi sử dụng nhưng phải có sự hợp lý. Khi tôi tiêu tiền không hợp lý, mẹ cũng chỉ nhẹ nhàng khuyên bảo mà không cáu gắt hay mắng mỏ một điều gì đó. Có lẽ vì thế, mà khi làm điều gì sau, chị em tôi tự sửa chữa hơn là để mẹ nhắc nhở…

Nhìn thấy chúng tôi mắc lỗi sai, mẹ cũng buồn lắm. Khi ấy, gương mặt mẹ rầu rĩ, nụ cười không còn hé mở trên đôi môi, tóc mẹ lại như bạc thêm vì suy nghĩ….

Những khi chúng tôi bị ốm, mẹ lại thức đêm lo. Có khi bạn mẹ ruer mẹ đi đây đó nhưng vì chúng tôi, mà mẹ lại không đi. Khi tôi và chị gái đi học xa nhà, mẹ đi chơi cũng phải vội về ngay để lo cho hai chị em.

Khi tôi và chị đi học xa nhà, tôi chợt nhận ra một điều rằng hạnh phúc với tôi là được ăn bữa cơm có đầy đủ mọi người trong nhà, để được ngắm nhìn gương mặt mẹ, để khắc ghi thật sâu, để nhìn thấy đôi mắt mẹ ánh lên niềm hạnh phúc, để thấy đôi tay mẹ nấu cơm cho chúng tôi ăn….

Cuộc sống vói những gánh nặng, những toan lo đôi khi khiến người ta quên mất đi những hạnh phúc, những giá trị đích thực của cuộc sống. Nhưng hãy nhớ rằng, dù thế nào đi chăng nữa, thỉ chúng ta vẫn có một người mẹ!

**Bài tham khảo số 2 về mẹ**

Riêng mặt trời chỉ có một mà thôi. Và mẹ em chỉ có một trên đời”. Giai điệu của câu hát cất lên khiến lòng em không khỏi bồi hồi, xao xuyến nghĩ về người mẹ kính yêu của mình. Trong gia đình, người mà em yêu quý nhất đó chính là mẹ em, người giữ hơi ấm hạnh phúc, và tình yêu thương cho cả gia đình. Em yêu mẹ của em biết chừng nào!

 Mẹ em năm nay đã ngoài ba mươi tuổi. Mẹ có một thân hình nhỏ nhưng cao ráo. Mẹ em có một khuôn mặt trái xoan vô cùng hiền lành và phúc hậu. Gương mặt mẹ em đã có nhiều chân chim, do thời gian và mưa nắng dãi dầu, cũng một phần là vì sự vất vả mưu sinh cho cuộc sống của gia đình em.

Mái tóc mẹ em đen mượt và được để dài, lúc nào cũng được mẹ em búi hoặc buộc một cách vô cùng gọn gàng. Mái tóc mẹ em lúc nào cũng thoang thoảng mùi đinh hương, bồ kết. Do mẹ em là một người phụ nữ sống khá truyền thống nên mẹ không hay dùng các loại dầu gội đầu hiện đại mà chỉ dùng bồ kết mà thôi.

Bàn tay mẹ gầy gầy xương xương, nhưng chính đôi bàn tay lại ngày qua ngày, tháng qua tháng chăm sóc cho em từng bữa ăn tới giấc ngủ. Em thích nhất là ngắm nhìn nụ cười của mẹ. Nụ cười tỏa rạng như ánh bình minh, nhìn mẹ cười mà lúc nào trong lòng em cũng cảm thấy vô cùng hạnh phúc.

Mẹ em lúc nào cũng yêu thương và chăm sóc cho gia đình em rất chu đáo. Đôi bàn tay gầy gầy xương xương của mẹ sớm nào cũng chuẩn bị những bữa ăn giàu chất dinh dưỡng, đủ năng lượng cho một ngày làm việc và học tập của bố con em. Mẹ là người vun vén, chăm lo cho từng bữa ăn tới giấc ngủ, giữ gìn hạnh phúc cho mái ấm gia đình. Mẹ tuy hiền nhưng cũng rất nghiêm khắc trong giáo dục con cái. Mẹ không bao giờ nuông chiều con cái quá mức mà luôn dạy, chỉ bảo cho em những bài học về cách cư xử, về đạo lý làm người.

Mẹ là người mà em yêu quý và kính trọng nhất. Em hứa sẽ cố gắng chăm ngoan học giỏi để mẹ luôn vui vẻ không bao giờ phải phiền lòng, buồn bã vì con cái.

**Đề 2: Miêu tả bố**

Trong gia đình tôi, bố là người yêu thương tôi nhất. Bố luôn luôn lắng nghe mọi người nói và đặc biệt là tôi.

Bố có một thân hình to, cao, khoẻ mạnh. Bố rất khoẻ và luôn giúp đỡ mọi người trong gia đình. Bố có một đôi tay nổi cơ bắp, bàn tay bố có nhiều vết chai cứng như đá vì phải làm việc nhiều. Mặt bố tròn, mũi cao, miệng hơi rộng, để râu và bố có đôi mắt màu nâu tuyệt đẹp.

Hôm nào tôi đi học, bố và mẹ cũng ra tiễn tôi. Bố dặn dò tôi rất kỹ, nào là “đi học hôm nay phải…”, rồi thì “phải nghe lời cô giáo…”, nhưng câu cuối cùng vẫn là “con đi đường cẩn thận nhé”. Khi đi học về, đang dắt xe vào nhà thì tiếng nói của bố từ trong nhà vọng ra “Con đã về rồi à?”. Nhưng bố cũng rất nghiêm khắc, những hôm nào tôi mắc khuyết điểm, hay bị điểm kém thì bố lại bắt tôi làm bản kiểm điểm. Tuy vậy, nhưng tôi vẫn yêu bố.

Bố tôi! Một người trụ cột trong gia đình. Đối với tôi, bố cho việc lớn thành việc nhỏ, việc nhỏ thì cho qua. Bố tôi là một tấm gương sáng cho gia đình. Tục ngữ có câu “con không cha như nhà không có nóc” và đúng là như vậy. Bố con như người cha trong câu tục ngữ ấy, là một con người mẫu mực, một trụ cột không thể thiếu trong gia đình tôi. Là một người siêng năng, kiên trì, thông minh khác hẳn những người khác và đã có ý định làm gì thì phải làm cho bằng được nên bố được rất nhiều người kính trọng.

Tôi rất tự hào khi là con trai của bố, con sẽ luôn ghi nhớ những điều bố dạy bảo và sẽ cố gắng học thật giỏi để không phụ công ơn của bố.

**Đề 3: Miêu tả về bạn thân của em**

Từ ngày bước vào ngôi trường tiểu học, tôi đã có thêm rất nhiều người bạn mới. Nhưng những buồn vui, những tâm tư thì tôi chỉ muốn sẻ chia với cô bạn thân Ngọc Ánh của mình.

Ngọc Ánh có thân hình mảnh mai bởi cô bạn có chút yếu ớt. Ấy vậy mà tôi lại thấy vẻ mảnh mai ấy vô cùng dễ thương. Mỗi lần Ánh mặc chiếc áo dài hay mặc váy xòe, trông bạn ấy rất thanh thoát và xinh đẹp. Hồi trước, cô bạn để mái tóc dài ngang lưng, óng mượt như dòng suối nhỏ. Năm học này, cô bạn bỗng thay đổi kiểu tóc khi cắt ngắn ngang vai. Mấy lọn tóc xoăn gợn sóng thi thoảng lại khẽ lòa xòa trên gương mặt trái xoan xinh xắn. Mỗi lần đưa bàn tay bé nhỏ lên vuốt những lọn tóc ấy, Ánh lại mỉm cười hiền dịu.

Môi cô bạn nhỏ nhắn, hồng hồng như một bông hoa. Tôi thích nhất đôi mắt của bạn ấy. Đôi mắt đen láy, sâu thẳm. Chẳng hiểu sao tôi thường cảm thấy nỗi buồn luôn ẩn sâu ở đó, ngay cả khi Ánh cười.

Có lẽ, vẻ đượm buồn mà tôi cảm nhận được là do sự dịu dàng, hiền hòa của Ngọc Ánh. Ngày mới vào lớp, tôi chưa thân thiết với Ánh. Một lần, khi lớp tôi đã được cô hướng dẫn viết bút mực, Ánh bị các bạn trêu chọc. Minh “cận” đã giằng chiếc bút khi Ánh đang viết. Ánh chỉ nhìn. Nước mắt giàn giụa trên bầu má căng tròn. Tôi thấy vậy, bèn chạy sang và xòe tay nói với ánh nhìn giận dữ: “Minh cho tớ xin lại bút!”. Chắc cả Minh, Ánh và các bạn đều ngạc nhiên trước hành động của tôi. Mọi người bèn bảo Minh đưa bút cho tôi. Tôi cầm bút, đặt xuống bàn Ánh. Ánh nhìn tôi với vẻ cảm ơn tha thiết. Từ đó, cô bạn thường bắt chuyện với tôi. Và chẳng biết từ bao giờ, chúng tôi trở nên thân thiết như hình với bóng.

Năm nay đã là năm học cuối cấp. Chúng tôi đã gắn bó với nhau bao tháng năm học tập dưới mái trường này. Tôi thật sự yêu quý Ngọc Ánh. Dù sẽ phải xa nhau, chúng tôi sẽ mãi mãi là bạn thân.

**Đề 4: Miêu tả cô giáo mà em yêu quý nhất**

Trong năm năm học dưới mái trường tiểu học thân thương, tôi đã có biết bao kỷ niệm tuổi thơ không thể quên, có những người bạn thân thiết cùng nhau chia sẻ tình cảm buồn vui, nhưng hình ảnh in đậm nhất trong tâm trí tôi vẫn là cô giáo Mai Hương người dạy tôi năm cuối của bậc tiểu học.

Cô Mai Hương kém tuổi mẹ tôi, trông cô rất trẻ. Dáng người cô hơi thấp nhưng khuôn mặt cô rất xinh. Cô có làn da rám nắng, mái tóc đen nhánh luôn được cặp gọn sau gáy bằng một chiếc cặp tóc nhỏ. Cô có đôi mặt sắc sảo, to và sáng, pha lẫn những ánh mắt ấm áp dịu hiền. Mũi cô cao, thanh tú. Cô luôn nở nụ cười thân thiện với mọi người. Mỗi khi cô cười lại để lộ hàm răng trắng muốt.

Cô coi chúng tôi như chính những đứa con cưng của mình. Cô tận tình chăm sóc chúng tôi từng li từng tí. Cô cố gắng rèn luyện cho những bạn học kém, động viên, giúp các bạn ấy vươn lên trong học tập. Đối với chúng tôi học đội tuyển, cô luôn dành sự quan tâm đặc biệt. Nhiều bài toán khó cô luôn tìm ra phương pháp giảng ngắn gọn dễ hiểu nhất để chúng tôi tiếp thu tốt và nhớ lâu.

Cô đã làm cho chúng tôi say mê học toán, làm văn. Nhờ vậy, trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố năm ấy, sáu đứa chúng tôi đi thì thì cả sáu đều đạt giải rất cao: ba giải nhất, ba giải nhì.

Chúng tôi vui lắm và tôi biết cô đã thỏa lòng với đám học trò chúng tôi. Cả lớp ai cũng kính trọng cô. Nhờ cô mà chúng tôi mới có được như ngày hôm nay. Tôi thầm hứa lên cấp hai rồi sẽ học tốt để cô vui lòng. Và mái trường Trần Quốc Toản thân yêu và thầy cô yêu dấu sẽ luôn ở trong tim tôi.

**Đề 5: Miêu tả người bà em quý mến nhất**

“Bà hiền như suối trong”. Đây là câu thơ mà em rất thích. Bởi vì em rất yêu bà của em. Bà đã chăm sóc em từ lúc lọt lòng và đã ru em bằng những câu hát ru êm dịu, ngọt ngào.

Bà em là một người phụ nữ tần tảo, đầy nghị lực. Bà luôn phải chống chọi với lưng còng. Tóc bà bạc phơ. Hai má bà đã hóp, thái dương hơi nhô. Trên khuôn mặt bà đã có nhiều nếp nhăn nhưng bà vẫn có những nét đẹp của bà thời con gái. Đó là khuôn mặt hình trái xoan, chiếc mũi cao và hàm răng đều. Tuy lưng bà còng, chân đi chậm nhưng bà vẫn tham công tiếc việc, chẳng mấy khi ngồi không. Từ sáng sớm, bà đã dậy cho gà ăn, nấu cơm, đun nước, quét nhà, quét sân… Mọi việc xong xuôi thì bà lại vác cuốc ra vườn cặm cụi xới đất, nhổ cỏ, tưới cây, bón phân cho cây.

Bà rất hiền và tốt bụng. Với con, với cháu bà yêu thương hết mực. Lần nào em về với bà, bà cũng có bánh hay kẹo cho em, khi thì kẹo lộc của bà đi lễ chùa, khi thì bánh của các bác về thăm nhà biếu bà. Dặc biệt bà chẳng bao giờ quên hỏi han về việc học hành của em và công việc của bố mẹ em. Bà luôn căn dặn nhắc nhở em về cách cư sử với mọi người và phải chăm học. Với hàng xóm láng giềng, bà luôn thăm hỏi, chia sẻ khi ốm đau; giúp đỡ người kém may mắn, gia đình khó khăn.

Em luôn kính trọng và mong bà sống lâu bởi em luôn hiểu rằng: tình thương yêu bà dành cho em là vô tận!

**Đề 6: Miêu tả người thân mà em yêu quý nhất (Ông)**

Đối với nhiều bạn trẻ cùng trang lứa, nếu hỏi rằng em yêu ai, em thích ai nhất, câu trả lời nhận được thường là em yêu cha nhất, em quý mẹ nhất. Nhưng với tôi, người tôi yêu thương nhất chính là ông nội.

Ông tôi đã không còn từ ngày tôi vào lớp 1. Những gì tôi còn nhớ về ông là một ông lão râu tóc bạc phơ, hiền từ như một ông bụt bước ra từ câu chuyện cổ tích, một tay chống chiếc gậy gỗ, tay kia chống sau lưng bước chầm chậm về nơi có ánh sáng. Làn da ông rất trắng, nổi rõ những đốm đồi mồi dấu hiệu của tuổi tác và năm tháng thời gian. Khuôn mặt tròn trịa, phúc hậu, hiền từ khi cười, những nếp nhăn xếp lại trông rất chất phác.

Đôi mắt đen và sáng ngày trẻ đã trũng xuống bởi những nếp nhăn nhưng vẫn còn tinh anh lắm, vẫn thấy rõ đường, vẫn nhận rõ các cháu các con. Tôi nhớ ông rất thích bộ quần áo màu xanh nước biển, có kẻ sọc như những bộ pyjama mặc ở nhà. Mỗi lần tôi nhớ về ông đều là nhớ về hình ảnh ông trong bộ đồ ấy, đứng ở trước cửa, và cười hiền từ với tôi như ngày nào, dặn dò tôi đi học sớm rồi về nhà với ông.

Ngày còn trẻ, ông là người đa tài. Ông biết vẽ tranh, biết làm thơ, còn tự tay làm những món đồ mới lạ giúp lao động gia đình. Ông còn làm cho tôi rất nhiều đồ chơi, rất nhiều những món đồ đẹp mà tận bây giờ tôi vẫn còn giữ. Ngày ông mất là một ngày trời đầy mưa, tôi được đón về từ nhà trẻ để đến nhìn ông lần cuối. Nhưng tôi đã không còn có dịp được nhìn thấy ông, bởi khi tôi chưa về đến nhà, ông đã ra đi. Nghe mẹ tôi nói, những giây phút cuối cùng, ông luôn thều thào nói muốn gặp tôi. Lần ấy là lần duy nhất tôi ước sáng sớm hôm ấy tôi nghỉ học, thì ít nhất tôi được nhìn ông một lần cuối.

Ông ở trên cao ngày ngày nhìn tôi lớn lên chắc ông cũng biết tôi nhớ ông nhiều lắm. Tôi sẽ cố gắng nỗ lực mỗi ngày để ông có thể tự hào về tôi.

**==================================================**

**PHẦN II: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6**

**CHUYÊN ĐỂ 1: PHẦN VĂN HỌC – ÔN TẬP TRUYỆN**

**I. Truyện truyền thuyết**

**a. Khái niệm**

- *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

- *Truyện cổ tích* là loại truyện dân gian, thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật như: nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật bất hạnh, nhân vật ngốc nghếch, người mang lốt vật,... nhằm thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu....

**b. Phân loại:**

### ***- Phân loại truyền thuyết***

+ Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

**II. Truyện truyền thuyết**

**VĂN BẢN THÁNH GIÓNG**

**1. Các sự việc chính**

- Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng

- Thánh Gióng biết nói nhận nhiệm vụ đi đánh giặc

- Thánh Gióng lớn nhanh như thổi

- Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.

- Thánh Gióng bay về trời

- Vua phong Gióng là Phù Đổng thiên vương, những dấu tích còn lại

**2. Tóm tắt**

Vào đời Hùng Vương thứ 6 có hai vợ chồng ăn ở phúc đức nhưn mãi không có con. Một hôm bà vợ ra đồng thấy vết chân to và lạ bà ướm thử về nhà bà thụ thai 12 tháng sau sinh ra một cậu bé khôi ngô tuấn tú, nhưng lên ba tuổi không biết nói, không biết cười. Mãi tới khi sứ giả loan tin tìm người đánh giặc. gióng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc, Cậu bé lớn nhanh như thổi, cậu bé vươn vai trở thành một tráng sĩ người cao hơn trượng cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt đi giết giặc, roi sắt gãy Gióng nhổ cụm tre bên đường để đánh giặc. Giặc tan Thánh Gióng một mình một ngựa từ từ bay lên trời, nhân dân hàng năm lập đền thờ để tưởng nhớ. Các ao hồ, những bụi tre đằng ngà đều vàng óng là những dấu tích còn lại của Gióng.

**3. Nội dung**

**a. Thánh Gióng ra đời kì lạ**

- Truyền thuyết Thánh Gióng có nhiều nhân vật (bố mẹ, dân làng, vua, sứ giả…) nhưng nhân vật chính là Thánh Gióng. Nhân vật này được xây dựng bằng rất nhiều chi tiết tưởng tượng có tính chất kì ảo: sinh ra khác thường (bà mẹ chỉ ướm vào vết chân lạ mà thụ thai); thụ thai đến mười hai tháng; ba tuổi mà chẳng biết đi đứng, nói cười; khi giặc đến thì bỗng dưng biết nói và lớn nhanh như thổi, sức khoẻ vô địch; đánh tan giặc lại bay về trời.

*\* Tiếng nói đầu tiên của cậu bé lên ba là tiếng nói đòi đi đánh giặc.*

- Ca ngợi tinh thần yêu nước của dân tộc VN. Đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước.

- Truyền thống dân tộc, dòng máu yêu nước, ý chí quyết tâm của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù.

- Hình ảnh cậu bé làng Gióng là h/a của nhân dân lao động VN cần cù, lam lũ. Họ lặng lẽ làm ăn, nhưng khi có giặc ngoại xâm thì họ dũng cảm đứng lên, trở thành anh hùng.

=>Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc. Chi tiết này chứng tỏ nhân dân ta luôn có ý thức chống giặc ngoại xâm. Khi có giặc, từ người già đến trẻ con đều sẵn sàng đánh giặc cứu nước. Đây là một chi tiết thần kì: chưa hề biết nói, biết cười, ngay lần nói đầu tiên, chú bé đã nói rất rõ ràng về một việc hệ trọng của đất nước. Thứ hai, Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đánh giặc. Gióng không đòi đồ chơi như những đứa trẻ khác mà đòi vũ khí, những vật dụng để đánh giặc. Đây cũng là một chi tiết thần kì. Gióng sinh ra đã là một anh hùng và điều quan tâm duy nhất của vị anh hùng đó là đánh giặc.

*\* Bà con dân làng vui lòng góp gạo nuôi Gióng.*

- Gióng sinh ra từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, sức mạnh của Gióng là sức mạnh của nhân dân => kết tinh sức mạnh yêu nước, đoàn kết, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước của nhân dân.

=> Niềm tin đánh thắng giặc.

*\* Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*

- Hình ảnh kì vĩ, đẹp đẽ, phi thường của Gióng đã thể hiện sức bật mạnh mẽ của nhân dân. Khi vận mệnh dân tộc bị đe dọa, con người VN vươn lên với một tầm vóc phi thường.

- Quan niệm của cha ông về người anh hùng: khổng lồ về thể xác, oai phong lẫm liệt, mạnh mẽ về tài trí, phi thường về nhân cách.

*\* Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.*

- Vũ khí của người anh hùng làng Gióng không chỉ là roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt hiện đại mà còn là vũ khí thô sơ, vốn rất quen thuộc với nhân dân như tre ngà. Với lòng yêu nước, những gì có thể giết giặc đều được biến thành vũ khí.

- Ngợi ca sức mạnh của Gióng.

*\* Đánh giặc xong, Gióng cởi áo giáp sắt để lại, rồi bay thẳng về trời.*

=> Hình ảnh - khung cảnh đẹp, nên thơ, là sự thăng hoa trong trí tưởng của người xưa.

- Gióng là người anh hùng không đòi hỏi công danh, lợi lộc. Chàng đã hoàn thành sứ mệnh dẹp giặc và ra đi => nâng cao vẻ đẹp của người anh hùng, đó cũng là phẩm chất chung vĩ đại của người anh hùng.

- Trong quan niệm dân gian, những cái gì tốt đẹp, cao quí thì không mất đi mà trở thành bất tử. Gióng bay về trời là về với nguồn gốc cao đẹp của mình và chỉ nơi đó mới xứng đáng với người anh hùng.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Nhân dân ngưỡng mộ, trân trọng: sống mãi với non sông.

**b. Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng:**

**-**  Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu của người anh hùng chống giặc ngoại xâm.

- Gióng được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng. Gióng đã chiến đấu bằng tất cả tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân. Sức mạnh của Gióng không chỉ tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân, đó còn là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại.

- Từ truyền thống đánh giặc cứu nước, nhân dân ta đã thần thánh hoá những vị anh hùng trở thành những nhân vật huyền thoại, tượng trưng cho lòng yêu nước, sức mạnh quật khởi của dân tộc.

**BÀI THAM KHẢO**

# Trong kho tàng văn học Việt Nam, chủ đề yêu nước giống như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài văn học, trải qua mọi thời kì dựng nước và giữ nước của dân tộc. Và trong chuỗi các truyền thuyết có cùng chủ đề ta không thể không nhắc đến truyền thuyết *Thánh Gióng*. “*Thánh Gióng*” là một trong những bản anh hùng ca mở đầu cho truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Truyền thuyết này đã xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, thể hiện ý thức và sức mạnh bảo vệ dân tộc, trở thành bức tượng đài bất hủ về người anh hùng chống xâm lược.

**Trước tiên, truyền thuyết đã tái hiện sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng**. Là một người anh hùng với sức mạnh phi thường bởi vậy sự ra đời của Thánh Gióng cũng thật khác thường, không phải được mẹ mang thai chín tháng mười ngày mà Gióng được mẹ sinh sau một lần ướm thử vào vết chân lạ, mang thai đến mươi hai tháng sau mới hạ sinh Gióng. Sự khác thường không chỉ dừng lại ở đó, tuy Gióng sinh ra khôi ngôi, tuấn tú nhưng đã lên ba mà vẫn đặt đâu ngồi đó, không biết nói cũng chẳng biết cười. Sự ra đời và những biểu hiện khác thường của cậu bé dự báo đây là một con người phi thường.

**Phẩm chất phi thường của Gióng được biểu hiện rõ nét hơn trong quá trình lớn lên và trưởng thành**. Cậu bé Gióng ba năm chẳng biết nói biết cười ấy đã cất tiếng nói khi nghe sứ giả tìm người đi đánh giặc. Lời nói đầu tiên của cậu chính là lời xin đi đánh giặc cứu nước, điều đó cho thấy ý thức và trách nhiệm của một công dân trước vận mệnh dân tộc. Gióng nói với sứ giả: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này*”. Qua tiếng nói của Gióng, tác giả dân gian đã gửi gắm tinh thần trách nhiệm, ý thức đánh giặc, cứu nước của dân tộc ta. Lời nói dõng dạc của Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ. Chi tiết đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương, nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc. Càng kì lạ hơn, từ sau hôm gặp sứ giả, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo vừa mặc xong đã chật, gia đình Gióng không còn đủ sức nuôi con. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến, nhân dân ta đồng lòng giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược; điều đó còn khẳng định sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Vẻ đẹp hào hùng của hình tượng Gióng được tiếp tục khắc hoạ qua sự kiện Gióng đánh thắng giặc và bay về trời.** Khi giặc đến chân núi Trâu, cậu bé ba tuổi bỗng vươn vai vụt lớn trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ. “*Tráng sĩ mặc áo giáp , cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác…”.*Đó làvẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân. Bằng sức mạnh phi thường, Gióng đánh tan hết lớp giặc này đến lớp giặc khác. Khi roi sắt gãy, Tháng Gióng không hề nao núng, nhổ những bụi tre ven đường để tiếp tục chiến đấu với kẻ thù cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt. Chi tiết này cho thấy Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.

Sau khi đánh tan giặc xâm lược, đuổi giặc đến chân núi Sóc, Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, một mình một ngựa từ từ bay về trời. Đây là chi tiết gợi nhiều ý nghĩa sâu xa. Người anh hùng sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu nước không màng địa vị, công danh để trở về tiên giới. Gióng đến trần gian chỉ với một mục đích duy nhất đó là dẹp quân xâm lược để mang lại bình yên cho nhân dân, cho đất nước. Điều đó càng đậm tô hơn nữa phẩm chất anh hùng của Thánh Gióng. Đồng thời chi tiết này cũng thể hiện sự bất tử của Gióng trong lòng mọi người, Gióng về trời cũng là về cõi vô biên, bất tử mãi mãi trường tồn cùng đất nước, dân tộc.

**Phần cuối truyện, tác giả dân gian đã kể lại những dấu tích để sau khi Gióng đánh giặc**. Đó là những khóm tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng; đó là những vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp hay tên làng Cháy được lí giải do khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng nên cái tên “làng Cháy” có từ đó. Cách lí giải mang màu sắc hoang đường, kì ảo càng ngợi ca công trạng, nhấn mạnh tầm vóc kì vĩ của người anh hùng làng Gióng

Như vậy, truyện truyền thuyết Thánh Gióng đã xây dựng thành công hình tượng Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc cứu nước. Trong văn học dân gian Việt Nam, đây là hình tượng người anh hùng đánh giặc đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước của nhân dân ta. Nhân vật được xây dựng bằng sự kết hợp giữa yếu tố thần kì và yếu tố anh hùng ca. Yếu tố thần kì được thể hiện ngay từ sự ra đời khác thường của Gióng cho đến sức mạnh kì diệu, lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ để đánh đuổi giặc xâm lược. Bên cạnh đó, hình tượng Gióng còn mang đậm dấu ấn anh hùng ca với vẻ đẹp kì vĩ (sinh ra từ vết chân lớn, vươn mình thành tráng sĩ,…). Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố đó đã khái quát hóa, lí tưởng hóa hình tượng Gióng để Thánh Gióng trở thành biểu tượng bất tử cho lòng yêu nước, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Hình tượng Thánh Gióng có sức sống lâu bền trong văn học Việt Nam, trở thành nguồn cảm ứng cho nhiều tác giả tìm đến:

*Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt*

*Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm*

*Mỗi chú bé đều năm mơ ngựa sắt*

*Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...*

*(''Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng'' -* Chế Lan Viên)

*Hay*

*Ôi sức trẻ!Xưa trai Phù Đổng*

*Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân*

*Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa*

*Nhổ bụi tre làng,đuổi giặc Ân.*

(*''Theo chân Bác' -* Tố Hữu)

Bằng sự kết hợp giữa cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường, kì ảo, truyền thuyết *Thánh Gióng*đã kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng.Qua hình tượng Thánh Gióng, các tác giả dân gian đề cao truyền thống yêu nước bất khuất và sức mạnh của dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, thể hiện ý thức tự cường của dân tộc. Truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt ngàn đời.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC – HIỂU**

**ĐỀ 01:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“*Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói: “ Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “ Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn*

*Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”.*

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 16)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Nhân vật chính trong truyện là ai?

**Câu 2: Câu nói đầu tiên của** nhân vật chú bé là gì? Chú bé nói câu nói đó trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3:** Cho biết ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”* .

**Câu 4**: Hãy lí giải vì sao hội thi thể thao trong nhà trường thường mang tên “ Hội khoẻ Phù Đổng”?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

 Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

**Câu 2:**

- Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”.*

**- Hoàn cảnh của câu nói:** *Khi giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta; thế giặc mạnh, đất nước cần người tài giỏi cứu nước.*

**Câu 3:**

- Ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước” :*

+ Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.

+ Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.

==> Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

**Câu 4:**

- Hội khoẻ Phù Đổng là hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.

- Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

- Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

**ĐỀ 02:**

**Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**:

*“Giặc đã đến chân núi Trâu[ Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy, Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*.

*(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều tập 1, trang 17)*

**Câu 1:** Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn.

**Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “tráng sĩ”.** Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”* có ý nghĩa gì?

**Câu 4a.**Theo em, việc lập đền thờ Thánh Gióng ở làng Phù Đổng và hàng năm mở hội Gióng có ý nghĩa gì?

**Câu 4b**. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

**Câu 4c.**Truyện muốn ca ngợi điều gì? Từ điều đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân em.

(GV có thể chọn 1 trong ba câu).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường đánh thắng giặc và bay về trời.

**Câu 2:**

##### - Từ “tráng sĩ” dùng để chỉ người đàn ông có sức lực cường tráng và chí khí mạnh mẽ

- Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết.

**Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*”.

=> Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.

- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thường, chiến công để lại cho nhân dân,

- Gióng sinh ra cũng phi thường khi ra đi cũng phi thường (bay lên trời).

- Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.

**Câu 4a.**  HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Ý nghĩa của việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng:

- Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn.

- Giáo dục thế hệ sau về truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc; bồi đắp lòng yêu nước, tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc.

**Câu 4b**. HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trong truyện Thánh Gióng, lòng yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm được thể hiện qua tiếng nói đánh giặc của cậu bé Gióng, qua việc nhân dân đoàn kết góp gạo nuối Gióng. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trước vận mệh dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng của cả dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của ông cha ta khiến em vô cùng khâm phục, tự hào và nguyện sẽ phát huy trong hiện tại.

**Câu 4c.**

- Truyện *Thánh Gióng* muốn ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết làm nên sức mạnh của cả cộng đồng, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.

- Từ đó, truyện để lại cho em bài học về giữ gìn, xây dựng và bảo vệ đất nước.

**VĂN BẢN THẠCH SANH**

**I. Truyện cổ tích**

**1. Truyện cổ tích**

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.

**2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**

- Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.

- Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).

- Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.

- Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.

- Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

**- *Phân loại truyện cổ tích:***

+ Cổ tích về loài vật

+ Cổ tích thần kì

**\* Đặc điểm: So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:**

*+ Giống nhau*:  
- Đều là một thể loại văn học dân gian.  
- Đều có yếu tố kì ảo.

+ *Khác nhau:*  
- Truyền thuyết ra đời trước truyện cổ tích.  
- Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ; truyện cổ tích phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta.  
- Truyền thuyết có cốt lõi là những sự thực lịch sử còn cổ tích hoàn toàn hư cấu.  
- Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo đóng vai trò thần kì hóa để ngợi ca các nhân vật lịch sử còn trong cổ tích, yếu tố hoang đường, kì ảo đóng vai trò cán cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng, mơ ước và niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt với cái xấu.  
- Truyền thuyết thể hiện quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể; truyện cổ tích biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại.

**3. Các sự việc chính**

- Sự ra đời kì lạ của Thạch Sanh

- Lí Thông kết nghĩa anh em với TS lợi dụng TS

- Thạch Sanh trải qua thử thách và lập chiến công

- Thạch Sanh được truyền ngôi báu

Truyện cổ tích "Thạch Sanh" với hình ảnh chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm đã thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện. Hãy cùng Tư liệu Ngữ văn THCS ôn tập lại các nội dung chính của văn bản Thạch Sanh. Hi vọng bài ôn tập này sẽ hữu ích đối với thầy cô và các em trong quá trình ôn tập Văn 6.

### 4. Tóm tắt

Thạch Sanh vốn mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong túp lều dưới gốc đa và gia tài chỉ có lưỡi búa cha để lại. Thấy Thạch Sanh khỏe, Lí Thông lân la kết nghĩa anh em. Thạch Sanh về sống với mẹ con Lí Thông.Trong vùng có một con chằn tinh hung dữ, mỗi năm người dân phải nộp người cho nó ăn thịt. Tới phiên Lí Thông, hắn lừa Thạch Sanh đi nộp mạng thay mình. Thạch Sanh giết chết chằn tinh. Lí Thông lại lừa chàng đi trốn rồi cướp công của Thạch Sanh. Trong ngày hội nhà vua kén phò mã, công chúa bị đại bàng quắp đi. Thạch Sanh thấy đại bàng cắp người thì bắn nó và lần theo dấu máu vào hang cứu công chúa. Lí Thông lại một lần nữa lừa Thạch Sanh, hắn lấp miệng hang nhốt chàng dưới vực.  Thạch Sanh giết đại bàng và cứu con vua Thủy Tề, chàng được tặng nhiều vàng bạc nhưng chỉ xin một cây đàn trở về gốc đa. Hồn chằn tinh và đại bàng vu oan cho Thạch Sanh, chàng bị bắt vào ngục. Trong ngục chàng lôi đàn ra gẩy kể về nỗi oan khiên của mình. Lí Thông bị trừng trị, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa cho.Các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh, Thạch Sanh mang đàn ra gảy, 18 nước chư hầu xin hàng, Thạch Sanh nấu cơm thết đãi. Quân sĩ coi thường, ăn mãi không hết, họ kính phục rút quân về nước. Thạch Sanh được truyền ngôi báu.

**5. Nội dung**

**a. Nhân vật Thạch Sanh**

*\* Nguồn gốc, xuất thân của người dũng sĩ: vừa bình thường lại vừa phi thường.*

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

### -  Nhân dân vừa muốn tô đậm hình ảnh đẹp đẽ về những người anh hùng (người anh hùng là người phi thường ngay từ trong nguồn gốc) lại vừa ước mong có được những người anh hùng bình dị trong cuộc sống đời thường.

### - Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh à nhân dân ta luôn hướng tới những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh

### => Quan niệm của nhân dân:

### - Người anh hùng toàn thiện, toàn mĩ

### - Luôn hướng tới những con người bất hạnh.

### *\* Người dũng sĩ trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc*

### - Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách:

### + Bị lừa, giết chằn tinh

### + Giết đại bàng, bị lấp hang

### + Bị vu oan

### + Đánh nhau với quân mười tám nước chư hầu

### Nhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước.

### Độ khó của thử thách, ý nghĩa của chiến công ngày càng tăng.

### Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

### \*  Thạch Sanh giết chằn tinh

### - Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa đi canh miếu à không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ

### -  Phẩm chất của Thạch Sanh: tốt bụng (Lí Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), cả tin (Lí Thông nói liền tin), dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai).

### - Mang lại sự bình yên cho xóm làng.

### \*Thạch Sanh giết đại bàng

### - Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn rồi trở về sống dưới gốc đa.

### => Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thản trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ.

### *\*  Bị vu oan*

### - Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình.

### - Nhân vật tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách.

### - Hẳn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, người có thể gẩy được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình.

### ? Khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lí Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Chi tiết ấy giúp em hiểu được Thạch Sanh có lòng vị tha, bao dung vô cùng.

### \* Thạch Sanh đánh lui quân mười tám nước chư hầu

### - Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người

### - Không dùng vũ khí, chiến thắng bằng lòng vị tha, nhân hậu

### - Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham làm, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

### *c. Hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ*

### - Thạch Sanh lên ngôi vua à Phần thưởng cao nhất, xứng đáng nhất dành cho người dũng sĩ

### - Niềm tin của nhân dân: ở hiền gặp lành

### *\* Bảng tổng kết: Những thử thách, chiến công của nhân vật Thạch Sanh*

### b. Nhân vật Lý Thông

### - Nhân vật ác >< Thạch Sanh: thiện

### - Lý Thông: vụ lợi, tham lam, ích kỉ, độc ác

### - Cái ác trong truyện cổ tích không đơn thuần chỉ là ác độc mà còn có rất nhiều đặc điểm kèm theo: xấu xa, ích kỉ, tham lam

### - Nhân vật Lí Thông là minh chứng cho quan niệm dân gian: ác giả ác báo. Thạch Sanh đã tha cho mẹ con Lí Thông nhưng vì sao tác giả dân gian vẫn để cho Lí Thông phải chết à cái ác phải được trừng phạt.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Truyện cổ tích Việt Nam luôn có một sức hút vô cùng to lớn đối với bất cứ thế hệ người Việt nào.Dù là truyện loài vật, thần kì hay sinh hoạt thì truyện cổ tích vẫn mang yếu tố chính là phản ánh những sự việc xảy ra trong xã hội loài người. Truyện cổ tích Thạch Sanh  thuộc loại truyện thần kì kể về cuộc đời – một chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm, trải qua bao khó khăn thử thách để tới được hạnh phúc chân chính, qua đó thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện.

       Truyện kể về nhân vật chính là Thạch Sanh - kiểu nhân vật dũng sĩ có sức khỏe, có tài năng; vượt qua bao chiến công, thử thách để tìm được hạnh phúc đích thực của mình. Bố cục của truyện có thể chia làm ba phần. Từ đầu đến *mọi phép thần thông* nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh; phần tiếp theo đến *rồi kéo nhau về nước* kể về các chiến công của Thạch Sanh. Câu cuối nói lên hạnh phúc mà nhân vật tìm được. Ta có thể chia phần thân truyện thành các chặng: kết nghĩa; diệt chằn tinh, bị cướp công; diệt đại bàng, cứu công chúa, lại bị cướp công; bị vu oan, vào tù; được giải oan; chiến thắng quân mười tám nước chư hầu. Bố cục truyện như vậy giúp người đọc thấy rõ đặc điểm của truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ: vượt qua rất nhiều thử thách, lập chiến công và được hưởng hạnh phúc - là cốt truyện thường thấy của thể loại truyện cổ tích. Truyện tuy có những chi tiết thần kì giữ vai trò mở nút thắt trong từng tình huống, nhưng trên tất cả là thề hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người.

Phần mở đầu truyện, tác giả dân gian kể lại sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh.Những chi tiết vừa tô đậm sự khác thường, vừa nói lên sự bình thường trong nguồn gốc và xuất thân của Thạch Sanh: vốn là thái tử con Ngọc Hoàng; được đầu thai xuống làm con một cặp vợ chồng nghèo nhưng tốt bụng; được mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra. Khi Thạch Sanh vừa khôn lớn thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi. Khi lớn lên, Thạch Sanh được thiên thần dạy đủ võ nghệ. Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, nhân dân ta nhằm tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện. Đồng thơi tác giả dân gian muốn thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ.Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh. Điều đó cũng phản ánh kiểu nhân vật trong truyện cổ tích mà ntác giả dân gian luôn hướng tới đó là những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh.

Phần thân truyện, tác giả dân gian phản ánh hành trình người dũng sĩ đi kiếm tìm hạnh phúc gắn với những thử thách và chiến công phi thường. Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách: bị lừa, giết chằn tinh; giết đại bàng, bị lấp hang; bị vu oan và đánh thắng quân mười tám nước chư hầu. Tuy phải đối mặt với bao khó hhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước. Độ khó của thử thách, mức độ nguy hiểm càng tăng thì chiến thắng cua người anh hùng càng vẻ vang. Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

Trước tiên là chiến công củaThạch Sanh giết chằn tinh. Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa người anh kết nghĩa Lý Thông lừa đi canh miếu hộ để thế mạng. Thạch Sanh không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ. Thử thách làm nổi bật sự tốt bụng của Thạch Sanh (Lý Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), sự cả tin (Lý Thông nói liền tin) và sự dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai). Chiến công giết chằn tinh của chàng đã mang lại sự bình yên cho xóm làng.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Tiếp theo là chiến công củaThạch Sanh giết đại bàng. Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn của vua Thuỷ Tề rồi trở về sống dưới gốc đa.Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thản trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ. Chi tiết cây đàn của vua Thuỷ Tề tặng Thạch Sanh cũng được khéo léo cài đặt để tạo sự sự tiếp nối ở cốt truyện ở phần sau.

Không màng danh lợi, trở về dưới gốc đa tiếp tục công việc kiếm củi kiếm sống qua ngày nhưng Thạch Sanh lại bị hồn của chằn tinh và đại bàng bày mưu vu oan.Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình. Điều đó chứng tỏ dù trong hoàn cảnh tù ngục thì chàng Thạch Sanh vẫn thể hiện sự tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách.Hẳn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, chàng có thể gẩy được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình. Sau khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lí Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Chi tiết ấy giúp ta hiểu được lòng vị tha, bao dung vô cùng của Thạch Sanh.

Thạch Sanh còn phải vượt qua thử thạch cuối cùng để đem lại hoà bình cho đất nước, nhân dân đó là thử thách đánh lui quân mười tám nước chư hầu.Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người. Thạch Sanh  không dùng vũ khí mà chiến thắng quân giặc bằng lòng vị tha, nhân hậu. Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham làm, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, không dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

Cuối cùng, sau bao thử tháchthì hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ, còn cái ác bị trừng trị đích đáng. Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho; còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. Đây là kết thúc có hậu thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời. Đồng thời kết thúc truyện còn thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ, hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con Lý Thông không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

Truyện cổ tích Thạch Sanh đã thành công đặc sắc về cả mặt nghệ thuật và nội dung. Để tạo nên sự hấp dẫn, ta không thể không nhắc đến những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích có cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, mẹ con Lý Thông, hồn chằn tinh, đại bàng đại diện cho cái xấu cái ác. Thông qua việc xây dựng hai tuyến nhân vật này nhân dân ta còn khẳng định một đạo lí ngàn đời đó là *“Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”*. Các chi tiết nghệ thuật được sắp đặt khéo léo, có quan hệ mật thiết với nhau, đặc biệt là các chi tiết thần kì như *cung tên vàng, đàn thần, niêu cơmthần* không chỉ làm tăng sức hấp dẫn cho cốt truyện mà còn chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu xa, thể hiện mơ ước, khát vọng của nhân dân. Bằng những nghệ thuật đặc sắc, truyện đã ngợi ca những chiến công rực rỡ  và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng; thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh. Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 1**

Truyện *Thạch Sanh* là một trong những truyện cổ tích hay và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Cuộc đời và những chiến công của Thạch Sanh cùng với sự hấp dẫn của những chi tiết thần kì trong truyện sẽ còn mãi sức hấp dẫn, say mê với các thế hệ người đọc, người nghe.

*có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.*

*Bấy giờ, trong vùng có con chằn tinh, có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bổ vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nạp một mạng người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.*

*Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:*

*- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh, đến sáng thì về.*

*Thạch Sanh thật thà, nhận lời đi ngay..*

*(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 19 - 20)*

**Câu 1**. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

**Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh?

**Câu 4**. Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với mọi người?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Đoạn trích được trích từ truyện cổ tích “Thạch Sanh”.
* Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:**

Chi tiết thần kì có trong đoạn trích là chi tiết về chằn tinh có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người.

**Câu 3:** Bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh thể hiện qua đoạn trích:

+ Lý Thông: gian xảo, ích kỉ, nham hiểm (kết nghĩa anh em với Thạch Sanh nhằm mưu lợi; lừa Thạch Sanh đi chết thay mình).

+ Thạch Sanh thật thà, vị tha, có phần cả tin .

Sự đối lập giữa hai nhân vật là sự đối lập giữa phe thiện và phe ác.

**Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.**

Có thể nêu: Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học cho bản thân: Trong cách ứng xử với mọi người, ta không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà lợi dụng người khác; cần phải biết sống vì người khác. Bên cạnh đó, ta cũng cần đề phòng trước những kẻ xấu.

**ĐỀ 02:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“*Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp ra hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước*

*Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh*”.

*(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 21)*

**Câu 1**. Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại nào? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?

**Câu 2a**.Xác định ít nhất 01 từ ghép có trong đoạn trích. Đặt 01 câu với từ ghép đó (Không viết lại câu đã có trong đoạn trích đọc hiểu).

**Câu 2b**. Phân loại các từ trong câu sau theo cấu tạo từ:

“*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*

**(GV chọn một trong 2 câu: 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**.Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

**Câu 4**. Nêu chủ đề của truyện “Thạch Sanh”. Kể tên những truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh” (Kể tối thiểu 03 truyện)

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**:

* Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích.
* Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.

**Câu 2a:** HS tự xác định 01 từ ghép có trong đoạn trích và đặt câu.

Ví dụ: từ ghép “niêu cơm”

Đặt câu: Hình ảnh niêu cơm thần kì là chi tiết đặc sắc, có giá trị thẩm mĩ cao trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

**Câu 2b:**

Câu văn: “*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ ghép** | **Từ láy** |
| *Cả, mấy, vạn, thấy, chỉ, cho, dọn, ra, có, một, không, muốn* | *tướng lĩnh, quân sĩ, niêu cơm, tí xíu, bĩu môi, cầm đũa* | *vẻn vẹn* |

**Câu 3:**

- Chi tiết thần kì trong đoạn trích: niêu cơm thết đãi quân lính 18 nước chư hầu của Thạch Sanh cứ ăn hết lại đầy.

- Ý nghĩa của chi tiết niêu cơm thần kì: tượng chưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

**Câu 4:**

- Chủ đề: phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện)

- Một số truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh”:

*+ Tấm Cám*

*+ Cây tre trăm đốt*

*+ Cây khế*

**SỰ TÍCH HỒ GƯƠM**

**1. Các sự việc chính**

- Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại.

- Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.

- Lê Thận được lưỡi gươm dưới nước.

- Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, tra vào nhau vừa như in.

- Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.

- Đât nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần.

- Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ hoàn kiếm.

**2. Tóm tắt truyện**

Nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh nhưng nhiều lần bị thua. Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần. Lê Thận đánh cá ba lần đều bắt được thanh sắt, nhìn kĩ lại dưới mồi lửa mới nhận ra là thanh gươm. Một hôm Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thanh gươm sáng rực lên, trên đố có khắc chữ “Thuận Thiên”, nhưng không ai biết đó là báu vật. Một lần bị giặc đuổi, Lê Lợi chạy vào rừng, bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa. Ông đem về tra vào lưỡi ở nhà Lê Thận thì vừa như in, mới biết đó là gươm thần.Từ khi có gươm, nghĩa quân chiến thắng liên tiếp, đuổi hết quân xâm lược.Một năm sau khi thắng giặc, Lê Lợi đi thuyền chơi hồ Tả Vọng. Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại gươm. Lê Lợi trả gươm. Từ đó hồ mang tên Họ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

2. Sự tích Hồ Gươm ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn. Nhờ có sức mạnh chính nghĩa, hợp lòng trời (thuận thiên) mà cuộc khởi nghĩa được nhân dân mọi miền ủng hộ, giúp đỡ và đã giành thắng lợi hoàn toàn.

- Việc trả gươm giải thích tên gọi mới của hồ Tả Vọng và nói lên mơ ước được sống trong hoà bình, không phải dùng vũ khí chiến tranh của nhân dân ta.

**3. Nội dung**

*a. Đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần vì:*

-Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm nhiều điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến tận xương tuỷ.

-Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc nhưng thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua.

 -Đức Long Quân muốn cho nghĩa quân thắng giặc.

*b. Lê Lợi không trực tiếp nhận được thanh gươm.*

+ Đầu tiên là người đánh cá Lê Thận thả lưới bắt được gươm. Khi Lê Lợi đến nhà Lê Thận thì lưỡi gươm “sáng rực lên”. Trên gươm có hai chữ “Thuận Thiên”. Nhưng không ai biết đó là báu vật.

+ Khi Lê Lợi bị giặc đuổi, thấy “ánh sáng lạ”, ông bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa.

+ Tra lưỡi gươm ở nhà Lê Thận vào chuôi gươm này thì “vừa như in”.

+ Lê Thận nâng gượm lên, dâng cho Lê Lợi.

-Cách Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm có ý nghĩa :

+ Sức mạnh của thanh gươm thần là sức mạnh tập hợp, từ vùng sông nước đến vùng rừng núi, từ miền xuôi đến miền ngược.

+ Mỗi bộ phận của gươm ở một nơi nhưng khi khớp lại thì “vừa như in”, thể hiện sự thống nhất nguyện vọng, ý chí chống giặc của toàn dân tộc.

+ Chữ “Thuận Thiên” trên lưỡi gươm nhấn mạnh tính chất chính nghĩa, hợp lòng người, hợp.lòng trời của nghĩa quán Lam Sơn.

*3.Sức mạnh của gươm thần thể hiện ở chỗ*

-Từ khi có gươm, nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng, quân Minh bạt vía.

-Từ bị động trốn tránh, nghĩa quân chủ động, xông xáo tìm giặc.

-Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, tiêu diệt và đuổi hết bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi đất nước.

*4. Long Quân đòi gươm*

Khi đất nước đã thanh bình, Lê Lợi đã lên ngôi vuạ và dời đồ về Thăng Long thì Long Quân đòi lại gươm.

-Cảnh đòi gươm và trả lại gươm diễn ra trên hồ Tả Vọng.

+ Nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng, lên đòi lại gươm.

+ Khi Rùa Vàng nhô lên, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người động đậy. Rùa nổi tiếng người : “Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân”. Nhà vua trả gươm, Rùa Vàng đóp lấy lặn xuống nước. “Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hổ xanh”.

*5.Ý nghĩa của truyện Sự tích Hồ Gươm*

-Truyện ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Có chính nghĩa, được mọi người, mọi miền ủng hộ, cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn.

-Truyện đề cao, suy tồn vai trò của Lê Lợi, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã được Long Quân (tổ tiên của dân tộc) ủng hộ, được nghĩa quân suy tôn (lời Lê Thận), đã có công đuổi giặc, đem lại thái bình cho đất nước.

-Truyện giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, nhưng cũng nói lên nguyện vọng của nhân dân ta muốn sống trong hoà bình, hạnh phúc, không phải dùng vũ khí chiến tranh.

6. Truyền thuyết khác của nước ta cũng có hình ảnh Rùa Vàng là An Dương Vương (một phần của truyện này là truyện Mị Châu, Trọng Thuỷ).

Hình ảnh Rùa Vàng trong truyền thuyết của Việt Nam tượng trưng cho khí thiêng của sông núi, tình cảm và trí tuệ của nhân dân. Rùa Vàng trong truyện Sự tích Hồ Gươm là sứ giả của Long Quân, thể hiện tình cảm và trí tuệ, khát vọng hoà binh của dân tộc.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Hồ Gươm là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội. Tên hồ gắn liền với truyền thuyết Rùa Vàng đòi lại gươm thần mà Long Quân đã cho Lê Lợi mượn để đánh tan quân xâm lược nhà Minh, đem lại thái bình cho đất nước. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” là một trong những tác phẩm tiêu biểu có cốt lõi lịch sử ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đồng thời lí giải tên gọi hồ Gươm.  
**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” có hai câu chuyện vừa lồng ghép vừa tách bạch với nhau: câu chuyện mượn gươm và câu chuyện trả gươm. Chúng có nội dung riêng nhưng đồng thời bổ sung ý nghĩa cho nhau để khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

**Ở câu chuyện mượn gươm, tác giả dân gian đã miêu tả hoàn cảnh mượn gươm vô cùng đặc biệt.** Vào thủa ấy, giặc Minh lấy cớ phù Trần diệt Hồ mà thực chất là sang xâm chiếm, đô hộ nước ta. Cuộc sống của nhân dân vô cùng khổ cực, bị quân Minh chèn ép, bức hại. Trước tình cảnh lầm than của nhân dân, một người tủ trưởng tên là Lê Lợi đã dấy binh khởi nghĩa. Nhưng buổi ban đầu nghĩa quân còn yếu, nhiều lần bị đánh lui. Thấy vậy, đức Long Quân bèn cho Lê Lợi mượn gươm thần. Nhưng cách Long Quân cho mượn gươm cũng hết sức đặc biệt, ngài không đưa tận tay cho Lê Lợi mà phải trải qua một quá trình gian nan.  Long Quân cho gươm mắc vào lưới đánh cá của Lê Thận (một người dưới trướng của Lê Lợi) ba lần, Lê Thận lần nào cũng gỡ lấy gươm rồi vứt trở lại sông, qua khúc sông khác thả lưới lại vẫn vớt được lưỡi gươm ấy. Thấy sự lạ, Lê Thận bèn mang gươm trở về. Còn chuôi gươm lại là do vị chủ tướng Lê Lợi lấy được trên ngọn cây đa. Cách cho mượn gươm của Long Vương cho thấy rằng đây là thanh gươm thần, bởi vậy không thể trao theo một cách thức dễ dàng mà phải vượt qua thử thách mới có được nó. Không chỉ vậy, hình ảnh lưỡi gươm và chuôi gươm được tìm thấy ở hai địa điểm khác nhau (dưới nước, trên rừng) cũng cho thấy muốn đánh lại kẻ thù thì toàn dân ta phải đoàn kết, hợp nhất, chỉ có như vậy mới tạo nên sức mạnh to lớn đánh đuổi kẻ thù. Gươm có chữ “Thuận thiên”, điều đó cho thấy cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ, cũng như lời của Lê Thận khẳng định: “*Đây là thần linh có ý phó thác cho mình làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công và thanh gươm này để báo đền xã tắc*”. Và quả nhiên, từ khi có được gươm thần, sức mạnh của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh, chẳng mấy chốc đã đánh lui được quân địch, khiến chúng phải rút lui về nước. Sức mạnh của thanh kiếm cũng là minh chứng cho ta thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết. Dưới sự lãnh đạo anh minh, sáng suốt của Lê Lợi, sự đồng lòng nhất chí của toàn dân thử thách nào cũng có thể vượt qua, kẻ thù nào cũng có thể đánh thắng.

**Vậy còn câu chuyện Lê Lợi trả lại gươm thần diễn ra như thế nào?** Trước tiên là hoàn cảnh trả gươm. Khi quân Minh thảm bại phải trở về nước, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của chủ tướng Lê Lợi đã hoànn thành sứ mệnh cứu nước, nhân dân ta được hưởng cuộc sống ấm no, yên bình. Một năm sau, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Long Quân không đòi lại gươm ngay lúc quân ta giành chiến thắng mà phải một năm sau, bởi lúc này nước nhà mới ổn định, kinh tế quân sự đã được phục hồi và ngày càng vững mạnh. Chi tiết trả gươm đã thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta, đồng thời đây cũng là lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta. Hình ảnh Rùa Vàng hiện lên giữa hồ đớp lấy thanh kiếm rồi lặn xuống hồ sâu, mặt hồ vẫn le lói những ánh sáng. Đây là một chi tiết kì ảo mang tính thiêng liêng, huyền bí. Đồng thời chi tiết này cũng để giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm (hồ trả gươm). Hồ Hoàn Kiếm gắn liền với chi tiết mang tính huyền bí đã góp phần thiêng liêng hóa một địa danh lịch sử.

Với sự kết hợp hài hòa các yếu tố li kì, huyền bí với các yếu tố lịch sử, truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* đã giải thích nguồn gốc ra đời của tên gọi Hồ Gươm. Truyền thuyết cũng ca ngợi, tôn vinh tính chất chính nghĩa, tính chất nhân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tên hồ Hoàn Kiếm đồng thời cũng dùng để đánh dấu chiến thắng của dân tộc, thể hiện ước mơ, khát vọng hòa bình của nhân dân.

Đọc truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*, ta không chỉ được sống lại những năm tháng gian lao và anh dũng của ông cha ta thuở "bình Ngô” mà còn được bồi đắp, nâng cao thêm niềm tự hào dân tộc, được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử, văn hóa trên cố đô Thăng Long. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” sẽ sống mãi trong tâm thức người Việt với bao niềm tự hào, tự tôn dân tộc giống như lời thơ:

*“Hoàn Kiếm danh lừng rạng cõi mây  
Vua Lê gươm trả chính nơi này  
Giặc Minh bạo phát ngày xâm lược  
Nam quốc thanh bình buổi thoát vây  
Đuổi hết gian tà sông núi vững  
Gom về phước hạnh nước nhà xây  
Ngàn năm con cháu hoài ơn nghĩa  
Bình định sơn hà mãi nhớ đây”*

*(Khuyết danh)*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc”.*

*(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 25)*

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3.** Theo em, tại sao đức Long quân lại quyết định cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?

**Câu 4.** Em hãy nhớ và ghi ra cách thức đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần. Thử nêu suy nghĩ về ý nghĩa của cách thức mượn gươm đó.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ 3.

**Câu 2:** Nội dung chính: Hoàn cảnh đức Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

**Câu 3:** Đức Long Quân cho mượn gươm thần vì:

- Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến tận xương tủy.

- Khởi nghĩa Lam Sơn là đội quân chính nghĩa chống lại kẻ thù bạo tàn nhưng thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua.

- Đức Long Quân muốn cho nghĩa quân chiến thắng quân giặc, mang lại cuộc sống hòa bình, yên ấm cho nhân dân.

=> Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ

**Câu 4:** Đức Long Quân cho chủ tướng Lê Lợi nhận được gươm báu với cách thức đặc biệt:

- Đức Long Quân không trực tiếp đưa cho Lê Lợi mà thông qua nhân vật Lê Thận. Việc Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được 1 lưỡi gươm (dưới nước) còn Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (trên rừng) chứng tỏ sự hòa hợp giữa nhân dân và người đứng đầu (Lê Lợi); kết hợp sức mạnh miền ngược với miền xuôi.

- Các bộ phận của gươm báu khớp vào với nhau, lưỡi gươm phát sáng và có hai chữ "Thuận Thiên", tượng trưng cho sức mạnh trên dưới đồng lòng của nhân dân ta. Sức mạnh đó đà làm nên chiến thắng chống lại kẻ thù xâm lược. Cách trao gươm như vậy vừa có ý nghĩa kì lạ, vừa linh thiêng và sâu sắc.

**ĐỀ 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:*

*- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!*

*Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh.*

*Khi thuyền của bá quan tiến kịp thuyền rồng, vua liền báo ngay cho họ biết:*

*- Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai Rùa lấy lại.*

*Từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.”*

*(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 27)*

**Câu 1.** *Truyện “Sự tích Hồ Gươm” thuộc thể loại nào?*

A. Truyền thuyết về người anh hùng.

B. Truyền thuyết về thời kì dựng nước.

C. Truyền thuyết về địa danh.

**Câu 2.** Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3.** Nêu ý nghĩa của hình ảnh*vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh* sau khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước.

**Câu 4.**Có một du khách nước ngoài đến Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Gươm. Nếu em là hướng dẫn viên cho du khách đó thì em sẽ giới thiệu những điều gì về địa danh này?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đáp án C. Truyền thuyết về địa danh.

**Câu 2**: *Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm. Một hôm* nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm.

**Câu 3:** Ý nghĩa hình ảnh vệt sáng le lói phản lại trên mặt hồ:

+ Gợi ra cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng, tăng thêm chất thơ cho tác phẩm truyện.

+ Đó là ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.

**Câu 4:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Em sẽ giới thiếu lịch sử tên gọi, đặc điểm quang cảnh của hồ,…

- Hồ Gươm không chỉ là danh lam thắng cảnh đẹp của Hà Nội, nó còn là di tích lịch sử của Việt Nam.

- Trước hết, Hồ Gươm được gắn với truyền thuyết Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ của Đức Long Quân đã giúp nước ta thoát khỏi ách đô hộ của giặc Minh xâm lược. Sự tích trả gươm rùa thần của Lê Lợi đã làm nên cái tên "Hồ Gươm" hay Hồ Hoàn Kiếm.

- Ngày nay, Hồ Gươm cũng với Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc trở thành biểu tượng của thủ đô Hà Nội, là thắng cảnh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

**==============================================**

**CHUYÊN ĐỀ 2: THƠ**

**1. Kiến thức chung về thơ lục bát**

**1. Một số yếu tố hình thức của bài thơ**

- Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.

- Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.

- Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.

**2. Đặc điểm của thơ lục bát**

- Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.

***- Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

***- Gieo vần:***

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

***- Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điểu gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?

**Gợi ý trả lời**

Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ lục bát, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:

- Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, năm xuất bản, tìm hiểu những thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**

- Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ lục bát: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình

**- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**

**-**Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

**A. VĂN BẢN À ƠI TAY MẸ**

***(Bình Nguyên)***

**I. Tác giả**

- Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh ngày 25 tháng 1 năm 1959.

- Quê quán: xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông vừa là nhà thơ, vừa là nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.

- Hiện nay tác giả Bình Nguyên đang làm Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

- Sự nghiệp:

+ Đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ.

+ Các tác phẩm thơ chính:Hoa Thảo Mộc (2001); Trăng đợi (2004); Đi vè nơi không chữ (2006); Lang thang trên giấy (2009); Những ngọn gió đồng (2015); Trăng hẹn một lần thu (2018)…

**II. Nội dung**

**- Xuất xứ :** 2003, bài thơ được tác giả gửi dự thi Thơ lục bát trên báo Văn Nghệ

**- Thể loại: Thơ lục bát**

- Thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc. Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

- Bài thơ mang âm hưởng ca dao dân ca Việt Nam, giúp tác giả bộc lộ được tình mẫu tử giản dị mà sâu lắng, tha thiết.

**+ Bố cục văn bản**: 02 phần:

**- Phần 1**: từ đầu… “À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”: Vẻ đẹp đôi bàn tay mẹ

**- Phần 2:** Còn lại: Ý nghĩa lời ru của mẹ

**1. Nội dung chính**

- Bài thơ À ơi tay mẹ (Bình Nguyên) là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình.

- Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho HS về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

**2. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.

- Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.

**III. Phân tích**

|  |
| --- |
| **1. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ**  **\**Bàn tay mẹ trước giông bão cuộc đời*:**  Bàn tay mẹ chắn mưa sa  Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.  - Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng:  + **Hình ảnh hoán dụ:** “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con.  + **Các hình ảnh ẩn dụ**: " mưa sa"; " bão qua mùa màng". Đây là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời.  **+ Các động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời.  Ở hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở.  → Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở.  => Như vậy, qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.  **Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**  **\* *Bàn tay mẹ dịu dàng nuôi nấng con:***  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon À ơi này cái trăng tròn À ơi này cái trăng còn nằm nôi...  **+ Phó từ “vẫn”** cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì: Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.  **+Từ láy “dịu dàng**”: diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương.  **+ Từ láy “à ơi**” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng.  **+ Mẹ gọi con** là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc.  → Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.  **2. Bàn tay mẹ nhiệm màu, hi sinh vì con**  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con... Mai sau bể cạn non mòn À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.  Và  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu tự những dãi dầu (2) đấy thôi.  + Nếu như ở khổ thơ trên (ý b), mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” ( Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ.  + Thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời. Dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.  + Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.  → Người mẹ vất vả, chắt chiu một đời để nuôi nấng con dù cho bất cứ điều gì xảy ra.  **=> Ở phần đầu của bài thơ, tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**  **3. Ý nghĩa lời ru của mẹ**  ***\*Lời ru thể hiện nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người:***  **Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**  + "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" → Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.  + "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ" → Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.  + "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu" Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại; mong mỏi bà luôn được khoẻ mạnh, bình an.  + Mẹ nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc.  **\*Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:**"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".  → Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ.  -**Nghệ thuật:**  **+** Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.  + Ẩn dụ "cái khuyết tròn đầy", nhân hóa "đời nín cái đau".  + Nhịp thơ như lời hát, uyển chuyển, sâu lắng.  →**Tác dụng:**  + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng.  **3. Tổng kết** |
| **a. Nghệ thuật**  + Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.  + Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.  + Ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến.  **b. Nội dung:**  Bài thơ À ơi tay mẹ của tác giả Bình Nguyên là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống. |

**2. Định hướng phân tích**

Tình mẫu tử là một trong những đề tài quen thuộc của thơ ca, nghệ thuật. Viết về tình mẫu tử thiêng liêng đã có biết bao áng thơ hay, bài hát đẹp. Tìm đến đề tài đã quá quen thuộc nhưng những sáng tác của tác giả Bình Nguyên vẫn gieo vào lòng người đọc những nỗi rung động đầy chất thơ về tình mẫu tử đơn sơ mà thấm thía, giản dị mà sâu sắc.

Nói đến nhà thơ Bình Nguyên, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, bạn đọc nhớ ngay đến những câu thơ lục bát hay của ông. Nhà thơ của cố đô Hoa Lư này đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ. Qua những tập thơ của nhà thơ Bình Nguyên đã xuất bản trong hơn 15 năm qua, bạn đọc khá quen thuộc với sự hồn hậu, dịu dàng và tài hoa của ông. Một trong những bài thơ lục bát viết về tình mẫu tử để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người yêu thơ là bài thơ “À ơi tay mẹ”, đã được nhạc sĩ Trần Viết Tân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

Trước tiên, ba khổ đầu của bài thơ đã cho người đọc thấy được vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ. Đó là đôi bàn tay vừa mạnh mẽ, kiên cường để bao bọc, chở che cho con trước giông bão cuộc đời, vừa vô cùng ấm áp dịu dàng, đầy yêu thương. Hai câu thơ đầu đã tô đậm vẻ đẹp của đôi bàn tay mẹ **trước giông bão cuộc đời:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Tác giả sử dụng hình ảnh hoán dụ: “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con. Các hình ảnh ẩn dụ" mưa sa", " bão qua mùa màng” là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Bên cạnh đó, c**ác động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời. Như vậy, chỉ với hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở. Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở. Qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.

**Không chỉ miêu tả vẻ mạnh mẽ, kiên cường của đôi bàn tay mẹ trước , tác giả đã gợi ra vẻ dịu dàng của đôi bàn tay mẹ, luôn vỗ về, yêu thương con:**

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Câu thơ thứ 3 của bài sử dụngphó từ “vẫn” cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì. Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.Từ láy “dịu dàng” diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương. Không chỉ vậy, từ láy “à ơi” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng. Mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc. Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.

***Bàn tay mẹ còn chất chứa bao tảo tần, hi sinh vì con:***

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

Nếu như ở khổ thơ thứ hai, mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ. Bên cạnh đó, vệc sử dụng thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời, qua đó khẳng định một điều chắc chắn: dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu tự những dãi dầu đấy thôi.

Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Tóm lại tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**

**Phần sau bài thơ tác giả tập trung làm nổi bật ý nghĩa lời ru của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

***Lời ru chất chưa bao nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người.* Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây

Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên. Đó là sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau

Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại: "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu “, mong mỏi ngoại luôn được khoẻ mạnh, bình an. Mẹ không chỉ lo cho con bé bỏng, lo cho người thân mà mẹ còn lo nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc. **Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:  "**À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình". Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ. Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.

**Tóm lại ,** với thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con, phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc; ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến, qua bài thơ À ơi tay mẹ, tác giả Bình Nguyên đã thể hiện sâu sắc  tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 01: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định phương thức biều đạt chính trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ nào?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con…

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, em có cảm nhận gì về tình cảm của người mẹ dành cho con.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:**Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ: *cái trăng vàng; cái trăng tròn; cái trăng còn nằm nôi; cái mặt trời bé con.*

**Câu 3:**

- Hình ảnh ẩn dụ: *cái mặt trời bé con*, Chỉ người con

- Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh sự quan trọng của người con đối với mẹ.

+ Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất.

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, ta thấy được tình yêu thương lớn lao của mẹ dành cho con**.** Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Song với con, lúc nào mẹ cũng dịu dàng, dành tình yêu thương cho con suốt một đời dù cho bất cứ điều gì xảy ra.

**ĐỀ 02: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích gì?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

**Câu 4:**“*Bàn tay mang phép nhiệm mầu / Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.”.* Em có đồng ý với tác giả không? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**: Thể thơ lục bát.

**Câu 2**: Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích sau:

+ Mềm ngọn gió thu, tan đám sương mù lá cây.

+ Ru cho con mau lớn khôn, trưởng thành (Cái khuyết tròn đầy)

+ Ru cho nỗi thương nhớ được lấp đầy (cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau)

+ Sóng lặng bãi bồi, mưa không dột cho bà ngồi

+ Đời nín cái đau

**Câu 3**:

- Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.

- Tác dụng:

+ Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.

+ Thể hiện tình cảm ca ngợi, trân trọng của tác giả với tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 4:** HS nêu quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý. Nêu lí do.

Ví dụ: HS đồng ý với tác giả. *Bởi vì:* Đôi bàn tay mẹ làm nên bao điều kì diệu, phi thường. Cả đời mẹ vất vả vì con, lam lũ nhọc nhằn chịu mọi đắng cay, nguyện hi sinh cả cuộc đời để cho con có cuộc sống tốt đẹp. Chính vì thế nói rằng đôi bàn tay mẹ đã chịu những dãi dầu nắng mưa là đúng.

**B. VỀ THĂM MẸ - ĐINH NAM KHƯƠNG**

**I. Tác giả**

**-** Tác giả Đinh Nam Khương (1949 - 2018)

- **Quê quán**: Thôn Đục Khuê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

- **Chức danh**: Từng là phó chủ tịch Hội Đông y Mỹ Đức, Hà Nội; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

- **Giải thưởng**:  
+ Giải A cuộc thi thơ 1981 - 1982 - Báo Văn nghệ.  
+ Tặng thưởng bài thơ hay nhất 1992 - Báo Văn nghệ Quân đội.  
+ Tặng thưởng chùm thơ hay nhất 2001 - Báo Văn nghệ.  
+ Giải B cuộc thi thơ Lục bát 2002 - 2003.

**II. VĂN BẢN “VỀ THĂM MẸ”**

**1.Xuất xứ**: Trích Mẹ (Tuyển thơ) - 2002.

**2.Thể thơ** : Bài thơ viết theo thể thơ lục bát.

**3**. **Bố cục văn bản:** Chia làm 3 phần:

**- Phần 1:** Khổ 1( 4 câu đầu): Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con.

- Phần 2: + Khổ 2 và Khổ 3 (8 câu tiếp): Hình ảnh ngôi nhà của mẹ.

- Phần 3: Khổ cuối (2 câu cuố): Tình cảm, cảm xúc của người con.

**4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.

- Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.

**5. Đặc sắc nội dung**

Bài thơ *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương) là tâm sự của người con xa ngày về thăm mẹ, qua đó người đọc thấy được sự tảo tần, lam lũ, đức hi sinh của mẹ và thấy được tình yêu thương, trân trọng của người con dành cho người mẹ thân thương.

**III. Phân tích văn bản**

|  |
| --- |
| **a. Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con**  **\* Hoàn cảnh người con về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**  *“Con về thăm mẹ chiều đông*  *Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*  *-* Cụm từ “Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà. Trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội.  - Nhưng khi con về tới nhà thì lại bắt gặp cảnh tượng “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”:*  + Hình ảnh “bếp chưa lên khói” là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều.  “Bếp chưa lên khói” báo hiệu mẹ vắng nhà. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi.  + Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ“Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.  **\*Tâm trạng của con:**  - Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng lại gặp lúc mẹ không có nhà, người con không khỏi hụt hẫng:  *Mình con thơ thẩn vào ra Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*  + Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ.  - Trở về nhà khi mẹ đi vắng, cảnh vật thật tĩnh lặng, thiếu hơi ấm của mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”.  + Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ.  *\*Tóm lại:* Qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.  **b. Hình ảnh người mẹ tảo tần thương con**  - **Trước tiên, hình ảnh mẹ gắnvới những sự vật gần gũi đời thường**:  Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ.  + Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn.  + Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn.  + Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ.  =>Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.  **- Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình.  Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:  *- Mênh mông bát ngát đại dương*  *Cũng không sánh được tình thương mẹ hiền*  *- Mẹ nằm chỗ ướt canh sương*  *Chỗ khô lót tiếng ru nhường con thơ*  *- Mẹ là ngọn gió đưa êm*  *Mẹ là dòng suối mơ huyền bao la.*  *- Bao la bóng nước biển đông*  *Không bằng một nửa tấm lòng mẹ tôi*  **c. Tình cảm của người con với mẹ**  **- Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc:**  ***“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…***  ***Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”***  Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng".  - "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời.  - "rưng rưng" → thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi.  Người con nghẹn ngào, rưng rưng vì:  + Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ và thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ.  + Thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, khi nhìn thấy chiếc nón mê tàn, cái áo tơi lủn củn...  Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả.  - Kết nối với câu thơ thứ tư của bài thơ: “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” thì "nghẹn ngào", "rưng rưng" có thể để chỉ tiếng nấc sau khi người con đã bình tâm trở lại.  Hai câu thơ đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ giành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta. |
| **3. Tổng kết**  **a. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.  - Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.  **b. Nội dung:**  Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) là bài thơ thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. |

**2. Định hướng phân tích**

Không ít người cầm bút nói rằng: “*Muốn biết người ấy có thực sự là thi sĩ hay không? Xin hãy đọc đôi ba câu lục bát của họ*.” Với Đinh Nam Khương, ngay từ năm 1982, ở cuộc thi thơ Tuần Báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam, chùm lục bát đoạt giải A, đã vinh danh tên tuổi chàng thi sĩ trẻ tuổi lúc bấy giờ trước niềm quý yêu, hẹn đợi của đông đảo công chúng. Và rồi cả cuộc đời cầm bút, khi giã từ cõi tạm, người thi sĩ ấy đã kịp để lại cho đời sự nghiệp thơ văn với rất nhiều đầu sách. Trong đó, nơi hội tụ tài năng của nhà thơ Đinh Nam Khương chính là mảng thơ lục bát với rất nhiều tác phẩm hay, ấn tượng. Một trong số tác phẩm thơ lục bát đặc sắc nhất của nhà thơ họ Đinh chính là **bài thơ “Về thăm mẹ”.**Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ trong một lần về thăm mẹ sau một thời gian dài xa quê.

“*Con về thăm mẹ chiều đông*

*[…]*

*Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”*

Viết về tình mẫu tử, Đinh Nam Khương đã hoá thân vào một người con xa quê lâu ngày mới có dịp về thăm mẹ, hoàn cảnh đó trở thành cái cớ để khơi gợi cảm xúc trong lòng nhân vật trữ tình. **Khổ thơ đầu tiên của bài cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con khi về thăm mẹ** . **Hoàn cảnh về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**

*“Con về thăm mẹ chiều đông”*

*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*

“Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bởi vậy, trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội. Hình ảnh “bếp chưa lên khói” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi. Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà*” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.

**Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng khi về lại gặp lúc mẹ vắng nhà, người con không khỏi hụt hẫng**:

*Mình con thơ thẩn vào ra  
Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*

Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”. Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ. Tóm lại, qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.

**Hai khổ thơ tiếp theo đã gián tiếp dựng lên hình ảnh của hình ảnh người mẹ tảo tần thương con qua cảm nhận của con:**

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

Trước tiên, hình ảnh mẹ gắn**với những sự vật gần gũi đời thường.** Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ. Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn. Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn. Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ. Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.

**Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình. Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:

Hai câu thơ khép lại tác phẩm đã diễn tả thật cảm động t**ình cảm của người con với mẹ:**

***“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…***

***Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”***

**Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc.** Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng" đã diễn tả những lớp sóng tâm trạng đang trào dâng trong con. Nếu như "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời thì "rưng rưng" lại thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi.Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ, thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, nhà thơ càng thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ. Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả. Hai câu thơ cuối đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ dành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ.

Bằng thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm; kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê, bài thơ Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) đã thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta.

**LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

*Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…  
Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.*

*(Trích “Về thăm mẹ” – Đinh Nam Khương)*

**Câu 1.** Nhận xét cách gieo vần lục bát trong hai câu thơ: “*Áo tơi qua buổi cày bừa / Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm."*

**Câu 2.Cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ hiện lên qua những hình ảnh nào?**Những sự vật đó có đặc điểm chung nào? .

**Câu 3.** Chỉ ra các từ láy trong hai câu thơ cuối đoạn trích và nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy đó.

**Câu 4**. Từ tình cảm của người con dành cho mẹ trong đoạn trích trên, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Hai câu thơ gieo vần chưa chuẩn: Trong thơ lục bát, thông thường tiếng thứ 6 câu lục sẽ hiệp vần với tiếng thứ 6 câu bát, nhưng ở trong hai câu thơ thì chưa có sự hiệp vần.

*Áo tơi qua buổi cày* ***bừa*** *Giờ còn lủn củn khoác* ***hờ*** *người rơm.*

**Câu 2:** Cảnh vật của ngôi nhà được hiên lên qua những hình ảnh:

+ chum tương đã đậy.

+ áo tơi lủn củn.

+ nón mê ngồi dầm mưa.

+ đàn gà, cái nơm hỏng vành.

→ Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn.

**Câu 3:**

- Các từ láy: *nghẹn ngào, rưng rưng*

- Ý nghĩa: Diễn tả tinh cảm xúc động, chan chứa yêu thương của người con xa nhà khi về thăm mẹ.

**Câu 4:**

- Tình cảm của người con: yêu thương, trân trọng, biết ơn khó nói ra hết thành lời. Đó là tình cảm mẫu tử thiêng liêng cao đẹp trong cuộc sống thường ngày mà con người thường không dễ nhận ra trong những vòng xoay hối hả của cuộc sống.

- Qua đoạn trích, em thấy bản thân mình cần phải biết quý trọng quãng thời gian được sống bên gia đình, bố mẹ. Bản thân em cũng sẽ cố gắng trở thành người con ngoan để bố mẹ vui lòng.

**CA DAO**

**1. Định nghĩa**: Ca dao là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam.

**2. Đặc điểm hình thức**:

+ Ca dao sử dụng nhiều thể thơ, trong đó nhiều bài viết theo thể lục bát. Mỗi bài ca dao ít nhất có hai dòng.

+ Thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ, phép lặp hình ảnh, từ ngữ; lời ca dao thường ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ (2- 4 ḍòng)

**3. Đặc điểm nội dung**: Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm trong tâm hồn của con người (*tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu nam nữ, tình bạn, tình vợ chồng, than thân trách phận..*.). Tình cảm gia đình là 1 trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam

**VĂN BẢN “CA DAO VIỆT NAM”**

**i. Tìm hiểu về thể thơ**

**1.Thể thơ: Lục bát**

**2. Chủ đề: Tình cảm gia đình**

**3. Nghệ thuật**

-Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.

- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng.

**4. Nội dung**

- Ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội.

- Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**II. Phân tích**

**1. Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về đặc trưng thể loại ca dao: Là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt.  - Giới thiệu về chùm ca dao về tình cảm gia đình là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Nó ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống. | |
| **b. Giải quyết vấn đề:** |
| 1. **Bài 1:**   Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!  **\*Hai câu đầu:**   * **Hình ảnh**   + Núi ngất trời là núi cao chọc trời, cao ngất đến 9 tầng mây xanh. + Nước ở ngoài biển Đông thì bao la, mênh mông không kể xiết.  **Ca ngợi công lao to lớn không thể đo đếm của cha mẹ**   * **Nghệ thuật:**   **+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc:**  ***Công cha – như – núi ngất trời***  ***Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông***  - Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ. Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con  **- Tác dụng của biện pháp so sánh:**  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao của cha mẹ dành cho con cái, tình yêu bao la.  \***Hai câu cuối:**  + Cù lao chín chữ: Là những công lao to lớn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái như sinh đẻ, nuôi nấng, dậy bảo…  + Giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình: Phải biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ.  **Tóm lại**: Bài ca dao 1 dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (núi ngất trời, núi cao, biển rộng…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái. |
| 1. **Bài 2:**   Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.   * ***Con người có cố, có ông:* nhờ** có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu. * *Cây có cội có gốc, sông có nguồn*: Cây có gốc thì mới bén rễ phát triển thành một cái cây xanh tốt; sông có nước từ suối nguồn chảy ra thì mới có nước. * Chữ "có" được điệp lại bốn lần khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự thật, nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.** * **Nghệ thuật so sánh:**   **Con người có tổ tiên, quê hương – giống như- cây có cội, sông có nguồn**  **- Tác dụng:**  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Nhấn mạnh mỗi con người đều có cội nguồn, phải biết ơn và trân trọng.  -Tóm lại: Bài ca dao 2 nhắn nhủ con cháu phải biết ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha mẹ ông bà. Phải biết chung thủy hiếu thuận không được vong ơn bội nghĩa. |
| 1. **Bài 3:**   Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.  - Đây có thể là lời người trên nói với con cháu. hoặc lời của anh em nói với nhau.  - Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình:  + *Nào phải người xa. + Cùng chung bác mẹ + Một nhà cùng thân*  => Các từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất: Anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.  **- Nghệ thuật so sánh:**  Sự gắn bó của nh em một nhà – giống như – sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời)  Tác dụng:  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. - *Anh em… hai thân vui vầy.*  => Nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau. |
| **c. Đánh giá vấn đề**  **\*Khái quát đặc sắc vè nội dung, nghệ thuật của chùm ca dao Việt Nam:**  - Nghệ thuật:  + Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.  + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.  + Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng   * Nội dung: Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người.   **\*Bày tỏ thái độ của bản thân**: Thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy. |

**3. Tìm hiểu bài thơ**

Ca dao là thể loại văn học dân gian diễn tả chi tiết đầy đủ nhất đời sống tư tưởng, tình cảm của nhân dân ta. Ca dao đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau trong cuộc sống, nhưng nổi bật hơn cả là chùm ca dao ca ngợi tình cảm gia đình. Đó là những tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**Trước tiên, bài ca dao thứ nhất là lời nhắn nhủ mỗi người về lòng biết ơn đối với công lao to lớn của cha mẹ:**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Trong hai câu ca dao đầu, *công cha, nghĩa mẹ* chỉ công sinh thành và giáo dưỡng của cha mẹ.*Núi ngất trời, nước ở ngoài biển Đông* là những hình ảnh thiên nhiên vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.Cáchình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con

Đến hai câu ca dao sau, tác giả dân gian đã dùng cụm từ “ Cù lao chín chữ” để chỉ công lao to lớn khó nhọc nhiều bề của cha mẹ đối với con cái .Từ đó nhắn nhủ con cái phải biết ghi tạc công ơn trời biển của cha mẹ mà đền đáp, làm tròn bổn phận của mình qua giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình.

**Tóm lại**, bài ca dao thứ nhất đã dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (*núi ngất trời, núi cao, biển rộng*…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái là vô bờ.

**Tiếp theo, bài ca dao thứ hai lại là lời nhắn nhủ con cháu về lòng biết ơn với cội nguồn:**

Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.

Cây thì có cội có gốc, sông thì có nguồn. Nhờ có gốc bền rễ sâu mà cành lá mới xanh tươi, đơm hoa kết trái. Nhờ có nguồn mà sông mới có nước không bao giờ cạn. Con người cũng vậy, phải "có cố, có ông", có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu.  Hình ảnh so sánh giúp cho ý thơ trở nên giản dị, dễ hiểu. Chữ "có" được điệp lại bốn lần không chỉ tạo nhịp điệu cho bài thơ mà còn khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự vật. Qua đây, bài ca dao nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.**

**Cuối cùng, bài ca dao thứ 3 đem đến cho chúng ta lời nhắn nhủ về tình cảm anh em ruột thịt:**

Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

Đây có thể là lời người trên nói với con cháu hoặc lời của anh em nói với nhau.Các cụm từ “*nào phải người xa”, “cùng chung bác mẹ”, “một nhà cùng thân”* kết hợp với điệp từ “*cùng*” nhấn mạnh sự gắn kết thống nhất: anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.**Nghệ thuật so sánh trong câu ca dao thứ 3**càng tô đậm hơn sự gắn bó của anh em một nhà giống như sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời. Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. Từ đó, bài ca dao nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

Các bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm; ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh giúp cho lời thơ thêm giàu sức gợi hình gợi cảm.

Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người. Các bài ca dao trong chùm ca dao Việt Nam giúp chúng ta thêm trân trọng vẻ đẹp tâm hồn người Việt, nhận thức được ý nghĩa thiêng liêng của tình cảm gia đình. Chúng ta cần biết trân trọng, vun đắp tình cảm ấy ngày càng sâu sắc, bền chặt.

**LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ 1: Đọc các bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu:**

* Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!
* Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.
* Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của các văn bản trên.

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong một bài ca dao.

**Câu 3.**Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện như thế nào trong ba bài ca dao trên?

**Câu 4.**Từ những lời nhắn nhủ trong các bài ca dao, em hãy kể ra những việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình. ( Kể tối thiểu 02 việc làm của em)

**Câu 5.** Viết theo trí nhớ các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

* Biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao 1:

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.

Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.

* **Tác dụng của biện pháp so sánh:**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh sự hi sinh , công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

+ Nhấn mạnh hơn lời khuyên của tác giả dân gian đối với thế hệ con cháu muôn đời.

**Câu 3.** Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện qua 3 bài ca dao:

* Trân trọng, đề cao tình cảm gia đình: tình mẫu tử, tình anh em, hướng về cội nguồn,
* Sống ân nghĩa, thủy chung.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**Câu 4.** HS nêu được các việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình, vun đắp tình cảm gia đình.

Có thể như:

*- Ngoan ngoãn, vâng lời dạy bảo của ông bà, cha mẹ.*

*- Phụ giúp ông bà, cha mẹ các việc nhỏ phù hợp với sức mình.*

*- Thường xuyên hỏi thăm tình hình sức khoẻ ông bà, cha mẹ khi ở xa;*

*- Chăm sóc, phụng dưỡng khi ông bà, cha mẹ đau ốm,*

*- Tranh thủ thời gian về đoàn tụ với gia đình vào các dịp nghỉ lễ.*

**Câu 5.** Các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình:

**\*Ca ngợi công ơn cha mẹ:**

*+ Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra…  
+ Ơn cha nặng lắm ai ơi,  
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*

*+Cá không ăn muối cá ươn,  
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.  
+ Ai về tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.  
Ai về tôi gửi đôi giày,  
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.*

*+ Ba năm bú mớm con thơ,  
Kể công cha mẹ, biết cơ ngần nào.  
Dạy rằng chín chữ cù lao,  
Bể sâu không ví, trời cao không bì.*

**\*Ca ngợi lòng biết ơn cội nguồn ông bà, tổ tiên:**

*Con chim có tổ, con người có tông.*

*Con chim tìm tổ, con người tìm tông.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn gạo, nhớ kẻ đâm xay giần sàng.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn khoai, nhớ kẻ cho dây mà trồng.*

**\*Ca ngợi tình nghĩa anh em ruột thịt:**

*Anh em cốt nhục đồng bào,  
Kẻ sau người trước phải hào cho vui.*

*Anh em như chân với tay  
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.*

**=====================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 3:TRUYỆN ĐỒNG THOẠI**

**I. KIẾN THỨC CHUNG**

**1. Truyện.**

Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

**2. Truyện đồng thoại**

**a. Khái niệm:**

Là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

**b. Đặc điểm**

- **Cốt truyện**: Gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

- **Nhân vật** là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ...Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, đồ vật, con vật...

- **Người kể chuyện**: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba.

- Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật

**c**. **Những lưu ý khi đọc một văn bản truyện đồng thoại**

- Nhận biết được loài vật được tác giả nhân hoá trong truyện.

- Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong truyện vừa có đặc điểm của loài vật, vừa có tính cách như con người.

**3. So sánh Truyện cổ tích dân gian với Truyện cổ tích viết lại (truyện của Puskin, An-đéc-xen):**

**- Điểm giống nhau:**

+ Đều có các yếu tố kì ảo, hoang đường:

+ Kiểu nhân vật theo mô típ: người hiền gặp lành, kẻ tham lam sẽ có bài học thích đáng

**- Điểm khác nhau:**

+ Văn học dân gian là sáng tác của nhân dân lao động truyền miệng từ đời này qua đời khác.

+ Truyện cổ tích viết lại là do cá nhân các nhà văn sáng tạo lại trên cơ sở cốt truyện dân gian, có tên tác giả cụ thể.

**I. TÁC GIẢ TÔ HOÀI**

- Nhà văn Tô Hoài (tên khai sinh là Nguyễn Sen), sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920 tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội; quê quán: thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

- Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi

- Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dế Mèn phiêu lưu kí....*

- Phong cách nghệ thuật:

+ Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.

+ Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.

**VĂN BẢN: ĐOẠN TRÍCH “BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN”**

**1. Xuất xứ và thể loại**

- Xuất xứ: Đoạn trích thuộc chương I của tiểu thuyết “[**Dế mèn phiêu lưu ký**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941).

- Thể loại: truyện đồng thoại

**2. Nhân vật:**

+ Nhân vật chính: Dế Mèn (mọi chi tiết, hình ảnh, sự việc đều hiện qua suy nghĩ, hành động của nhân vật chính, chủ yếu viết về nhân vật Dế Mèn, các nhân vật khác có vai trò làm nổi bật nhân vật Dế Mèn)

+ Nhân vật phụ: chị Cốc, Dế Choắt...

**3. Ngôi kể:** Ngôi kể thứ nhất, nhân vật xưng : *“tôi”* để kể mọi việc. Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.

**4. Tóm tắt đoạn trích:**

Chàng thanh niên Dế Mèn cường tráng, khỏe mạnh nhưng kiêu căng tự phụ về vẻ đẹp và sức mạnh của mình, hay xem thường và bắt nạt mọi người. Một lần, Mèn bày trò trêu chọc Cốc để khoe khoang trước anh hàng xóm Dế Choắt, dẫn đến cái chết thảm thương của người bạn xấu số ấy. Cái chết của Choắt làm Mèn vô cùng hối hận, ăn năn về thói hung hăng bậy bạ của mình.

**5. Bố cục: 02 phần:**

- Phần 1: Từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.

- Phần 2: Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  
**6. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Là một đoạn trích đặc sắc của thể loại truyện đồng thoại; kể chuyện kết hợp với miêu tả sống động.

- Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.

- Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc, sử dụng nhiều phép phép tu từ so sánh, nhân hóa đặc sắc.

**\*Nội dung**:

- Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.

- Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...

**III. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

|  |
| --- |
| **a. Nêu vấn đề:**  **-** Giới thiệu tác giả Tô Hoài và tập truyện “Dế Mèn phiêu lưu kí”.  - Giới thiệu đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”, khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.  Nhắc đến Tô Hoài là nhắc đến một nhà văn có những đóng góp to lớn cho văn học Việt Nam. Tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí” là một truyện đồng thoại đặc sắc khẳng định vị trí của nhà văn trong lòng bạn đọc trong và ngoài nước, tác phẩm được dịch ra hơn 40 thứ tiếng khác nhau.Bằng cách quan sát, cái nhìn tinh tế về loài vật, kết hợp với những nhận xét thông minh, hóm hỉnh, nhà văn đã lôi cuốn các em vào thế giới loài vật bé nhỏ gần gũi, hấp dẫn và kì thú. Đọc văn bản *“****Bài học đường đời đầu tiên****”*, trích chương I của tác phẩm, chúng ta được đến với một Dế Mèn với vẻ ngoài cường tráng, khỏe mạnh nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi; một Dế Choắt ốm yếu nhưng hiền lành, vị tha, nhân hậu. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn mang ý nghĩ vô cùng sâu sắc! |
|  |
| **a. Nhân vật Dế Mèn.**  **b. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  Ngay đầu đoạn trích, hình ảnh Dế Mèn hiện lên vô cùng sống động qua bức chân dung tự họa của mình:  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..  - Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt**  Văn bản kể lại một trải nghiệm đau lòng của Dế Mèn. **Đó là việc Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt**, qua đó khắc hoạ sự thay đổi tâm lí của nhân vật.  **\* Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt** và bà con hàng xóm: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng:  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  Đó là **thói ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.**  **\* Sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt:**  - Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  **c**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **=> Nhận xét:**  **-** Nghệ thuật  + Miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  + Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.  **-** Đặc điểm nhân vật Dế Mèn: vẻ đẹp ngoại hình của chàng dế mới lớn nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi, sau một lần ngỗ nghịch dại dột đáng ân hận suốt đời đã rút ra bài học đầu tiên cho chính mình.  **c. Nhân vật Dế Choắt**  - Về ngoại hình của Dế Choắt: Chú dế này có dáng người gầy gò, dày lêu nghêu *“như một gã nghiện thuốc phiện”,* “*ngắn củn đến giữa lưng*”, hở cả mạng sườn “*như người cởi trần mặc áo gi-lê”.*  - Về sức khỏe và cuộc sống của Dế Choắt:  + Dế Choắt quả vừa gầy lại ốm yếu, chậm phát triển, lại thêm vẻ xấu xí của đôi càng “*bè bè, nặng nề*”, râu ria ngắn cũn, cụt còn có một mẩu, dưới con mắt của Dế Mèn, Dế Choắt lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.  + Hang của Dế Choắt không được sâu như những chú dế khác.  -Về tính cách của Dế Choắt: hiền lành, cam phận, lễ phép tôn trọng mọi người  - Cảm nhận về bài học mà Dế Choắt dành cho Dế Mèn:  + Dế Choắt đã thiệt mạng một cách oan uổng, cái chết của Dế Choắt đã giúp cho Dế Mèn nhận ra được bài học nhớ đời  + Dế Choắt có tấm lòng vị tha, nhân hậu.  **\* Nhận xét:**  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật qua ngoại hình, lời nói,...sinh động phù hợp, tương phản với nhân vật Dế Mèn.  - Ý nghĩa nhân vật Dế Choắt: Sự xuất hiện của Dế Choắt vừa làm rõ bản tính của Dế Mèn, lại vừa giúp cho Dế Mèn nhận ra được thói xấu của mình, Dế Choắt cũng chính là nguyên nhân để Dế Mèn thay đổi suy nghĩ để sống tốt hơn. |
| **d. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật:**  - Là một đoạn trích đặc sắc của thể loại truyện đồng thoại; kể chuyện kết hợp với miêu tả sống động.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc, sử dụng nhiều phép Các phép tu từ so sánh, nhân hóa đặc sắc.  **b. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn cùng thói kiêu căng, xốc nổi đã gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

**LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU:**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“...Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe thấy tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”.  
*(Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)*

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2:** trong đoạn văn 5 danh từ, 5 động từ để khắc họa nhân vật là:

* 5 danh từ : vuốt, đôi cánh, cái đầu, hàm răng, sợi râu.
* 5 động từ: đạp, vũ (múa), đi (bách bộ), nhai, vuốt...

**Câu 3:**

**-** Ngôi kể của được sử dụng ở đoạn văn là: Ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “Tôi”

- Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất của đoạn văn:

+ Tác giả để Dế Mèn tự kể về nét đẹp ngoại hình của mình khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc. Từ đó cho thấy Dế Mèn luôn tự hào về mình với vẻ đẹp khỏe mạnh, cường tráng của tuối mới lớn; nhưng kiêu căng, tự tin quá mức.

+ Việc lựa chọn phù hợp với thể loại truyện đồng thoại.

**Câu 4:** Tự tin là cần thiết, nhưng tự cao tự đại sẽ gây hại cho mình và người khác. Em đồng ý với ý kiến đó.

Vì:

+ Tự tin giúp mỗi người khẳng định điểm mạnh của mình, luôn thấy vui vẻ, yêu đời.

+ Không nên quá tự tin trở thành tự cao tự đại là gây hại vì người ta dễ mắc sai lầm, dễ sinh thói ngạo mạn, coi thường người khác, làm hạn chế khả năng học hỏi của bản thân.

**ĐỀ 02: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”.

*(Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

**Câu 2**. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn điều gì? Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý nào?

**Câu 3.** Bài học đầu tiên mà Dế Mèn rút ra cho bản thân mình là bài học nào?

**Câu 4**.Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ ra sao trước lỗi lầm mình?

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là tự sự.

**Câu 2**. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý: hiền lành, hiểu biết, vị tha, nhân hậu, cao thượng.

**Câu 3.**

- Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.

**Câu 4**.Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ :

- Thẳng thắn nhận khuyết điểm, và cố gắng sửa chữa khuyết điểm, hoàn thiện nhân cách lối sống.

- Biết ân hận, có thái độ thành khẩn để xin lỗi.

- Luôn sống khiêm tốn, học cách cư xử đúng mực, chan hòa với mọi người.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU TRUYỆN ĐỒNG THOẠI NGOÀI SGK**

**ĐỀ 03:Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“*Đêm ấy ông khách - đích thị Bọ Dừa, cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai – ngủ lại dưới vòm lá trúc thật. Với ông, ngủ ngoài trời là chuyện bình thường. Nhưng đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xạc. Côn trùng trong lòng đất rỉ rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xíu chút nữa Bọ Dừa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lẫn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lộp độp của sương. Thật bất ngờ, một giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống. Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn”.*

(Trích *Giọt sương đêm*, Trần Đức Tiến, in trong *Xóm Bờ Giậu*).

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2**. Theo đoạn trích, vì sao Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm?

**Câu 3.**Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 4.** Nhớ lại và miêu tả một âm thanh hoặc hình ảnh mà em thấy ấn tượng nhất về cuộc sống về đêm nơi em sinh sống mà em đã từng lắng nghe hoặc chứng kiến. Lí giải lí do em ấn tượng.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Ngôi kể thứ ba.

- Các nhân vật được nói tới trong đoạn trích: Bọ Dừa, Tắc Kè, Ốc Sên.

**Câu 2:**

Theo đoạn trích, Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm vì bị một giọt sương rơi xuống trúng cổ.

**Câu 3:**

**-** Biện pháp nhân hoá: Côn trùng – rỉ rả điệu buồn; Tắc Kè gọi cửa; Ốc Sên đi làm về, vén tà áo...; gió thở dài; giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống; Bọ Dừa tỉnh ngủ.

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê hàng loạt các hình ảnh, âm thanh cuộc sống nơi xóm Bờ Giậu khi đêm đến.

(HS chỉ nêu 1 trong 02 biện pháp vẫn cho điểm tối đa).

- Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho lời văn sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn, gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh những hình ảnh, âm thanh sinh động của cuộc sống về đêm nơi xóm Bờ Giậu, nhấn mạnh vẻ đẹp thanh bình mà sống động nơi đây.

+ Cho thấy tình yêu thiên nhiên, tài quan sát tỉ mỉ, tinh tế của người viết.

**Câu 4:**

**-** HS có thể nêu một trong những hình ảnh/âm thanh mà bản thân thấy ấn tượng về cuộc sống về đêm nơi mình sinh sống. Có thể như: âm thanh tiếng rao của những người bán hàng rong; âm thanh tiếng chổi và tiếng xe đẩy rác của những cô chú lao công quét dọn đường phố; ..; âm thanh tiếng mưa, tiếng côn trùng, tiếng gió thổi,…

**-** Lí do ấn tượng: Những âm thanh gần gũi, làm cho bản thân thêm yêu quý những người lao động chân chính; thấy yêu vẻ đẹp cuộc sống hơn,…

**Đề 04: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“… Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau. Mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình chốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cách đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gợi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời!* *Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”*

(Trích *Hoàng tử bé*, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*)*

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là gì?

**Câu 3:** Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong câu văn *“*Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”.

**Câu 4:** Từ đoạn văn và trải nghiệm thực tế của bản thân, theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của con cáo nói với hoàng tử bé, trong hoàn cảnh cuộc trò chuyện cởi mở của cáo với hoàng tử khi hoàng tử vừa xuống Trái Đất để tìm bạn bè.

**Câu 2:** Nghĩa của từ “*đơn điệu*” được dùng trong đoạn văn trên là: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu

**Câu 3:**

- Phép tu từ so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc một âm thanh du dương, mang cảm xúc.

**Tác dụng:**

+ So sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa.

+ Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Tác giả muốn ca ngợi ý nghĩa của tình bạn: có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Nhấn mạnh vẻ đẹp của nhân vật con cáo: hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.

**Câu 4:** Đế có một tình bạn đẹp, mỗi chúng ta cần:

- Phải hiểu và cảm thông, chia sẻ trong mọi vui buồn của cuộc sống.

- Giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Tin tưởng nhau, có thể hi sinh vì nhau...

**I. TÁC GIẢ**

- A.Pu-skin (1799-1837), đại thi hào Nga.

**-** Là tác giả của nhiều trường ca và truyện cổ tích tuyệt diệu: *Truyện cổ tích về con gà trống, Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ,…*

**II. VĂN BẢN ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

**1. Phương thức biểu đạt chính**: Tự sự

**2.Thể loại:** truyện cổ tích (viết lại)

**3. Cốt truyện**

**\*Nhân vật:** ông lão đánh cá, mụ vợ, cá vàng, biển cả.

\***Những sự việc chính:**

- Ông lão đánh cá bắt được con cá vàng, nghe lời con cá cầu xin, ông bèn thả nó về biển.

- Sau khi nghe chuyện, mụ vợ mắng ông lão và bắt ông lão đi tìm con cá để đòi hỏi cái máng lợn mới.

- Lần thứ 2: mụ vợ đòi căn nhà rộng.

- Lần thứ 3: mụ vợ đòi làm nhất phẩm phu nhân.

- Lần thứ 4: mụ vợ đòi làm Nữ hoàng

- Lần thứ 5: mụ vợ đòi làm Long Vương

- Kết cục xứng đáng cho sự tham lam , bội bạc của mụ vợ.

\***Ngôi kể:** thứ 3

**4. Bố cục: 03 phần**

- Phần 1: Từ đầu… *Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì* (trang 11): hoàn cảnh ông sống của ông lão và sự việc ông lão kéo lưới bắt được cá vàng và thả cá.

- Phần 2: Tiếp…*để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ ta* (trang 14): Sự đền ơn của cá vàng và sự đòi hỏi, vô ơn của người vợ.

- Phần 3: còn lại: Cái kết cho kẻ tham lam, bội bạc.

**5. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**a. Nghệ thuật:**

**-** Mang một số đặc trưng của truyện cổ tích dân gian (được viết lại): *kiểu nhân vật, các chi tiết kì ảo.*

- Nghệ thuật lặp lại, tăng tiến của các tình huống, sự đối lập giữa các nhân vật tạo nên sự kịch tính cho truyện.

- Kết thúc truyện theo lối vòng tròn, đầu cuối tương ứng, gửi gắm bài học sâu sắc.

**b. Nội dung:**

Thông qua câu chuyện của ông lão đánh cá hiền lành song nhu nhược cùng mụ vợ tham lam, độc ác, truyện ca ngợi lòng nhân hậu, sự đền đáp dành những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

**1. Nêu vấn đề:** Giới thiệu tác giả Puskin, truyện cổ tích viết lại “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, khái quát chủ đề của văn bản.

Puskin là một trong những đại thi hào của nước Nga. Ông có những đóng góp lớn cho nền văn học Nga cũng như toàn thế giới. “**Ông lão đánh cá và con cá vàng**” là một trong những câu chuyện hay của Puskin nói về triết lý sống báo ơn và quả báo cho những kẻ tham lam.

|  |
| --- |
| **2. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản: xuất xứ, phương thức biểu đạt chính, thể loại, cốt truyện,…**  - Tác phẩm dựa trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức, được tác giả Puskin kể lại câu chuyện bằng 205 câu thơ theo thể loại truyện cổ tích viết lại. Bản dịch SGK của tác giả Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn.  - Truyện kể về hai vợ chồng ông lão đánh cá sống trong một túp lều tranh bên cạnh bờ biển. Một hôm, ông lão đánh cá kéo được một con cá vàng và thả con cá đi trước sự van xin của nó. Để đáp lại lòng nhân hậu của ông lão, cá vàng hứa sẽ đền ơn ông lão. Bởi lòng tham, mụ vợ bắt ông lão ra biển đòi cá trả ơn, hết lần này đến lần khác, lòng tham ngày càng tăng khiến những đòi hỏi của mụ vợ ngày càng quá quắt và vô lí: đòi cái máng lợn mới, đòi căn nhà rộng, đòi làm nhất phẩm phu nhân, đòi làm Nữ hoàng, đòi làm Long Vương. Kết cục, ông lão thấy mụ vợ quay về bên máng lợn sứt mẻ. |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**   1. **Tình huống truyện**   **- Gia cảnh khó khăn**: ở trong một túp lều nát trên bơ biển, ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.  - Tình huống truyện: ông lão bắt được cá vàng rồi thả cá về biển. Cá vàng hứa giúp ông lão.  **-** Tình huống truyện chứa đựng chi tiết kì ảo (con cá vàng biết cầu xin), gây tò mò, hấp dẫn , lôi cuốn người đọc.  **1.Tìm hiểu hệ thống nhân vật**  **2. Nhân vật vợ ông lão đánh cá.**  \* **Những đòi hỏi của mụ vợ ông lão:**  - Lần 1: đòi cái máng lợn ăn mới  - Lần 2: đòi toà nhà đẹp  - Lần 3: đòi làm nhất phẩm phu nhân  - Lần 4: đòi làm nữ hoàng  - Lần 5: đòi làm long vương.  + Nghệ thuật: Lặp tăng tiến: sự đòi hỏi tăng dần từ vật nhỏ đến vật lớn, từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, từ chức vị thấp đến chức vị cao => tham lam vô độ  \* **Thái độ của mụ vợ với ông lão:**  - Lần 1: Mắng đồ ngốc  - Lần 2: Quát đồ ngu  - Lần 3: Mắng như tát nước vào mặt  - Lần 4: Nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão  - Lần 5: Nổi cơn thịnh nộ.  + Nghệ thuật: Lặp tăng tiến, động từ mạnh.   => Mụ vợ là kẻ vong ân phụ nghĩa, tham lam bội bạc (vì tiền và quyền lực quên đi tình cảm vợ chồng). Khi lòng tham của mụ lên tới tột đỉnh thì sự bội bạc của mụ cũng vô độ.  **Tóm lại**: mụ vợ là giai cấp cần lao nhưng mang trong mình bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị, tham lam độc ác, tìm mọi cách đạt được danh vọng.  **b. Nhân vật ông lão đánh cá**   * Khi bắt được cá, nghe cá kêu van đã thả cá ra và không đòi gì cả "Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.". * Trước những lời mắng mỏ, đòi hỏi của vợ: răm rắp làm theo, không dám trái ý cũng không phản kháng.   =>Vì tính cách nhu nhược mà ông không dám làm trái ý vợ kể cả những điều đó khiến ông đang làm trái với lời nói ban đầu với cá vàng "Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì."..  => Chính ông lão đã tiếp tay cho cái ác; gây ra tai vạ.  \* **Bài học**:  - Cần dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác.  - Không khuất phục trước sức mạnh, cường quyền.  - Cần nhận thức được sai lầm của bản thân và chỉ rõ những sai trái của người khác trước khi quá muộn.  **c. Nhân vật biển cả và cá vàng**  **d. Biển cả**  *-*Lần 1: biển gợn sóng êm ả  - Lần 2: biển xanh nổi sóng  - Lần 3: biển xanh nổi sóng dữ dội  - Lần 4: biển xanh nổi sóng mù mịt  - Lần 5:biển xanh nổi sóng ầm ầm, một cơn giống tố kinh khủng kéo đến.  => NT: Lặp tăng tiến; dùng động từ, tính từ miêu tả, từ láy gợi hình, gợi tả; biển mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc.  ==> Biển thay đổi trạng thái ứng với những tham vọng ngày càng tăng của mụ vợ, biển tỏ thái độ bất bình, mạnh mẽ đối với mụ vợ ông lão: biển cả hiền từ, bao dung, thanh bình nhưng biển cả cũng biết giận dữ trước những thói ác, thói xấu của người đời.  - Ý nghĩa của hình ảnh biển: biển là nhân dân, thái độ của biển là thái độ của nhân dân. Nhân dân giận dữ trước sự xấu xa, tham lam của mụ vợ và sự nhu nhược của ông lão.  **e. Cá vàng**  **-** Cá vàng tượng trưng cho lòng biết ơn, tấm lòng của nhân dân đối với những người nhân hậu, biết cứu giúp kẻ hoạn nạn.  -  Cá vàng trả ơn ông lão, nhưng sau đó vì sự đòi hỏi không biết điểm dừng của mụ vợ nên đã tước đoạt lại hết tất cả. → Cá vàng đại diện cho lòng tốt, cái thiện; tượng trưng cho công lí xã hội: thưởng người hiền, phạt người ác.  **3. Ý nghĩa của kết thúc truyện**  - Vợ chồng ông lão đánh cá lại quay trở lại cuộc sống nghèo khổ như xưa: Túp lều rách nát, mụ vợ với cái máng lợn ăn sứt mẻ.  + Ông lão vẫn thế, chẳng được cũng chẳng mất gì, cuộc sống trở về bình yên.  + Mụ vợ trở về như cảnh sống nghèo khổ. Đây là sự trừng phạt cho những đòi hỏi tham lam quá quắt của mụ. Cá vàng không chỉ lấy đi những gì nó đã cho. Bởi mụ vợ đã trải qua tột đỉnh giàu sang giờ phải trở về cuộc sống nghèo khổ ban đầu. Điều đó không dễ dàng chút nào. Đó là sự trừng phạt đích đáng đối với mụ ta.  **Ý nghĩa kết thúc truyện**:  + Kết thúc vòng tròn, đầu cuối tương ứng không theo lối kết thúc có hậu như các truyện cổ tích khác.  + Kết thúc truyện nói lên ước mơ về sự công bằng của nhân dân: kẻ tham lam, bội bạc sẽ bị trừng trị.  => **Bài học rút ra**: hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình, hãy trân trọng những tình cảm bình dị mà thiêng liêng.  **RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU** |

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Ông lão không dám trái lời mụ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:*

* *Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?*

*Ông lão chào con cá và nói:*

* *Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mụ vợ quái ác này! Bây giờ mụ không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý của mụ.*

*Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sửng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất, trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mụ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.*

*(Trích “Ông lão đánh cá và con cá vàng” – Puskin)*

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:** Chỉ ra yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết miêu tả cảnh biển trước đòi hỏi của mụ vợ ông lão trong đoạn trích.

**Câu 4:** Theo em, vì sao cá vàng lại không đáp ứng yêu cầu của mụ vợ ông lão?

**Câu 5:** Từ kết cục của mụ vợ ông lão đánh cá trong đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** PTBĐ chính: tự sự

**Câu 2:** Yếu tố kì ảo:

+ cá vàng biết nói tiếng người

+ cung điện biến mất, chỉ còn túp lều nát, cái máng lợn sứt mẻ

**Câu 3:**

* Chi tiết miêu tả cảnh biển: *Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*
* Ý nghĩa của chi tiết cảnh biện này:thể hiện thái độ của nhà văn không đồng tình với đòi hỏi quá quắt của mụ vợ ông lão đánh cá.

Câu 4:

* Theo em, cá vàng không đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của mụ vợ ông lão vì đòi hỏi của mụ vô cùng quá quắt, điều đó cho thấy lòng tham của mụ không có tận cùng.
* Cá vàng không những không đáp ứng đòi hỏi lần này của mụ vợ ông lão mà còn lấy lại những gì đã cho mụ, đó là sự trừng phạt cho thói tham lam, ích kỉ của mụ vợ kia.

**Câu 5:**Bài học rút ra cho bản thân:

* Hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình.
* Không nên tham lam mù quáng.

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Thuở xa xưa có một vị sa hoàng thường xuyên đi công cán xa. Sa hậu thường ngóng đợi, rồi ước sinh hạ được tiểu công chúa đẹp tuyệt trần. Khi điều ước ấy thành sự thực thì sa hoàng cũng về, nhưng vừa vượt cạn xong thì sa hậu cũng kiệt sức mà lìa đời.*

*Qua năm sau, sa hoàng tục huyền với một đức bà thông minh sắc sảo. Bà ta có một chiếc gương biết rõ truyện xưa nay nên thường hỏi nó rằng ai người đẹp nhất trần. Gương hay đem những lời nịnh mà ru vỗ bà hoàng.*

*Tới năm công chúa đến tuổi cập kê, sa hoàng chuẩn bị cử hành hôn lễ nàng với hoàng tử lân bang Yelisey. Bấy giờ gương đã thốt ra rằng, nhan sắc bà hoàng dù đẹp mà còn kém xa công chúa. Bà liền sai con hầu Chernavka dụ công chúa vào rừng rồi trói lại cho sói xơi tái.*

*Con hầu hăm hở ra đi, nhưng khi nom công chúa đáng thương quá, bèn dặn nàng chạy đi thật xa, rồi ả về lâu đài bẩm rằng công chúa đã bị sói vồ. Sa hoàng biết truyện thì rất đau lòng, còn hoàng tử Yelisey bèn ruổi ngựa phiêu lưu khắp thế gian với đức tin rằng công chúa chưa chết.*

*Phần công chúa ra khỏi rừng rậm thì thấy một căn nhà gỗ rất rộng, bèn vào đấy định nghỉ tạm. Thế rồi sẩm tối, trong lúc nàng thiêm thiếp trên giường, bỗng có bảy người lực lưỡng vào nhà và cho hay là chủ nhân đích thực.*

*Từ đó công chúa được bảy tráng sĩ mời ở lại phụ họ dọn dẹp, nấu ăn mỗi ngày. Cho tới một hôm, bảy anh em đồng thanh hỏi nàng có ưng ai trong họ thì gá nghĩa làm chồng. Nàng chỉ buồn bã đáp rằng đã có vị hôn phu và khước từ.*

*Thời gian lâu sau, bà hoàng lại hỏi gương, được biết rằng công chúa vẫn bình an, bèn khảo con hầu Chernavka, ả phải khai rằng đã để công chúa đi. Bà liền bắt con hầu cải trang làm người bán rong đi tìm công chúa.*

*Con hầu Chernavka dò la rồi cũng biết chỗ ở mới của công chúa, bèn xách một giỏ táo chín mọng tới gõ cửa. Ả mời gọi công chúa và biếu nàng trái chín mọng nhất. Công chúa vừa cắn một miếng đã lịm đi.*

*Đến sẩm tối, bảy tráng sĩ về thì hay cớ sự, bèn đặt công chúa trong cỗ áo quan bằng pha lê rồi rước lên đỉnh núi, những mong cả thế gian phải thán phục nhan sắc nàng công chúa chết.*

*Hoàng tử Yelisey chu du thấm thoắt đã lâu lắm, chàng đi hỏi thần ánh dương, thần ánh nguyệt, và thần gió, nhưng không ai biết công chúa ở đâu. Còn bà hoàng cả mừng vì gương cho hay rằng công chúa đã không còn nữa.*

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

*Cho tới khi đi ngang qua hẻm núi, Yelisey mới hay các tráng sĩ đang hành lễ truy điệu công chúa, bèn khẩn nài họ rước về hoàng cung. Nhưng khi đang đi thì họ vấp bờ đá suýt ngã, miếng táo từ miệng công chúa văng ra khiến nàng tỉnh dậy. Yelisey bèn đưa công chúa về lâu đài.*

*Bấy giờ bà hoàng lại hỏi gương, thì nó đáp rằng công chúa chưa chết và còn đẹp hơn xưa, bà nổi cơn thịnh nộ đập tan chiếc gương. Trong hôn lễ công chúa với hoàng tử Yelisey, bà hoàng bổng nổi cơn ghen tương mà chết điếng.*

*(Dẫn theo truyện “Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ”, Puskin kể)*

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

**Câu 2:** Chỉ ra và nêu tác dụng của chi tiết kì ảo trong văn bản trên.

**Câu 3:**Qua văn bản, em có nhận xét gì về tính cách của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

**Câu 4:** Câu chuyện trên của Puskin được viết dựa vào truyện “Nàng Bạch Tuyết” do anh em Grimm sưu tầm. Em hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất từ những câu chuyện này.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Ngôi kể thứ 3
* Thể loại: truyện cổ tích

**Câu 2:**

* Chi tiết kì ảo: chi tiêt chiếc gương thần biết nói
* Tác dụng:

+ Chiếc gương thần chính là hình chiếu soi chiếu tâm địa độc ác, sự đố kị của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

+ giúp cho mạch truyện phát triển, câu chuyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

**Câu 3:**

Tính cách của mụ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa: không chỉ luôn đố kị với nhan sắc của nàng công chúa, mụ ta còn độc ác, luôn tìm mọi cách để giết công chúa để mụ ta trở thành người đẹp nhất thế gian. Chính sự đố kị đã biến mụ ta trở thành mụ dì ghẻ độc ác.

**Câu 4:**

Các câu chuyện đều gửi gắm thông điệp: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Nếu giữ tính đố kị thì sẽ làm hại đến chính bản thân mình.

**Đề số 03: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“... Người anh hỏi biết sự tình, bèn nằn nì với em xin đổi tất cả gia sản của mình để lấy mảnh vườn có cây khế ngọt. Người em thương anh nên cũng bằng lòng đổi. Đến mùa khế có quả, chim phượng hoàng lại đến ăn. Người anh xua đuổi ầm ĩ, chim bèn nói như trước rằng:

*Ăn một quả,*  
*Trả cục vàng,*  
*May túi ba gang,*  
*Mang đi mà đựng.*

Được lời, người anh may giấu một cái túi sáu gang. Rồi chim cũng chở anh đi đến nơi hải đảo đầy bạc vàng châu báu. Nhưng tính tham lam làm mắt anh hoa lên khi thấy hải đảo có nhiều của quý giá. Anh ta loay hoay mãi không biết nên lấy thứ gì, bỏ thứ gì. Khi nghe chim giục chở về, anh vơ bạc vàng cháu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quấn vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Anh ta leo lên lưng chim, chim phải đập cánh ba lần mới lên nổi. Chim cố sức bay, đến giữa biển cả, vì nạng quá, suýt đâm nhào xuống nước mấy lần.

Khi gần đến đất liền, chim lảo đảo, nghiêng cánh, người anh mang cả túi vàng bạc rơi tõm xuống biển sâu và bị sóng cuốn đi mất tích.”

(Trích truyện *Cây khế*)

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của văn bản ?

**Câu 2.** Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động như thế nào? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?

**Câu 3**. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

**Câu 4**. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học quý báu gì cho mình?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

ngôi kể thứ ba

**Câu 2.**

Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động: vơ bạc vàng cháu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quấn vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Điều này thể hiện bản chất tham lam, vô độ.

**Câu 3**.

Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

- Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang là con vật kì ảo. Vì nó mang 1 số đặc điểm như:

+ Biết nói tiếng người: “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!”

+ Có phép thần kì, biết chỗ cất giấu của cải, vàng bạc, kim cương,…

**Câu 4**.

Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học:

- Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt

- Hiền lành, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng.

- Quá tham lam thì sẽ phải gánh chịu hậu quả.

- Hãy giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình.

================================================

**VĂN BẢN CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**1. Thể loại**: truyện cổ tích

**2.  PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm**

**Ngôi kể: ngôi thứ  ba**

**3. Cốt truyện:**

- Nhân vật chính: cô bé bán diêm

- Tóm tắt : Trong đêm Noel giá rét tuyết phủ đầy trời, có một em bé bán diêm đầu trần, chân đất đi giữa màn đêm. Không bán được bao diêm nào, em không dám về nhà vì sợ bố đánh. Em liền tìm một góc khuất, có hai bức tường để ngồi nghỉ. Vì quá giá lạnh, em đã đốt các que diêm và ảo ảnh dần hiện ra truớc mắt em: Lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel và cả bà em. Thấy bà em đã đốt cả bao diêm và đi với bà lên với thượng đế. Sáng mồng 1 đầu năm, người ta thấy xác của em ở trên đường phố giá rét với nụ cười tươi trên môi.  
**4. Bố cục**:

3 phần

+ **Phần 1**: Từ đầu đến*:“Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra”:* Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.

**+ Phần 2:** Tiếp theo đến *“Họ đã về chầu Thượng đế”:* Những giấc mộng tưởng của cô bé bán diêm sau mỗi lần quẹt diêm.

**+ Phần 3:** (Còn lại) : Cái chết của cô bé bán diêm.

**1. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Đặc sắc nghệ thuật :**

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí

- Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.

- Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập

**\* Nội dung ý nghĩa:**

- Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.

- Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc.

**III. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát giá trị của văn bản.

An-đéc-xen (1805 - 1875) là nhà văn Đan Mạch, ông nổi tiếng thế giới với những câu chuyện viết cho trẻ em. Bạn đọc khắp năm châu đã rất quen thuộc với các tác phẩm của ông như *Nàng tiên cá, Bầy chim thiên nga, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Cô bé bán diêm*,... Truyện của An-đéc-xen nhẹ nhàng, trong trẻo, toát lèn lòng thương yêu con người - nhất là những người nghèo khổ và niềm tin, khát vọng những điều tốt đẹp nhất trên thế gian này sẽ thuộc về con người. Truyện “***Cô bé bán diêm”*** đưa người đọc chúng ta vào khung cảnh một đêm giao thừa giá rét ở đất nước Đan Mạch, Bắc Âu cách đây hơn một trăm năm, nhân vật cô bé bán diêm, nhân vật chính của tác phẩm, cô bé nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa để lại bao xót xa trong lòng người đọc.

**2. Giải quyết vấn đề:**

**B1: Khái quát về văn bản:** thể loại, ngôi kể, cốt truyện,…

* Truyện “Cô bé bán diêm” thuộc thể loại truyện cổ tích, là một trong những câu chuyện nổi tiếng của An-đéc-xen, được thiếu nhi trên khắp thế giới đón nhận.

|  |
| --- |
| Với cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí, kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập, nhà văn kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.Tác phẩm có bố cục rõ ràng gồm ba phần chính. Phần thứ nhất nói về hoàn cảnh khó khăn, cơ cực của cô bé bán diêm. Phần thứ hai kể về những lần quẹt diêm với những hình ảnh hiện lên trong trí tưởng tượng của cô bé. Phần thứ ba nói về cái chết đầy thương cảm của cô bé bán diêm trong đêm đông lạnh giá. Ngôi kể thứ ba, nhưng chủ yếu nhà văn hóa thân vào nhân vật cô bé bán diêm để kể, giọng văn trong sáng với nhiều chi tiết miêu tả tâm trạng đặc sắc. **2. Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**  **1. Nhân vật cô bé bán diêm**  **a. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**  **a1. Bối cảnh xuất hiện:**  -  **Bối cảnh:** Đêm giao thừa giá rét, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, trong phố sực nức mùi ngỗng quay.  - Đây là thời điểm mọi người trở về đoàn tụ gia đình, sum họp đầm ấm trong không khí tràn đầy niềm vui và hạnh phúc  - **Hình ảnh em bé:**  + Ngoại hình: đầu trần, chân đất, chân đỏ ửng tím bầm, đôi tay cứng đờ ra vì rét  + Hành động: thu đôi chân lại, ngồi nép vào một góc tường  + Ý nghĩ: không dám về nhà vì sợ bị cha mắng  **b. Gia cảnh của em bé**  **- Quá khứ**  + Bà nội hiền hậu, hết mực yêu thương em  + Sống trong ngôi nhà xinh xắn, “có dây trường xuân bao quanh”  - Quá khứ đầm ấm, hạnh phúc  **- Hiện tại**  + Mẹ chết, bà nội cũng qua đời, sống với người bố khó tính.  + Sống “chui rúc trong *một xó tối tăm*”, “*trên gác sát mái nhà*”, luôn phải nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa của người cha.  + Đi bán diêm để kiếm sống.  - Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn cả vật chất lẫn tình yêu thương, hết sức đáng thương, bất hạnh.  \***Nghệ thuật:** Tương phản đối lập:  + Thời tiết gió rét >< Sự nghèo khổ thiếu thốn.  + Cảnh đón giao thừa ấm áp trong nhà >< em bé đầu trần, chân đất, lang thang một mình đói rét.  + Việc bán diêm >< sự hờ hững của người qua lại.  + Ngôi nhà có dây trường xuân bao quanh >< Cái xó tối tăm.  - Làm nổi bật cảnh đời bi thảm, đáng thương của embé, gợi niềm cảm thương cho người đọc.  **b. Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm**  **\* Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm**:   - Quẹt diêm lần 1: Tưởng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.  =>Mong ước được sưởi ấm, vì em rất rét  - Quẹt diêm lần 2: Bàn ăn đó dọn, khăn trải bàn trắng tinh, toàn bát đĩa bằng sứ quý gió, có cả một con ngỗng quay.  =>Mong ước được ăn vì em rất đói  - Qụet diêm lần 3. Thấy hiện ra  cây thông Nụ-en lớn, trang trớ lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh.  =>Mong ước được vui chơi của tuổi thơ  - Quẹt diêm lần 4: Thấy bà đang mỉm cười víi mình, xin được về víi bà.  =>Mong ước được che chở, yêu thương  - Quẹt diêm lần 5: Thấy bà to lớn và đẹp lão, bà cầm lấy tay em rồi hai bà cháu bay lên cao, cao mãi.  =>Mong muốn thoát khái cô đơn. đói rét đau buồn của cuộc sống trần gian ->Mong ước giản dị, ngây thơ, trong sáng, chính đáng  =>Luôn khao khát cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đầy tình thương yêu  **Nhận xét: Theo em thứ tự hình ảnh xuất hiện mỗi lần quẹt diêm của cô bé bán diêm là phù hợp, không thể thay đổi. Vì:**  + Thể hiện tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em, những ước mơ lãng mạn, diệu kỳ nhất từ đơn giản nhất cho đến ước mơ được sống trong tình yêu thương  + Nổi bật hiện thực phũ phàng mà cô bé đang chịu đựng: sự đói rét, và cô đơn, thiếu thốn, nghèo khổ. Em mơ thấy bà vì khi bà mất, em luôn sống trong cảnh thiếu tình yêu thương. Sau mỗi lần que diêm tắt là thực tế khắc nghiệt đổ ập vào em, khiến cho số phận của cô bé càng trở nên bất hạnh.  - Tấm lòng của nhà văn: Người kể chuyện hóa thân vào cảm xúc của cô bé để kể thể hiện thái độ xót xa, cảm thương, chia sẻ cho số phận bất hạnh của cô bé. Từ đó thể hiện tình yêu thương tha thiết của nhà văn với số phận bất hạnh  Chi tiết: “Thật dễ chịu, đôi bàn tay em hơ lên ngọn lửa... Chà!..biết bao!”Tác giả như hóa thân vào em bé, lời kể như lời tâm tình của em, (ngôn ngữ kể như ngôn ngữ độc thoại nội tâm). Mọi cảm giác của em bé như đang hiện hữu trong lòng tác giả cùng bạn đọc. Tấm lòng yêu thương và khao khát chở che cho số phận bất hạnh của nhà văn.  **c. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm**  - Em bé: chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười ->Cái chết không bi luỵ mà được miêu tả rất đẹp, cái chết của một người toại nguyện  - Nguyên nhân cái chết của em bé: Vì:  + giá rét trong đêm giao thừa  + sự độc ác của người cha  + sự lạnh lùng, vô tình của mọi người  => Cái chết là sự giải thoát cho em khỏii cảnh đói rét, cô độc, tố cáo sự độc ác của người cha và lên án sự thờ ơ, vô nhân đạo của người đời trước một em bé khốn khổ  => Nhận xét về cách kết thúc truyện:  + Kết thúc có hậu: Có thể lí giải dựa trên chi tiết vẻ đẹp của em bé khi chết “Có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”là một cái chết đẹp, hình hài thể xác chết mà linh hồn, khát vọng của em bé vẫn sống ( niềm cảm thương xót xa của tác giả)  + Kết thúc không có hậu: Cô bé chết, cái chết khốn khổ, là một cảnh tượng thương tâm. Em đã chết vì đói, vì rét, vì thiếu tình yêu thương (nguyên nhân cái chết của cô bé).   * **Tình cảm của tác giả:** Tình yêu thương; nỗi xót xa, đau đớn; niềm cảm thông sâu sắc đối với những em bé bất hạnh . Tác giả phát hiện và trân trọng những ước mơ của các em.=>Tư tưởng nhân đạo và nhân văn sâu sắc   **2. Ý nghĩa của câu chuyện**  Truyện gửi gắm thông điệp về lòng nhân ái: mỗi người cần biết cảm thông, thương xót, chia sẻ với những số phận nghèo khổ, kém may mắn trong cuộc sống; mỗi bạn nhỏ cần phải nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp,.. |
| **d. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí  - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập  **b. Nội dung**  - Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.  - Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc. |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“*Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịụ dàng.

(Trích *Cô bé bán diêm* – An-đéc-xen)

**Câu 1.** Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào, của ai?

**Câu 2.** Xác định ngôi kể của đoạn văn.

**Câu 3.** Tìm chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm. Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện?

**Câu 4.** Em cần làm gì để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình?

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn văn trên được trích trong

- Tác phẩm: “Cô bé bán diêm”

- Tác giả: An-đéc- xen

**Câu 2.** Xác định ngôi kể: thứ ba

**Câu 3.**

- Chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm “Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt”; “que diêm sáng rực như than hồng”; “Ánh sáng kì dị làm sao!”

- Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện:

+ Ánh sáng ấy xua tan cái lạnh lẽo, tăm tối, đem lại hơi ấm, niềm vui giản dị cho cô bé bán diêm.

+ Ánh sáng lửa diêm đã thắp lên những ước mơ giản dị, đẹp đẽ, mãnh liệt của tuổi thơ, giúp cô bé vươn tới những ước mơ cao đẹp.

+ Thể hiện tình yêu thương, đồng cảm của tác giả với số phận bất hạnh của cô bé bán diêm.

**Câu 4.** Để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình, em sẽ làm những việc cụ thể:

+ Tặng các bạn những món quà cần thiết cho học tập và cuộc sống (trong điều kiện cho phép): sách vở, bút mực, cặp sách...

+ Giúp đỡ các bạn trong học tập, chia sẻ những khó khăn với bạn.

+ Kêu gọi, vận động bạn bè, người thân cùng gây quỹ giúp đỡ các bạn.

**Đề số 02:Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

" Thế là em quẹt tất cả que diêm còn lại trong bao . Em muốn níu bà em lại ! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày . Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này . Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa . Họ đã bay về chầu Thượng đế.

(Trích *Cô bé bán diêm*, An- đéc-xen)  
**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

**Câu 2:** Tại sao em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao?

**Câu 3:** Chi tiết *“Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa”* gợi cho em những cảm xúc gì?

**Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa gì trong cuộc sống?  
**Gợi ý:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2:** Em bé lại quẹt tất cả những que diêm trong bao: Vì em muốn níu bà em lại, muốn ở bên bà, em đang khao khát tình yêu thương của bà.

**Câu 3:** Chi tiết “Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa” gợi cho em những cảm xúc:

- Em thấy xót xa, thương cho số phận bất hạnh đau khổ của cô bé bán diêm, cô bé chỉ tìm được niềm vui, hạnh phúc ở thế giới bên kia.

- Em đồng cảm với cô bé vì cô bé có ước mơ đẹp, đó là ước mơ được sống trong tình thương của bà, của người thân.

**Câu 4:** Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa trong cuộc sống:

- Giúp con người có thêm nghị lực vượt qua khó khăn, giúp họ vươn lên trong cuộc sống.

- Đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người.

- Kết gắn mọi người, đem lại phép màu cho cuộc sống.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU NGOÀI SÁCH KHOA**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

[…] *Được gặp lại và sống bên các anh nàng, Li-dơ càng nóng lòng tìm cách giải thoát cho các anh. Ý nghĩ ấy không phút nào rời nàng cả. Và quả nhiên một đêm nàng mơ thấy bà tiên ở lâu đài Moóc-gan bầy cho cách giải thoát các anh của nàng. Bà tiên nói: “Con phải đi hái cây tầm ma[1] ngoài nghĩa địa và con sẽ bị phồng tay, đau đớn vô cùng. Con hãy lấy chân dẫm nát cây ra và được một loại sợi gai mà con sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay. Dệt xong con quàng áo lên mười một con thiên nga và như vậy là phép ma sẽ tiêu tan. Nhưng đây mới là điều cấm nặng nề nhất là từ lúc bắt đầu dệt cho đến khi dệt xong con không được nói một câu. Nếu con chỉ nói một tiếng thôi thì tiếng nói đó sẽ là nhát dao đâm xuyên tim các anh con”.*

*Nàng bừng tỉnh và bắt đầu làm việc ngay để giải thoát cho các anh nàng.*

*Qua hai ngày làm việc cật lực, hai bàn tay nàng bị phồng cả lên, đau đớn vô cùng. Nhưng nàng đã bắt đầu dệt những chiếc áo dài tay bằng sợi cây tầm ma xanh thẫm.*

*(Trích “Bầy thiên nga” – An-đéc-xen)*

Chú thích: [1]Tầm ma: một loại cây có sợi, giống cây gai ở nước ta.

**Câu 1:** Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 2:** Mục đích cô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma là gì?

**Câu 3:**Để đạt được mục đích trên, cô bé Li-dơ phải đối mặt với những thử thách gì?

**Câu 4:** Từ việc làm của cô bé Li-dơ, em rút ra cho mình bài học gì về tình cảm anh em trong gia đình.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

Chi tiết kì ảo:

- Chi tiết bà tiên báo mộng cho cô bé Li-dơ cách cứu các anh trai.

- Chi tiết áo được dệt từ cây tầm ma sẽ làm phép ma tiêu tan.

**Câu 2**: Mục đíchcô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma nhằm giải thoát các anh của mình khỏi phép ma thuật (của mụ hoàng hậu vốn là phù thuỷ), giúp các anh trai của cô quay trở về hình dạng của con người.

**Câu 3**: Những thử thách: cô phải đi hái cây tầm ma ngoài nghĩa địa, sẽ bị phồng tay, đau đớn vô cùng. Cô phải lấy chân dẫm nát cây ra để được một loại sợi gai sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay; không được nói nửa lời trong suốt quá trình dệt 11 chiếc áo cho các anh trai.

**Câu 4:** Bài học về tình cảm anh em:Anh em trong một nhà phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn…

**Đề số 04: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*

*- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*

*Con bé bịu xịu nói:*

*- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.*

*- Sao không bảo u mày may cho?*

*Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:*

*- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*

*- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.*

*Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...*

(Trích *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

**Câu 2:**Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?

**Câu 3:** Tại sao khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui?

**Câu 4:** Em đã bao giờ giúp đỡ người khác chưa, em có thể kể 2 việc làm cụ thể của mình ?  
**Gợi ý:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2:**

- Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên: Nghe cái Hiên *“bịu xịu”* nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”,bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”.*

- Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận ở nhân vật: Sơn (và chị) đều là những đứa trẻ sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.

**Câu 3:** Khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui:

- Sơn thương Hiên vì thấy bạn đang rất rét. Khi chị về lấy áo ấm cho bạn, Sơn cảm thấy hạnh phúc vì đã giúp đỡ bạn, yên tâm vì bạn mình sẽ đỡ lạnh khi có áo ấm.

**Câu 4:** HS kể 2 việc làm cụ thể của mình đã giúp đỡ người khác:

Chấp nhận nhiều đáp án khác nhau, miễn là HS biết kể những hành động việc làm cụ thể để giúp đỡ người khác.

**Đề số 05**: **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

# - Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

# Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

# - Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

# Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông".

# *(Theo Tuốc-ghê-nhép)*

# **Câu 1:** Câu chuyện được kể ở ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện?

# **Câu 2:** Khi nhận được hành động chìa tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão như thế nào?

# **Câu 3**: Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: *“Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”*nghĩa là gì? Cậu bé nhận được điều gì từ ông lão ăn xin?

# **Câu 4**: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên?

**Gợi ý:**

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

# **Câu 1:** Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất, nhân vật “tôi”- cậu bé kể chuyện.

# **Câu 2:** Khi nhận được hành động chìa tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão bằng lời nói, hành động cụ thể:

# - Hành động: *lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia*, rất muốn cho ông lão một cái gì đó, nhưng không có tài sản gì đành phải *nắm chặt lấy tay ông lão*.

# - Lời nói: “ *Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả*.”

# (HS có thể trả lời cụ thể: Hành động lời nói đó chứng tỏ cậu bé rất xót thương cho ông lão, và chân thành muốn giúp đỡ ông)

# **Câu 3:**

# - Ý 1: Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: *“Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”*nghĩa là: cậu bé đã cho ông lão sự sẻ chia, cảm thông, sự chân thành và lòng kính trọng.

# - Ý 2: Cậu bé nhận được sự biết ơn, thấu hiểu, đồng cảm từ ông lão ăn xin.

# **Câu 4:** Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên:

- Bài học về sự sẻ chia, yêu thương, chân thành.

- Bài học về lòng biết ơn.

**================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 4: TÌM HIỂU VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Tìm hiểu chung**

**\*Khái niệm**: **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) là nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.

Ví dụ:

+ Suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.

+ Suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.

+ Suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.

\***Mục đích:** thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề nào đó.

\***Các thành tố quan trọng** của văn bản nghị luận xã hội:

- Ý kiến: là vấn đề chính mà văn bản bàn luận.

- Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.

- Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.

**\*Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội:**

- Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến. **Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.

- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

|  |
| --- |
| **VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT?**  *(Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)* |

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.** **Xuất xứ**:

- Tác giả: Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du

- Trích từ *Bách khoa trị thức tuổit trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*

**2. Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận (nghị luận xã hội)

**3. Nội dung khái quát:** Lí do con người cần đối xử thân thiện với động vật.

**4. Bố cục:** 4 phần

- Phần 1: Đoạn 1,2: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.

- Phần 2: Đoạn 3: Vai trò của động vật trong hệ sinh thái

- Phần 3: Đoạn 4: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**

- Phần 4: Còn lại : Lời kêu gọi bảo vệ động vật.

**5. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.

- Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.

- Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

\***Nội dung, ý nghĩa :**

- Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.

**-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất.

**II.ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:Động vật có mối quan hệ mật thiết với con người. Dù trực tiếp hay gián tiếp thì chỉ cần biến mất đi một loài vật nào đó cũng khiến môi trường tồn tại của con người bị khiếm khuyết. Bài viết “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” của hai tác giả Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du đã lí giả các nguyên nhân con người cần đối xử thân thiện với động vật. Từ đó văn bản đem đến cho người đọc bài học về các ứng xử với động vật. |
| **2. Thân bài:**  **a. Khái quát về văn bản**  - Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” của hai tác giả Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du, trích từ *Bách khoa trị thức tuổi trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của hai tác giả về những lí do mà con người cần đối xử thân thiện với động vật. Nội dung đó được thể hiện ngay ở nhan đề văn bản và được làm sáng tỏ qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **b. Phân tích hệ thống lí lẽ và bằng chứng**:  **\* Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người**  - Đoạn 1: Động vật gắn liền với tuổi thơ con người:  =>Bằng chứng:  + Nhiều người từng dành hàng giờ ngồi nhìn lũ kiến "hành quân".  + Buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Đoạn 2: Động vật gắn liền với cuộc sống con người:  =>Bằng chứng:  + Gà trống gáy o o gọi thức dậy.  + Mẻ tôm, cá chế biến những món thanh đạm.  - Nghệ thuật: liệt kê  =>Đoan 1, 2 nhằm khẳng định vai trò không thể thiếu của động vật đối với cuộc sống con người.  **b. Vai trò của động vật với hệ sinh thái**  =>Bằng chứng:  + Khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  + Tất cả loài vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với con người.  + Mất đi 1 loài cũng tạo vết khuyết trong hệ sinh thái (môi trường sinh tồn của con người).  => Con người, động vật, và môi trường sinh thái có mối quan hệ chặt chẽ với nhau*.*  **c. Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật**  - Bằng chứng:  + Số lượng các loài động vật giảm đi rõ rệt, nhiều loài trên nguy cơ tuyệt chủng.  + Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại.  + Nhiều loài bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát.  - Thái độ của tác giả: bất bình trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật.  Thái độ ấy thể hiện rõ nhất ở câu văn: Môi trường sống cùa động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn.  **d.Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  - Bằng chứng: Khi hiểu được động vật, con người sẽ:  + Không phá rừng, chặt cây vì nhu cầu riêng (muốn có thịt bò, muốn vót đũa)  + Không lạm dụng và cướp đi môi trường của chúng.  → Hãy đặt bản thân vào vị trí của động vật để cảm nhận.  Nghệ thuật: đối lập; phép điệp cấu trúc |
| **3. Kết bài**  **\*Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  \***Nội dung, ý nghĩa :**  - Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.  **-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất.  \* Rút ra bài học nhận thức: Hành động con người cần có: thay đổi suy nghĩ và hành động hướng tới bảo vệ Trái Đất để động vật cũng có quyền được sống như con người |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU:**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều có những kí ức tuổi thơ tươi đẹp gần gũi với động vật và thiên nhiên. […] Hẳn nhiều người đã từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi. Những loài động vật vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ lên những bức tranh kí ức về thời thơ ấu tươi đẹp.*

*Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đùa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cất vó, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.  
(Trích “****Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật****?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:**Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3:**Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã nêu ra để làm sáng tỏ cho nội dung chính.

**Câu 4:**Em hãy chia sẻ một kỉ niệm thời thơ ấu của em được gắn bó với các loài động vật.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**Nội dung chính của đoạn trích: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ mỗi người.

**Câu 3:**Các lí lẽ và bằng chứng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Những loài động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ | Đứng nhìn lũ kiến hành quân tha mồi về tổ, buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi |
| Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao | Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy , lũ chim chích vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cất vở, được mẻ tôm, mẻ cá nào được đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê |

**Câu 4:** HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân (kể lại kỉ niệm và bộc lộ cảm xúc): Có thể:

- Được bố mẹ cho đi thăm sở thú vào cuối tuần.

- Được về thăm quê kì nghỉ hè, hoà mình vào cuộc sống thiên nhiên nơi thôn quê.

- Kỉ niệm với một con vật nuôi trong nhà mà em yêu quý.

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*[…] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.*

*Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. […]*

*(Trích “****Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật****?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)*

**Câu 1:** Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “*Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn”.* Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

**Câu 3:** Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

**Câu 4:** Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Nội dung chính đoạn trích: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**

**Câu 2:**

- Các từ Hán Việt: *môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.*

- Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

**Câu 3:** Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

- Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.

- Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.

- Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu sa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người)

**Câu 4:** Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

+ Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.

+ Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lí nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.

+ Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.

+ Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.

+ Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN NGOÀI SGK**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

# *“...Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.*

*Càng lớn tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Tôi không còn cái cảm giác khó chịu nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ hiền trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói “Xem người ta kìa!” thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?*

(Xem người ta kìa! – Lạc Thanh)

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên?

**Câu 2.** Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa gì đối với tập thể?

**Câu 3**. Em có đồng ý với quan điểm “*Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt” không? Tại sao*

**Câu 4**. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên: Nghị luận, tự sự, biểu cảm.

**Câu 2.** Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa đối với tập thể là:

*- Làm cho tập thể trở nên phong phú*

*- Để mỗi người đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình*

**Câu 3**.

Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

- Trong cuộc sống, mỗi người luôn cần học cách hòa đồng, gần gũi, thân thiện với mọi người. Điều này giúp chúng ta làm việc, hòa đồng với tập thể, với những người xung quanh mình, học hỏi và hòa hợp để cùng nhau phát triển và tiến bộ.

- Đồng thời, chúng ta cũng cần học cách giữ lại cái tôi riêng biệt và trân trọng giá trị riêng của bản thân.

- Nhờ vậy, ta sẽ vừa hòa nhập được với cuộc sống mà vẫn giữ gìn được giá trị, cuộc sống tốt đẹp của chính bản thân mình. Tôn trọng sự khác biệt và tôn trọng chính bản thân mình sẽ là chìa khóa để đưa chúng ta đến được với hạnh phúc.

**Câu 4**. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích:

Mỗi chúng ta cần biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.

**Đề số 04: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.*

*Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.[...]*

*Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.*

(Kazuko Watanabe, *Mình là nắng việc của mình là chói chang*, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câuvăn: *Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa” bên vệ đường.*

**Câu 3.**Em hiểu câu nói này như thế nào: *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có đượcgieo mầm ở bất cứ đâu.*

**Câu 4.**Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giốngmột đóa hoa*.” không? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

**Câu 2.***"Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa” bên vệ đường."*

Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp ngữ "*Có những...cũng có những...*".

Tác dụng: Nhấn mạnh những cuộc đời khác nhau của hoa.

**Câu 3.** Có thể hiểu câu *Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ởbất cứ đâu:*

Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

**Câu 4.** Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa*”.

Vì: - Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo

- Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời.

==================================================

**VĂN BẢN 2: KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT (TRỊNH VĂN)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.** **Xuất xứ**:

- Tác giả: Trịnh Văn

- Theo báo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.

**2. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận

**3. Vấn đề bàn luận:** nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần (vấn đề của văn bản nghị luận này thể hiện rõ ngay ở nhan đề)

**4. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):

- Phần 1: Nêu vấn đề khan hiếm nước ngọt.

- Phần 2: Thực trạng - Nguyên nhân- Hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.

- Phần 3: Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.

**5. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\* Nghệ thuật:**

- Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.

- Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.

**\* Nội dung:**

Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt.

**II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:  Nước ngọt là tài sản chung của tất cả mọi người. Nước ngọt có vai trò quyết định đến sự sống của con người; tuy nhiên nguồn nước đó đang bị ô nhiễm. Văn bản “***Khan hiếm nước ngọt***” của tác giả Trịnh Văn đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này, từ đó giúp cho người đọc rút ra bài học về cách sử dụng nguồn nước ngọt hợp lí. |
| **2. Thân bài**  **a. Khái quát về văn bản**  - Văn bản “Khan hiếm nước ngọt” của tác giả Trịnh Văn được in trênbáo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của tác giả về nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần. Nội dung đó được thể hiện ngay ở nhan đề văn bản và được làm sáng tỏ qua cách lập luận chặt chẽ với hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **b. Phân tích cách lập luận của văn bản**  **\*Phần 1: Nêu vấn đề nghị luận:**  - Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay.  - Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm:   + Người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước.  + Khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.  - Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc.  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề (Thực trạng – Nguyên nhân – Hậu quả)**  Người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề khan hiếm nước ngọt:  **- Thực trạng:**  + Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh có hơn 2 tỉ người thiếu nước ngọt.  + Chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, bà con phải đi xa vài ba cây số lấy nước.  - **Nguyên nhân:**  +  Nước ngọt trên hành tinh hầu hết ở những nơi khó khai thác: Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.  + Con người làm ô nhiễm: rác thải, chất độc đổ thẳng xuống sông suối.  + Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  + Nguồn nước ngọt phân bố không đều, vấn đề khai thác khó khăn, tốn kém.  ***- Hậu quả:***  + Khó khăn trong sinh hoạt của người dân.  + Đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi nếu thiếu nước.  + Muốn có nước sạch, hợp vệ sinh dùng rất tốn kém.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề (Khẳng định và nêu giải pháp)**  - **Khẳng định vấn đề**:  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * **Nêu giải pháp:**   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên.  - **Thái độ của người viết**: nêu vấn đề rất nghiêm túc; bộc lộ sự lo lắng, trăn trở về việc nước ngọt đang dần khan hiếm. |
| **3. Kết bài**  **\* Nghệ thuật:**  - Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.  **\* Nội dung:**  Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt.  **\* Rút ra bài học nhận thức:**Chúng ta ngày càng phải sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm tài nguyên nước |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*(1) Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ lớn nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng, thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không hao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to.*

*(2) Đúng là hồ mặt quả đất mênh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và đông vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hai phần ba nước trên hành tinh mà chúng la đang sống là nước mặn. Trong số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng hăng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ờ sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm, số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, cứ dùng hết lại có mà đang càng ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người. Đủ thứ rác thải, từ rác thải vô cơ, hữu cơ, những thứ rác có thể tiêu hủy được tới những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân hủy, cả những chất độc hại được vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại càng khan hiếm hơn nữa.*

(Trích “***Khan hiếm nước ngọt***”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2:**Ý chính của đoạn (1) là gì? Cách nêu vấn đề của tác giả có gì đặc biệt?

**Câu 3:** Chỉ ra lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2).

**Câu 4:**So với những gì em hiểu biết về nước, đoạn trích trên cho em hiểu thêm được những gì?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**

- Ý chính đoạn 1:Ý chính của phần mở đầu là khẳng định mọi người đang nghĩ sai rằng con người và muôn loài không bao giờ thiếu nước.  
- Mở đầu người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền, điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước. Sau đó, người viết khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.

- Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc.

**Câu 3**: Lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2):

- **Lí lẽ:** Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nhưng không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được:

**- Các bằng chứng:**

+ Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.

+ Số nước ngọt không phải vô tận, lại đang bị ô nhiễm do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối khiến nguồn nước sạch lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.

**Câu 4:**

- So với những điều em biết về nước, đoạn trích cho em hiểu thêm về thực trạng của nguồn nước ngọt hiện nay:

- Không phải bất kì nguồn nước nào trên thế giới con người cũng dùng được. Chỉ có nguồn nước ngọt, sạch mới sử dụng được trong cuộc sống con người.

- Nguồn nước ngọt không phải vô tận, con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ờ sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm.

- Nguồn nước ngọt đang ngày càng khan hiếm dần và ô nhiễm bởi hành động của con người.

**Đề số 02:Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*(1) Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh đang có khoảng hơn hai tỉ người sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hằng ngày.  Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến hộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì ngày mỗi tăng lên. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng, để có một tấn ngũ cốc cần phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1 500 tấn nước. Để có mội tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn: từ 15000 đến 70000 tấn. Rồi còn bao thứ vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ cho nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì mà lại không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây côi, muôn vật không sống nổi.*

*(2) Trong khi đó, nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ớ nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con ta phải đi xa vài cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phái hiện ra rằng ở vùng núi đá này, đang có nguồn nướcngầm chảy sâu dưới lòng đất.  Để có thể khai thác được nguồn nước này cũng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá. […]*

(Trích “***Khan hiếm nước ngọt***”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

**Câu 1:**Trong đoạn trích, tác giả đã đưa ra những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm?

**Câu 2:**Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là gì?

**Câu 3:**Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,… ở đoạn (1) có tác dụng gì?

**Câu 4:** Qua đoạn trích Đọc hiểu, em rút ra cho mình bài học gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm:

Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình.

- Nước ngọt phân bố không nhiều có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm

**Câu 2:**Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là: *Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây côi, muôn vật không sống nổi.*

**Câu 3:** Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,… ở đoạn (1) có tác dụng:

- Khẳng định, nhấn mạnh lí lẽ con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình trong cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ.

Từ đó khuyên con người cần phải biết cách sử dụng hợp lí, tiết kiệm nguồn nước ngọt không phải vô tận.

- Các bằng chứng số liệu này làm tăng thêm sức thuyết phục cho lập luận.

**Câu 4:** Bài học rút ra cho bản thân:

- Nước không phải vô tận, sẽ bị cạn kiệt nếu con người không biết cách dùng tiết kiệm, hợp lí.

- Nguồn nước ô nhiễm sẽ gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho con người, do đó con người cần phải có biện pháp để bảo vệ nguồn nước, xử lí nghiêm các hành vi làm ô nhiễm môi trường nước,…

**ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI NGOÀI SGK:**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Khi còn là học sinh trung học, một trong những giáo viên của tôi đã giao cho cả lớp một bài tập mà chúng tôi buộc phải hoàn thành trong 24 tiếng đồng hồ. Bài tập là trong suốt 24 tiếng đồng hồ chúng tôi phải cố gắng phải trở nên khác biệt. Theo lời giáo viên, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Quy định duy nhất là chúng tôi không được làm bất cứ điều gì gây hại, làm phiền người khác, hoặc vi phạm nội quy nhà trường.*

*[ ...]Điều tôi học từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có nghĩa. Tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường, tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ gì ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi cũng chẳng đơn độc, đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.*

*Chỉ có J là ngoại lệ. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận ra điều đó. Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi. Bất kể vì lí do gì, J là người duy nhất chọn loại khác biệt có ý nghĩa. Kết quả là vào cuối buổi học hôm đó, tôi cảm giác rằng không một ai trong chúng tôi là không nể phục cậu.*

*( Giong-mi Mun, Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh)*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính nào được dùng trong đoạn trích?

**Câu 2.** Do đâu mà số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa?

**Câu 3**.Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?

**Câu 4**.Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh không? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

**Câu 2**. S*ố đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa là do:* Sự khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi, không cần huy động khả năng đặc biệt gì. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý...Vì dễ, ai muốn đều có thể bắt chước

**Câu 3**. Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất:con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin...Những phẩm chất ấy không phải ai muốn là cũng có được.

**Câu 4**.Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này không chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh. Vì:

+ Những người non trẻ mới tìm cách thể hiện bằng những trò lố, những hành vi kì quặc như thế

+ Tuy nhiên, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiều khi còn chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và có nghĩa trong khi sự khác biệt là phương châm sống là đòi hỏi bức thiết của con người

+ Bài học rút ra có giá trị đối với bất cứ ai.

**Đề số 04:**

Đ**ọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:**

*“Mới đây, các giáo sư tâm lý học ở trường Đại học York và Toronto (Canada) đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.*

*Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại, những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.*

*Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.*

Trích Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn, Theo http://dantri.com.vn ngày 12/8/2016)

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2:** Trong đoạn trích trên, theo nghiên cứu của các giáo sư tâm lý học, việc đọc sách văn học có tác dụng gì với con người?

**Câu 3:** Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay?

**Câu 4:** Hãy kể tên một tác phẩm văn học mà em thích? Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ về tác dụng của tác phẩm văn học đó đối với bản thân em?

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Nghị luận**.**

**Câu 2:** Việc đọc sách có tác dụng sau:

- Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.

- Đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.

- Đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

**Câu 3:** Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay:

- Giới trẻ hiện nay thờ ơ với việc đọc sách. Chưa có thói quen đọc sách, không dành thời gian để đọc sách.

- Giớí trẻ không mặn mà với các loại sách văn học .

- Một số ít đọc theo phong trào ,chưa xác định được mục đích của việc đọc sách

Giới trẻ ngày nay hờ hững với văn hóa đọc vì điện thoại vì mạng intơnet.Nói cách khác văn hóa đọc của giới trẻ

**Câu 4**:

Tên tác phẩm, tác giả

- Vì sao thích?

- Tác dụng của tác phẩm văn học đó đối với bản thân em:

- Tác dụng về cung cấp tri thức, hiểu biết.

- Bồi dưỡng tâm hồn, rèn giũa nhân cách đạo đức.

- Rèn luyện ngôn ngữ, thấy được vẻ đẹp của ngôn ngữ.

- Năng cao kĩ năng sống.

**Đề số 05:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hỉện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

*Bạn có thế không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.*

(Trích *Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn* - Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.24)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**: Xác dịnh câu chủ đề của đoạn văn trên.

**Câu 3a:** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp trong đoạn văn trên.

**Câu 3b**: Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn trích.

**Câu 4**: Giá trị có sẵn của em là gì? Giá trị ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:** Câu chủ đề : *Chắc chắn mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn.*

**Câu 3a:**

- Phép điệp cấu trúc: *Bạn có thể không ...nhưng…*

- Tác dụng :

+ Nhấn mạnh mỗi con người trong chúng ta đều có những giá trị riêng và chính bản thân chúng ta cần biết trân trọng những giá trị của mình và cố gắng phát huy điểm mạnh,khắc phục điểm yếu để hoàn thiện bản thân mình hơn.

+ Tạo sự liên kết và giọng điệu tranh luận cho đoạn văn.

**Câu 3b:**

Điểm giống nhau về cách lập luận: lập luận theo hình thức đưa ra giả định về sự không có mặt của yếu tố thứ nhất để từ đó khẳng định, nhấn mạnh sự có mặt mang tính chất thay thế của yếu tố thứ hai.

**Câu 4**: HS nêu quan điểm của bản thân.

Có thể nêu**:**

**-** Giá trị của bản thân mình:

+ Giữ đúng lời hứa với mọi xung quanh

+ Biết đối nhân xử thể,hoà đồng với mọi người xung quanh.

+ Có lòng tự trọng ,đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

+ Có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Biết tha thứ lỗi lầm người khác.

- Những giá trị sẵn có đó làm nên giá trị của con người em, giúp em được mọi người yêu quý, tôn trọng, là nền móng vững chắc cho thành công sau này.

===============================================

**VĂN BẢN 3: TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ?**

*(Theo Thùy Dương)*

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1.**  **Xuất xứ**:

- Tác giả: Thuỳ Dương.

- Theo *Tri thức trẻ -* Báo điện tử Tổ quốc.  
**2. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận

**3. Vấn đề bàn luận:** Các lí do cần có một vật nuôi trong nhà.

**4. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):

- **Phần 1: Đoạn mở đầu:** Từ đầu đến “…cho trẻ nuôi một con vật trong nhà”: Dẫn dắt và nêu vấn đề sự cần thiết của việc trẻ nên có một con vật nuôi của mình trong nhà.

- **Phần 2**: (9 đoạn giữa) Giải quyết vấn đề: Đưa ra 9 lợi ích - 9 lí do mà trẻ nên có một vật nuôi trong nhà.

Các lí do đều được in đậm để người đọc dễ nhận biết, theo dõi.

- **Phần 3:** Đoạn kết: khẳng định lại vấn đề

5. **Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ

- Hệ thống lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.

- Cách trình bày rõ ràng các tiểu mục, dễ nắm bắt nội dung văn bản.

**\* Nội dung:**

Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, văn bản và khái quát vấn đề nghị luận của văn bản.**  Ví dụ:  Các vật nuôi trong nhà vốn là những người bạn nhỏ của mỗi gia đình. Những thú nuôi trong nhà đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, đã vẽ nên những bức tranh kí ức thời thơ ấu thật tươi đẹp. Văn bản ***“Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” của tác giả Thuỳ Dương đã giúp người đọc hiểu được lí do vì sao mỗi gia đình nên có một vật nuôi trong nhà. |
| **2. Thân bài**  **B1: Khái quát về văn bản**  - Văn bản ***“Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” của tác giả Thuỳ Dương được tổng hợp trên mục *Tri thức trẻ -* Báo điện tử Tổ quốc.  *-* Văn bản bày tỏ quan điểm của tác giả về những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Nội dung đó được làm sáng tỏ qua cách lập luận chặt chẽ với hệ thống lí lẽ và bằng chứng phong phú, thuyết phục. |
| **B2: Phân tích cách lập luận của văn bản**  **\*Phần 1: Nêu vấn đề nghị luận:**  - Dẫn dắt bằng cách đưa ra quan điểm : *Trẻ lớn lên cùng những con thú cưng của mình có tốt hay không?*  - Nêu vấn đề nghị luận: *Trẻ nên có một con vật nuôi của mình.*  Cách đặt vấn đề ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề.  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề : Đưa ra các lợi ích của việc nuôi thú cưng**  Người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng về các lợi ích của việc nuôi thú cưng trong nhà:   * Phát triển ý thức:   + Phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác.  + Học cách cảm thông và lòng trắc ẩn.  → Tạo cơ hội tự chăm sóc bản thân tốt hơn.   * Bồi dưỡng sự tự tin: Chăm sóc tốt con vật giúp trẻ thấy bản thân mình tốt hơn. → Lòng tự trọng được vun đắp, thấy tự hào về thành tích của mình. * Vui chơi và luyện tập:   + Vận động trong hoạt động luyện tập, vui đùa với thú cưng.  + Dành nhiều thời gian ngoài trời tốt cho con người: ánh nắng, không khí trong lành.  + Giúp trẻ áp dụng hiểu biết về vận động để có sức khỏe cho bản thân.   * Bình tĩnh: Vật nuôi mang cảm giác yên bình và luôn dành cho con người tình yêu vô điều kiện.   - Giảm stress:  + Cử chỉ, hành động của động vật mang lại cảm giác an toàn cho trẻ.  + Chúng mang lại sự yên tĩnh cho những người cảm thấy bối rối và căng thẳng.   * **Cải thiện kĩ năng đọc:**   + Trẻ thích đọc to câu chuyện cho thú cưng hơn.  + Giúp rèn luyện về kĩ năng đọc trôi chảy và tốt khi trẻ có thể nghe âm thanh của chính mình.   * **Tìm hiểu về hậu quả:** Khi các thú cưng không được chăm sóc tốt, kết quả thấy rõ ràng. * **Học cách cam kết:**   + Nuôi thú cưng là cam kết hoàn toàn và không được coi là công việc làm thêm.  + Giúp trẻ học cách cam kết và tuân theo cam kết.   * **Kỉ luật:**   + Huấn luyện thú cưng và dạy nó cách nghe lời.  + Nuôi chó sẽ giúp trẻ học và rèn luyện tính rèn luyện.  **- Nhận xét:**  - Người viết khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cái thiện đời sống tinh thần.  - Hệ thống lí lẽ đa dạng, bằng chứng thuyết phục, phù hợp với mục đích tác giả nhằm thuyết phục mọi người nên có vật nuôi trong nhà.  - Cách trình bày: các lí lẽ được đặt ngay đầu đoạn và được in đậm rõ ràng giúp người đọc dễ nắm bắt thông tin chính.  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề**  - Bày tỏ thái độ đồng tình với việc nên có vật nuôi trong nhà.  - Khẳng định một lần nữa những lợi ích của việc nuôi một con vật:  + Giúp trẻ học nhiều kĩ năng sống.  + Cải thiện đời sống tinh thần.  + Có thêm một "người bạn" chia sẻ thời thơ ấu.  **Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058** |
| **3. Kết bài**  **\*Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ  - Hệ thống lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Cách trình bày rõ ràng các tiểu mục, dễ nắm bắt nội dung văn bản.  **\* Nội dung:**  Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con.  **\* Rút ra bài học nhận thức:**Chúng ta cần học cách đối xử thân thiện với với động vật, đặc biệt là các vật nuôi trong nhà. |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Trẻ lớn lên cũng những con thú cưng của mình có tốt hay không? Nhiều ý kiến cho rằng trẻ nên có một con vật nuôi của mình. Dưới đây là những lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà:*

***Phát triển ý thức:*** *Khi nuôi một thú cưng, trẻ sẽ phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác. Các con vật nuôi luôn luôn cần sự chăm sóc và quan tâm. Chúng phụ thuộc vào người cho ăn, chăm sóc và huấn luyện. Trẻ nuôi thú cưng sẽ thường xuyên học được cách cảm thông và lòng trắc ẩn. Học cách có trách nhiệm với người khác sẽ tạo cơ hội cho những đứa trẻ biết tự chăm sóc bản thân mình tốt hơn. […]*

***Giảm stress:*** *Cùng với việc mang lại sự bình yên cho những đứa trẻ, loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress. Cử chỉ âu yếm, vuốt ve của những chú chó, có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ. Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại. Chúng cũng không bao giờ cố gắng đưa ra những lời khuyên khi người ta không muốn nghe. Chúng đơn giản ở đó như một sự yên tĩnh dành cho những người đang cảm thấy bối rối và căng thẳng. Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người. Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cũng với những tiếng “grừ, grừ” sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên. […]*

(Trích “***Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***” – Thuỷ Dương)

**Câu 1.**Cách trình bày của đoạn trích trên có gì đáng chú ý?

**Câu 2.**Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn văn 3 “Giảm stress”.

**Câu 3.** Qua đoạn trích, em thấy tác giả đồng tình hay phản đối việc nuôi vật nuôi trong nhà? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?

**Câu 4.**Nhiều bạn trẻ ngày nay học theo trào lưu nuôi thú cưng trong nhà, nhưng chỉ là thú vui nhất thời, sau đó chán nản, nhiều người không chăm sóc, ngược đãi vật nuôi, thậm chí có bạn trẻ còn vứt con vật từng là ‘thú cưng” ra đường. Em có suy nghĩ gì về sự việc này?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**Cách trình bày đáng chú ý ở chỗ:  các luận điểm dùng để chứng minh vấn đề nghị luận được để ngay đầu đoạn văn và được in đậm rõ ràng Giúp cho người đọc dễ nắm bắt được các ý chính hơn.

**Câu 2.**Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn 3 “**Giảm stress**:”

* Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress

+ Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ

* Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại.

+ Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người

+ Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng :" gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên

**Câu 3:** Qua văn bản, em thấy tác giả đồng tình việc nuôi động vật. Vì ngay ở phần đầu đoạn trích, tác giả đã khẳng định sẽ đưa ra các lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà. Các luận điểm tiếp theo, người viết đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng đều khẳng định lợi ích mà vật nuôi đem lại cho trẻ.

**Câu 4.**

- Chúng ta không nên chạy theo trào lưu nuôi thú cưng nếu bản thân thấy mình không đủ sự kiên nhẫn, trách nhiệm, không đủ thời gian để chăm sóc chúng. Chúng ta trước khi quyết định nuôi một em thú cưng cần xác định rõ việc nuôi thú cưng để tạo ra niềm vui cho cuộc sống, chứ đừng biến vật nuôi trở thành gánh nặng của bản thân.

- Khi đã xác định nuôi thú cưng thì phải có trách nhiệm đến cùng, yêu quý, đối xử thân thiện, bảo vệ chúng; tuyệt đối không ngược đãi, tàn sát chúng.

**Đề đọc hiểu văn bản văn nghị luận ngoài SGK:**

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trỏ lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là phương thuốc hữu hiệu để trị căn bệnh này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dán dần được bói đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.”*

(Trích *Tiếng cười không muốn nghe,* Minh Đăng)

**Câu 1**. Câu thứ nhất và câu thứ hai trong đoạn có quan hệ như thế nào về ý nghĩa?

**Câu 2**. Ở đoạn trích trên, người viết chủ yếu dùng lí lẽ hay bằng chứng để bàn luận về vấn đề?

**Câu 3**. Em hiểu như thế nào về câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”? Câu này có ý nghĩa gì với mỗi cá nhân?

**Câu** 4. Vì sao người viết cho rằng cười nhạo người khác không phải là điều quá nghiêm trọng và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa?

**Câu** 5. Theo tác giả, phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” cười nhạo người khác là gì? Hãy nêu ý kiến của em về “phương thuốc” đó.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Câu thứ nhất là một câu hỏi. Câu thứ hai trả lời cho câu hỏi đó.

**Câu 2**. Ở đoạn trích, người viết chủ yếu dùng lí lẽ để bàn luận về vấn đề.

**Câu 3**. Câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người” có nghĩa: trên đời này, hầu như ai cũng đã từng cười cợt, chê bai người khác. Mỗi cá nhân cần biết đó là biểu hiện không tốt, cần phải tránh.

**Câu 4**. Cười nhạo người khác tuy là một nhược điểm của con người, nhưng điều đó chưa tệ hại bằng những thói xấu khác như sự bất nhân, độc ác, tàn nhẫn,...

Ở phần sau của đoạn, người viết đã chỉ ra cách chữa “căn bệnh” này.

**Câu 5**. Yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác, đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, đó là “phương thuốc” mà người viết đề xuất nhằm trị “căn bệnh” cười nhạo. Bên cạnh “phương thuốc” này, có thể còn có những cách khác, chẳng hạn: phát huy vai trò của giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng quan hệ thân tình gắn bó giữa các thành viên trong tập thể, cộng đồng,... Tóm lại, tuỳ từng trường hợp cụ thể để chọn cách

“chữa trị” phù hợp.

**Đề số 03:**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

*“Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng. Bên cạnh sự tương đồng về đặc điểm sinh lí (đói cần phải ăn, khát cần phải uống,...), con người còn có những điểm giống nhau về tâm lí, về tinh thần. Sinh ra trên đời, có ai không muốn khoẻ mạnh, thông minh? Có ai không muốn cuộc đời hạnh phúc và sự nghiệp thành công? Có ai không thích cái đẹp? Có ai không muốn được tôn trọng?...*

*Tuy nhiên, những khao khát chính đáng ấy không phải bao giờ cũng được thoả mãn. Thực tế, có nhiều người rơi vào hoàn cảnh bất hạnh. Ốm đau, mất việc, thiếu thốn, thất bại,... là những điều từng xảy ra đối với bao người xung quanh ta. Hễ ai lâm vào cảnh ngộ như thế cũng sẽ cảm thấy khốn khổ và muốn được sẻ chia, đồng cảm, cần được giúp đỡ về vật chất và tinh thần.”*

(Theo Phan Huy Dũng (Chủ biên), ***Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi trung học phổthông quốc gia - phần nghị luận xã hội***, NXB Giáo dục ViệtNam, Hà Nội, 2016, tr. 93)

**Câu 1.** Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết tính chất nghị luận trong đoạn trích trên?

**Câu 2.** Vấn đề gì được tập trung bàn luận trong đoạn trích?

**Câu 3.** Theo tác giả, con người có sự tương đồng về những mặt nào? Sự tương đồng về mặt nào mới là quan trọng?

**Câu 4**. Khi nêu vấn đề: “Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉcó sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết dùng lílẽ để nêu ý kiến. Ý kiến đó có sức thuyết phục không?

**Câu 5**. Đọc đoạn trích, em rút ra được điều gì giúp bản thân biết ứng xử đúng đắntrong cuộc sống?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn trích nêu lên vấn đề để bàn luận, có sử dụng lí lẽ và bảng chứng để làm rõ văn đề. Đó là những dấu hiệu cho thấy tính chất nghị luận trong đoạn trích.

**Câu 2.** Sự tương đồng, gần gũi giữa con người với nhau là vấn đề được tập trung

bàn luận trong đoạn trích.

**Câu 3.** Theo tác giả, con người có sự tương đồng về mặt sinh lí và mặt tâm lí, tinh thần. Sự tương đồng về tâm lí, tỉnh thần mới là điều quan trọng, cần bàn.

**Câu 4.** Khi nêu vấn đề:“Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết đã dùng lí lẽ: hễ là con người, ai cũng muốn khoẻ mạnh, thông minh, hạnh phúc, thành công, được người khác tôn trọng. Lí lẽ này rất có sức thuyết phục, không dễ bác bỏ.

**Câu 5.** Em có thể tự rút ra bài học ứng xử cho riêng mình, trong đó, quan trọng nhất là phải biết chia sẻ, cảm thông với người khác.

**====================================**

**HỒ CHÍ MINH VÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP”**

*(Bùi Đình Phong)*

**I. TÁC GIẢ BÙI ĐÌNH PHONG**

**-**  Bùi Đình Phong sinh năm 1950, quê ở Hà Tĩnh

- Từ năm 1981, Bùi Đình Phong là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên giảng dạy về lịch sử cận hiện đại Việt Nam và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Là nhà nghiên cứu hàng đầu về lãnh tụ Hồ Chí Minh với hàng loạt công trình có giá trị cao, đặc biệt là về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người.Với một bề dày nghiên cứu và giảng dạy, đến nay PGS.TS. Bùi Đình Phong đã có trên 30 đầu sách cá nhân, chủ biên, đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh

**1.** **Xuất xứ**: nguồn baodanang.vn (2018).

**2. Thể loại**: Văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử)

**3.Bố cục**: 3 phần như trong SGK:

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

+ Phần 1: Thuật lại việc Bác yêu cầu giao cho Bác cuốn Tuyên ngôn độc lập của Mĩ.

+ Phần 2: Thuật lại quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản Tuyên ngôn độc lập.

+ Phàn 3: Thuật lại sự kiện Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**4. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.

**\*Nội dung:**

- Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**VI. Truyện ngắn**

**1. Ôn tập kiến thức chung về truyện ngắn**

- Truyện ngắn: là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp. .. Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng.

- Đặc điểm nhân vật: là những nét riêng của nhân vật trong truyện, thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

- Lời người kể chuyện: là lời của người đã kể lại câu chuyện. Nếu người kể theo ngôi thứ nhất thì lời của người kể là lời của người xưng “tôi". Nếu người kể theo ngôi thứ ba thì lời của người kể là lời của người ngoài, không tham gia câu chuyện.

- Lời nhân vật: là lời của một nhân vật trong truyện.

1. **Một số lưu ý khi đọc - hiểu văn bản truyện ngắn.**

- Đọc kĩ văn bản, nhận biết được các yếu tố của truyện (ngôi kể, các nhân vật trong truyện, cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật…)

- Đọc kĩ văn bản, suy nghĩ về đề tài, nội dung của truyện.

- Truyện mang đến cho người đọc những nhận thức gì, những hiểu biết gì về cuộc sống.

- Truyện mang lại thông điệp gì cho người đọc.

- Liên hệ bản thân (nếu có).

1. **Ôn tập một số văn bản truyện ngắn đã được học.**

**a. Truyện Bức tranh của em gái tôi:**

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- Nhân vật chính: Kiều Phương, người anh trai

- Nội dung chính: Chuyện kể về cô em gái Kiều Phương có tài năng hội họa. Cả nhà đều vui mừng duy chỉ có người anh trai ghen tị, mặc cảm và luôn tìm cách xa lánh em gái. Trong một lần khi em gái đạt giải nhất trong kì thi vẽ tranh với bức tranh anh trai tôi, người anh mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và tự thấy xấu hổ, hối hận về mình.

- Thông điệp: Truyện nhắc nhở chúng ta về mối quan hệ, thái độ, cách ứng xử giữa người này với người khác trong cuộc sống hàng ngày. Qua đó khẳng định: Tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét, đố kị. Không nên đố kị, ghen ghét trước tài năng của người khác mà cần phải biết vượt qua tất cả những mặc cảm, tự ti để vượt qua chính mình.

**b. Truyện *Điều không tính trước***

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất

- Nhân vật chính: Tôi, Nghị, Phước

- Nội dung chính: Truyện kể về câu chuyện mà tôi không lường trước được đó là trong một lần đá bóng, tôi xảy ra xích mích với Nghị. Cứ nghĩ chúng tôi sẽ xảy ra cuộc tranh chấp đánh nhau ai ngờ cả cả ba lại trò chuyện vui vẻ và trở thành những người bạn tốt.

**-** Bài học:Trước một sự việc, chúng ta cần bình tĩnh để đánh giá mọi việc không nên lấy bạo lực để giải quyết mọi chuyện.

1. **Thực hành một số đề đọc hiểu – ngữ liệu cùng thể loại**

**Đề số 1:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“.*..Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*

*- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*

*Con bé bịu xịu nói:*

*- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.*

*- Sao không bảo u mày may cho?*

*Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:*

*- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*

*- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.*

*Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”…*

(Trích *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam)

**Câu 1**: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Dựa vào dấu hiệu nào để em biết điều đó?

**Câu 2:** Đoạn trích trên có những nhân vật chính nào?

**Câu 3**: Xác định lời nhân vật và lời của người kể chuyện trong đoạn văn sau:

“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?

**Câu 4:** Xác định các thành phần chính trong câu *Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo.*

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là người như thế nào?

**GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1**: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ ba. Dấu hiệu nhận biết điều đó: người kể giấu mình, gọi tên theo tên của nhân vật (Sơn, Lan, Hiên).

**Câu 2:** Đoạn trích trên có những nhân vật chính: Sơn, Lan, Hiên

**Câu 3:**

Lời nhân vật : *Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?*

Lời của người kể chuyện:

*Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:*

**Câu 4: T**hành phần chính trong câu:

- Chủ ngữ:*chị Lan*

*-* Vị ngữ*: hăm hở chạy về nhà lấy áo.*

**Câu 5**: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là những người tốt bụng, trong sáng và giàu tình yêu thương.

**Đề số 2:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

**CON SẺ**

*Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.*

*Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sẻ già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.*

*Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.*

*Con chó của tôi dừng lại và lùi… Dường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.*

*Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.*

                                                                                    (Theo *I. Tuốc-ghê-nhép)*

**Câu 1**. Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

**Câu 2.** Xác định cụm danh từ trong các câu văn sau và gạch chân dưới phần trung tâm của cụm danh từ đó *“Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó.”*

Câu 3. Trong câu văn:” … Song một sức mạnh lớn hơn ý muốn của nó đã cuốn nó xuống đất”, nhà văn muốn đề cập tới ” ý muốn” và ” sức mạnh” nào của con sẻ già trước tình huống khó khăn nguy hiểm nhất?

**Câu 4.** Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?

**Câu 5.** Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.**

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự

- Câu chuyện được kể theo ngôi nhất.

**Câu 2**. Cụm danh từ trong câu:

+ cây cao

+ một con sẻ già có bộ ức đen nhánh

**Câu 3**. Ý muốn của chim sẻ già là muốn ở yên trên cây để thoát khỏi cái chết. Sức mạnh vủa chim sẻ là sức mạnh của tình mẫu tử thiêng liêng. Sức mạnh ấy đã chiến thắng ý muốn và thôi thúc chim sẻ sà xuống cứu lấy con mình dù cho bản thân nó vô cùng sợ hãi.

**Câu 4.** Nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì:

- Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sẻ nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sẻ già.

**Câu 5.** Ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già. Qua đó nhắc nhở chúng ta về tình mẫu tử thiêng liêng trong cuộc sống.

**Đề số 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dẩu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...*

*Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”.*

*Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.*

*Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:*

*- Con có nhận ra con không?*

*Tôi giật sững người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: "Anh trai tôi". Vậy mà dưới mắt tôi thì...*

*- Con đã nhận ra con chưa? - Mẹ vẫn hồi hộp.*

*Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng:*

*- Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy!"*

**(**Trích*Bức tranh của em gái tôi -* **Tạ Duy Anh)**

**Câu 1.** Người kể chuyện trong đoạn trích là ai, xuất hiện ở ngôi thứ mấy?

**Câu 2**. Nhân vật người anh trong đoạn trích được miêu tả chủ yếu qua ngoại hình hay qua tâm trạng, suy nghĩ?

**Câu 3.** Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi biết tin bức tranh của Kiều Phương đạt giải có gì đặc biệt? Nếu được đưa ra lời khuyên, em sẽ nói gì với người anh lúc này?

**Câu 4.** Chỉ ra những từ ngữ diễn tả tâm trạng của nhân vật **“tôi”** khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình.

**Câu 5.** Giải thích vì sao người anh lại cảm thấy xấu hổ khi thấy bức tranh đạt giải nhất của cô em gái?

**Câu 6.** Tìm trạng ngữ trong câu “*Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường”* và cho biết trạng ngữ đó có tác dụng gì?

**Câu 7.** Từ nội dung đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân về cách đối xử với những người trong gia đình.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Người kể chuyện trong đoạn văn là người anh, xuất hiện ở ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

**Câu 2.** Nhân vật người anh trong đoạn trích được miêu tả chủ yếu qua tâm trạng, suy nghĩ.

**Câu 3.** Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi biết tin bức tranh của Kiều Phương đạt giải: không vui, đẩy em ra, ghen tị với thành công của em.

Nếu được đưa ra lời khuyên, em sẽ nói với người anh: ghen tị là thói xấu làm chia rẽ tình cảm tốt đẹp của con người. Chúng ta nên vui mừng trước thành công của em gái mình, không nên đố kị với thành công của em.

**Câu 4.** **N**hững từ ngữ diễn tả tâm trạng của nhân vật **“tôi”** khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình: *giật sững người; ngỡ ngàng; hãnh diện; xấu hổ;muốn khóc.*

**Câu 5.** Người anh cảm thấy xấu hổ khi thấy bức tranh đạt giải nhất của cô em gái vì: Cậu tự nhận thấy mình không xứng đáng với vẻ đẹp tuyệt vời trong bức tranh mà Kiều Phương đã vẽ về cậu. Xấu hổ vì thái độ, cách cư xử của mình không xứng với những tình cảm mà em dành cho cậu…

**Câu 6.** Trạng ngữ trong câu: *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng*

Trạng ngữ chỉ nơi chốn

**Câu 7.** Từ nội dung đoạn trích, em rút ra bài học cho bản thân về cách đối xử với những người trong gia đình: Trước thành công và tài năng của người khác, chúng ta nên vượt qua lòng mặc cảm, tự ti để chia sẻ niềm vui một cách chân thành. Anh em trong gia đình nên biết yêu thương, có lòng nhận hậu, độ lượng, biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác.

**1. Phân tích**

Với mỗi người Việt Nam thì ngày 2/9 hằng năm luôn mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Chính ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử là ngày độc lập dân tộc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra kỉ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện độc lập tự do hạnh phúc.Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***của tác giả Bùi Đình Phong đã đem đến cái nhìn toàn diện về sự ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” – văn kiện lịch sử trọng đại đánh dẫu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) được đăng tải trên *baodanang.vn* ngày 01/9/2018 thuật lại sự kiện ra đời của bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta được chủ tích Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc trước toàn thể quốc dân đồng bào vào ngày 2/9/1945. Văn bản thuật lại sự việc theo trình tự thời gian để người đọc hình dung rõ ràng, chi tiết hơn về quá trình chủ tịch Hồ Chí Minh cho ra đời văn kiện lịch sử trọng đại này.

**Ngay dưới nhan đề bài viết là phần sa pô của bài báo được in đâm nhằm giới thiệu khái quát nội dung bài viết là nói về**ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản Tuyên ngôn độc lập: “Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hòa Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; rằng “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập”. Phần sa pô in đậm đã định hướng nội dung giúp người đọc dễ nắm bắt nội dung thông tin trong văn bản hơn. Ngay dưới phần sapo in đậm là hai hình ảnh minh hoạ sự kiện chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 được tác giả thêm vào để tạo thêm sự sinh động cho bài viết, thu hút người đọc hơn

**Tác giả thuật lại chi tiết quá trình ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” qua ba sự kiện chính: Hồ Chí Minh yêu cầu giao cho Người bảnT**uyên ngôn Độc lập**của Hoa Kỳ; các công tác chuẩn bị và hoàn thành**Tuyên ngôn Độc lập và sự kiện Người đọc bản Tuyên ngôn tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945.

**Bước dầu của việc chuẩn viết bản Tuyên ngôn là Bác yêu cầu**trung úy Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả dù cho Người cuốn *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ ngay từ giữa tháng 5 sau khi Người Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào ngày 4-5-1945.

**Công tác chuẩn bị và hoàn thiện bản Tuyên ngôn Độc lậpcủa Hồ Chí Minh**được tác giảBùi Đình Phong thuật lại chi tiết theo từng ngày tháng, sự việc cụ thể: “22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội; sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ. Ngày 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào Tuyên ngôn Độc lập.Tất cả những sự việc trên cho thấy sự chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo của Người cùng Bộ Chính trị vì bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.

**Phần cuối văn bản, tác giả thuật lại sự kiệnBác đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* cụ thể chi tiết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia: “**14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Viết về sự kiện lịch sử trọng đạinày, trong bài thơ *Sáng mùng hai tháng chín*, nhà thơ Tố Hữu có viết:

*"Hôm nay, sáng mồng hai tháng chín,*

*Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình.*

*Muôn triệu tim chờ chim cũng nín,*

*Bỗng vang lên câu hát ân tình:*

*Hồ Chí Minh ! Hồ Chí Minh !*

*Người đứng trên đài lặng phút giây,*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay.*

*Cao cao vầng trán Ngời đôi mắt,*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây..."*

Với ý nghĩa trong đại của mình, ngày mùng 2/9 đã được lấy làm ngày quốc khánh của Việt Nam, là quốc lễ của đất nước. Hằng năm, cứ đến mỗi dịp này toàn thể dân tộc ta lại rộn ràng thi đua học tập chào mừng quốc khánh. Khắp mọi miền tổ của tổ quốc, từ thành thị đến nông thôn mọi người cùng nhau treo những lá cờ đỏ sao vàng để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước của mình.

Bằng văn phong súc tích, ngắn gọn, văn bản trình bày theo các dấu mốc, sự kiện, cụ thể, mạch lạc, rõ ràng kết hợp với hình ảnh minh hoạ, văn bản “***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) đã thuật lại sự kiện Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình và quá trình học hỏi, tìm hiểu, không ngừng sửa chữa của Người để có thể cho ra đời bản tuyên ngôn độc lập ấy, giúp người đọc hình dung được quá trình diễn ra và chuẩn bị của Bác, Đảng, Nhà nước đối với sự kiện lịch sử quan trọng của toàn dân tộc. Qua văn bản, người đọc thấy sự nghiêm túc và tận tâm của Bác trong quá trình soạn thảo tuyên ngôn độc lập, đồng thời ta cũng thấy được niềm tự hào, trân trọng của tác giả Bùi Đình Phong đối với giá trị to lớn của bản tuyên ngôn lịch sử. Bài viết của tác giả Bùi Đình Phong đã nhìn lại giá trị lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh khi ngày ra đời của văn kiện đã lùi xa hơn 70 năm. Đọc bài viết *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập*”, chúng ta thêm kính trọng, biết ơn chủ tích Hồ Chí Minh và thêm tự hào về những trang sử hào hùng của dân tộc ta. Nhìn lại quá khứ, củng cố niềm tin ở hiện tại, từ đó, những thế hệ được sinh ra trong thời bình, được hưởng cuộc sống hoá bình cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và quyết giữ vững nền tự do, độc lập đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bản Tuyên ngôn độc lập sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt Nam.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề bài:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

  (1) Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.* Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừa là phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.

(2) Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.* Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.*

(3) 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(Trích Hồ Chí Minh và *Tuyên ngôn độc lập* - Bùi Đình Phong)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2. Đoạn trích trên thuật lại sự việc gì và theo trình tự nào?**

**Câu 3. Vị ngữ trong câu sau là loại cụm từ gì? Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong cụm từ đó:**

“Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Câu 4.Em hãy kể những việc mà gia đình em và người thân đã làm vào ngày Quốc khánh?**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

 Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2:**

**Đoạn trích thuật lại sự kiện ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập do chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo theo trình tự thời gian.**

**Câu 3:**

Câu văn*: “*Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Vị ngữ:** *bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.*

* **Vị ngữ được cấu tạo là cụm động từ:**

+ Trung tâm: *bổ sung*

+ Phần phụ sau: *một số điểm , vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập*

**Câu 4: HS nêu những việc làm của bản thânvào dịp 2/9. Có thể nêu:**

**- Treo cờ Tổ quốc**

**- Đi thăm các di tích lịch sử, thăm lăng Bác**

**- Cùng ôn lại lịch sử ra đời ngày Quốc khánh, tìm hiểu thông tin trên internet để hiểu rõ hơn.**

**- Đến thăm nhà các bác cựu chiến binh bạn của ông…**

**=========================================**

**DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

*(Theo infographics.vn)*

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1. Thể loại:** văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện)

**2. Xuất xứ**: Đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019

Mở rộng: Đồ họa thông tin ( infographic) thường dùng trong văn bản thông tin, là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh để trình bày thông tin( dữ liệu, kiến thức,...) một cách ngắn gọn và rõ ràng.

3. **Bố cục:** 3 phần tương ứng 3 đợt “tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ”:

- Phần 1: Đợt 1: (13 đến 17/3) tiêu diệt 2 cứ điểm Him Lam, Độc lập, mở toang cử phía Bắc và Đông Bắc.

- Phần 2: Đợt 2 (30/3 - 30/4) kiểm soát các điểm cao, các khu trung tâm khiến địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.

- Phần 3: Đợt 3 (1 đến 7/5) tổng công kích, 7/5 toàn thắng.

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... góp phần làm sinh động văn bản thông tin.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta.

**2. Định hướng phân tích**

Không phải ngẫu nhiên mà danh từ “Điện Biên Phủ” lại có tên trong từ điển bách khoa quân sự thế giới. Hơn 6 thập kỷ trước, với sức mạnh trí tuệ và bản lĩnh anh hùng, quân và dân ta đã “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều,” giành toàn thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ba tiếng “Điện Biên Phủ” đã trở thành niềm tự hào và biểu tượng của sức mạnh Việt Nam.Văn bản thông tin ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***  được đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019 đã thuật lại diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” hào hùng năm nào dưới hình thức đồ hoạ thông tin sinh động.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên nội dung chính của văn bản: thuật lại diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.** Nhan đề được trình bày theo chữ in hoa cỡ lớn, màu sắc nổi bật gây chú ý cho người đọc. Cụm từ “diễn biến” ở nhan đề cũng cho biết các thông tin trong văn bản sẽ được trình bày theo trình tự thời gian, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc.Sa pô của văn bản nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc đã hái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản c**ung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ. Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ chia làm 3 đợt tiến công; các đợt tiến công đều được thuật lại theo diễn biến thời gian cụ thể với các sự kiện chính trị quan trọng.Đợt 1 (13 đến 17/3), quân ta tiêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập, mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm. Đợt 2 (30/3 đến 30/4) là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất, quân ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần. Đợt 3 (1 đến 7/5) quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm và 7/5/1954 chiến dịch toàn thắng. Các thông tin cụ thể của đoạn 3 được in đậm bởi đây là đợt tiến quân cuối cùng, thông tin thể hiện kết quả của cả chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Các thông tin chính cụ thể trong văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* được trình bày theo trình tự thời gian. Hình thức trình bày sử dụng màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất kết hợp với hình ảnh minh hoạ kèm theo sinh động gắn với nội dung của từng đợt tiến công, cỡ chữ in đậm vào những câu có nội dung quan trọng thu hút người đọc, khiến người đọc dễ nắm bắt được nội dung, không thấy khô khan, nhàm chán.

Bằng sự kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... sinh động, hấp dẫn; lời văn ngắn gọn, cô đọng, chính xác, văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* đã cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta, qua đó khẳng định ý nghĩa trọng đại của sự kiện lịch sử này. Văn bản đã làm sống lại cả một thời kì hào hùng của dân tộc, khơi dậy trong lòng người đọc niềm tự hào sâu sắc vào những trang sử vẻ vang đã làm nên bởi máu và nước mắt của cha ông một thời đạn lửa. “*Chín năm làm một Điện Biên - Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”*, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam**.**Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì gian khổ 9 năm của dân tộc Việt Nam, đó là chiến thắng của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Văn bản “*Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ” giúp ta nhìn lại quá khứ để vững tin hơn vào tương lai.* Thời gian đã lùi xa, nhưng chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam; là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

**III. LUYỆN ĐỀ đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***”:

**Đề bài: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**. Xác định thể loại văn bản trên.

**Câu 2a.**  Ghi lại câu văn nêu nội dung chính của văn bản.  
**Câu 2b.Chỉ ra những câu văn được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó với việc trình bày sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản.**

**(GV chọn 1 trong hai câu 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**. Nhận xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản (màu sắc, hình ảnh, cỡ chữ, các kí hiệu...).

**Câu 4**. Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tìm hiểu về lịch sử dân tộc đối với học sinh?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**Thể loại: văn bản thông tin sử dụng đồ hoạ thông tin.

**Câu 2a:**

Câu văn nêu nội dung chính của văn bản nằm ở sa pô của văn bản:

**“**Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân và dân ta. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.”

**Câu 2b:**

- Các câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong bài ***Diễn biến Chiến dịch* Điện Biên Phủ là:**

**+ Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.**

**+ Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.**

**- Tác dụng của kiểu câu mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian với việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản: Cung cấp các mốc thời gian cụ thể cho sự kiện lịch sử, giúp thông tin được thuật lại sự kiện lịch sử thêm chân thực, khách quan, chính xác hơn.**

**Câu 3:** Nhân xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản:

+ Cách trình bày các thông tin theo trình tự thời gian.

+ Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Tìm hiểu về lịch sử dân tộc giúp cho HS:

- Mở rộng hiểu biết của HS về lịch sử dân tộc, biết và hiểu được những sự kiện xã hội, tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ, cũng như biết được các thế hệ cha ông đã sống như thế nào và đã làm những việc gì, đã dựng nước và giữ nước như thế nào.

- Bồi đắp thêm lòng yêu nước cho các thế hệ, có thái độ trân trọng, tình cảm biết ơn và có những việc làm tri ân đối với thế hệ đi trước, các vĩ nhân, danh nhân, các anh hùng, liệt sĩ.

- Tìm hiểu lịch sử còn giúp cho thế hệ sau rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ để sống tốt hơn, làm giỏi hơn các thế hệ đi trước để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng. Thông qua lịch sử mà truyền cảm, thôi thúc các thế hệ hậu sinh phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của các thế hệ cha ông,

**============================================**

**VĂN BẢN GIỜ TRÁI ĐẤT**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1**. **Xuất xứ:** Theo baodautu.vn (29/03/2014)

**2**. **Thể loại**: văn bản thông tin

**3**. **Bố cục:** 03 phần:

+ Phần 1: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất”

+ Phần 2: **Sự ra đời và phát triển của** chiến dịch “Giờ Trái Đất”.

+ Phần 3: **Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.**

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Văn bản *Giờ Trái Đất* đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.

- Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu.

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

-Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **a. Giải quyết vấn đề: Phân tích văn bản về nội dung và nghệ thuật**  ***\* Ý nghĩa của nhan đề và sa pô:***  ***-* Nhan đề:** Nêu lên thông tin sự kiện Giờ Trái Đất  - **Sa pô**:  + Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc.  + Nội dung: nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.  ==> Khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.  ***\* Thông tin của văn bản***  **b. Phần 1: Ý tưởng khởi phát của Giờ Trái Đất**  - 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney.  - Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất.  **c. Phần 2: Sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất**  **\* Ra đời**​:   2005, dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời.  - 2006, đặt tên lại là "Giờ Trái Đất".  + Nội dung chiến dịch: Kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.  + Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.  + Được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng Sydney.  - 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.  **\* Phát triển:**  - Thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.  - 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.  - 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.  → Giờ Trái Đất giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh.  **d. Phần 3: Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu**  - Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.   - Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất. |
| **3. Đánh giá khái quát**  **a. Giá trị nghệ thuật**  - Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.  - Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.  **b. Giá trị nội dung**  - Văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.  - Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. |

**2. Định hướng phân tích**

“Biến đổi khí hậu” đã và đang là vấn đề được toàn thế giới quan tâm khi mà những hình thái thời tiết “chưa từng có tiền lệ” đang tác động ngày một lớn đến cuộc sống của con người. Trong những năm gần đây, con người đã dần nhận thức và hành động quyết liệt hơn để chống biến đổi khí hậu. Và một trong những chiến dịch chống biến đổi khí hậu có quy mô toàn cầu phải kể đến đó là chiến dịch “Giờ Trái Đất”. Văn bản “***Giờ Trái Đất”*** (đăng trên báo dautu.vn ngày đã thuật lại quá trình ra đời, hình thành và phát triển hưởng ứng của chiến dịch giờ Trái đất trên thế giới - một sự kiện mang tính toàn cầu và có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. Văn bản nhắc nhở mỗi người cần có những suy nghĩ và hành động thiết thực trong vấn đề biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên thông tin sự kiện chính – Giờ Trái Đất. Sapo của bài viết** nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc. Phần sa pô đã nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu, qua đó đã khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản c**ung cấp các thông tin chính về sự kiện Giờ Trái Đất bao gồm 03 thông tin chính: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất; s**ự ra đời và phát triển của**chiến dịch *Giờ Trái Đất*; ***Giờ Trái Đất* đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.Các thông tin trong văn bản được trình bày theo trình tự thời gian gắn với các mốc thời gian, số liệu cụ thể, chính xác, đem đến cho người đọc những hiểu biết chi tiết về sự kiện Giờ Trái Đất.**

**Phần mở đầu văn bản, người viết trình bày ý** tưởng khởi phát của chiến dịch Giờ Trái Đất:Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney. Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất. Như vậy chiến dịch Giờ Trái Đất được khởi nguồn từ ý tưởng của người dân Australia nhằm hướng đến thức tỉnh ý thức người dân về biến đổi khí hậu, trách nhiệm đối với Trái Đất – hành tinh chung.

Phần tiếp theo của văn bản trình bày **sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất.** Tên gọi của chiến dịch bắt nguồn từ dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời năm 2005 do Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế Australia cùng một công ti quảng cáo thực hiện. Năm 2006, tên gọi "Giờ Trái Đất" chính thức ra đời để chỉ chiến dịch kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn. Ngày 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney. Từ một chiến dịch khởi nguồn từ đất nước Australia, dần dần, chiến dịch “Giờ Trái Đất” đã thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó. Ngày 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người. Năm 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia. Chiến *dịch Giờ Trái Đất* giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh. Văn bản đã dẫn lời của ông En-di-Rít-li – Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch “Giờ Trái Đất” toàn cầu: “*Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh”*. Ý kiến của ông En-di-Rít-li đã nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của chiến dịch này, tăng thêm độ tin cậy cho văn bản.

**Phần cuối văn bản đã trình bày thông tin chiến dịch Giờ Trái Đất đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu nhờ ý nghĩa lớn lao đối với môi trường.** Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất.

Bằng ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục; kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh minh hoạ, trich dẫn ý kiến,..., văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này. Qua văn bản, người đọc rút ra thông điệp ý nghĩa cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. Mỗi người hãy hành động để chung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất – hành tinh chung của chúng ta.

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “Giờ Trái Đất”:

**Đề bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Chiến dịch Giờ Trái đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch trong phạm vi quốc gia của Australia nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái đất những năm sau đó.*

*Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.*

*Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ”*

*(Trích “Giờ Trái Đất” – Theo baodautu.vn)*

**Câu 1**. Xác định thể loại của văn bản.

**Câu 2**. Xác định vị ngữ của câu văn sau và cho biết vị ngữ đó thuộc loại cụm từ gì?

“Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**Câu 3.**Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa gì?

**Câu 4.**Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, em còn biết thêm những việc làm nào góp phần chống biến đổi khí hậu?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Văn bản thông tin.

**Câu 2:**

**Câu văn:** “Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**- Vị ngữ:** được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

=> Đây là cụm động từ:

+ Động từ trung tâm: tổ chức

+ Phụ trước: được

+ Phụ sau: ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới , với sự tham gia của hơn 50 triệu người

**Câu 3:**

Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa:

- Chiến dịch Giờ Trái Đất là một chiến dịch cộng đồng có ý nghĩa lớn trong việc góp phần chống biến đổi khí hậu Trái Đất.

- Ngày càng có nhiều người dân, nhiều quốc gia nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hành động để chống biến đổi khí hậu, để bảo về sự bền vững của Trái Đất.

**Câu 4:** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, còn có rất nhiều những việc có thể làm để góp phần chống biến đổi khí hậu:

- Giáo dục ý thức học sinh trong nhà trường; nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có những giải pháp góp phân giảm thiểu biến đổi khí hậu.

- Trồng rừng và thật nhiều cây xanh.

- Không xả rác, đốt rác bừa bãi

- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng: điện, gas, khí đốt,; thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch khác (năng lượng gió, năng lượng mặt trời)

- Sử dụng các thiết bị tự động công nghệ cao để giảm tổn hao năng lượng trong dài hạn. …

- Sử dụng chất thải trong chăn nuôi để sản xuất biogas dùng đun nấu, vừa giảm ô nhiềm môi tường, vừa giảm thiểu C02

==========================================================

**CHUYÊN ĐỀ 5: LÀM QUEN VỚI TIẾNG VIỆT LỚP 6**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: CỤM TỪ, NGHĨA CỦA TỪ, DẤU CHẤM PHẨY**

**I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Cụm từ:**

- Cụm từ: nhóm, tập hợp nhiều từ, có từ ngữ trung tâm và từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Có các cụm danh từ, cụm tính tình, cụm động từ.

- Cụm động từ: VD: **mở hội to lắm.**

+TP trung tầm: Động từ (từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng)

+ Phần phụ trước, phần phụ sau.

- Cụm tính từ: VD: **chăm làm ăn**

+ TP trung tâm: Tính từ (từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng, hoạt động)

**2. Nghĩa của từ:**

- Từ Hán Việt: từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, nhưng được sử dụng theo cách riêng của người Việt.

Ví dụ: **sơn hà, sơn lâm, sơn thủy...**

**3. Dấu chấm phẩy**

**a. Ví dụ:**

*- Én bố mẹ tấp nập đi, về, mải mốt mớm cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.*

Nhận xét: Câu ghép có ba vế câu. Ở về thứ nhất đã dùng dấu phẩy để liệt kê hoạt động *“đi, về, kiếm mồi”,* nên ranh giới giữa ba câu ghép cần đánh dấu bằng **dấu chấm phẩy** (ở đây cũng là một phép liệt kê, mỗi vế câu liệt kê một đặc điểm của én ở độ tuổi khác nhau)

**-** *Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm máy phát điện; giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn*

(Thép Mới)

=>Công dụng của dấu chấm phẩy: . đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một chuỗi liệt kê phức tạp**.**

**b. Kết luận:**

- Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.

- Dấu chấm phẩy thường dùng đánh dấu (ngắt) các thành phần trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê (khi cần đánh dấu các thành phần, bộ phận nhỏ hơn người ta dùng dấu phẩy)

**Từ láy, từ ghép: Xác định từ láy, từ ghép trong những từ sau. Cho biết cơ sở để xác định như vậy.**

a. Băn khoăn, dông bão, tờ mờ, cuồn cuộn, yêu thương, đùng đùng, lềnh bềnh, nao núng, mỏi mệt, vững vàng, sính lễ, ruộng đồng.

b. Say sưa, đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, may mắn, khí giới, tưng bừng, gìn giữ, cộng đồng, trên thế, lưu truyền.

| **Từ ghép** | **Từ láy** |
| --- | --- |
| **a.** dông bão, yêu thương, mỏi mệt, sính lễ, ruộng đồng. | Băn khoăn,t ờ mờ, cuồn cuộn, đùng đùng, lềnh bềnh, nao núng, vững vàng. |
| b. đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, khí giới, gìn giữ, cộng đồng, trần thế, lưu truyền | Say sưa, may mắn, tưng bừng. |
| Cơ sở để xác định: Mối quan hệ giữa các tiếng  + từ ghép: Các tiếng có quan hệ về nghĩa (quan hệ chính phụ, hoặc quan hệ bình đẳng, ngang hàng.  + từ láy: các tiếng có quan hệ về ngữ âm (giống nhau hoàn toàn, hoặc lặp lại phụ âm,vần) | |

**Câu 2:**

**a. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: sơn + A (núi), thiên (trời, tự nhiên)+ A. Giải thích ngắn gọn nghĩa của các từ vừa tìm được.**

| Yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (sơn+ A) | Giải nghĩa từ |
| --- | --- | --- |
| *hà* | *sơn hà* | sông núi ; chỉ đất đai, chủ quyền của một đất nước. |
| *thủy* | *sơn thủy* | sông núi; chỉ phong cảnh thiên nhiên nói chung |
| *lâm* | *sơn lâm* | rừng núi |
| *Tinh* | *Sơn Tinh* | thần Núi |

| Yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (thổ + A) | Giải nghĩa từ |
| --- | --- | --- |
| *cư* | *thổ cư* | đất ở |
| *nhưỡng* | *thổ nhưỡng* | đất có độ mềm, xốp dùng trong trồng trọt, nông nghiệp |
| *canh* | *thổ canh* | đất để canh tác |

| Yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (thiên + A) | Giải nghĩa từ |
| --- | --- | --- |
| *bẩm* | *thiên bẩm* | trời sinh |
| *hạ* | *thiên hạ* | mọi nơi nói chung trên trái đất |
| *mệnh* | *thiên mệnh* | mệnh trời |
| *lương* | *thiên lương* | bn tính tốt sẵn có từ mới sinh ra, lương tâm. |
| *tài* | *thiên tài* | tài năng nổi bật hơn hẳn mọi người, dường như được trời phú cho |
| *tính* | *thiên tính* | - tính vốn có, do trời phú cho. |

**b. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: A+ thoại (lời kể, chuyện kể); A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh).**

Từ Hán Việt: A+ thoại (lời kể, chuyện kể): đồng thoại, giai thoại, huyền thoại, thần thoại, tiên thoại.

Từ Hán Việt: A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh) tượng trưng, ấn tượng, biểu tượng, cảnh tượng, hiện tượng, hình tượng, khí tượng, khí tượng, tưởng tượng.

**4. Thành ngữ**

- Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

- Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh.

**Câu 3:**

Cho thành ngữ: Hô mưa, gọi gió; oán nặng, thù sâu

- Phân tích được đặc điểm cấu tạo của thành ngữ cho trước

- Tìm thành ngữ có cấu tạo tương tự, giải nghĩa .

* Một số thành ngữ tương tự : *Góp gió thành bão, ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa, đội trời đạp đất, chân cứng đá mềm, ăn to nói lớn, lên thác xuống ghềnh, bóc ngắn cắn dài ...*

| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| --- | --- |
| *Thả hổ về rừng* | - Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc. |
| *Góp gió thành bão* | - Góp nhặt nhiều món nhỏ, dần dần thành món lớn. |
| *Lên thác xuống ghềnh* | - Chỉ cảnh gian nan, vất vả |
| *bóc ngắn cắn dài* | - Làm ra được ít mà lại tiêu dùng quá nhiều. |
| *dãi nắng dầm mưa* | - Chịu đựng nhiều nỗi gian lao vất vả trong cuộc sống. |
| *ăn gió nằm sương* | - Nghĩa là ăn giữa gió nằm giữa sương, dùng để tả những nỗi vất vả của người đi đường. |
| *đội trời đạp đất* | - Ví lối sống và hành động hết sức tự do, ngang tàng, không thừa nhận bất cứ một uy quyền nào trên đời |

**Câu 4:** Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau **(lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ)** **:** gồm hai yếu tố có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh).

- Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được.

Gợi ý trả lời

| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| --- | --- |
| *Đắt như tôm tươi* | được rất nhiều người mua, có bao nhiêu cũng hết ngay; rất đắt hàng VD: Cô ấy bán hàng *đắt như tôm tươi,* bao nhiêu cũng hết. |
| *Lúng ba lúng búng như ngậm hột thị* | nói ấp úng, không rõ ràng, thiếu rành mạch.  VD: Bạn ấy nói năng l*úng ba lúng búng như ngậm hột thị chả ai hiểu gì cả.* |
| *Trắng như tuyết* | Rất trắng, không gì trắng bằng (thường để chỉ da)  VD: Cô ấy có làn da *trắng như tuyết ấy nhỉ!* |
| *Đen như cột nhà cháy* | Rất đen, khó ai có thể đen hơn (chỉ da)  Mùa hè mà nó cứ diễu nắng thì có mà *đen như cột nhà cháy.* |

**Câu 5: Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu:**

a. “Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng và những chuyện đó làm tôi buồn lắm; chúng kể cho tôi nghe về những về những con chim tôi bẫy được sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

b. “Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác.

c. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm của Hội địa lý Hoàng gia Anh gần đây, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.

d. Những bến vận hà nhộn nhịp dài theo dòng sông; những lò than hầm gỗ đước sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi.

e. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.

h. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.

g. Từ khi lớn lên, ra ở riêng, ông chăm chỉ lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai; bây giờ nhìn quanh quẩn trong nhà, chỉ thấy khoai lúa là nhiều*.*

Gợi ý trả lời

| **Câu** | **Tác dụng của dấu chấm phẩy:** |
| --- | --- |
| a | Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể là ngăn cách các vế của một câu ghép phức tạp |
| b | Đánh dấu ranh giới, cụ thể là ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu. |
| c | Dùng để làm ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. |
| d | Dùng để ngăn ranh giới các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp. |
| e, h | Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê phức tạp (liệt kê của từng tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh). |
| g | Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp |

**Câu 6: Biện pháp tu từ điệp ngữ: Tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ điệp ngữ trong VB Sơn Tinh, Thủy Tinh và chỉ ra tác dụng của phép tu từ này.**

| **Câu văn** | **Điệp ngữ** | **Tác dụng của điệp ngữ** |
| --- | --- | --- |
| *“Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng”* | *“một người là”* | nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức,  mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh. |
| *Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. … Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về* | * *“một người ở...”* * *“vẫy tay về phía...”...* | ...nhằm liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì. |
| *“Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.”* | * *“nước...”* | nhằm liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh. |

**Câu 7: Các cụm động từ trong các câu văn sau:**

*a. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.”*

*b. Trong ngày này, dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng.*

**Câu 8: Tạo cụm tính từ và đặt thành câu văn sau:**

*Các từ: ngon, nhanh, vui, đau.*

| Tính từ | Cụm tính từ | Câu |
| --- | --- | --- |
| Ngon | rất ngon | Bánh chưng, bánh giầy bà gói rất ngon ạ. |
| nhanh | Nhanh hơn | Chúng mình thi xem ai chạy nhanh hơn. |
| vui | Vui quá | Lớp chúng mình vui quá. |
| đau | Hơi đau | Lan chỉ hơi đau thôi, bạn không phải lo. |

**BÀI 2: NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ, PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGỮ.**

**I. NGHĨA CỦA TỪ:**

**1. Các cách giải nghĩa của từ ngữ**

\* Để hiểu nghĩa của từ ngữ thông thường có thể dùng các cách sau:

**- Cách 1:** Tra từ điển.

**- Cách 2:** Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.

**Ví dụ**: *gia tài:*

**+** *gia* là nhà,

+ *tài* là của cải  
  
🡪**gia tài:** là của cải riêng của một người hay một gia đình.

**\*** Để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh

**Ví dụ: “***Hai bên đánh nhau* ***ròng rã*** *suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.”*

* *Nghĩa của từ “ròng rã”* có thể dựa vào các từ xung quanh như *“suốt mấy tháng trời”, “cuối cùng” “đã kiệt”* để suy ra nghĩa của từ *ròng rã* là liên tục, kéo dài, dai dẳng mãi rồi mới kết thúc.

**2. Bài tập:**

**Câu 1/ tr 30:**

**a. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: sơn + A (núi), thiên (trời, tự nhiên)+ A. Giải thích ngắn gọn nghĩa của các từ vừa tìm được.**

| Yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (*gia* + A) | Giải nghĩa từ |
| --- | --- | --- |
| *tiên* | *gia tiên* | Tổ tiên của gia đình; những người thuộc thế hệ đầu, qua đời đã lâu của gia đình. |
| *truyền* | *gia truyền* | Được chuyển giao, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình. |
| *cảnh* | *gia cảnh* | Hoàn cảnh của gia đình. |
| *sản* | *gia sản* | Của cải, tài sản của gia đình. |
| *súc* | *gia súc* | Các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,... trong gia đình. |

**Bài 2/tr 30: S**uy đoán nghĩa của từ ngữ dựa vào các từ ngữ xung quanh.

| Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ |
| --- | --- | --- |
| a | ***hiện nguyên hình*** | Trở về hình dạng vốn có |
| b | ***vu vạ*** | Đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm) |
| c | ***rộng lượng*** | Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, … của người khác |
| d | ***bủn rủn*** | Không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra |

**Bài 3/tr 31:**

| Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ |
| --- | --- | --- |
| *a* | *- khoẻ như voi:*  *- lân la:*  *- gạ:* | - rất khoẻ, khoẻ khác thường.  - từ từ đến gần, tiếp cận ai ðó.  - chào mời, dụ dỗ làm việc gì ðó |
| *b* | *Hí hửng:* | vui mừng thái quá |
| *c* | *Khôi ngô tuấn tú:* | diện mạo đẹp đẽ, sáng láng |
| *d* | *- bất hạnh:*  *- buồn rười rượi:* | - không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ.  - rất buồn, buồn lặng lẽ |

**Bài tập 1/tr41*:*** Giải thích nghĩa của các từ in đậm sau:

| **Câu** | **Từ ngữ** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- | --- |
| a | (xanh) mơn mởn | xanh non và tươi tốt. |
| lúc lỉu | (trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành |
| b | ròng rã | (thời gian) kéo dài liên tục |
| vợi hẳn | Giảm đi (bớt đi) đáng kể |

**Bài tập 2/tr41:**

a. - Tìm **động từ,** **cụm động từ** thể hiện sự khác biệt về hành động, ngôn ngữ ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh:

(Bảng kết quả câu a)

* Chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật: Vợ chồng người em **hiền lành, tự tốn, không tham lam** > < Vợ chồng người anh **tham lam, thô lỗ, mất hết lí trí**.
* Cách dùng từ ngữ thể hiện **cách đánh giá ngầm của người kể chuyện** về các nhân vật

**II. THÀNH NGỮ:**

**1. Lí thuyết:**

**Khái niệm:**

-  Thành ngữ là loại cụm từ cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

 - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa giữ ẩn dụ, so sánh.

1. Bài tập:

**Bài 1.** Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau: *An cư lạc nghiệp; tóc bạc da mồi; gạn đục khơi trong; nghi gia nghi thất; bách chiến bách thắng; tứ cố vô thân; bán tín, bán nghi,...*

Trả lời:

- *An cư lạc nghiệp:* yên ổn chuyện nhà cửa, nơi ở thì mới có thể yên tâm làm việc tốt được

- *Tóc bạc da mồi:* chỉ người già, khi về già tóc bạc, da xuất hiện đốm đồi mồi

- *Gạn đục khơi trong:* cố gắng tìm lấy điều tốt đẹp giữa những thứ đen tối, xấu xa

- *Nghi gia nghi thất:* nên của nên nhà, ý nói chuyện xây dựng gia đình

- *Bách chiến bách thắng:* Trăm trận trăm thắng

- *Tứ cố vô thân:*Chỉ những ai không có cha mẹ, anh em, bà con, không có bạn bè thân thích, không nơi nương tựa, sống cô độc một mình đều được gọi là người tứ cố vô thân.

**Bài 2:** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

*a) Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

(Nguyễn Công Hoan)

*b) Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

*c) Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

a) *Ruột nóng như cào* : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b) *Ruột để ngoài da* : (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.

c) *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên luỵ, phiền phức.

**Bài 3:**

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

   Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

 \*Đặt câu với thành ngữ:

– *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)

– *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

– *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

 \*  Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…*

**III. PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGỮ**

**1. Lý thuyết:**

**a. Khái niệm:** *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)

**b. Tác dụng**: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

**Ví dụ:** .

*- Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy.*

*+ Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: ăn mãi, ăn mãi =>*Biện pháp tu từ: điệp ngữ

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng.

*- Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*

*+Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: bay mãi, bay mãi; hết... đến..., hết ...đến...=>*Biện pháp tu từ: điệp ngữ

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “bay”: “*bay mãi, bay mãi”* có nghĩa là bay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm cả điệp ngữ *“hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả”* nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận.

*- Lang quyết không chịu trở lại, cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nức nở*

+ Điệp ngữ: *Khóc mãi, khóc mãi.*

+ Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “*khóc”: khóc mãi, khóc mãi* nghĩa là khóc rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng. Nhấn mạnh tâm trạng đau khổ, tủi thân tuyệt vọng của nhân vật.

# 2. Luyện tập: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

# *" Một hôm người dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ bảo ra đồng bắt con tôm cái tép. Mụ ta hứa hẹn: “Hễ đứa nào bắt được đầy giỏ thì thưởng cho một cái yếm đỏ!”*

# *Ra đồng, Tấm nhờ mò cua bắt ốc đã quen nên chỉ một buổi là được đầy giỏ vừa cá vừa tép. Còn Cám thì đủng đỉnh dạo hết ruộng nọ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì. Thấy Tấm bắt được một giỏ đầy, Cám bảo chị:*

# *Chị Tấm ơi, chị Tấm! Đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về dì mắng.*

# *Tin là thật, Tấm bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước. Lúc Tấm bước lên chỉ còn giỏ không, bèn ngồi xuống bưng mặt khóc hu hu."*

*(Trích truyện cổ tích Tấm Cám)*

# Câu 1: Tìm những từ ngữ miêu tả hành động của Tấm, Cám? Từ đó nhận xét về 2 nhân vật

Câu 2: Xác định thành ngữ dân gian trong văn bản?

Câu 3: Chi tiết cái yếm đỏ có ý nghĩa gì

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:**

- Từ ngữ miêu tả hành động của Tấm

*+ mò cua bắt ốc; bắt được một giỏ đầy*

*+Tin là thật, bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa.*

**Tấm là một cô gái chăm chỉ ,hiền lành**

- Từ ngữ miêu tả hành động hành động của Cám

+dạo hết ruộng nọ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.

+ trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước.

**Cám là người gian trá**

**Câu 2:** các thành ngữ dân gian trong văn bản là:  
- con tôm cái tép  
- mò cua bắt ốc  
- ba chân bốn cẳng  
**Câu 3:**   
Ý nghĩa chi tiết cái yếm đỏ:  
Tấm bị Cám lừa và giành mất chiếc yếm đỏ. Chiếc yếm đỏ là ước mơ nhỏ bé đầu tiên trong cuộc đời

**IV. TRẠNG NGỮ:**

**1. Chức năng:**

**-** Trạng ngữ là thành phần phụ,

- được dùng để nói rõ địa điểm, thời gian, nguyên nhân, điều kiện, trạng thái, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.

- có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn.

**2. Đặc điểm hình thức**: trạng ngữ có thể đứng ở:

- đầu câu, cuối câu hay giữa câu.

- phổ biến ở đầu câu

**- tách khỏi** nòng cốt câu bằng một **quãng nghỉ** khi nói hay một **dấu phẩy** khi viết.

**3. Bài tập:**

**Câu 1 : Chỉ ra trạng ngữ trong các câu sau và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu**:

a. Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng.

Trạng ngữ: *Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ* chỉ thời gian

b. Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.

Trạng ngữ: *Giờ đây* chỉ thời gian

c. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình

Trạng ngữ: *Dù có ý định tốt đẹp* chỉ điều kiện

**Câu 2** :**Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ:**

*Gợi ý*

| Câu có trạng ngữ | Câu đã lược bỏ trạng ngữ | So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ |
| --- | --- | --- |
| *a.* ***Cùng với câu này,*** *mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.* | *Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.* | câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể. |
| *b.* ***Trên đời****, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.* | *Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.* | Câu sẽ mất đi tính phổ quát- điều mà người viết muốn nhấn mạnh |
| *c. Tuy vậy****, trong thâm tâm,*** *tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.* | *Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.* | Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu. |

**Câu 3. Thêm trạng ngữ cho các câu sau:**

a. Hoa đã bắt đầu nở.

b. Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.

c. Mẹ rất lo lắng cho tôi.

*Gợi ý:*

a. Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.

b. Chủ nhật, bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.

c. Trời đã tối nên mẹ rất lo lắng cho tôi.

**Câu 4: Xác định trạng ngữ trong các câu sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ:**

a. Khi mùa thu sang, khắp nơi, cây cối dần chuyển sang màu vàng.

- trạng ngữ chỉ thời gian: Khi mùa thu sang

- trạng ngữ chỉ địa điểm: khắp nơi

b. Những ngày giáp Tết, trong các chợ hoa, mọi người tấp nập mua sắm đồ mới.

-trạng ngữ chỉ thời gian: Những ngày giáp Tết

- trạng ngữ chỉ địa điểm: Trong các chợ hoa

c. Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Vì chủ quan

d. Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

- Trạng ngữ chỉ mục đích: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sin

e. Bằng những bài giảng hay, thấy giúp chúng em ngày càng thích môn lịch sử được cho là khô khan này.

Trạng ngữ chỉ phương tiện, cách thức: Bằng những bài giảng hay

**Câu 5: Đặt mỗi câu có một trong các trạng ngữ sau: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ phương tiện và trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc.**

**Gợi ý trả lờ**i:

Đặt câu:

- Trạng ngữ chỉ thời gian: *Mùa hè, khi hoa phượng nỏ đỏ rực những khu phố, tôi lại chuẩn bị một chuyến hành trình mới.*

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn: *Trước con ngõ nhỏ, một cây gạo không biết có tự bao giờ, nở rực đỏ.*

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: *Vì mưa to, con đường lầy lội quá..*

- Trạng ngữ chỉ mục đích: *Chúng tôi nỗ lực hết mình, làm việc ngày đêm để hoàn thành dự án này kịp thời.*

- Trạng ngữ chỉ phương tiện: *Tôi đến trường bằng xe buýt.*

- Trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc: *Chúng tôi đã xem xét sự việc này và đưa ra kết luận một cách cẩn trọng và công khai.*

**II. TÁC DỤNG CỦA VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU**

**1. Lựa chọn từ ngữ trong câu.**

a. Ví dụ: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ* ***noi gương*** *những cá nhân xuất chúng*.

Tác dụng: có một số từ gần nghĩa với noi gương như*: học theo, làm theo, bắt chước*,... nhưng **noi gương** là từ phù hợp nhất cho câu trên.

b. Nhận xét:

- Trong khi nói hoặc viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên.

- Ở bất cứ vị trí nào trong câu, **nhiều từ** có thể được sử dụng, chỉ có **một từ** được xem là **phù hợp**.

**2. Lựa chọn cấu trúc câu trong VB.**

**a. Ví dụ:**

*Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.*

Tác dụng: sử dụng cấu trúc câu có cặp quan hệ từ *càng...càng,* người viết đã thể hiện được ý: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó sâu sắc và đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con.

**b. Nhận xét:**

- Việc lựa chọn cấu trúc câu là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.

- Việc lựa chọn cấu trúc câu cần:

+ đúng ngữ pháp

+ phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích nói/ viết, đặc điểm VB để chọn cấu trúc phù hợp.

**2. Bài tập:**

***Bài tập 1/tr61.*** Trả lời các câu hỏi sau:

a. Trong câu: “*Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao”*

- không thể dùng từ ‘*kiểu*” để thay cho từ “*vẻ”* được. Hai từ này tuy gần nghĩa nhưng vẫn có những nét khác nhau.

+ Từ *“kiểu”* thường dùng để nói về hành động của con người (*kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc*,…) hoặc một dạng riêng của đối tượng (*kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,* …)

+ Từ *“vẻ*” dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (*vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...)*

b.

- Từ “*khuất*” dùng trong câu *“Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn”* phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh.

- Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ “*khuất*” thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.

c. Trong tiếng Việt, “*xúc động, cảm xúc, xúc cảm*” là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau.

+ *Xúc động*: biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với “*cảm động*” hay “*xúc cảm*”.

=> Vì vậy từ “*xúc động*” là lựa chọn phù hợp nhất.

**Bài tập 2/tr62.**Chọn từ ngữ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn:

*a. Bị cười, không phải mọi người đều.... giống nhau.*

(phản ứng, phản xạ, phản đối, phản bác)

Đáp án: *phản ứng*

*b. Trên đời, không ai.... cả.*

(hoàn tất, hoàn toàn, hoàn hảo, hoàn chỉnh)

Đáp án: *hoàn hảo*

*c. Đi đường phải luôn luôn... để tránh xảy ra tai nạn.*

(nhìn ngó, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng)

Đáp án: quan sát

*d. Ngoài... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.*

(sức lực, tiềm lực, nỗ lực).

Đáp án: nỗ lực

**Bài tập 3/tr62**

a.

***Giờ đây khi hồi tưởng lại****, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên.*

Gợi ý:

- Cụm từ “***giờ đây khi hồi tưởng lại***” là trạng ngữ thông báo về thời gian xảy ra sự việc.

- Nếu bỏ trạng ngữ, câu chỉ còn lại thành phần nòng cốt (gồm chủ thể và hành động của chủ thể), không nói rõ, hành động đó xảy ra vào lúc nào.

b.

Câu “*Cậu đã đứng lên và trả lời câu hỏi”* cho biết hành động “*đứng lên”* phải diễn ra trước khi “*trả lời câu hỏi*”.

- Nếu viết lại thành: “*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên*” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.

c.

- Câu văn *"Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng."* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn học sinh, phía dưới.

- Nếu đổi cấu trúc: “*Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước*” thì hóa ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, vậy còn “tiến lên phía trước” để làm gì?

***Bài tập 4/tr62***

Sau đây là những câu được thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong văn bản đã học. Nghĩa của câu được thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với nghĩa của câu gốc?

- Câu gốc: có 2 vế, vế đầu nêu băn khoăn về một điều chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên.

- Nếu đổi cấu trúc thành câu thay đổi thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào văn bản sẽ thấy không hợp lí.

b.

- Quan sát câu gốc và câu thay đổi có thể thấy sự khác biệt về nghĩa: hai vế “*điều quá nghiêm trọng*” và “*căn bệnh hết cách chữa*” được đặt trong quan hệ tăng tiến.

- Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước.

- Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, vì đó là điều không ổn

=========================================================

**CHUYÊN ĐỀ 6: RÈN KĨ NĂNG LÀM VĂN TỰ SỰ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Biết xây dựng một câu chuyện đời thường có cốt truyện, nhân vật, tình huống truyện.

- Biết xây dựng một câu chuyện tưởng tượng dựa vào những điều có thật trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng viết bài văn tự sự: kĩ năng dùng từ, dùng câu, xây dựng sự việc…

**3. Thái độ, hành vi:**

**-** Có ý thức quan tâm tới những việc xảy ra quanh mình .

**B. CHUẨN BỊ:**

- GV: Soạn bài theo chuyên đề, hướng dẫn HS chuẩn bị tài liệu.

- HS: Nắm chắc bố cục, cách xây dựng một bài văn tự sự

**C. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**BÀI 1: KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG**

**I. Kể chuyện đời thường là kể về những gì?**

- Là kể về người thân trong gia đình, bạn bè thân thiết, người mới quen, người lần đầu gặp gỡ,…

- Là kể những chuyện xảy ra trong cuộc sống thường ngày, những chuyện xảy ra xung quanh mình, mình trải qua, mình chứng kiến

- Là kể về quê hương, đất nước mình, về những nơi mình đã đến hoặc tìm hiểu qua sách báo, ti vi,…

**II. Các dạng đề kể chuyện đời thường**

**1. Kể về người**

Ví dụ: Kể về một người thân của em; Kể về cô giáo cũ mà em yêu mến.

2. Kể về việc:

Ví dụ: Kể lại một kỷ niệm sâu sắc trong đời học sinh của em; Kể lại một lần em mắc lỗi.

3. Tường thuật sự việc:

Ví dụ: Kể lại một buổi tối sum họp của gia đình em; Ngày sinh nhật của em.

III. Cách xây dựng bài văn kể chuyện đời thường

1, Kể về người

a. Mở bài: Giới thiệu về người được kể (tên, tuổi, mối quan hệ, tình cảm của mình với người đó)

b. Thân bài:

- Ngoại hình nổi bật của người đó (dáng người, đôi mắt, nụ cười, bàn tay, mái tóc…)

- Tính tình: Vui vẻ (ít nói, nghiêm nghị…) được thể hiện qua thái độ, lời nói, cử chỉ, hành động cụ thể

- Sở thích, tài năng: nghe nhạc, đá bóng, nấu ăn, thêu thùa…được thể hiện cụ thể qua thói quen, việc làm hàng ngày

- Tình cảm của người đó giành cho những người xung quanh (yêu mến, quan tâm, giúp đỡ) được biểu hiện trong cuộc sống hàng ngày

- Điều gì ở người đó khiến em yêu mến (khâm phục, tự hào, muốn học tập…) nhất.

c. Kết bài: Khẳng định tình cảm của em với người đó

Đề 1: Kể về người bạn thân của em

Bài làm tham khảo

Nếu có ai hỏi rằng tôi có người bạn nào thân nhất, tôi sẽ không ngần ngại trả lời rằng: người bạn thân nhất của tôi là Diệu.

Tôi vẫn còn nhớ như in lần đầu gặp Diệu. Hôm ấy là buổi học đầu tiên của tôi ở trường mới. Trống đánh tùng tùng một hồi dài, học sinh hối hả xếp hàng vào lớp. Còn tôi, vì vừa chuyển trường về nên chẳng biết lớp mình ở đâu. Tôi đang ngơ ngác thì bỗng nghe tiếng hỏi:

- Này, bạn học lớp nào mà còn đứng đây?

Tôi quay lại. Một cô bé tóc màu nâu, người khẳng khiu, khuôn mặt thon nhỏ và cặp mắt sáng long lanh. đang chăm chú nhìn tôi. Tôi trả lời rằng tôi tìm lớp 6A. Nghe xong, bạn ấy reo lên vui vẻ:

 - Nào! Bạn hãy theo mình: Tên bạn là gì? Còn tên mình là Diệu.

Nói rồi Diệu kéo tay tôi đi. Vào lớp, Diệu giới thiệu tôi với các bạn. Các bạn nhìn tôi với ánh mắt làm quen đẩy thiện cảm. Trong khi đó, tôi lúng túng đỏ mặt lên vì xấu hổ.

Qua hai tháng học cùng nhau, tôi nhận ra Diệu học rất giỏi. Những điểm 9, điểm 10 của Diệu làm cho cả lớp càng yêu mến Diệu. Với tôi, Diệu trở nên thân thiết tự khi nào không biết nữa.

Một hôm, trời mưa rất to. Những ngả đường vào khu nhà tôi ở bị ngập hết nên tôi không thể đến lớp. Tôi bồn chồn, lòng dạ chẳng yên. Mẹ tôi an ủi:

- Nghỉ một buổi học chẳng sao đâu con ạ! Chỉ ngày mai là nước rút thôi.

- Nhưng hôm nay học toàn môn khó mẹ ạ!

Tôi băn khoăn trả lời mẹ nhưng nỗi băn khoăn ấy cũng chẳng giúp gì được cho tôi.

Khi sắp lên đèn ăn cơm tối thi Diệu xuất hiện, quần xắn cao quá gối, đầu tóc ướt rượt, tay cầm một bọc ni lông. Mẹ tôi đưa cho Diệu cái khăn. Diệu vừa lau mặt vừa nói với tôi:

- Nước ngập cao ghê! Biết bạn sốt ruột nên mình sang ngay, đem theo cả vở nữa đây. Bạn chép bài đi, chỗ nào không hiểu mình giải thích cho!

Thì ra, thấy tôi nghỉ học, Diệu đã đến giúp. Tôi cảm động thực sự. Diệu đối với tối chân thành và tận tâm quá!

Sau đó khoảng một tuần, hai hôm liền Diệu không đến lớp. Tôi lấy xe đạp chạy qua mấy con đường để tới nhà Diệu. Nhà cửa trống tuềnh trống toàng. Mẹ Diệu ốm nằm  thiếp trên giường. Bác cố ngồi dậy trò chuyện với tôi. Bác cho biết là Diệu đi mua thuốc. Hôm nay, tôi mơi biết nhà Diệu chỉ có hai mẹ con. Bố Diệu mất đã lâu. Mẹ ốm, Diệu phải ở nhà chăm sóc mẹ. Mẹ Diệu kể rằng ngoài việc đi học, chiều nào Diệu cũng đi làm phụ mẹ. Vất vả thế mà Diệu vẫn học giỏi nhất lớp. Tôi thầm phục cô bạn bé nhỏ của tôi.

Nhìn đồ đạc đơn sơ trong nhà, tôi biết là mẹ con Diệu chẳng sung túc gì. Tôi chợt nhớ một hôm đi học về, gặp chú bé bán báo chỉ khoảng độ 7, 8 tuổi, Diệu gọi em lại rồi lục cặp lấy ra hai nghìn đồng mua tờ báo. Diệu thì thầm vào tai tôi:

- Em bé này mồ côi cả cha lẫn mẹ, khổ lắm! Mình mua giúp nó.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Diệu ơi! Tôi không ngờ bạn lại biết suy nghĩ sâu xa đến vậy. Trong khi tôi dùng tiền bố mẹ cho để mua quà vặt thì Diệu lại dùng những đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình vào những việc có ích như thế. Diệu đã giúp tôi thấm thía thêm nhiều điều lắm. Đi với Diệu, bao giờ tồi cũng thấy mình nhỏ bé, dù tôi cao hơn bạn ấy nửa cái đầu.

Mùa hè đã đến, tôi theo bố mẹ lên thành phố. Chia tay Diệu, tôi thấy mắt cay cay, Xa nhau ba tháng, tôi sẽ nhớ Diệu lắm đấy. Lúc chia tay, Diệu đưa cho tôi một bọc ổi to tướng và dặn:

- Nga cầm lên làm quà cho các bạn trên ấy. Nhớ nhắn tin cho mình nhé! Chúng tôi cầm tay nhau mãi không muốn rời.

Tôi nhìn theo cái bóng gầy gầy, mảnh khảnh của Diệu khuất dần sau triền dốc mà lòng thấy nao nao. Tạm biệt cô bạn thân nhất của tôi. Hết hè, chúng mình lại gặp nhau, Diệu nhé!

2. Kể về việc và tường thuật sự việc

a. Mở bài: Giới thiệu về nhân vật và sự việc định kể

b. Thân bài:

- Sự việc đó xảy ra bao giờ? Ở đâu?

- Nguyên nhân dẫn đến sự việc

- Diễn biến sự việc

c. Kết bài: Kết cụ sự việc và những suy nghĩ, bài học được rút ra qua sự việc ấy

Chú ý: Các sự việc phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, sự việc sau tiếp nối sự việc trước theo quan hệ nhân quả. Các sự việc phải cùng hướng vào một chủ đề.

Đề 2: **Có một lần, em vô tình mắc lỗi với ông (bà). Điều ấy làm em ân hận mãi. Hãy kể lại câu chuyện.**

**Dàn bài gợi ý:**

1. ***Mở bài***: Giới thiệu về bản thân và sự việc (mắc lỗi gì, măc lỗi với ai)
2. ***Thân bài:***

Sự việc mở đầu: Ông (bà) đến chơi, mọi người trong gia đình vui mừng đón tiếp

Sự việc phát triển:

- Những lời trò chuyện, hỏi thăm sức khỏe, tình hình gia đình ...

- Ông (bà) lấy quà ra cho mọi người, mọi người vui vẻ nhận và cảm ơn như thế nào?

Sự việc cao trào:

- Ông (bà) trao quà cho em (là món quà gì đó mà em không thích) em tỏ thái độ chê bai, thờ ơ, không muốn nhận

- Thái độ, tâm trạng của ông (bà) khi đó?

- Thái độ, lời nói của bố, mẹ đối với em khi đó?

- Khi chứng kiến gương mặt đầy nếp nhăn, ánh mắt buồn bã thất vọng của ông bà và nghe những lời bố mẹ giảng giải, tâm trạng của em như thế nào?

Sự việc kết thúc: Em đã nói gì với ông bà? Thái độ của ông bà, bố mẹ thay đổi ra sao?

**c. Kết bài**: Cảm xúc của em mỗi khi nhớ về lỗi lầm ấy.

**Đề 3:**

**Công cha như núi Thái Sơn**

**Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra**

**Hãy kể một câu chuyện có nội dung như trên.**

**a, Yêu cầu của đề**

- Kể một câu chuyện mang chủ đề ca ngợi, biết ơn công cha, nghĩa mẹ đối với mình trong cuộc sống, trong học tập. Tình cảm, công lao ấy được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong những thời điểm khó khăn

- Chỉ kể một câu chuyện thể hiện sâu sắc nhất tình cảm ấy, không sa vào kể nhiều chuyện.

**b. Dàn bài gợi ý**

*\* Mở bài*: Dẫn dắt bằng câu ca dao trong đề bài

- Giới thiệu về bản thân và tình cảm của mình đối với (cha) mẹ.

*\* Thân bài:*

- Tình cảm, sự hi sinh hàng ngày của cha mẹ dành cho mình (nói chung, không kể cụ thể từng sự việc)

- Câu chuyện thể hiện sâu sắc nhất tình cảm của cha mẹ dành cho mình xảy ra bao giờ?

- Diễn biến câu chuyện

- Suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tình cảm đó.

- Tình cảm đó đem lại cho mình điều gì?

*\* Kết bài*: Khẳng định lại tình cảm, công lao của cha mẹ.

**c. Bài mẫu tham khảo**

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

Câu ca dao đã nói thật hay, thật đúng tình cảm, công lao của cha mẹ đối với tôi. Mỗi khi nhớ lại kỉ niệm năm đó, tôi lại bâng khuâng xúc động trước tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ đã dành cho tôi.

Tôi là đứa con duy nhất trong gia đình. Ngoại tôi bảo do mẹ tôi bị bệnh tim nên không dám sinh thêm em cho tôi. Khi đẻ tôi, mẹ tôi cũng chút nữa nguy hiểm đến tính mạng. Vì thế, cha mẹ yêu thương tôi vô cùng, sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho tôi. Nhà tôi chẳng khá giả gì nhưng tôi luôn được chiều chuộng hơn lũ bạn cùng trang lứa. Tôi rất yêu mẹ của mình nên luôn cố gắng học tập thật giỏi cho mẹ vui. Mẹ luôn nói tôi là món quà tuyệt vời nhất mà cuộc đời đã tặng cho mẹ.

Hè năm đó, một mùa hè tôi không thể nào quên. Đó là hè năm tôi học lớp 4, cái này tôi bị tai nạn do quá ham chơi.

Buổi chiều hè hôm đó thật đẹp. Trời không nắng gay gắt mà rất mát mẻ, tôi xin phép mẹ lấy xe đạp đi chơi lòng vòng quanh xóm. Mẹ dặn tôi đi cẩn thận, một lát về giúp mẹ nấu cơm. Tôi vâng dạ rồi dắt xe đi. Ra đến ngã ba thì gặp cô bạn cùng lớp. Thấy tôi, bạn lên sau xe tôi ngồi cùng, rồi rủ:

- Đạp xe lên thị trấn chơi đi. Nhà bác tớ ngay đầu thị trấn.

Tôi từ chối:

- Nhưng tớ chỉ xin mẹ đi có một lát thôi.

- Không sao đâu, chỉ đi một lúc rồi về thôi mà. Cô bạn dỗ dành.

Không hiểu sao lúc đó tôi nghe lời bạn. Hai đứa đèo nhau lên thị trấn.

Đường phố đông đúc, chật chội. Xe ô tô, xe máy cứ phóng vù vù qua lại khiến tôi chóng cả mặt. Cô bạn phía sau lại khá nặng khiến tay lái tôi thỉnh thoảng lại chệch choạc. Bỗng “rầm”, tôi cảm thấy mình bay ra khỏi xe, mắt tối rầm rồi không biết gì nữa.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong bệnh viện, đầu quấn băng trắng. Chân trái của tôi bị nẹp chặt, không thể cử động. Gương mặt mẹ đang nhoè nước mắt nhìn tôi, còn bố đứng phía cuối giường, nước da xanh xao, đôi mắt trũng sâu vì lo lắng, mất ngủ.

- Tỉnh rồi hả con, có đau lắm không? Cả bố và mẹ gần như nói cùng một lúc.

Tôi không nói được câu gì vì vừa đau, vừa ân hận. Tôi chỉ khẽ chớp mắt, nước mắt tràn ra. Mẹ đưa khăn lau nước mắt cho tôi, nhìn tôi với cái nhìn xót xa, nói:

Con mà có mệnh hệ gì thì mẹ làm sao sống nổi!

Bác sĩ vào, mang theo thuốc để tiêm cho tôi. Rồi quay sang hỏi cha mẹ tôi:

- Chị yên tâm đi, cháu đã qua cơn nguy hiểm, điều trị một thời gian sẽ khoẻ lại thôi. Còn cô bạn đi cùng thì may mắn chỉ bị trầy xước ngoài da. Hôm qua thấy chị ngất lịm, chúng tôi chỉ lo bệnh tim của chị tái phát thì nguy hiểm lắm đấy. Còn anh nữa, phải ăn uống bồi bổ để lấy lại sức khoẻ. Hôm qua lấy máu truyền cho con nhiều thế là hại người lắm đấy.

Nghe bác sĩ nói mà lòng tôi nghẹn đắng. Tôi đã làm cha mẹ mình khổ quá, tôi có tội lớn với cha mẹ rồi.

Những ngày sau đó, cha mẹ ân cần chăm sóc tôi từng thìa sữa, miếng cháo, giúp tôi đi vệ sinh như một đứa trẻ. Cha mẹ lại dìu tôi tập đi những bước đầu tiên. Những ngày tháng chữa trị cũng trôi qua, tôi hồi phục dần. Gương mặt đã có chút sắc hồng.

Ngày tôi từ bệnh viện về nhà, bà con xóm giềng đến rất đông. Ai cũng nói nhờ phúc tổ tiên nên tôi mới thoát khỏi thần chết. Nhưng tôi biết, tất cả là nhờ tình yêu thương của cha mẹ.

Năm học mới lại đến, tôi lại cùng bè bạn cắp sách đến trường trong niềm vui náo nức. Mỗi sáng đi học, mẹ lại theo tôi ra tận ngõ, dặn dò đủ điều, nhìn theo cho đến khi bóng tôi đã khuất. Mẹ ơi, mẹ yên tâm mẹ nhé, con sẽ đi thật cẩn thận!

===============================================

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH:**

**1. Trước khi viết**

**a. Xác định đối tượng, yêu cầu kể:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích nào?

- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật nào trong câu chuyện đó?

**b. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:**

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.

- Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

**c. Chọn lời kể phù hợp:**

- Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.

**d. Ghi những nội dung chính của câu chuyện**

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.

- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.

- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

**2. Tìm ý, lập dàn ý:**

**a. Tìm ý:**

Bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Tên truyện cổ tích được kể? Vì sao em lại chọn câu chuyện này để kể?

- Diễn biến sự việc: (SV khởi đầu, SV diễn biến, sv kết thúcra sao?Em ấn tượng nhất với sự việc nào?

- Ý nghĩa của câu chuyện là gì?

- Cảm nghĩ của em về câu chuyện đó

**b. Lập dàn ý**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

( Có thể hình dung, nhập vai từ hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật để kể lại câu chuyện)

**\* Thân bài:** Kể diễn biến câu chuyện:

- Xuất thân của các nhân vật.

- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.

- Diễn biến chính:

+ SV1: + SV2: + SV3:

**\* Kết bài:** Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện hoặc thông điệp gửi gắm.

**3. Viết bài**.

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.

- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

**BÀI THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Hãy kể lại truyện Cây khế bằng lời của con chim Phượng Hoàng**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Cây khế.

- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật con chim Phượng Hoàng.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta.*

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩa của con chim Đại Bàng.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

VD: Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, sứ sở, ta cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

\* Thân bài: Kể lại diễn biến các sự việc chính của câu chuyện Cây khế:

- Ngày ấy, ở một làng nọ, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm, họ chăm chỉ làm lụng nên cũng tạm đủ ăn.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Từ khi người anh có gia đình, vợ chồng người anh sinh ra lười biếng, bắt vợ chồng người em làm lụng vất vả. Thậm chí người anh còn kiếm hết gia tài, nhà cửa, ruộng vườn, chỉ chia cho người em một lúp lều và một cây khế ngọt.

- Vợ chồng người em ngày ngày chăm chỉ làm lụng, cày thuê, cuốc mướn, và chăm sóc cho cây khế ngày càng xanh tốt

- Cây khế ra quả sai trĩu cành, khế rất ngọt. Ta bay ngang qua, ngắm nhìn chùm khế lúc lỉu, nên đáp xuống ăn, ăn hết quả này đến quả khác. Người vợ không dám trách ta, mà khẽ than thở về gia cảnh của mình. Ta hứa hẹn , một ngày gần nhất sẽ trả vàng cho họ, dặn họ may túi ba gang.

- Đến ngày hẹn, ta trở người em ra đảo lấy vàng, người em chỉ dám nhặt một ít vàng,,,Rồi từ đó, cuộc sống của họ từ đấy giàu có . (Đánh giá về sự thật thà của người em)

- Người anh biết chuyện, muốn đổi cả gia tài để lấy cây khế và túp lều. người em đồng ý.

- Ta lại đến ăn khế. Mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may hẳn một tay nải lớn. Khi cho anh ta đến đảo vàng, hắn nhặt đầy tay nải chín gang, lại còn nhét cả ống quần, túi áo. (Tả ảnh người anh hăm hở nhặt vàng, nhét lấy nhét để vàng bằng mọi cách/ So sánh với người em)

- Do phải cõng trên lưng số vàng quá lớn, lại gặp cơn gió lớn, ta không chở nổi, ta dã cánh ra, người anh và toàn bộ số vàng rơi xuống biển. Còn ta cố gắng bay về rừng.

**\* Kết bài**: Niềm mong ước của người kể chuyện: không còn ai quá tham lam, ích kỉ, sẽ dẫn đến hậu quả nặng nề.

**c. Bước 3: Viết bài :** HS dựa vào dàn ý để viết.

**Bài viết tham khảo:**

Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, xứ sở, và cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

Ngày xửa ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều mất sớm. Người anh tham lam lười biếng. Người em lại hiền lành, chăm chỉ. Khi hai anh em lấy vợ chưa được bao lâu thì người anh chia gia tài. Vốn bản tính tham lam sẵn có lại cậy thế mình là anh cả hắn chiếm hết tài sản cha mẹ để lại chỉ cho người em một mảnh vườn nhỏ và cây khế ngọt. Vợ chồng người anh sống sung sướng, an nhàn trên gia tài có sẵn còn người em thì phải đi cày thuê cuốc mướn sống qua ngày. Tuy cuộc sống vất vả nhưng ngày nào người em cũng không quên tưới nước, chăm sóc cho cây khế.

Mùa khế năm ấy, cây khế trong vườn nhà người em ra hoa kết trái, cành nào cành ấy đều sai trĩu quả. Vợ chồng người em thầm nghĩ bán quả lấy tiền mua thóc gạo. Ta vốn rất thích ăn trái cây. Một hôm, tình cờ lại bay ngang qua khu vườn của người em, thấy những quả khế chín mọng hấp dẫn, ta vội sà xuống ăn hết trái này đến trái khác. Thấy ta ăn khế, người em ở đâu đi đến đứng ngước mắt nhìn ta, vợ chồng người em không đuổi tôi đi mà chỉ buồn rầu than thở với ta:

- Chim ơi! Gia tài nhà tôi chỉ có mỗi cây khế này thôi. Chim ăn hết rồi, tôi biết lấy gì để sống?

Ta vốn là loài chim biết trả ơn bèn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng người em có vẻ bất ngờ vì ta biết nói tiếng người. Nhưng cũng theo lời đi may một cái túi ba gang. Mấy hôm sau, theo như lời hẹn, ta bay đến chở người em ra đảo lấy vàng. Người em thấy vàng chất đầy đảo nhưng không hề tỏ vẻ tham lam, chỉ lấy đủ một túi ba gang rồi nhờ ta chở về nhà. Từ đó, cuộc sống người em trở nên sung túc, giàu có. Vợ chồng người em còn đem tiền và gạo giúp đỡ mọi người trong vùng.

Chuyện đến tai người anh. Người em không giấu diếm kể hết sự việc. Lòng tham nổi lên, người anh bèn gạ đổi gia tài của mình để lấy cây khế. Vợ chồng người em đồng ý, thế là anh ta chuyển về chỗ người em ở. Mùa khế ra hoa kết trái năm sau ta lại đến ăn như lần trước.

Họ tru tréo lên, bảo ta ăn ăn ráo ăn tiệt thì họ trông vào gì. Ta vẫn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng. May túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng gã vui mừng khôn xiết, rồi lại may một cái túi to đến mười hai gang. Ta đưa người chồng đến đảo lấy vàng. Đến nơi, hắn hoa cả mắt, hì hục nhét vàng bạc châu báu chật cứng cả cái túi mười hai gang và cố gắng nhét đầy mọi chỗ trên người mình. Lúc trở về, ì à ì ạch leo lên lại tụt xuống mãi hắn mới bò lên được lưng ta. Nhưng vì nặng quá, ta phải vỗ cánh đến mấy lần mới nhấc mình lên khỏi mặt đất được. Đường về nhà hắn phải bay qua biển rộng, phần vì chở quá nặng, phần vì có một luồng gió bất chợt thổi đến, ta không giữ được thăng bằng, đôi cánh ta nghiêng ngả, hắn và cả túi vàng rơi xuống biển sâu.

Câu chuyện qua đã lâu nhưng ta vẫn muốn nhắc nhở mỗi người không nên tham lam, ích kỉ và đừng bao giờ tệ bạc với người khác nhất là anh em của mình. Tham lam sẽ nhận lại hậu quả thích đáng.

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**

**Đề bài 2: Kể lại câu chuyện “Vua chích chòe” bằng lời của nàng công chúa.**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Vua chích chòe

- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật nàng công chúa

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta.*

- Tính chất lời kể: vui, buồn, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của nàng công chúa đã trải qua thử thách và đang sống trong hạnh phúc.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

Ta là công chúa trong câu chuyện Vua chích chòe, sau khi phải trải qua bao nhiêu khó khăn, ta đã có cuộc sống hạnh phúc. Có lúc ta không dám nhớ lại, tại sao trước đây ta lại có thể là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, ngông cuồng. Câu chuyện qua đi làm ta ân hận mãi.

**\* Thân bài:** Kể lại diễn biến sự việc chính của câu chuyện:

- Ta vốn là con gái của quốc vương, vua cha yêu thương, chiều chuộng ta vô cùng. Vua cha luôn tự hào có ta là con gái xinh đẹp tuyệt trần. Điều đó khiến ta vô cùng kiêu ngạo,chả coi ai ra gì (đến sau này ta mới nhận ra điều này).

- Cha mở buổi yến tiệc linh đình để tìm phò mã, để kén chồng cho ta. Ngày hôm đó, trong bữa tiệc đông đúc, có vô khối các chàng trai là các ông hoàng, bá tước đến dự tiệc,vua cha dẫn ta đi xem mặt. Nhưng gặp ai ta cũng tìm ra lí do để nhạo báng lại họ. Trong số đó, có một ông Vua chích chòe (vì ông ta có cái cằm cong như con chích chòe). Mỗi lúc chê bai được người khác ta lại cảm thấy tự mãn, coi mình là nhất.

- Lời chê bai của ta dành cho các hoàng tước, công tử trong bữa tiệc hôm ấy khiến vua cha giận lắm. Cha ta thề rằng sẽ sẽ gả ta cho gã hát rong đầu tiên nghèo khổ.

- Theo luật lệ, ta sẽ không được sống trong hoàng cung mà phải theo chồng đến một nơi xa lạ. Khi ấy ta phải đến một nơi rất xa, khi thì ta thấy một khu rừng đẹp, khi thì thấy một thảo nguyên xanh, một thành phố mi lệ. Ta hỏi chồng ta, tất cả đều là của Vua chích chòe. (Bộc lộ tâm trạng khi biết chuyện đó)

- Ta cùng chồng sống trong một túp lều rách nát, ta vốn được chiều chuộng nên đến nấu ăn cũng không biết làm.Nhưng dần dần ta đã trải qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp trong cung vua.

- Vua tổ chức hôn lễ cho hoàng tử con trai đầu lòng, ta len vào để xem. Vị hoàng tử mà ta nhận ra ngay lại chính là Vua chích chòe. Chàng muốn nắm tay ta để nhảy, ta từ chối, rụt tay lại (Bộc lộ cảm xúc). Ta bỏ chạy khiến súp và bánh mì đổ xuống đất. Mọi người cười nhạo ta xấu hổ vô cùng.

-Cua chích chòe chính là chồng của ta- người hát rong. Hóa ra, chàng muốn dạy cho ta bài học về tính kiêu ngạo. Ta ân hận vô cùng. Chàng nắm tay ta âu yếm suốt cả bữa tiệc hôm ấy. Ta thật hạnh phúc vì lấy được chàng Vua chích chòe làm chồng

**\* Kết bài:** Câu chuyện hạnh phúc của ta hi vọng sẽ giúp mọi người điều gì đó. Nhất là trong việc phán xét người khác, đừng bao giờ nhìn người khác bằng bề ngoài, đừng bao giờ coi thường ai cả. Hãy sống giản dị, yêu thương, vị tha.

**Đề bài 3: Kể lại câu chuyện “Em bé thông minh” bằng lời của em bé khi đã trở thành trạng nguyên với một kết thúc mới**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích **“**Em bé thông minh”

- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật em bé thông minh khi đã trở thành trạng nguyên.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *tôi.*

- Tính chất lời kể: vui, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của một trạng nguyên.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh của câu chuyện.

Là một trạng nguyên trẻ tuổi nhất của đất nước, ta luôn tự hào mình về những kiến thức mình học được. Đó là kiến thức của nhân dân lao động. Bới ta sinh ra là con của người nông dân nghèo, quanh năm gắn bó với việc đồng ruộng. Ta là ai các bạn biết rồi chứ. Ta chính là em bé thông minh ngày nào hay hát câu “Tang tình tang, tính tình tang đây”

**b. Thân bài:** kể lại diễn biến sự việc chính.

- Hồi bấy giờ, nhà vua muốn tìm người hiền tài nên đã cho một viên quan đi khắp nước để dò la. Viên quan ấy cũng là người thông tuệ khác thường, đi đến đâu, ông cũng ra những câu đố oái oăm, hóc búa để thử tài.

**-**  Một hôm, cha ta đang đánh trâu cày còn ta đang đập đất, thì một viên quan ấy dừng ngựa gần chỗ cha con ta và ra câu hỏi rằng trâu mỗi ngày cày được mấy đường. Cha ta chưa biết trả lời thế nào, thì ta nghĩ ngay ra câu ứng phó. Ta lúc đó chỉ là cậu bé khoảng bảy, tám tuổi thôi, nhưng đã hỏi vặn lại quan rằng: “Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường”

- Ta thấy viên quan há hốc mồm sửng sốt không biết trả lời tôi ra sao. (thêm cảm xúc của người kể trước sự việc)

- Nhà vua thử tài ta hết lần này đến lần khác. Mỗi lần mức độ khó khăn, hóc búa càng tăng lên. Đầu tiên là việc nhà vua ban cho làng ta ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, ra lệnh làm sao phải nuôi cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

- Cả làng lo lắng. Biết chuyện, ta xin cha tôi thưa với dân làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. Còn một con trâu và một thúng gạo nếp bán đi lấy tiền làm lộ phí cho cha con ta trẩy kinh lo liệu việc của làng.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Đến kinh thành, ta lẻn vào hoàng cung, đứng trước sân rồng gào khóc. Vua ra hỏi han ta ts tâu với vua rằng: “mẹ con chết sớm mà cha con không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ”.

- Nghe tôi nói thế, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán: “Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!” Điều này cũng giống như việc vua ban trâu đực cũng không thể đẻ được. Vua mỉm cười và nói chuyện ban trâu cho làng chỉ là thử tài thôi, đó là lộc vua ban.

- Nhà vua lại tiếp tục thử tài bằng cách ra lệnh từ một con chim sẻ dọn thành ba mâm cỗ. Ta đưa ra cây kim nói rằng làm thành một con dao để ta sẻ thịt chim. Mọi người đều thán phục.

- Bấy giờ, nhiều nước láng giềng luôn đe dọa xâm lược nước ta, chúng cho người sang thử tài. Sứ thần đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc. Các đại thần nước ta đều vò đầu suy nghĩ. Mọi người dùng nhiều cách nhưng vô hiệu. Ta nghĩ ra cách lấy con kiến càng buộc chỉ ngàng lưng, dùng mỡ bôi một đầu để dụ kiến bò sang, quả đúng như vậy. Con kiến giúp ta xuyên sợi chỉ qua vỏ ốc trong sự ngỡ ngàng, thán phúc của mọi người nhất là tên sứ giả.

- Ta được vua phong cho là trạng nguyên. Không những vậy, nhà vua còn xây cho cha con ta một dinh biệt thự ở một bên hoàng cung đế ta ở, cho vua tiện hỏi han.

**c. Kết bài:** Kết thúc mới

Từ ngày đó đến giờ, ta luôn dồn hết tâm sức vào việc phục vụ đất nước. Ta giúp nhà vua đưa ra nhiều quy định, luật lệ tiến bộ để xây dựng đất nước ngày một hưng thịnh. Ta giúp vua quan tâm đến đời sống của nhân dân, giảm tô thuế, quan tâm đến chính sách khai hoang, mở đất cho dân thêm nhiều ruộng đất. Rồi ta cùng nhà vua xử lí những tên quan tham, sách nhiễu dân lành. Ta mong các bạn học sinh hãy cố gắng học tập để mai sau lớn lên góp công xây dựng đất nước giàu đẹp*.*

**Đề bài 4:** **Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa trong truyện cổ tích Sọ Dừa và nghe Sọ Dừa kể chuyện**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích **“**Sọ Dừa”

- Yêu cầu kể:

+ Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa (thêm yếu tố mới: tưởng tượng gặp nhân vật cổ tích)

+ nghe Sọ Dừa kể chuyện (nhập vai Sọ Dừa kể lại truyện)

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *“em”, em gặp Sọ Dừa nghẹ Sọ Dừa kể chuyện, em xưng hô “anh- em” với nhân vật Sọ Dừa. Chú ý yếu tố tưởng tượng và tình cảm của em với nhân vật Sọ Dừa.*

- Tính chất lời kể: vui, thích thú, cảm phục, ...

**2. Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh xuất hiện giấc mơ.

Gấp trang sách lại, câu chuyện của Sọ Dừa trong truyện cứ in đậm trong tâm trí em. Sọ Dừa gợi lên trong em niềm cảm phục về hình ảnh một con người giàu nghị lực và có trái tim nhân hậu. Và đêm qua, em đã có một giấc mơ tuyệt đẹp, giấc mơ được gặp gỡ với Sọ Dừa và nghe anh ấy nói chuyện.

**b. Thân bài:** kể lại diễn biến sự việc chính. Sọ Dừa kể lại truyện:

- Sọ Dừa kể về hoàn cảnh gia đình mình: Anh sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ anh vô cùng hiền lành, chăm chỉ, nhưng mãi về già mà họ vẫn chưa có con.

- Anh kể cho em nghe về việc mẹ đã sinh ra anh từ việc uống nước trong cái sọ dừa nhân một lần đi hái củi trong rừng, bà vô cùng khát. Về nhà bà có mang, sinh ra anh không chân, không tay, mình mẩy tròn lông lốc. Bà toan vứt anh đi nhưng anh xin mẹ đừng bỏ, và đặt tên anh là Sọ Dừa (*thêm yếu tố miêu tả, đánh giá, cảm xúc)*

- Anh chăn bò cho cho nhà lão phú ông, ban đầu lão ngần ngại, nhưng anh đã chứng tỏ với phú ông bằng việc chăn bò rất giỏi, con nào cũng no căng.

- Anh kể cho em nghe về việc phú ông cắt cử ba cô con gái đưa cơm cho mình. Anh nhận ra thái độ kinh rẻ, hắt hủi của hai cô chị (*miêu tả của chỉ, điệu bộ của hai cô chị khi mang cơm*); anh thấy ấm áp khi được cô em út cư xử lịch sự, ân tình. Có lền vì mãi thổi sáo nên anh bị cô Út bắt gặp hình hài thật của mình. Anh là một chàng trai khôi ngô, chứ không phải là Sọ Dừa lăn lông lốc. Anh và cô Út đem lòng yêu thương.

- Anh đã xin với mẹ mang lễ đến nhà phú ông hỏi cưới con gái nhà phú ông. Hai cô chị chê bài, từ chối. Còn cô Út e lệ, bằng lòng làm vợ anh. (*tưởng tượng về cảm xúc của Sọ Dừa khi được cô Út đồng ý làm vợ...)*

- Anh đã thi đỗ trạng nguyên. Và trước khi đi sứ đã dặc dò vợ và trao cho vợ những vật phòng thân như hòn đá, con dao, hai quả trứng *(Đưa thêm yếu tố cảm xúc của người kể)*

-Hai cô chị độc ác bầy mưu đẩy vợ anh xuống biển, chuyện vợ anh bị cá kình nhuốt. Vợ anh may mắn thoát chết, dạt vào đảo nhờ những vật mang bên mình. Hai vợ chồng anh đoàn tụ (Hình dung cảnh tượng, tâm trạng nhân vật)

-Thấy hai vợ chồng anh rở về, hai cô chị đã bỏ đi biệt tích. Từ đó, vợ chồng anh hạnh phúc bên nhau.

*Chú ý: Người kể thêm cuộc đối thoại với nhân vật Sọ Dừa (lúc đầu gặp, lúc lắng nghe câu chuyện anh kể, lúc chia tay Sọ Dừa...Giấc mơ hoặc yếu tố tưởng tượng kết thúc ra sao?Cảm nghĩ sau cuộc gặp với Sọ Dừa)*

**c. Kết bài:** Em nhận ra bài học cho mình:

- Đừng đánh giá con người qua bề ngoài.

- Giá trị đích thực của con người là vẻ đẹp tâm hồn, là những nỗ lực, sự vươn lên vượt qua khó khăn để thành công.

- Đặc biệt, với những người kém may mắn càng cần được mọi người yêu thương, để họ vượt qua mặc cảm tự ti, khẳng định mình.

# **Đề bài 5: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh**

## a. Mở bài:

- Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí).

- Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình.

## b. Thân bài:

- Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.

- Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.

- Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.

- Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.

- Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).

- Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.

- Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.

- Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).

- Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.

- Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền.

## c. Kết bài:

Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.

**Đề số 6: Kể lại truyện cổ tích *“Nol Bu và Hueng Bu*” bằng lời của anh trai (Nol Bu) trong truyện.**

Yêu cầu:-

* Kể chuyện dựa vào cốt truyện cổ tích của Hàn Quốc *“Nol Bu và Hueng Bu*”

+ GV cho HS đọc truyện ở nhà, tóm tắt truyện,

+ tìm hiểu được ý nghĩa của truyện, và một số nét tương đồng với truyện Cây khế của Việt Nam (tình anh em, cách sống độc ác sẽ nhận quả báo...)

- Truyện được kể ngôi thứ nhất nhân vật Nol Bu xưng “tôi”. Chú ý yếu tố kì ảo, tình cảm của người kể chuyện.

Dàn bài tham khảo:

*a. Mở bài:* Nhân vật tự giới thiệu về mình, và hoàn cảnh của câu chuyện

Ví dụ: Tôi là Nol Bu, một người đã mắc nhiều lỗi lầm, một kẻ tồi tệ. Nhờ chính tấm lòng khoan dung của em tôi là Hueng Bu mới giúp tôi tỉnh ngộ và có cuộc sống hạnh phúc như bây giờ. Những sai lầm của tôi luôn khiến tôi xấu hổ, và trân trọng tình cảm anh em hơn. Câu chuyện của tôi là câu chuyện buồn.

*b. Thân bài:* Kể lại diễn biến sự việc chính.

* Ngay từ lúc nhỏ, anh em tôi đã mồ côi cha mẹ, chúng tôi cùng nhau lớn lên trong một ngôi làng nhỏ, có nhà cửa tài sản mà cha mẹ để lại.
* Từ nhỏ, tôi vốn tham lam xấu tính, còn Hueng Bu thì lại hiền lành tốt bụng, luôn sống vui vẻ với mọi người. Hueng Bu luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.
* Lớn lên, tôi dành hết tài sản của cha mẹ để lại cho hai anh em, rồi đuổi em ra ở một mình ngoài cái chòi canh lúa bên sườn núi. Dù bị tôi cư xử như vậy, nhưng Hueng Bu không hề phàn nàn, oán giận tôi và vẫn chăm chỉ làm ăn. (Bổ sung thêm yếu tố miêu tả tâm lí nhân vật người anh: thờ ơ, mặc kệ, kiểu gì Hueng Bu chả kiếm sống được...)
* Năm nọ, thiên tai lũ lụt mất mùa, nhà em tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Nó đến nhà tôi xin giúp đỡ, nhưng tôi quát tháo đuổi ra khỏi nhà. Hueng Bu vẫn không giận tôi.
* Mùa đông lạnh lẽo đi qua, mùa xuân ấm áp trở về. Hiên nhà Hueng Bu có đôi chim nhạn làm tổ đẻ trứng, rồi ấp trứng, nuôi nấng chim non. Một buổi sáng có con trăn định trườn lên ăn chim non, thấy vậy Hueng Bu liền con trăn, nhưng một con chim non bị rơi xuống đất gãy chân. Vợ chồng Hueng Bu bôi thôi, bó vết thương cho con chim non. Mùa thu gia đình chim non từ biệt gia đinhg Hueng bu để di tránh rét.
* Mà xuân lại đến, con chim Hueng Bu bó lành chân bay trở về làm tổ chỗ cũ. Chim nhạn nhả cho Hueng Bu một hạt bầu. Hueng Bu vui mừng đem gieo trên một mảnh đát nhỏ. Cây bầu ra quả, Hueng Bu hái ba quả bầu bổ ra thì vàng, bạc, tiền và đá quý tuôn ra. Nhà Hueng bu trở nên giàu có từ đó.
* - Tôi nghe chuyện đồn, ngạc nhiên, đến nhà nó mắng cho một trận vì nghĩ em trai ăn cướp của người khác. Tôi lấy hết của cải của nó đem về.
* Hueng Bu từ tốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe, lòng tham trong tôi nổi lên, bàn với vợ, bắt một con chim nhạn, bẻ gẫy chân, rồi cùng bôi thuốc băng bó cho nó. Mùa thu trước khi chim nhạn bay đi, tôi kể công và đòi chim mang về nhiều hạt bầu.
* Mùa xuân sau, con chim nhạn ấy bay về, Nó nhả hạt bầu cho tôi trồng, cây bầu ra tận mười quả.
* Tôi bổ tưng quả bầu nhưng không thấy vàng, bạc, châu báu gì hết mà nó phát ra ánh chớp kéo theo tiếng nổ. Quả tình các tráng sĩ lực lưỡng vung gậy đánh tôi một trận, quả thì bọn cướp biển xông vào lấy tài sản nhà tôi, phá nhà cửa của tôi...rồi đi
* Tôi bổ quả bầu cuối cùng thì bọn yêu tinh lũ lượt đến trừng trị thói xấu xa tham lam của tôi. Cuối cùng, tôi trở thành người ăn mày.
* Nghe tin tôi nghèo khó cơ hàn, Hueng Bu chạy đến đưa cả gia đình tôi về cùng chung sống. Tôi ân hận khóc nức nở (bổ sung yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật)

*c. Kết bài:* Người kể chuyện rút ra bài học.

Từ câu chuyện và lỗi lầm của tôi, tôi mong đừng ai mắc phải sai lầm như tôi. Hãy cư x

**1. Trước khi viết**

**a. Xác định đối tượng, yêu cầu kể:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích nào?

- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật nào trong câu chuyện đó?

**b. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:**

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.

- Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

**c. Chọn lời kể phù hợp:**

- Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.

**d. Ghi những nội dung chính của câu chuyện**

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.

- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.

- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

**2. Tìm ý, lập dàn ý:**

**a. Tìm ý:**

Bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Tên truyện cổ tích được kể? Vì sao em lại chọn câu chuyện này để kể?

- Diễn biến sự việc: (SV khởi đầu, SV diễn biến, sv kết thúcra sao?Em ấn tượng nhất với sự việc nào?

- Ý nghĩa của câu chuyện là gì?

- Cảm nghĩ của em về câu chuyện đó

**b. Lập dàn ý**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

( Có thể hình dung, nhập vai từ hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật để kể lại câu chuyện)

**\* Thân bài:** Kể diễn biến câu chuyện:

- Xuất thân của các nhân vật.

- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.

- Diễn biến chính:

+ SV1: + SV2: + SV3:

**\* Kết bài:** Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện hoặc thông điệp gửi gắm.

**3. Viết bài**.

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.

- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

**BÀI THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Hãy kể lại truyện Cây khế bằng lời của con chim Phượng Hoàng**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Cây khế.

- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật con chim Phượng Hoàng.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta.*

- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩa của con chim Đại Bàng.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

VD: Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, sứ sở, ta cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

\* Thân bài: Kể lại diễn biến các sự việc chính của câu chuyện Cây khế:

- Ngày ấy, ở một làng nọ, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm, họ chăm chỉ làm lụng nên cũng tạm đủ ăn.

- Từ khi người anh có gia đình, vợ chồng người anh sinh ra lười biếng, bắt vợ chồng người em làm lụng vất vả. Thậm chí người anh còn kiếm hết gia tài, nhà cửa, ruộng vườn, chỉ chia cho người em một lúp lều và một cây khế ngọt.

- Vợ chồng người em ngày ngày chăm chỉ làm lụng, cày thuê, cuốc mướn, và chăm sóc cho cây khế ngày càng xanh tốt

- Cây khế ra quả sai trĩu cành, khế rất ngọt. Ta bay ngang qua, ngắm nhìn chùm khế lúc lỉu, nên đáp xuống ăn, ăn hết quả này đến quả khác. Người vợ không dám trách ta, mà khẽ than thở về gia cảnh của mình. Ta hứa hẹn , một ngày gần nhất sẽ trả vàng cho họ, dặn họ may túi ba gang.

- Đến ngày hẹn, ta trở người em ra đảo lấy vàng, người em chỉ dám nhặt một ít vàng,,,Rồi từ đó, cuộc sống của họ từ đấy giàu có . (Đánh giá về sự thật thà của người em)

- Người anh biết chuyện, muốn đổi cả gia tài để lấy cây khế và túp lều. người em đồng ý.

- Ta lại đến ăn khế. Mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may hẳn một tay nải lớn. Khi cho anh ta đến đảo vàng, hắn nhặt đầy tay nải chín gang, lại còn nhét cả ống quần, túi áo. (Tả ảnh người anh hăm hở nhặt vàng, nhét lấy nhét để vàng bằng mọi cách/ So sánh với người em)

- Do phải cõng trên lưng số vàng quá lớn, lại gặp cơn gió lớn, ta không chở nổi, ta dã cánh ra, người anh và toàn bộ số vàng rơi xuống biển. Còn ta cố gắng bay về rừng.

**\* Kết bài**: Niềm mong ước của người kể chuyện: không còn ai quá tham lam, ích kỉ, sẽ dẫn đến hậu quả nặng nề.

**c. Bước 3: Viết bài :** HS dựa vào dàn ý để viết.

**Bài viết tham khảo:**

Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, xứ sở, và cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

Ngày xửa ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều mất sớm. Người anh tham lam lười biếng. Người em lại hiền lành, chăm chỉ. Khi hai anh em lấy vợ chưa được bao lâu thì người anh chia gia tài. Vốn bản tính tham lam sẵn có lại cậy thế mình là anh cả hắn chiếm hết tài sản cha mẹ để lại chỉ cho người em một mảnh vườn nhỏ và cây khế ngọt. Vợ chồng người anh sống sung sướng, an nhàn trên gia tài có sẵn còn người em thì phải đi cày thuê cuốc mướn sống qua ngày. Tuy cuộc sống vất vả nhưng ngày nào người em cũng không quên tưới nước, chăm sóc cho cây khế.

Mùa khế năm ấy, cây khế trong vườn nhà người em ra hoa kết trái, cành nào cành ấy đều sai trĩu quả. Vợ chồng người em thầm nghĩ bán quả lấy tiền mua thóc gạo. Ta vốn rất thích ăn trái cây. Một hôm, tình cờ lại bay ngang qua khu vườn của người em, thấy những quả khế chín mọng hấp dẫn, ta vội sà xuống ăn hết trái này đến trái khác. Thấy ta ăn khế, người em ở đâu đi đến đứng ngước mắt nhìn ta, vợ chồng người em không đuổi tôi đi mà chỉ buồn rầu than thở với ta:

- Chim ơi! Gia tài nhà tôi chỉ có mỗi cây khế này thôi. Chim ăn hết rồi, tôi biết lấy gì để sống?

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Ta vốn là loài chim biết trả ơn bèn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng người em có vẻ bất ngờ vì ta biết nói tiếng người. Nhưng cũng theo lời đi may một cái túi ba gang. Mấy hôm sau, theo như lời hẹn, ta bay đến chở người em ra đảo lấy vàng. Người em thấy vàng chất đầy đảo nhưng không hề tỏ vẻ tham lam, chỉ lấy đủ một túi ba gang rồi nhờ ta chở về nhà. Từ đó, cuộc sống người em trở nên sung túc, giàu có. Vợ chồng người em còn đem tiền và gạo giúp đỡ mọi người trong vùng.

Chuyện đến tai người anh. Người em không giấu diếm kể hết sự việc. Lòng tham nổi lên, người anh bèn gạ đổi gia tài của mình để lấy cây khế. Vợ chồng người em đồng ý, thế là anh ta chuyển về chỗ người em ở. Mùa khế ra hoa kết trái năm sau ta lại đến ăn như lần trước.

Họ tru tréo lên, bảo ta ăn ăn ráo ăn tiệt thì họ trông vào gì. Ta vẫn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng. May túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng gã vui mừng khôn xiết, rồi lại may một cái túi to đến mười hai gang. Ta đưa người chồng đến đảo lấy vàng. Đến nơi, hắn hoa cả mắt, hì hục nhét vàng bạc châu báu chật cứng cả cái túi mười hai gang và cố gắng nhét đầy mọi chỗ trên người mình. Lúc trở về, ì à ì ạch leo lên lại tụt xuống mãi hắn mới bò lên được lưng ta. Nhưng vì nặng quá, ta phải vỗ cánh đến mấy lần mới nhấc mình lên khỏi mặt đất được. Đường về nhà hắn phải bay qua biển rộng, phần vì chở quá nặng, phần vì có một luồng gió bất chợt thổi đến, ta không giữ được thăng bằng, đôi cánh ta nghiêng ngả, hắn và cả túi vàng rơi xuống biển sâu.

Câu chuyện qua đã lâu nhưng ta vẫn muốn nhắc nhở mỗi người không nên tham lam, ích kỉ và đừng bao giờ tệ bạc với người khác nhất là anh em của mình. Tham lam sẽ nhận lại hậu quả thích đáng.

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**

**Đề bài 2: Kể lại câu chuyện “Vua chích chòe” bằng lời của nàng công chúa.**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Vua chích chòe

- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật nàng công chúa

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta.*

- Tính chất lời kể: vui, buồn, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của nàng công chúa đã trải qua thử thách và đang sống trong hạnh phúc.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**\* Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

Ta là công chúa trong câu chuyện Vua chích chòe, sau khi phải trải qua bao nhiêu khó khăn, ta đã có cuộc sống hạnh phúc. Có lúc ta không dám nhớ lại, tại sao trước đây ta lại có thể là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, ngông cuồng. Câu chuyện qua đi làm ta ân hận mãi.

**\* Thân bài:** Kể lại diễn biến sự việc chính của câu chuyện:

- Ta vốn là con gái của quốc vương, vua cha yêu thương, chiều chuộng ta vô cùng. Vua cha luôn tự hào có ta là con gái xinh đẹp tuyệt trần. Điều đó khiến ta vô cùng kiêu ngạo,chả coi ai ra gì (đến sau này ta mới nhận ra điều này).

- Cha mở buổi yến tiệc linh đình để tìm phò mã, để kén chồng cho ta. Ngày hôm đó, trong bữa tiệc đông đúc, có vô khối các chàng trai là các ông hoàng, bá tước đến dự tiệc,vua cha dẫn ta đi xem mặt. Nhưng gặp ai ta cũng tìm ra lí do để nhạo báng lại họ. Trong số đó, có một ông Vua chích chòe (vì ông ta có cái cằm cong như con chích chòe). Mỗi lúc chê bai được người khác ta lại cảm thấy tự mãn, coi mình là nhất.

- Lời chê bai của ta dành cho các hoàng tước, công tử trong bữa tiệc hôm ấy khiến vua cha giận lắm. Cha ta thề rằng sẽ sẽ gả ta cho gã hát rong đầu tiên nghèo khổ.

- Theo luật lệ, ta sẽ không được sống trong hoàng cung mà phải theo chồng đến một nơi xa lạ. Khi ấy ta phải đến một nơi rất xa, khi thì ta thấy một khu rừng đẹp, khi thì thấy một thảo nguyên xanh, một thành phố mi lệ. Ta hỏi chồng ta, tất cả đều là của Vua chích chòe. (Bộc lộ tâm trạng khi biết chuyện đó)

- Ta cùng chồng sống trong một túp lều rách nát, ta vốn được chiều chuộng nên đến nấu ăn cũng không biết làm.Nhưng dần dần ta đã trải qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp trong cung vua.

- Vua tổ chức hôn lễ cho hoàng tử con trai đầu lòng, ta len vào để xem. Vị hoàng tử mà ta nhận ra ngay lại chính là Vua chích chòe. Chàng muốn nắm tay ta để nhảy, ta từ chối, rụt tay lại (Bộc lộ cảm xúc). Ta bỏ chạy khiến súp và bánh mì đổ xuống đất. Mọi người cười nhạo ta xấu hổ vô cùng.

-Cua chích chòe chính là chồng của ta- người hát rong. Hóa ra, chàng muốn dạy cho ta bài học về tính kiêu ngạo. Ta ân hận vô cùng. Chàng nắm tay ta âu yếm suốt cả bữa tiệc hôm ấy. Ta thật hạnh phúc vì lấy được chàng Vua chích chòe làm chồng

**\* Kết bài:** Câu chuyện hạnh phúc của ta hi vọng sẽ giúp mọi người điều gì đó. Nhất là trong việc phán xét người khác, đừng bao giờ nhìn người khác bằng bề ngoài, đừng bao giờ coi thường ai cả. Hãy sống giản dị, yêu thương, vị tha.

**Đề bài 3: Kể lại câu chuyện “Em bé thông minh” bằng lời của em bé khi đã trở thành trạng nguyên với một kết thúc mới**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích **“**Em bé thông minh”

- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật em bé thông minh khi đã trở thành trạng nguyên.

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *tôi.*

- Tính chất lời kể: vui, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của một trạng nguyên.

**2. Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh của câu chuyện.

Là một trạng nguyên trẻ tuổi nhất của đất nước, ta luôn tự hào mình về những kiến thức mình học được. Đó là kiến thức của nhân dân lao động. Bới ta sinh ra là con của người nông dân nghèo, quanh năm gắn bó với việc đồng ruộng. Ta là ai các bạn biết rồi chứ. Ta chính là em bé thông minh ngày nào hay hát câu “Tang tình tang, tính tình tang đây”

**b. Thân bài:** kể lại diễn biến sự việc chính.

- Hồi bấy giờ, nhà vua muốn tìm người hiền tài nên đã cho một viên quan đi khắp nước để dò la. Viên quan ấy cũng là người thông tuệ khác thường, đi đến đâu, ông cũng ra những câu đố oái oăm, hóc búa để thử tài.

**-**  Một hôm, cha ta đang đánh trâu cày còn ta đang đập đất, thì một viên quan ấy dừng ngựa gần chỗ cha con ta và ra câu hỏi rằng trâu mỗi ngày cày được mấy đường. Cha ta chưa biết trả lời thế nào, thì ta nghĩ ngay ra câu ứng phó. Ta lúc đó chỉ là cậu bé khoảng bảy, tám tuổi thôi, nhưng đã hỏi vặn lại quan rằng: “Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường”

- Ta thấy viên quan há hốc mồm sửng sốt không biết trả lời tôi ra sao. (thêm cảm xúc của người kể trước sự việc)

- Nhà vua thử tài ta hết lần này đến lần khác. Mỗi lần mức độ khó khăn, hóc búa càng tăng lên. Đầu tiên là việc nhà vua ban cho làng ta ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, ra lệnh làm sao phải nuôi cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

- Cả làng lo lắng. Biết chuyện, ta xin cha tôi thưa với dân làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. Còn một con trâu và một thúng gạo nếp bán đi lấy tiền làm lộ phí cho cha con ta trẩy kinh lo liệu việc của làng.

- Đến kinh thành, ta lẻn vào hoàng cung, đứng trước sân rồng gào khóc. Vua ra hỏi han ta ts tâu với vua rằng: “mẹ con chết sớm mà cha con không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ”.

- Nghe tôi nói thế, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán: “Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!” Điều này cũng giống như việc vua ban trâu đực cũng không thể đẻ được. Vua mỉm cười và nói chuyện ban trâu cho làng chỉ là thử tài thôi, đó là lộc vua ban.

- Nhà vua lại tiếp tục thử tài bằng cách ra lệnh từ một con chim sẻ dọn thành ba mâm cỗ. Ta đưa ra cây kim nói rằng làm thành một con dao để ta sẻ thịt chim. Mọi người đều thán phục.

- Bấy giờ, nhiều nước láng giềng luôn đe dọa xâm lược nước ta, chúng cho người sang thử tài. Sứ thần đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc. Các đại thần nước ta đều vò đầu suy nghĩ. Mọi người dùng nhiều cách nhưng vô hiệu. Ta nghĩ ra cách lấy con kiến càng buộc chỉ ngàng lưng, dùng mỡ bôi một đầu để dụ kiến bò sang, quả đúng như vậy. Con kiến giúp ta xuyên sợi chỉ qua vỏ ốc trong sự ngỡ ngàng, thán phúc của mọi người nhất là tên sứ giả.

- Ta được vua phong cho là trạng nguyên. Không những vậy, nhà vua còn xây cho cha con ta một dinh biệt thự ở một bên hoàng cung đế ta ở, cho vua tiện hỏi han.

**c. Kết bài:** Kết thúc mới

Từ ngày đó đến giờ, ta luôn dồn hết tâm sức vào việc phục vụ đất nước. Ta giúp nhà vua đưa ra nhiều quy định, luật lệ tiến bộ để xây dựng đất nước ngày một hưng thịnh. Ta giúp vua quan tâm đến đời sống của nhân dân, giảm tô thuế, quan tâm đến chính sách khai hoang, mở đất cho dân thêm nhiều ruộng đất. Rồi ta cùng nhà vua xử lí những tên quan tham, sách nhiễu dân lành. Ta mong các bạn học sinh hãy cố gắng học tập để mai sau lớn lên góp công xây dựng đất nước giàu đẹp*.*

**Đề bài số 4:**

**Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa trong truyện cổ tích Sọ Dừa và nghe Sọ Dừa kể chuyện**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích **“**Sọ Dừa”

- Yêu cầu kể:

+ Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa (thêm yếu tố mới: tưởng tượng gặp nhân vật cổ tích)

+ nghe Sọ Dừa kể chuyện (nhập vai Sọ Dừa kể lại truyện)

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *“em”, em gặp Sọ Dừa nghẹ Sọ Dừa kể chuyện, em xưng hô “anh- em” với nhân vật Sọ Dừa. Chú ý yếu tố tưởng tượng và tình cảm của em với nhân vật Sọ Dừa.*

- Tính chất lời kể: vui, thích thú, cảm phục, ...

**2. Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh xuất hiện giấc mơ.

Gấp trang sách lại, câu chuyện của Sọ Dừa trong truyện cứ in đậm trong tâm trí em. Sọ Dừa gợi lên trong em niềm cảm phục về hình ảnh một con người giàu nghị lực và có trái tim nhân hậu. Và đêm qua, em đã có một giấc mơ tuyệt đẹp, giấc mơ được gặp gỡ với Sọ Dừa và nghe anh ấy nói chuyện.

**b. Thân bài:** kể lại diễn biến sự việc chính. Sọ Dừa kể lại truyện:

- Sọ Dừa kể về hoàn cảnh gia đình mình: Anh sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ anh vô cùng hiền lành, chăm chỉ, nhưng mãi về già mà họ vẫn chưa có con.

- Anh kể cho em nghe về việc mẹ đã sinh ra anh từ việc uống nước trong cái sọ dừa nhân một lần đi hái củi trong rừng, bà vô cùng khát. Về nhà bà có mang, sinh ra anh không chân, không tay, mình mẩy tròn lông lốc. Bà toan vứt anh đi nhưng anh xin mẹ đừng bỏ, và đặt tên anh là Sọ Dừa (*thêm yếu tố miêu tả, đánh giá, cảm xúc)*

- Anh chăn bò cho cho nhà lão phú ông, ban đầu lão ngần ngại, nhưng anh đã chứng tỏ với phú ông bằng việc chăn bò rất giỏi, con nào cũng no căng.

- Anh kể cho em nghe về việc phú ông cắt cử ba cô con gái đưa cơm cho mình. Anh nhận ra thái độ kinh rẻ, hắt hủi của hai cô chị (*miêu tả của chỉ, điệu bộ của hai cô chị khi mang cơm*); anh thấy ấm áp khi được cô em út cư xử lịch sự, ân tình. Có lền vì mãi thổi sáo nên anh bị cô Út bắt gặp hình hài thật của mình. Anh là một chàng trai khôi ngô, chứ không phải là Sọ Dừa lăn lông lốc. Anh và cô Út đem lòng yêu thương.

- Anh đã xin với mẹ mang lễ đến nhà phú ông hỏi cưới con gái nhà phú ông. Hai cô chị chê bài, từ chối. Còn cô Út e lệ, bằng lòng làm vợ anh. (*tưởng tượng về cảm xúc của Sọ Dừa khi được cô Út đồng ý làm vợ...)*

- Anh đã thi đỗ trạng nguyên. Và trước khi đi sứ đã dặc dò vợ và trao cho vợ những vật phòng thân như hòn đá, con dao, hai quả trứng *(Đưa thêm yếu tố cảm xúc của người kể)*

-Hai cô chị độc ác bầy mưu đẩy vợ anh xuống biển, chuyện vợ anh bị cá kình nhuốt. Vợ anh may mắn thoát chết, dạt vào đảo nhờ những vật mang bên mình. Hai vợ chồng anh đoàn tụ (Hình dung cảnh tượng, tâm trạng nhân vật)

-Thấy hai vợ chồng anh rở về, hai cô chị đã bỏ đi biệt tích. Từ đó, vợ chồng anh hạnh phúc bên nhau.

*Chú ý: Người kể thêm cuộc đối thoại với nhân vật Sọ Dừa (lúc đầu gặp, lúc lắng nghe câu chuyện anh kể, lúc chia tay Sọ Dừa...Giấc mơ hoặc yếu tố tưởng tượng kết thúc ra sao?Cảm nghĩ sau cuộc gặp với Sọ Dừa)*

**c. Kết bài:** Em nhận ra bài học cho mình:

- Đừng đánh giá con người qua bề ngoài.

- Giá trị đích thực của con người là vẻ đẹp tâm hồn, là những nỗ lực, sự vươn lên vượt qua khó khăn để thành công.

- Đặc biệt, với những người kém may mắn càng cần được mọi người yêu thương, để họ vượt qua mặc cảm tự ti, khẳng định mình.

# **Đề bài 5: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh**

## a. Mở bài:

- Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí).

- Gợi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình.

## b. Thân bài:

- Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.

- Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.

- Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.

- Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.

- Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).

- Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.

- Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.

- Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).

- Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.

- Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền.

## c. Kết bài:

Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.

**Đề số 6: Kể lại truyện cổ tích *“Nol Bu và Hueng Bu*” bằng lời của anh trai (Nol Bu) trong truyện.**

Yêu cầu:-

* Kể chuyện dựa vào cốt truyện cổ tích của Hàn Quốc *“Nol Bu và Hueng Bu*”

+ GV cho HS đọc truyện ở nhà, tóm tắt truyện,

+ tìm hiểu được ý nghĩa của truyện, và một số nét tương đồng với truyện Cây khế của Việt Nam (tình anh em, cách sống độc ác sẽ nhận quả báo...)

- Truyện được kể ngôi thứ nhất nhân vật Nol Bu xưng “tôi”. Chú ý yếu tố kì ảo, tình cảm của người kể chuyện.

Dàn bài tham khảo:

Mở bài: Nhân vật tự giới thiệu về mình, và hoàn cảnh của câu chuyện

Ví dụ: Tôi là Nol Bu, một người đã mắc nhiều lỗi lầm, một kẻ tồi tệ. Nhờ chính tấm lòng khoan dung của em tôi là Hueng Bu mới giúp tôi tỉnh ngộ và có cuộc sống hạnh phúc như bây giờ. Những sai lầm của tôi luôn khiến tôi xấu hổ, và trân trọng tình cảm anh em hơn. Câu chuyện của tôi là câu chuyện buồn.

Thân bài: Kể lại diễn biến sự việc chính.

* Ngay từ lúc nhỏ, anh em tôi đã mồ côi cha mẹ, chúng tôi cùng nhau lớn lên trong một ngôi làng nhỏ, có nhà cửa tài sản mà cha mẹ để lại.
* Từ nhỏ, tôi vốn tham lam xấu tính, còn Hueng Bu thì lại hiền lành tốt bụng, luôn sống vui vẻ với mọi người. Hueng Bu luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.
* Lớn lên, tôi dành hết tài sản của cha mẹ để lại cho hai anh em, rồi đuổi em ra ở một mình ngoài cái chòi canh lúa bên sườn núi. Dù bị tôi cư xử như vậy, nhưng Hueng Bu không hề phàn nàn, oán giận tôi và vẫn chăm chỉ làm ăn. (Bổ sung thêm yếu tố miêu tả tâm lí nhân vật người anh: thờ ơ, mặc kệ, kiểu gì Hueng Bu chả kiếm sống được...)
* Năm nọ, thiên tai lũ lụt mất mùa, nhà em tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Nó đến nhà tôi xin giúp đỡ, nhưng tôi quát tháo đuổi ra khỏi nhà. Hueng Bu vẫn không giận tôi.
* Mùa đông lạnh lẽo đi qua, mùa xuân ấm áp trở về. Hiên nhà Hueng Bu có đôi chim nhạn làm tổ đẻ trứng, rồi ấp trứng, nuôi nấng chim non. Một buổi sáng có con trăn định trườn lên ăn chim non, thấy vậy Hueng Bu liền con trăn, nhưng một con chim non bị rơi xuống đất gãy chân. Vợ chồng Hueng Bu bôi thôi, bó vết thương cho con chim non. Mùa thu gia đình chim non từ biệt gia đinhg Hueng bu để di tránh rét.
* Mà xuân lại đến, con chim Hueng Bu bó lành chân bay trở về làm tổ chỗ cũ. Chim nhạn nhả cho Hueng Bu một hạt bầu. Hueng Bu vui mừng đem gieo trên một mảnh đát nhỏ. Cây bầu ra quả, Hueng Bu hái ba quả bầu bổ ra thì vàng, bạc, tiền và đá quý tuôn ra. Nhà Hueng bu trở nên giàu có từ đó.

- Tôi nghe chuyện đồn, ngạc nhiên, đến nhà nó mắng cho một trận vì nghĩ em trai ăn cướp của người khác. Tôi lấy hết của cải của nó đem về.

- Hueng Bu từ tốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe, lòng tham trong tôi nổi lên, bàn với vợ, bắt một con chim nhạn, bẻ gẫy chân, rồi cùng bôi thuốc băng bó cho nó. Mùa thu trước khi chim nhạn bay đi, tôi kể công và đòi chim mang về nhiều hạt bầu.

* Mùa xuân sau, con chim nhạn ấy bay về, Nó nhả hạt bầu cho tôi trồng, cây bầu ra tận mười quả.
* Tôi bổ tưng quả bầu nhưng không thấy vàng, bạc, châu báu gì hết mà nó phát ra ánh chớp kéo theo tiếng nổ. Quả tình các tráng sĩ lực lưỡng vung gậy đánh tôi một trận, quả thì bọn cướp biển xông vào lấy tài sản nhà tôi, phá nhà cửa của tôi...rồi đi
* Tôi bổ quả bầu cuối cùng thì bọn yêu tinh lũ lượt đến trừng trị thói xấu xa tham lam của tôi. Cuối cùng, tôi trở thành người ăn mày.
* Nghe tin tôi nghèo khó cơ hàn, Hueng Bu chạy đến đưa cả gia đình tôi về cùng chung sống. Tôi ân hận khóc nức nở (bổ sung yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật)

**c. Kết bài:** Người kể chuyện rút ra bài học.

Từ câu chuyện và lỗi lầm của tôi, tôi mong đừng ai mắc phải sai lầm như tôi. Hãy cư x

**==================================================**

**BÀI 2: KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**1. Thế nào là kể chuyện tưởng tượng?**

***-*** Là kể những câu chuyện do người kể tự nghĩ ra, không có sẵn trong thực tế, sách vở nhưng vẫn thể hiện một ý nghĩa nhất định

***-*** Sự tưởng tượng phải dựa vào những điều có thật, không bịa đặt tuỳ tiện

***2. Một số dạng đề bài tưởng tương thường gặp như sau:***

*Kể chuyện đã biết nhưng thêm một số tình tiết mới, theo một kết cục mới*

VD: Khi Thánh Gióng ra trận, người mẹ đến bên con đưa tiễn. Hãy viết một bài văn kể lại câu chuyện đó

Em hãy viết một câu chuyện kể tiếp về cuộc đòi của mã Lương sau khi giết chết tên vua và bọn đại thần tham lam, độc ác.

*- Kể một chuyện đã biết theo một ngôi kể mới*

VD: Trong vai ST, hãy kể lại chuyện ST, TT

*- Kể chuyện tưởng tượng về số phận, tâm tình của những con vật, đồ vật*

VD: Lời tâm sự của một quyển sách bị bỏ quên

Lời kể của một bông hoa

* *Kể chuyện tương lai:*

VD: Tưởng tượng 10 năm em trở lại thăm mái trường xưa.

3. Luyện tập

Đề 4: Hãy kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh với vai kể là Sơn Tinh ( Kể sự việc)

a.Mở bài: Sơn Tinh tự giới thiệu về bản thân và mối thù truyền kiếp với Thủy Tinh

b. Thân bài:

- Hồi đó, ở vùng đất Phong Châu, có một người con gái nổi tiếng xinh đẹp, hiền dịu tên là Mị Nương, con gái Vua Hùng. Nghe tin vua Hùng kén rể, ta vội vàng đến cầu hôn.

- Đến nơi, thấy cảnh tượng gì? Thấy những ai?

- Ngoài ta, còn có ai đến cầu hôn Mị nương. Lai lịch, tài năng, dung mạo của người đó

- Vua Hùng yêu cầu ta và Thủy Tinh trổ tài

- Ta trổ tài gì? Cảnh vật đổi thay như thế nào? Thái độ của nhà vua và quần thần khi đó? Ánh mắt của Thủy Tinh nhìn ta khi đó? (Cần kể rõ thái độ, tâm trạng của ta trước, trong và sau khi trổ tài)

- Đến lượt Thủy Tinh: trổ tài gì? Cảnh vật đổi thay như thế nào?Thái độ của nhà vua và quần thần khi đó? Thái độ, vẻ mặt của Thủy Tinh khi đó?

- Nhà vua nói gì rồi bàn bạc với các lạc hầu để điều kiện gì để chọn rể? Tâm trạng, nét mặt của ta và Thuỷ Tinh khi đó.

- Ta trở về chuẩn bị như thế nào?

- Sáng sớm ta đem lẽ vật đến rước Mị Nương về

- Đang đi đến nửa đường thì nghe tiếng thét của Thủy Tinh… Ta sai quân bảo vệ Mị Nương rồi đáp trả Thủy Tinh như thế nào?

- Đội quân của Thủy Tinh gồm những con vật nào? Thủy Tinh làm gì? Quân của hắn làm gì để đánh ta? Cảnh tượng ngập lụt diễn ra như thế nào?

- Đội quân của ta gồm những con vật nào? Ta làm gì? Quân của ta làm gì để đánh trả Thủy Tinh?

- Cuộc giao chiến diễn ra bao lâu? Như thế nào? Kết quả của cuộc chiến?

c.Kết bài: Mối thù truyền kiếp giữa ta và Thủy Tinh

\*Hướng dẫn về nhà: Dựa vào dàn bài, làm đề 3,4 vào vở bài tập

**Đề 1:** **Lời tâm sự của một quyển sách bị bỏ quên**

*a, Mở bài*: Giới thiệu về thân phận hiện tại của cuốn sách

*b, Thân bài:*

- Khi tôi mới ra đời: tả hình dáng, màu sắc cuốn sách

- Khi tôi nằm trên giá sách trong siêu thị sách dành cho học sinh

- Khi tôi được về với cậu học trò

- Cách đối xử của cậu học trò đối với tôi

- Tâm trạng, suy nghĩ của tôi về cách đối xử đó

- Chuyện đau lòng nhất xảy ra với tôi

- Niềm ao ước lớn nhất của tôi

*c, Kết bài:* Lời tôi muốn nhắn nhủ đến tất cả các bạn học sinh

**Bài văn mẫu:**

Tôi là một quyển sách bị bỏ quên. Tôi không ngờ số phận của mình lại hẩm hiu như thế.

Nhớ lại ngày tôi mới chào đời, tôi mới đẹp đẽ và thơm tho làm sao. Một cuốn Ngữ văn 6 mới tinh, bìa màu xanh nước biển. Trên nền xanh là hình ảnh một khóm chuối với những chiếc là xanh mướt, một buồng chuối mới ra với hoa chuối đỏ rực, một lá bẹ cong cong duyên dáng. Phía trên cuốn sách nổi bật chữ “Ngữ văn 6” màu trắng. Trong tôi là bao câu chuyện dân gian hấp dẫn, giàu ý nghĩa. Tôi rất tự hào mình.

Ngày được các cô chú công nhân chuyển ra siêu thị sách, tôi vô cùng hồi hộp. Càng xúc động hơn khi thấy mình được xếp trang trọng trên giá sách, ở vị trí dễ quan sát nhất. Năm học mới đến. Ngày ngày siêu thị đón rất nhiều khách vào xem và mua sách về. Tôi hồi hộp chờ đến lượt mình. Tôi đã hình dung về một cuộc đời mới.

Thế rồi, một hôm có một cậu bé được mẹ dẫn vào siêu thị. Hai mẹ con đi thẳng đến khu vực sách dành cho học sinh lớp 6. Tôi hồi hộp chờ đợi. Hai mẹ con đến nơi, tôi nghe người mẹ nói:

- Con chọn sách đi

Cậu bé phụng phịu:

- Mẹ chọn đi. Con ra kia tí.

Nói rồi, cậu ta chạy ngay lại chỗ bán truyện tranh, dán chặt mắt vào đó. Người mẹ lần lượt lấy đủ bộ sách giáo khoa lớp 6 cho con rồi ra gọi cậu bé ra bàn thanh toán. Vậy là tôi theo hai mẹ con về nhà.

Đó là một ngôi nhà thật đẹp. Phòng học của cậu bé cũng đẹp. Tôi được người mẹ xếp trên giá sách, cùng ngồi sát bên cạnh anh sách Toán và chị sách Anh văn. Chúng tôi khẽ gật đầu chào nhau. Cùng chờ đợi và hi vọng.

Ngày khai giảng đã đến, tôi theo chân cậu bé đến trường. Giờ học đầu tiên là môn Ngữ văn. Cả lớp đã đặt sách trên bàn, riêng tôi vẫn nằm yên trong cặp. Phải chờ đến lúc cô giáo nhắc nhở, tôi mới được cậu bé lôi ra, dằn mạnh trên mặt bàn. Trong lúc cô giáo giảng bài, câu ta không theo dõi mà bắt đầu dùng bút đâm mạnh vào thân thể tôi, lấy bút màu vẽ những hình thù kì quái lên bài sách. Tôi đau đớn, nước mắt trào ra.

Đến giờ ra chơi, tôi tưởng mình đã được yên thân. Nào ngờ, cậu ta gây sự với một bạn cùng lớp. Đôi bên cãi cự. Cậu ta vo tròn tôi lại, dùng tôi làm vũ khí, đập túi bụi vào đầu cậu kia. Toàn thân tôi ê ẩm rã rời, không còn hơi sức đâu mà khóc nữa.

Những buổi học tiếp theo vẫn tái diễn những trò cũ. Tôi đau đớn, thất vọng vô cùng. Bao nhiêu mơ ước của tôi đã tan biến. Tôi cứ ngỡ mình sẽ được nâng niu trên hai bàn tay, được ôm vào lòng. Vậy mà... Sao tôi lại kém may mắn đến thế. Thế nhưng, đó vẫn chưa là tận cùng đau khổ của tôi... Do thái độ học tập như thế nên điểm Ngữ văn của cậu bé vô cùng tồi tệ. Cô giáo viết giấy thông báo kết quả học tập của cậu ta gửi về nhà cho bố mẹ. Người mẹ tức giận mắng cậu bé một hồi và ra hình phạt cậu bé không được đọc truyện tranh, xem phim hoạt hình trong một tháng. Cậu ta khóc nức nở chạy về phòng, ném chiếc cặp lên tường. Chưa hết cơn tức giận, cậu ta đổ tung sách vở ra đất, lôi tôi ra khỏi cặp, đập tôi lia lịa xuống nền nhà rồi ném mạnh tôi vào gầm giường. Tôi ngất xỉu vì đâu đớn và uất hận. Tôi đã có lỗi gì mà phải chịu sự đối xử như thế? Một tuần đã trôi qua, tôi vẫn bị bỏ quên dưới gầm giường. Đêm đêm, bọn chuột chạy qua chạy lại trên người tôi. Bọn gián hôi hám gặm nhấm tôi. Tôi đau đớn, tuyệt vọng quá chừng.Nếu như có một điều ước, tôi chỉ ước sao mình thoát khỏi chốn này. Tôi ước sao sẽ thoát khỏi tay cậu bé xấu xa, lười biếng kia. Tôi ước mình được ngày ngày theo chân một cô hay cậu học trò ngoan đến lớp. Chiều về được đặt ngay ngắn trên giá sách, nằm nghỉ ngơi.

Tôi muốn gửi lời nhắn nhủ đến các bạn học sinh. Các bạn hãy coi những cuốn sách là những người bạn. Trân trọng, giữ gìn và yêu thương chúng tôi. Bởi chúng tôi là những người bạn tốt nhất, cùng đồng hành với các bạn trong suốt quãng đời cắp sách. Đừng đối xử với chúng tôi như những vật vô tri. Bởi trong chúng tôi chứa đựng biết bao kiến thức, hành trang cho các bạn vào đời.

**Đề 2:** **Mười năm sau em trở lại thăm mái trường xưa mà ngày nay em đang theo học. Hãy tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra**

*1, Mở bài*: Mười năm nữa em bao nhiêu tuổi? Đang làm gì? Ở đâu?

Em về thám trường vào dịp nào?

*2, Thân bài:*

- Cảm xúc của em trước ngày về thăm trường: Bồi hồi, xúc động, mong được gặp lại thầy cô, bạn bè cũ. Tự nhủ sẽ được gặp những ai?...

- Ngày về thăm trường:

+ Bước vào ngôi trường, em thấy cảnh vật có gì thay đổi, cảnh gì vẫn như xưa? Nhìn cảnh ấy, những kỉ niệm gì sống dậy trong lòng em (Sân trường, bãi tập thể dục, hàng cây, ghế đá, lớp học, chỗ ngồi, bảng đen,…)

+ Em gặp lại những ai? Thầy cô nào? Bạn bè cũ nào? Thầy cô, bạn bè cũ có gì thay đổi, có gì vẫn như xưa? Những lời thăm hỏi sẻ chia về công việc, sức khỏe? Những kỉ niệm nào với bạn bè, thầy cô được nhắc lại? Cảm xúc trong lòng em khi đó?

+ Ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng em trong chuyến thăm trường là gì?

- Chia tay: Cảm xúc của em khi chia tay mái trường, thầy cô, bè bạn.

Những lời hẹn ngày gặp lại

*3, Kết bài:* Suy nghĩ của em về mái trường, về những kỉ niệm năm tháng học trò trong cuộc đời mình và mỗi người.

Bài mẫu tham khảo

Nhân ngày 20-11, em về thăm lại mái trường xưa, nơi đã dạy em bao kiến thức để em có thể làm một người bác sĩ như bây giờ. Ôi, thật tuyệt vời.

Em bước lại gần ngôi trường mến yêu, cái cổng hiện ra trước mắt. Nhìn tấm biển ghi tên trường mà trong lòng thấy bâng khuâng vô cùng. Cổng trường bây giờ đã được vét vôi sạch sẽ. Bước vào cổng, hiện rõ trong đôi mắt em là kỉ niệm thơ ấu ngày nào, chơi đùa, bắn bi, rượt bắt nô nức dưới sân trường. Hàng cây xà cừ thuở trước chỉ cao tới tầng hai là cùng mà bây giờ đã xum xê, toả bóng khắp sân trường. Khẽ chạm tay vào lớp vỏ xù xì, em thầm hỏi: “Cây ơi, mày còn nhớ tao không?” Cành cây lay động như muốn trả lời rằng: “Có chứ, làm sao cây này quên được cậu học trò Thăng ngày nào”. Em cười nhẹ rồi đi về phía sau trường, dãy núi trước kia bây giờ đã được khai phá làm thêm một dãy nhà cho các em học sinh lớp bảy, lớp tám. Học sinh bây giờ không như trước kia nữa, một ngày học luôn cả sáng lẫn chiều. Em quay nhìn về phía căn phòng lớp em ngày nào. Nó không còn như xưa nữa mà rất khang trang, bốn cái quạt, sáu cái đèn và cái bảng to lớn cũng đủ biết điều ấy. Em tiến lên tầng hai, xem qua một lượt. Chà, thật là tuyệt, phòng thực hành được trang bị toàn những máy tính hiện đại màn hình phẳng, cả thảy hơn bốn mươi chiếc. Chẳng phải hai người một máy như ngày nào nữa. Còn thư viện thì toàn những thiết bị hiện đại. Học sinh thời nay hơn trước kia nhiều quá. Đi qua dãy hành lang, bỗng em phát hiện ra một sân bóng rộng. Em chạy xuống, thấy một trái banh nằm lăn lóc. Chắc là mấy cậu học trò chơi xong quên không bỏ lại trường đây mà.. Em lấy chân lăn bóng trên nền cát rồi sút một cú nhẹ vào cái khung thành. Những kỉ niệm ngày ấy tuôn trào. Hồi ấy, nơi đây còn là một bãi đầy đất đá, còn cái khung thành chỉ là hai cái cọc và một thanh gỗ ở trên thôi, còn bây giờ, khung thành sắt có bao bọc lưới xung quanh, tuyệt quá. Bỗng, em nhớ ra là mình còn phải thăm thầy cô nên rảo nhanh bước về phía phòng truyền thống. Bước vào căn phòng, các thầy cô đang họp nên em không dám làm phiền mà đứng chờ. Họp xong, thầy cô tổ chức liên hoan mừng ngày vui, đến bây giờ, em mới đánh bạo tiến ra, chào thầy cô. Mọi người nhìn em với một chút ngỡ ngàng. Em thưa:

- Thưa mọi người, em là Thăng đây ạ.

Lúc bấy giờ, một vài thầy cô mới “Ồ” lên. Một số người trẻ tuổi vẫn còn ngỡ ngàng, rồi sau đó hỏi những người già hơn:

- Học sinh cũ của mấy anh chị à!

Em đoán đó là người mới về trường. Bỗng, cô Mai Ly hỏi:

- Thăng này, hiện giờ em đang làm gì thế?

Bao năm tháng cách xa, bây giờ cô có vẻ già đi rất nhiều, mái tóc điểm hoa râm và khuôn mặt có nhiều vết nhăn theo ngày tháng. Mặc dù vậy, em vẫn có thể nhận ra cô bởi giọng nói và đôi mắt hiền từ mà năm tháng không thể phai nhoà. Em trả lời:

- Thưa cô, em hiện đang bác sĩ tại bệnh viện đa khoa Đức Tín ạ.  
- Vậy à? – cô đáp.  
Em hỏi cô:  
- Cô ơi, cô Hoà và những thầy cô khác đâu ạ.  
- Họ về hưa cả rồi. Còn cô dạy hết năm nay cũng về hưa nốt.  
Nghe cô nói, em rất buồn, nhưng kìm chế được và hỏi cô thêm :  
- Học sinh của cô dạy có ngoan không ạ.  
Cô trả lời:

- Đương nhiên, dù sao thì chúng cũng đâu có lì bằng cậu học trò Thăng lớp 6D của tôi Thuở nào.  
Em cười, cô cũng cười. Rồi sau đó, những thầy cô khác cũng hỏi chuyện. Thân mật lắm! Trò chuyện hồi lâu thì em nhớ ra một việc quan trọng. Vội chạy ra cổng, lấy vài gói quà tặng thầy cô. Xong việc, em ra về.

Bước ra khỏi cổng trường mà trong lòng em thấy quyến luyến vô cùng. Ngôi trường này đã cùng em trải qua bao kỉ niệm đẹp và ở đó có những con người tuyệt vời đã chắp cho em đôi cánh để em vững bước vào đời.

**Bài 2:**

Thấm thoát đã mười năm trôi qua , giờ đây tôi đã là một sinh viên theo ngành báo chí và đã có nhiều bài viết được đăng báo. Tuy sống tại một thành phố khác nhưng tôi vẫn không bao giờ quên mái trường cấp hai. Nhân ngày khai trường, Tôi trở về mái trường xưa một thời gắn bó.  
 Buổi chiều trên chiếc xe đạp, loanh quanh mấy con đường, quê tôi sao thay đổi quá. Đây rồi con đường vào trường với hàng cây tỏa bóng mát rượi. Cổng trường bây giờ cao và rộng quá, hai khung cửa sắt được điều khiển bằng điện tử đóng mở nhẹ nhàng đâu còn cái cánh cửa bản lề, mở ra đóng vào quẹt thành hình bán nguyệt dưới đất. Lòng tôi bỗng trở nên xao xuyến. Bước vào cổng trường, một anh bảo vệ độ lớn hơn tôi vài tuổi ngăn lại. Thấy tôi không phải là giáo viên và cũng không tin lời tôi nên anh không cho tôi vào. Bỗng nhiên một cô giáo trẻ bước ra, tuổi cô cũng độ bằng tuổi tôi, dáng mảnh khảnh thật duyên dáng. Trên mặt cô phảng phất một nét gì đó rất quen thuộc. Tiếng anh bảo vệ rõ to:”Cô Minh Trang vể hả ? Để tôi dắt xe cho!” Tôi chợt nhận ra người bạn cũ và kêu to:”Minh Trang hả? Tao là Bảo Trân nè ! Mình học chung lớp 6A 4 đó nhớ không?” Cô bạn cũng đã nhận ra tôi, Minh Trang bước tới, ôm chầm lấy tôi và miệng tíu tít:” Tao nhớ mày quá!”

Minh Trang dắt tôi đi khắp các dãy phòng. Trang giờ đã là cô giáo như ước mơ thuở nhỏ, còn tôi thì …Chúng tôi vừa đi vừa ôn lại kỷ niệm cũ. Cô nàng không quên xin lỗi tôi vì một lần lỡ miệng làm tôi khóc. Tôi hỏi Thùy Trang, Mỹ Phụng, Kim Phụng, Hồng Vân…giờ đây thế nào? Công việc ra sao? Minh Trang đều trả lời rõ từng người một. Khi xưa chúng tôi là một nhóm bạn thân, thân hơn cả chị em. Nhìn lại ngôi trường, hai dãy phòng học khang trang. Sân trường được lát gạch đỏ sạch sẽ. Những cây xà cừ cổ thụ vẫn đứng đó, sững sững giữa sân trường, thách thức bao mùa bão đi qua. Ôi, sao tôi nhớ biết bao những ngày tháng tươi đẹp ấy! Bước vào thư viện trường, tôi gặp lại một số thầy cô cũ, trong đó có cô Khánh Hòa, chủ nhiệm tôi năm lớp sáu. Cô bây giờ trông chững chạc nhiều quá, trên gương mặt vẫn phảng phất nụ cười hiền từ khi xưa. Nhận ra tôi, cô xúc động nói : “ Trân đó à ? Em lớn nhanh quá! Em làm cô nhớ lớp 6A khi xưa quá !”. Tôi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm cũ, những giờ học văn khi xưa được cô dạy. Chính cô là người đã phát hiện ra năng khiếu viết văn của tôi, khuyên tôi chọn con đường văn nghiệp.

Tôi theo cô lên lớp học khi xưa. Tôi ngồi vào chỗ mười năm trước của mình. Nhắm mắt lại, tôi thấy hình ảnh của mình, của bạn bè cũ. Những giờ học sôi nổi, những kì thi, những hờn gi ận tuổi học trò… Lòng tôi rưng rưng xúc động.

Chiều tối, tôi trở về nhà mà trong lòng còn biết bao xao xuyến. Mái trường yêu dấu lưu giữ bao kí ức tuổi thơ tôi sẽ mãi là hành trang tôi mang theo trong cuộc đời.

**Đề 3:Trong giấc mơ, em gặp chàng dũng sĩ Thạch Sanh. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ giữa em với chàng.**

**a, Mở bài:**

**-** Tình huống gặp gỡ: Tối thứ 7, ngồi đọc truyện cổ tích Thạch Sanh, em ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trong giấc mơ, chàng Thạch Sanh xuất hiện...

**b, Thân bài:**

*\* Khung cảnh gặp gỡ*: túp lều, dưới gốc đa cổ thụ ...

*\* Ngoại hình:*

- Chàng hiện lên như thế nào? (Miêu tả ngoại hình: thân hình, gương mặt, ăn mặc, đôi mắt, đôi vai, cánh tay,...)

- Trang phục, trang bị: cởi trần, đóng khố, đầu chít khăn, ngang lưng giắt một chiếc rìu.

- Hành động: Trên vai vác một bố củi lớn, chàng bước đi mạnh mẽ, nhẹ nhàng.

Ở chàng toát lên vẻ đẹp khoẻ mạnh, hùng dũng khác thường

*\* Cuộc trò chuyện:*

- Em và chàng chào hỏi, giới thiệu ...

- Trò chuyện:

+ Tại sao chàng lại có sức khoẻ phi thường như vậy?

+ Ai dạy chàng mọi phép thần thông?

(HS dựa vào văn bản Thạch Sanh để trả lời)

+ Trong những chiến công của chàng, chiến công nào chàng lập được khó khăn nhất?

+ TS trả lời rồi kể lại một chiến công

+ Chàng vui nhất khi lập được chiến công nào? Vì sao?

+ Bị Lí Thông lừa nhiều lần, chàng có oán giận mẹ con hắn không? Tại sao lại tha bổng cho mẹ con hắn? (Nghĩ đến tình anh em, mẹ con...)

Suy nghĩa của em: Chàng thật là người tài giỏi, dũng cảm song cũng thật nhân hậu, bao dung.

+ Nghe kể nàng đã cưới công chúa và lên làm vua, sao giờ chàng lại ở gốc đa này?

( ở triều đình, ta rất nhớ quê hương, nơi ta sinh ra, sống những ngày nghèo khổ. Mấy năm nay đất nước yên bình, thịnh vượng, ta tranh thủ trở lại chốn này ít hôm để thăm viếng mộ mẹ cha, sống lại những ngày tháng cũ)

Suy nghĩ của em: Chàng thật là người con hiếu thảo, nghĩa tình với cha mẹ, quê hương.

- Em xin chànd cho nghe một bản nhạc, chàng đem đàn thần ra gảy, tiếng đàn vang lên ngân nga...

**c, Kết bài:** Tỉnh dậy...

- Hiểu thêm về vẻ đẹp của chàng dũng sỹ Thạch Sanh, yêu thêm những trang cổ tích...

**Đề 4**: **Đến thăm đền Hùng nhân ngày giỗ tổ, em đã được gặp các vị vua Hùng. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.**

***a, Mở bài***: Nêu hoàn cảnh gặp gỡ

Được cùng gia đình đến thăm đền Hùng nhân ngày giỗ Tổ. Đêm đó, em nghỉ lại đền để sáng sớm hôm sau dự lễ dâng hương. Sau một ngày mệt mỏi, em ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Trong giấc mơ, em gặp các vua Hùng (Vua Hùng thứ mấy? Trong truyền thuyết nào?)

***b, Thân bài:***

*\* Khung cảnh gặp gỡ*: tại đền : Miêu tả cảnh đền lúc nửa đêm (tượng, mùi nhang khói, ánh sáng mờ ảo của nhứng ngọn nến,...)

*\* Vua Hùng hiện lên như thế nào?*

- Miêu tả ngoại hình (cao lớn, uy nghi, giọng nói sang sảng, trang phục: áo màu vàng, in hình rồng, đầu đội mũ dát vàng, bước đi khoan thai,...). Ở ngài toát lên vẻ uy nghi lạ thường

*\* Cuộc trò chuyện:*

- Chào hỏi, giới thiệu

- ***Cuộc trò chuyện (chọn vua Hùng nào thì cuộc trò chuyện xoay quanh nội dung liên quan đến truyền thuyết đó***). *Ví dụ, gặp và trò chuyện với vua Hùng thứ 6, trong truyền thuyết Thánh Gióng.*

- Thưa ngài, khi đó đất nước có giặc ngoại xâm, lực lượng của ta giặc như thế nào a?

- Sức giặc mạnh như chẻ tre, còn sức ta còn non yếu lắm. Lương thực thì ít, vũ khí chưa kịp chuẩn bị đủ, quân sĩ cũng chưa giỏi. Tình thế rất nguy hiểm

- Thế khi đó, tâm trạng ngài thế nào ạ?

- Ta ăn không ngon, ngủ không yên, lòng dạ như lửa đốt. Một mặt ta đốc thúc tướng lĩnh ra sức luyện tập, chuẩn bị quân lương, một mặt cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài ra cứu nước.

- Nhưng sao ngài lại biết ở làng Gióng có người tài ạ?

- Một đêm ta nằm mộng, thấy Ngọc Hoàng phán bảo rằng tướng nhà trời đang ở làng Gióng đó, sao còn lo không dẹp được giặc Ân. Tỉnh dậy, ta sung sướng vô cùng, vội sai ngay sứ giả đến đó. Quả là tướng nhà trời, chỉ một trận đã phá tan quân giặc.

- Sau khi dẹp tan giặc Ân, tráng sĩ làng Gióng bay về trời có phải không ngài?

- Phải. Nghe tin thắng trận, ta vui mừng đích thân cùng triều thần đi đón tráng sĩ, nhưng khi đến chân núi Sóc thì chỉ thấy một bộ giáp sắt bỏ lại. Nhìn lên phía đỉnh núi thấy bòng tráng sĩ cưỡi ngựa bay vút lên mây. Rồi cả người lẫn ngựa lẫn trong vầng hào quang dần dần biến mất. Ta biết, vị tướng đã về trời theo lênh Ngọc Hoàng.

- Vậy ngài đã làm gì để tưởng nhớ công ơn vị tướng này ạ?

- Ta cho dân lập đền thờ ngay tại quê nhà, hàng năm dân làng đều mở hội để tưởng nhớ công ơn của tráng sĩ. Lễ hội đó vẫn duy trì đến tận bây giờ đó cháu.

-Thế cháu đã đến làng Gióng bao giờ chưa?

- Cháu đến rồi ạ. Cháu đến dự lễ hội làng Gióng vào tháng 4 âm lịch. Ở đấy, có nhiều điều lạ lắm ngài ạ. Mảnh đất nơi ấy chỗ nào cũng thấy hồ ao, tre thì thân vàng óng, lại có cả một cái làng có cái tên là làng Cháy.

- Đấy chính là những vết tích của cuộc chiến năm ấy đấy cháu ạ. Những ao hồ liên tiếp chính là chân ngựa sắt, tre ngả màu vàng óng là do bị ngựa phun lửa đấy. Ngựa phun lửa còn làm cháy cả một làng nên bây giờ người ta gọi đó là làng Cháy đấy.

*3, Kết bài*: Tỉnh dậy: Câu chuyện đang vui vẻ thì bỗng có tiếng mẹ gọi...

- Hiểu thêm công lao của cha ông...

**Đề 5: Dựa vào truyền thuyết Thánh Gióng và sự tưởng tượng của em, hãy miêu tả lại cảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt đánh giặc Ân.**

*Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa*

*Nhổ bụi tre làng đuổi giặc Ân*

Hai câu thơ của nhà thơ Tố Hữu gợi nhắc hình ảnh người anh hùng làng Gióng cưỡi ngựa sắt, dùng roi sắt, tre làng đánh đuổi giặc Ân thuở nào.

Đó là một ngày tháng tư âm lịch, cái nắng đầu hè đã bắt đầu oi ả khiến không gian làng quê ngột ngạt. Không gian ấy càng trở nên ngột ngạt hơn khi tin quân giặc sắp tiến đánh ngày càng dồn dập báo về.

Ở làng Gióng, mọi cặp mắt đều hướng về phía ngôi nhà của mẹ con chú bé kì lạ. Kể từ sau hôm gặp sứ giả đòi đi đánh giặc, chú bé ăn khỏe, lớn nhanh một cách phi thường. Cả làng góp gạo, góp cà nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú mau lớn để đánh giặc cứu nước. Nhà vua cũng sai người ngày đêm rèn ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt theo yêu cầu của chú bé làng Gióng.

Giặc đã đến chân núi Trâu, thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Từ các ngả đường, nhân dân đổ dồn về đình làng. Mẹ con Gióng đã có mặt ở đó từ bao giờ. Bỗng có sứ giả nhà vua tới. Sứ giả mang theo ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé bước đến bên ngựa sắt. Rồi chú vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Dân làng sửng sốt thốt lên:

* Đúng là tướng nhà trời xuống giúp bà con đánh giặc!

*Tráng sĩ mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa. Tráng sĩ cúi đầu từ tạ mẹ già và dân làng. Ngựa hí vang mấy tiếng vang dội.Tráng sĩ thúc vào mông ngựa. Ngựa sắt phun lửa phóng như bay về phía có giặc đón đầu giặc mà đánh. Lũ giặc cậy đông bao vây lấy tráng sĩ. Roi sắt trong tay tráng sĩ tung bốn phía khiến lũ giặc không kịp trở tay. Song chúng chưa chịu rút lui, tướng giặc hô quân tiếp tục vây lấy tráng sĩ. Mũi tên, lưỡi gươm giáo từ bốn phía địch lao về phía tráng sĩ song giáp sắt đã bảo vệ chàng. Con ngựa sắt chồm lên, hai chân trước hất tung tên tướng giặc xuống đất. Tráng sĩ dùng roi sắt quất mạnh vào tướng giặc khiến hắn không kịp kêu một tiếng. Lũ giặc mất tướng như rắn mất đầu hốt hoảng quay đầu bỏ chạy. Tráng sĩ thúc ngựa đuổi theo đánh giết hết lớp này đến lớp khác. Giặc chết như ngả rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào quân giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn. Không khoan nhượng, tráng sĩ tiếp tục truy đuổi tiêu diệt chúng. Tấm áo giáp của chàng nhuốm đầy khói bụi. Gương mặt chàng cũng đen xạm lại. Đuổi giặc đến chân núi Sóc Sơn, tráng sĩ quay nhìn bốn phía thì không còn bóng một tên giặc nào trên bờ cõi. Tráng sĩ thúc ngựa, ngựa sắt bỗng bay lên đỉnh núi. Tráng sĩ đưa mắt nhìn về phía quê hương, nơi có mẹ già, bà con lối xóm từng nuôi dưỡng, cưu mang mình lần cuối. Đôi mắt chàng dường như ngấn nước. Tráng sĩ cởi áo giáp bỏ lại đỉnh núi, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.*

Tin thắng trận báo về làng. Dân làng đổ ra đầu làng chờ Gióng trở về nhưng chờ mãi không thấy. Nhà vua sai người đi tìm Gióng thì chỉ thấy chiếc áo giáp để lại nơi đỉnh núi. Vua nhớ công ơn, phong tráng sĩ là Phù Đổng Thiên Vương và lập đên thờ ngay tại quê nhà.

Người anh hùng làng Gióng đánh giặc vì dân, tất cả chiến công của chàng để lại cho non sông, đất nước. Tấm áo giáp mà tráng sĩ để lại mãi như một lời nhắc nhở: hãy luôn cảnh giác trước kẻ thù xâm lược.

**Đề 6: Dựa vào truyền thuyết Thánh Gióng và sự tưởng tượng của em, hãy miêu tả lại tâm trạng của Gióng sau khi đánh tan giặc Ân rồi bay lên trời.**

***Dàn bài đề 12***

Mở bài: Giới thiệu về Gióng và tình cảm gắn bó của G với cha mẹ, quê hương

Thân bài:

- Từ trên đỉnh núi Sóc, G nhìn cảnh tượng chiến trường như thế nào? Cảm xúc của tráng sỹ trước cảnh đó

- Cháng nhìn về phía quê hương, nỗi niềm gì dâng lên trong lòng?

- Vị thần tiên xuất hiện đẻ đón G về trời:

+Lời trò chuyện giữa G và vị thần tiên xoay quanh việc đánh giặc Ân và ước nguyện về thăm lại cha mẹ, quê hương

+Vị thần tiên nói về mệnh lệnh của Ngọc Hoàng

+ Gióng Cới giáp bỏ lại và lời vị thần tiên (khi thấy G cới giáp sắt)

+ Ánh mắt, thái độ, hành động của G trước khi cùng vị thần tiên bay về trời

Kết bài: Nghe tin thắng trận, cha mẹ G cùng cả làng đi tìm. Đến chân núi thấy áo giáp bỏ lại…

**Bài tham khảo:**

` Gióng vốn là tướng nhà trời, được Ngọc Hoàng sai xuống hạ giới để giúp dân đánh đuổi giặc Ân. Từ ngày đầu thai vào gia đình nhà nghèo nọ, Gióng được cha mẹ yêu thương, nuôi dưỡng, bà con hàng xóm đùm bọc, Gióng cảm thấy vô cúng gắn bó với cha mẹ, quê hương. Gióng chỉ có một ước nguyện lớn nhất là hoàn thành sứ mệnh được Ngọc Hoàng giao phó để đền đáp ân tình của cha mẹ, dân làng.

Ngày ấy đã đến. Đã đến lúc Gióng phải từ biệt tất cả để trở về trời.

Đuổi giặc đến chân núi Sóc, Gióng quay nhìn bốn phía thấy không còn bóng một tên giặc nào. Thây giặc chết như rạ nằm ngổn ngang khắp chiến trường, những tên sống sốt đã hốt hoảng tháo chạy khỏi bờ cõi nước nhà. Gióng biết sứ mệnh của mình đã hoàn thành. Nhìn cảnh chiến trường sau trận giao tranh, Gióng thấy khói lửa tơi bời, cây đổ ngổn ngang, thây người nằm lên nhau chồng chất, nhiều người dân vô tội bị giặc sát hại. Lòng tráng sĩ vô cùng xót xa. Gióng chỉ muốn chạy thật nhanh về quê nhà, nơi có người mẹ già trông ngóng, nơi có bà con làng xóm đã cưu mang. Nhưng nhớ tới lệnh của Ngọc Hoàng “Khi nào đánh tan giặc Ân phải ngay lập tức lên thiên đình bẩm báo, không được chậm trễ”, Gióng không dám nấn ná ở lại nơi đây. Chàng quyết định lên đỉnh núi Sóc để nhìn lại quê hương lần cuối trước khi từ biệt. Ao ước được nhìn lại quê nhà khiến tráng sĩ đi lên đỉnh núi rất nhanh. Chiếc áo giáp Gióng mặc vương đầy khói bụi chiến trường. Cánh tay Gióng mệt mỏi rã rời nhưng chân Gióng vẫn vững vàng lên phía trước. Lên đến đỉnh núi Sóc, Gióng đứng lặng yên nhìn bốn phía. Gióng dõi tầm mắt nhìn lâu nhất về phía có làng mình. Chàng mỉm cười giang tay đón những ngọn gió lành, nhìn theo những cánh chim bay. Bỗng Gióng thấy trên trời xuất hiện một luồng hào quang rực rỡ. Sau ánh hào quang đó một vị thần tiên xuất hiện, Gióng cúi đầu lậy tạ. Vị thần tiên mỉm cười hồn hậu, nói với Gióng:

- Giặc nước đã dẹp xong, con là công thần lớn của triều đình rồi đó. Con có muốn ở lại để nhận công danh phú quý, ơn vua lộc nước không?

Gióng trả lời:

- Thưa ngài, con chỉ muốn trở về thăm cha mẹ, quê hương lần cuối. Còn công danh bổng lộc con đâu nghĩ tới.

Vị thần tiên cười lớn:

- Ta hiểu lòng con. Nhưng mong muốn của con chưa thể thực hiện ngay được đâu. Ngọc Hoàng sai ta đến để mời con lên thiên đình ngay để lo công việc.

Gióng im lặng, ánh mắt đượm buồn, khẽ cúi đầu tỏ ý tuân lệnh. Gióng liền cởi bỏ bộ áo giáp sắt để lại. Vị thần nói:

- Con làm thế là rất đúng. Bộ áo giáp nàylà một lời nhắc nhở nhân dân luôn cảnh giác với kể thù. Con cũng đừng lo lắng quá. Nếu giặc ngoại xâm lại đến, nhất định sẽ có một chàng dũng sĩ khác của làng Gióng thay con giúp dân đánh giặc. Việc đó đã nằm trong tiên liệu của Ngọc Hoàng rồi.

Vị thần tiên vừa nói dứt lời thì từ trên trời cao một đám mây đủ mầu sắt xuất hiện và hạ sát cạnh chân Gióng và vị thần. Gióng thấy người mình nhẹ bẫng. Cả người được nhất bổng lên mây. Gióng quay người nhìn lại quê hương xứ sở một lần cuối, rồi Gióng từ từ bay về trời.

Giặc tan dân làng vui mừng khôn xiết. Mọi người đổ đi tìm Gióng. Cả nhà vua cũng cho quân lính đi tìm mà không thấy Gióng đâu. Đến chân núi Sóc Sơn thấy bộ áo giáp sắt Gióng để lại và nhìn thấy ánh hào quang còn sáng một góc trời họ biết Gióng đã được thần tiên đón về trời .

Vua và mọi người nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ở làng Gióng.

**Đề 7: Trẻ em vẫn mơ ước vươn vai một cái là trở thành tráng sĩ như Thánh Gióng. Em hãy tưởng tượng mình mơ thấy Thánh Gióng và hỏi ngài bí quyết, xem ngài khuyên em như thế nào?**

*Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh gặp Gióng*

*Thân bài:*

- Cảnh tượng làng Gióng:

+ Cảnh thiên nhiên : làng mạc, nhà cửa, tre đằng ngà, ao hồ…

+ Con người: nô nức trên con đường dẫn đền đền Gióng…

- Gặp Gióng:

+ Hình ảnh Gióng khi xuất hiện (Trang phục, dáng vẻ…)

- Cuộc trò chuyện:

+ Em hỏi tráng sỹ bí quyết để được khỏe mạnh dũng mãnh như chàng, chàng khuyên em như thế nào?

+ Tráng sỹ khuyên em thời đại ngày nay đã khác xưa (khoa học phát triển từng ngày…), chỉ khỏe mạnh thôi chưa đủ, cần rèn luyện, tu dưỡng những gì để trở thành người anh hùng của thời đại mới?

- Cuộc gặp gỡ kết thúc như thế nào? Thánh Gióng biến mất ra sao?

*Kết bài:*

- Tỉnh dạy, mới biết mình mơ….

- Giấc mở để lại trong lòng em cảm xúc, suy nghĩ gì?

***Bài làm gợi ý***

 Sáng nay, trong tiết Ngữ Văn, chúng em được học về truyền thuyết Thánh Gióng, người anh hùng làng Gióng có công đánh đuổi giặc Ân xâm lược ra khỏi bờ cõi nước ta. Giọng kể truyền cảm, sinh động của cô giáo Hương đã đưa chúng em vào thế giới đầy những hình ảnh huyền ảo, hoang đường. Hình tượng đẹp đẽ của Thánh Gióng đã để lại trong tâm trí em một ấn tượng sâu đậm có sức cuốn hút lạ lùng. Đến đêm, trước khi đi ngủ, em giở sách ra đọc lại truyện một lần nữa và ao ước rằng giá như mình vươn vai một cái cũng trở thành tráng  sĩ oai phong lẫm liệt như Thánh Gióng. Ao ước cháy bỏng ấy đã theo em vào cả giấc mơ...

Em đang đi giữa một vùng quê yên bình, đầy hoa thơm cỏ lạ. Những ngôi làng được bao bọc bằng lũy tre đằng ngà, thân vàng óng, lá xanh rì rào trước ngọn gió xuân hây hẩy. Dọc đường, ao chuôm nối tiếp nhau thành dãy, mặt nước lung linh soi bóng mây trời. Mỗi hình ảnh đều gợi lại chiến công của Thánh Gióng. Dòng người đông đúc đang hối hả kéo nhau về đền thờ Thánh Gióng. Tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã, náo nức cả một vùng.

Em ngước mắt lên nhìn bầu trời xanh thăm thẳm, ồ kia! Lạ chưa! Có một đám mây ngũ sắc gióng hệt hình người đang cưỡi ngựa. Đám mây hạ thấp dần, thấp dần và em không tin vào mắt mình nữa. Trước mặt em là Thánh Gióng, đầu đội mũ sắt, mặc áo giáp sắt, cưỡi trên lưng ngựa sắt… hiển hiện trên bãi cỏ xanh. Thánh Gióng vui vẻ cất tiếng chào:

- Chào cậu bé! Ta !à Thánh Gióng. Ta đã nhận được lời nguyện cầu của cậu. Cậu có muốn ta giúp gì chăng?!

Sự ngạc nhiên tột độ đã nhanh chóng biến thành niềm vui mừng không xiết. Em vội vàng bày tỏ:

- Thưa ngài! Em và các bạn em chỉ ao ước làm sao có thể vươn vai một cái trở thành tráng sĩ oai phong, lẫm liệt như ngài. Xin hỏi ngài bí quyết để điều đó trở thành hiện thực.

- Thánh Gióng cười lớn, tiếng cười vang động cả không gian:

- Ồ! Ta hiểu! Tuổi thơ bao giờ cũng có những ước mơ đẹp đẽ lạ thường! Ngày xưa, ta cũng vậy. Chính sự tồn vong của đất nước trước nạn ngoại xâm đã khơi dậy trong ta sức mạnh thần kì. Ta lớn lên nhờ sự nuôi nấng của cha mẹ và sự đùm bọc của dân làng. Sức mạnh của ta là sức mạnh của toàn dân. Việc ta vươn vai một cái biến thành tráng sĩ tượng trưng cho khát vọng, sự lớn mạnh phi thường của cả dân tộc. Ta thay mặt cho toàn dân trừng trị lũ giặc ngông cuồng, dám xâm phạm giang sơn của tổ tiên.

Các em muốn được khỏe mạnh như ta thì cần chăm tập thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe. Ta nghe nói ở trần gian năm nào các nhà trường cũng tổ chức Hội khỏe Phù Đổng phải không?

- Vâng ạ. Trường em năm nào cũng tổ chức Hội khỏe đấy ạ. Có rất nhiều môn thể thao như bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cờ vua, cầu lông đấy ạ.

- Thế thì tốt lắm. Chịu khó rèn luyện thể lực thì nhất định các em sẽ khỏe mạnh như ta thôi. Song các em nên biết thời đại của các em đã khác xa với thời đại của ta rồi.

Em bối rối hỏi:

- Khác thế nào ạ?

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

- Thời đại của các em khoa học kĩ thuật phát triển như vũ bão. Con người không cần khổng lồ về thể xác mà cần khổng lồ về ý chí và trí tuệ. Một trí tuệ sáng suốt, một nghị lực phi thường trong một thân thể khỏe mạnh là những điều cần thiết cho cuộc sống ngày nay. Đó là những lời tâm huyết ta muốn nói với em. Song em cũng nên nhớ để có sức khỏe, nghị lực, trí tuệ phi thường thì phải khổ luyện chứ không phải dễ dàng có được đâu. Thôi, ta phải về trời đây, kẻo Ngọc Hoàng quở trách.

Thánh Gióng vừa dứt lời, ngựa sắt hí vang, bay bổng lên mây. Cả tráng sĩ lẫn ngựa mờ dần giữa làn mây trắng.

Bỗng có tiếng mẹ gọi. Em bàng hoàng tỉnh giấc. Thì ra là một giấc mơ. Song những lời Thánh Gióng nói vẫn còn vọng trong tâm trí em. Em rất thấm thía lời khuyên của ngài. Em tự nhủ sẽ không ngừng rèn luyện thân thể, rèn luyện ý chí, quyết tâm phấn đấu học hành để trở thành người tài giỏi, có ích, biến những giấc mơ thành hiện thực.

**Đề 8**: **Trong giấc mơ, em đã từng gặp cô tiên (bà tiên, ông tiên). Bằng trí tưởng tượng của mình, em hãy tả lại hình ảnh cô tiên (bà tiên, ông tiên) đó**

**1. Mở bài:** Hoàn cảnh khiến cho em có giấc mơ được gặp cô tiên, có thể là gia đình có một khó khăn nào đó. Em tha thiết mong có được điều ước để giải quyết khó khăn đó.

**2. Thân bài :**

- Em nằm mơ thấy cảnh tượng kì lạ (ánh sáng, hương thơm, dàn sáo nhạc...), một cô tiên rất xinh đẹp, dịu dàng hiện ra.

- Tả hình dáng, trang phục, khuôn mặt..., dáng đi của cô tiên.

- Biết mong ước của em, cô dẫn em đi tìm phép thực hiện (tưởng tượng em đi qua những nơi như vườn đào, suối giải oan, giếng tiên, cây đa...) , tả cử chỉ, lời nói của cô khi dẫn em đi, nhất là cách cô vượt hiểm nguy.

- Cô cho phép lạ: Tả cách làm phép hoặc vật tạo ra phép của cô tiên (trái cây, bông hoa, viên ngọc, cây gậy, chiếc nón... bất cứ một cách làm phép nào hoặc vật tạo ra phép đề phải phù hợp để giải quyết được mơ ước của em.

**3. *Kết bài****:*

- Tỉnh ra mới biết là giấc mơ, em rất tiếc.

- Chỉ là gặp cô tiên trong giác mơ nhưng vẫn giúp em thêm tin, thêm vui.

- Em tin mình sẽ vượt qua khó khăn, có thể có những người tốt như thế đến giúp em.

**Bài làm tham khảo**

Một tuần nay, mẹ em phải nhập viện. Cả nhà em lo lắng không yên. Cứ tan học, em lại vội vàng đến bệnh viện chăm sóc mẹ. Nhìn gương mặt mẹ anh xao trên giường bệnh, lòng em nặng trĩu. Em chỉ ao ước có một phép màu giúp mẹ em khỏi bệnh. Gục mặt bên giường bệnh, em thiếp đi lúc nào không hay.

Trước mắt em là một cảnh tượng kỳ lạ như ở chốn thần tiên. Ánh sáng lung linh, hương thơm của muôn loài hoa sực nức. Tiếng sáo, tiếng nhạc du dương văng vẳng…Em đang tự hỏi mình : “Đây là chốn nào?” thì trước mắt em một cô tiên xinh đẹp xuất hiện. Gương mặt cô rạng rỡ hơn cả mặt Hằng Nga. Đôi mắt cô sáng ngời, nhìn em với ánh nhìn dịu dàng. Môi cô đỏ như thoa son, miệng cô đang mỉm cười. Mái tóc cô dài óng ả, mềm mại như một áng mây. Cô mặc một chiếc váy màu hồng rực rỡ, có đính những vì sao lấp lánh. Tay cô cầm một chiếc quạt bằng lụa màu vàng. Cô bước đi uyển chuyển lạ thường. Em nhìn cô không chớp mắt, than phục : “Ôi! Đúng là đẹp như tiên!”. Cô tiến lại gần em, cất giọng ngọt ngào:

- Chào em! Sao trông em có vẻ buồn phiền, mệt mỏi thế? Có chuyện gì xảy ra với em sao?

Em ngập ngừng đáp:

- Vâng! Em buồn lắm. Mẹ em ốm nặng. Nhà em lại rất khó khăn. Em không biết phải làm gì bây giờ.

Chưa dứt lời, nước mắt em đã trào ra, không gì ngăn nổi. Thấy vậy, cô tiên lại gần, lau nước mắt cho em rồi an ủi:

* Em đừng khóc. Ta sẽ giúp em.
* Thật ư? Cô sẽ giúp em ư?

Đúng vậy. Ta sẽ dẫn em đi tìm thuốc quý chữa khỏi bệnh cho mẹ em. Nhưng em sẽ phải trải qua rất nhiều gian khổ, nguy hiểm. Em có làm được không?

* Em làm được ạ. Chỉ cần mẹ khỏi bệnh, em sẽ làm tất cả
* Được. Vậy em hãy theo ta.
* Ta sẽ dẫn em đến một ngọn núi cao ở phía tây. Nơi ấy có một vị cao nhân có vị thuốc quý. Nào. Chúng ta đi thôi.

Cô đưa tay ra nắm lấy tay em. Một lúc sau, trước mắt em hiện lên môt dòng sông dữ dội. Một chiếc thuyền con xuất hiện. Cô bảo em bước lên thuyền. Vừa ngồi vào thuyền thì một con sóng lớn chồm đến, thuyền chao đảo. Bỗng đâu, một đàn cá sấu vây quanh thuyền. Chúng há miệng đỏ lòm như định nuốt trửng cả con thuyền. Em sợ hãi, bám chặt lấy tay cô. Cô nhìn em nói:

* Em có dám qua dòng sông này không? Nếu sợ, ta sẽ đưa em quay trở lại.

Nghĩ đến mẹ, em vội trả lời:

* Em sẽ đi.

Cô đưa chiếc quạt lên. Đàn cá sấu biến mất. Thuyền nhẹ nhàng lướt sóng đưa em sang bên kia sông. Em cùng cô nghỉ lại dưới gốc cây đa ven sông, rồi tiếp tục lên đường. Chẳng mấy chốc, trước mắt em,một ngọn núi sừng sững hiện ra. Cô nói:

- Bây giờ, em sẽ phải vượt qua ngọn núi này.

Cô chỉ tay lên vách đá dựng đứng, nhọn hoắt rồi nói tiếp:

- Vách đá rất hiểm trở, cheo leo. Để vượt qua, gai nhọn, dây leo sẽ làm em đau. Nếu trượt chân, em sẽ ngã xuống vực sâu. Trên núi có thể có hổ dữ, rắn rết. Em có dám vượt qua không?

Em cảm thấy vô cùng lo sợ, tim em đập mạnh. Hay là bỏ cuộc? Nhưng còn mẹ? Nếu mẹ không được cứu? Em lấy hết lòng can đảm, quả quyết:

- Em sẽ vượt qua ngọn núi này.

Cô tiên cầm lấy bàn tay em. Ánh mắt cô nhìn em trìu mến. Cô khen:

- Em thật dũng cảm.

Bàn chân em đã bị đá cào tứa máu. Bàn tay xước vì bị gai cào. Em đau đến trào nước mắt nhưng vẫn quyết vượt qua. Trước mắt em hiện ra một vườn đào sai trĩu quả. Mùi đào chin ngào ngạt. Gió thổi mát rượi xua tan bao nỗi vất vả vừa trải qua. Cô tiên mỉm cười bào em:

-Vị thuốc thần ở trong vườn đào kia. Nhưng muốn mở được cánh cổng vườn đào, em phải trải qua một thử thách nữa. Con trăn lớn gác cổng vườn đào rất dữ tợn. Một ngày nó chỉ dời cổng gác một phút vào lúc 12 giờ đêm. Em phải chờ đúng lúc nó dời cổng để vào được vườn đào.

Em ngồi xuống và chờ đợi. Ánh mặt trời tắt dần. Màn đêm bao phủ. Đêm khuya, trăng lưỡi liềm xuất hiện phía chân trời. Ánh trăng mờ ảo khiến cảnh vật càng thêm vắng lặng, heo hút. Mệt mỏi vì đường xa, em chỉ muốn ngủ thiếp đi. Nhưng em sợ nếu mình chợp mắt sẽ bỏ lỡ cơ hội duy nhất. Lấy hết sức lực, em thức canh thời gian. Tiếng chuông từ đâu vọng lại. Con vật khổng lồ oằn người trườn ra khỏi cổng gác. Chỉ đợi có thế, em lấy hết can đảm, vượt qua cổng gác, vào vườn đào. Một cụ già tóc bạc như cước xuất hiện. Cụ đưa cho em một trái đào, nói:

- Con hãy cầm lấy trái đào này, cho mẹ con ăn, mẹ con sẽ hết bệnh.

Em sung sướng đến trào nước mắt, nâng trái đào trên tay, cảm ơn cụ già.

Cô tiên xuất hiện, cô đưa chiếc quạt lên, múa một vòng. Một đám mây ngũ sắc xuất hiện. Cô dắt em lên đám mây rực rỡ ấy. Em cùng cô bay qua ngọn núi hiểm, bay qua dòng sông đầy cá sấu ban nãy trở về.

Bỗng có ai lay lay bàn tay em:

* Con ơi, lấy cho mẹ cốc nước. Mẹ khát.

Em chợt bừng tỉnh. Mới biết là mình mơ. Em vội lấy nước cho mẹ. Gương mặt mẹ đã bớt xanh xao. Đôi mắt mẹ nhìn em vừa trìu mến, vừa xót xa.

Giấc mơ kỳ diệu đã tiếp cho em hy vọng. Em tin rằng nhất định mẹ em sẽ khỏi bệnh. Em sẽ luôn bên mẹ để chăm sóc cho mẹ. Em sẽ lại được cùng mẹ chăm sóc khu vườn đầy hoa trái. Cùng mẹ chuẩn bị những bữa cơm đầm ấm cho gia đình. Cùng mẹ về thăm ông bà ngoại ngày chủ nhật…

**====================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 7: RÈN KĨ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG**

**1.Thế nào là bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống?**

- Là trình bày một ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó trong đời sống nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.

Ví dụ:

+ Suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.

+ Suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.

+ Suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.

**2. Yêu cầu đối với một bài văn trình bày suy nghĩ về một hiện tượng (vấn đề)**

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận (đó là vấn đề gì?)

- Thể hiện được ý kiến của người viết.

- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Lưu ý: Đối với HS lớp 6, bước đầu làm quen với việc trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống với 2 yếu tố: lí lẽ và bằng chứng

+ Lí lẽ: là những giải thích, phân tích thể hiện suy nghĩ của người viết về vấn đề. Những lời kẽ đó phải mạch lạc, rõ ràng, nhằm bảo vệ hay phản bác một ý kiến nào đó. Lí lẽ phải có tính khách quan, thuyết phục.

+ Bằng chứng lấy từ thực tế, cần được chọn lọc.

+ Lí lẽ, kết hợp bằng chứng làm cho lập luận tăng tính thuyết phục.

**3. Nhận diện dạng đề trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**

**Dạng đề cụ thể**: là dạng đề nêu rõ yêu cầu và vấn đề nghị luận là một hiện tượng phổ biến trong đời sống

**Ví dụ:**

* *Suy nghĩ về hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.*
* *Suy nghĩ về hiện tượng nghiệm game trong thanh thiếu niên.*

**Dạng đề mở:**

**- Là dạng đề mà chỉ nêu tên vấn đề nghị luận:**

**Ví dụ:** 1- *Đánh giá khả năng của bản thân*

*2- Noi gương những người thành công*

-**Thông qua một đoạn ngữ liệu**: một bản tin, một mẩu truyện,một vài bức hình...để người viết tự rút ra vấn đề nghị luận

**II. RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn đề tài: Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì?

Chọn một trong các đề tài sau:

*- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.*

*- Thái độ đối với người khuyết tật*

*- Noi gương những người thành công*

*- Đánh giá khả năng của bản thân*

*- Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.*

*b. Tìm ý*

*- Hiện tượng vấn đề cần bàn:*

- Hiểu biết cơ bản về hiện tượng (vấn đề) cần bàn.

- Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó (đúng/sai; lợi/ hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/ tiêu cực)

-Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn:

*+ Lí lẽ để bàn luận vấn đề:*

*+ Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng*

*- Mở rộng vấn đề/* Tìm ra nguyên nhân

- Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

*c. Lập dàn ý*

- *Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.

- *Thân bài*: Ðưa ra ý kiến bàn luận.

+ Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)

- *Kết bài*: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

**2. Viết bài**.

- Mở bài: Chọn một trong hai cách:

+ trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng

+ gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).

* Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể.
* Thể hiện rõ quan điểm của người viết.

Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp

3. Xem lại, chỉnh sửa, và rút kinh nghiệm:

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.

- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| --- | --- |
| Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận | Ðọc lại phần MB, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ. |
| Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,…) của người viết về hiện tượng (vấn đề) | Bổ sung những câu tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu. |
| Ðưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. | Kiểm tra các lí lẽ bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa, thay thế, bổ sung. |
| Ðảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Phát hiện lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp |

**Đề bài: Với câu mở đầu: Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa…, hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.**

\* Nội dung đoạn văn

Mở đoạn: Câu chủ đề: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa*

Thân đoạn:

- Vì sao chúng ta không muốn sự khác biệt vô nghĩa? (Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác): Ví dụ

+ Sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người.

+ Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì.

Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?

+ Mỗi người luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người

+ Rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng..  
Kết đoạn: Khẳng định mỗi chúng ta cần khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa của mình.

\*Hình thức đoạn văn: 5- 7 câu

**Gợi ý:** Viết đoạn văn:

Đoạn văn tham khảo: Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Bởi vì, sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người. Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì. Chẳng hạn như bạn đang cố gắng ăn mặc hay để kiểu tóc khác người, đang làm những việc kì quặc trước mặt mọi người... Ngược lại, mỗi ngày bạn luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người, chính là cách bạn tạo ra sự khác biệt có nghĩa. Khi chúng ta biết rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng chính là ta đang tạo sự khác biệt có ý nghĩa.

**BÀI THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Trình bày ý kiến của em về hiện tượng bắt nạt học đường.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến, là nạn nhân, hoặc là từng đã bắt nạt bạn bè. Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng bắt nạt là hiện tượng xấu xí, đáng lên án, cần loại bỏ trong mọi đời sống, nhất là trong trường học.

- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề bắt nạt: không nên bắt nạt bạn bè, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.

**- Thu thập dữ liệu:**

+ **Các** **bằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng bắt nạt: Hiện tượng bắtt nạt gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với tập thể)

+ + Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng bắt nạt trong trường học.

**b. Tìm ý**

*- Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng:* Bắt nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, để đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

**- Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt học đường:**

+ Tình trạng bắt nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

**- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.**

+ Hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.

+ Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói (dẫn chứng)

+ Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

**- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng bắt nạt học đường**

***+* Tìm ra nguyên nhân**

+ Từ những lí do trực tiếp: nhìn đểu, nói móc, tranh dành nhau...

+ Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực….

+ Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống…

+ Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người

+ Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

+ **Xác định hậu quả:** Bắt nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

+ Đối với nạn nhân:

- Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)  
- Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại  
- Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  
 + Đối với người gây ra bạo lực

- Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.  
- Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho xã hội.  
- Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

+ Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ :biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau.

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

**c. Lập dàn ý**

\* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dùng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng bắt nạt học đường là hiện tượng đáng phê phán.

\* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

**C1.Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội

- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

**C2.Thân bài:**

**1. Giải thích và nêu hiện trạng của hiện tượng :**

-  Bắt nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, để đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

- Hiện trạng ( Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt học đường):

+ Tình trạng bắt nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

- Hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.

- Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói(dẫn chứng)

- Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

**2- Nguyên nhân:**

+ Từ những lí do trực tiếp: nhìn đểu, nói móc, tranh dành nhau...

+ Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực….

+ Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống…

+ Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người

+ Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

**3- Hậu quả:**

+ Với nạn nhân:  
- Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)  
- Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại  
- Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.  
- Người gây ra bạo lực:  
- Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.  
- Làm hỏng tương lại chính mình, gây nguy hại cho xã hội.  
- Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.  
**4- Giải pháp** ( làm thế nào để khắc phục hiện tượng bắt nạt học đường).   
+ Mỗi học sinh, mỗi giáo viên phải biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau, hạn chế các xung đột và tìm cách giải quyết những mâu thuẫn một cách tốt đẹp nhất.  
+ Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường- gia đình và xã hội trong việc quản lí, giáo dục học sinh  
+ Nhà trường bên cạnh dạy văn hóa phải coi trọng dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ;   
+ Trong từng gia đình, người lớn phải làm gương, giao tiếp ứng xử đúng mực, mạnh dạn lên án và loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình.

+ Đối với học sinh là nạn nhân của bạo lực học đường phải được quan tâm, động viên, an ủi tạo động lực tiếp tục công việc học tập của mình.  
+ Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết đối với những học sinh vi phạm  
+ Cần có biện pháp quản lý, ngăn chặn và xử lí hiệu quả những hoạt động có hại : Nghiêm cấm các game, đồ chơi, sách báo phim ảnh có nội dung bạo lực  
=> kỉ cương, tình thương, trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn bạo lực học đường ở học sinh.  
**- Bài học nhận thức và hành động:**

+ Bắt nạt học đường là hành vi phản giáo dục, phản đạo đức, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội cần phải sớm khắc phục, chấm dứt.

+ Là học sinh phải chăm chỉ học hành, yêu thương đoàn kết bạn bè, rèn luyện nhân cách tốt đẹp mai này đem sức mình xây dựng quê hương đất nước.

**C3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

**Đề bài 2: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay là một hiện tượng khá phổ biến. Nhiều bạn vì mải chơi game mà sao nhãng học tập và còn mắc nhiều sai lầm khác. Trình bày ý kiến của em về hiện tượng này.**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến hiện tượng nghiện game ngay trong lớp, trường,..). Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng nghiện game nguy hiểm, tiêu cực, cần tìm cách khắc phục, nhất là trong trường học.

- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề hiện tượng nghiện game : tiêu cực, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều học sinh, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.

**- Thu thập dữ liệu:**

+ **Các** **bằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.

+ **Lí lẽ:**

+ + Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng nghiện game : Hiện tượng gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với gia đình, xã hội)

+ + Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng nghiện game trong trường học.

**b. Tìm ý**

*- Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng:* nghiện game là những hành vi tiêu cực, là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến nhiều tác hại .  
 **- Biểu hiện của hiện tượng nghiện game**

+ Tình trạng nghiện game ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều gia đình và nhà trường

+ Biểu hiện của nghiện game có thể dễ nhận biết: người chơi dành hầu hết thời gian để chơi các trò chơi trên thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính, ...

**- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.**

+ hiện tượng nghiện game trong lớp học, trong trường, trong các quán nét

+ biểu hiện của tình trạng học sinh nghiện game: nghỉ học thường xuyên, lơ đãng học hành, ..

**- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng nghiện game**

***+* Tìm ra nguyên nhân**

+ + Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện.  
+ + Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm  
+ + Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ

+ **Xác định hậu quả:** Bắt nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

+ + Đối với bản thân người nghiện game: ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần, học hành xuống dốc, lơ là, chán học, bỏ học, sa vào tệ nạn xã hội khác

+ + Đối với gia đình: bố mẹ lo lắng, buồn phiền, mất niềm tin vào con cái, ...

+ + Đối với xã hội: mầm mống của tệ nạn xã hội, đạo đức xuống cấp...

+ Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ :biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, tự nâng cao ý thức tự giác, cần có năng lực quản lí bản thân.

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

**c. Lập dàn ý**

\* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dùng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng nghiện game trong tuổi học sinh là hiện tượng đáng phê phán, cần khắc phục, tránh xa game.

\* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

**C1.MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

Ví dụ:

Hiện tượng nghiện game là một hiện tượng phổ biến hiện nay. Đặc biệt, hiện tượng ấy đáng lo ngại với tuổi học sinh. Nhiều bạn học sinh mải chơi game đến mức trở thành thói quen khó chữa, và còn mắc nhiều sai lầm khác. Làm thế nào để khắc phục hiện tượng này? Đó là vấn đề không hề đơn giản.

**C2.THÂN BÀI**

**1. Giải thích và nêu biểu hiện của hiện tượng nghiệm game**

+ Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.  
+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  
+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.  
**Thực trạng: dùng bằng chứng nào để thấy được mức độ nghiêm trọng của hiện tượng nghiện game?**+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game. Nhiều bạn mải chơi game đến quên ăn, quên ngủ.  
+ Các quán game mọc lên như nấm sau mưa, nhất là khu vực gần trường học. Các quán game vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh. Bước vào quán net bạn sẽ gặp nhiều sắc áo đồng phục, những khuôn mặt chăm chú, thậm chí bạn đến tận nơi họ cũng không hay biết.  
+ Trong lớp, có những bạn thường xuyên nghỉ học với nhiều lí do khác nhau. Giờ ra chơi nếu lắng tai nghe nhóm các bạn nam nói chuyện, bạn sẽ thấy ngôn ngữ của game.  
**2. Nguyên nhân:**+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.  
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện (bằng chứng)  
+ Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm (bằng chứng)  
+ Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ (bằng chứng)  
**3. Hậu quả: Tại sao chúng ta không nên sa vào game?**+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút, tâm lí chán học, bỏ học  
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của. Người nghiện điện tử dễ mắc các bệnh về mắt, về thần kinh, đặc biệt là chứng bệnh trầm cảm, hoang tưởng. Nhiều vụ án mạng xảy ra mà nguyên nhân ban đầu của nó là tình trạng nghiện game.  
+ Người nghiện game dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội: đua xe, nghiện ma túy, ...  
**4. Các giải pháp để khắc phục hiện tượng nghiện game:**+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh, sắp xếp thời gian học tập và nghỉ ngơi hợp lí.  
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.  
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.  
**C3. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).  
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

**2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết ( dựa vào phiếu chỉnh sửa)**

**3. Trình bày sản phẩm (HS trình bày, nhận xét)**

**Đề số 3: Biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.**

**1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn đề tài:

- Vấn đề cần bàn: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về vấn đề (từng chứng kiến biểu hiện muốn tôn trọng người khác ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác...Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải lắng nghe, thấu hiểu để làm cho cuộc sống tốt đẹp.

- Thu thập dữ liệu:

+ Các bằng chứng mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng thiếu tôn trong người khá;biểu hiện của việc biết tôn trọng người khác...

+ Lí lẽ:

+ Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về tác dụng, ý nghĩa của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

+ Em thấy cần làm gì để thể hiện lối sống biết tôn trọng người khác/ mong muốn được người khác tôn trọng.

**b. Tìm ý**

*1- Hiểu tôn trọng người khác là gì?*

+ Tôn trọng là gì?

+ Tôn trọng người khác là gì?

+ mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

2*-* ***Lợi ích (ý nghĩa)*** *của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)*

*+ Đối với bản thân mỗi người:*

*+ Đối với người khác (người nghe)*

*+ Đối với xã hội.*

*Các bằng chứng được chọn:*

*3- Phê phán hành vi không tôn trọng người khác (bàng chứng)*

*4-* Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,...của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác. Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

**c. Dàn bài:**

1. *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.

Ví dụ: Trong cuộc sống, chúng ta chứng kiến những người khuyết tật tự nhiên, bị người khác cười nhạo. Cũng có những người có những điểm yếu mà rèn luyện mãi cũng không khá hơn được, bị người khác coi thường, chọc ghẹo. Nguyên nhân sâu xa của điều này, hoàn toàn là sự thiếu tôn trọng mà ra. Vậy vấn đề tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều cần thiết.

*2.Thân bài*: Ðưa ra ý kiến bàn luận

*1- Hiểu tôn trọng người khác là gì?*

+ Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm người khác

+ Tôn trọng người khác là sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Biết lắng nghe, quan tâm, trân trọng ý kiến, công việc, sở thích,...của người khác. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người.Trong bất cứ sự việc nào diễn ra trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết cách tôn trọng người khác.

+ mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

*-* ***Lợi ích (ý nghĩa)*** *của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)*

+ Mỗi người có suy nghĩ, cách đánh giá khác nhau nên sẽ có quan điểm khác nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

+ giúp cho họ tự tin vào bản thân mình hơn, lạc quan hơn vào cuộc sống.

+ giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn.

+ Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng quan điểm của chính mình. Người biết tôn trọng quan điểm của người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

+ tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân.

*- Bằng chứng về sự tôn trọng người khác:*.

+ Về thái độ, lời nói: Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh và luôn giữ đúng chuẩn mực, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung

+ Về cử chỉ, hành động: Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung…

- **Phê phán** những hành vi không biết tôn trọng người khác: con cái đánh đập, chửi bới cha mẹ; Chồng đánh đập vợ; Đồng nghiệp nói xấu nhau...

**- Các giải pháp**: Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,...của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác. Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

*3. Kết bài:* Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi: Biết sống tôn trọng người khác đó là cách sống văn minh, tạo niềm vui cho mình và mọi người và làm cho cuộc sống ý nghĩa.

2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết ( dựa vào phiếu chỉnh sửa)

3. Trình bày sản phẩm (HS trình bày, nhận xét)

**Đề số 4: Trình bày ý kiến về vấn đề khẳng định giá trị của bản thân.**

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- Vấn đề cần bàn: sự khẳng định giá trị của bản thân

HS cần xác định được đây là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với mỗi người và với tất cả mọi người.

HS đã có những trải nghiệm, nhận thức về vấn đề (sự khẳng định giá trị của bản thân ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác...Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc sự khẳng định giá trị của bản thân

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của sự khẳng định giá trị của bản thân là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải nhận thức, tự rèn luyện, nỗ lực để phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu để khẳng định giá trị của mình

- Thu thập dữ liệu:

+ Các bằng chứng mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của tấm gương biết vươn lên khẳng định giá trị của bản thân mỗi người.

+ Lí lẽ:

+ Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về vai trò, ý nghĩa của việc sự khẳng định giá trị của bản thân

+ Em thấy cần làm gì để sự khẳng định giá trị của bản thân mình trong tập thể, cộng đồng

**b. Tìm ý**

*1- Hiểu khẳng định (xác định) giá trị của bản thân là gì:*

- Là những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội.

- Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

2*- Lợi ích (ý nghĩa)khẳng định (xác định) giá trị của bản thân**(Vì sao cần biết khẳng định giá trị của bản thân mỗi người?)*

*Lí lẽ:*

*-* là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn, là nhân cách của bạn.

- Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia

- Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

*Bằng chứng:*

* *Chọn các nghề nghiệp, công việc khác nhau thì có những cống hiến khác nhau*

*- Lấy dẫn chứng về giá trị của môi trường sống trong lành em đang sống là do giá trị của người lao động nào?*

*Các bằng chứng được chọn:*

*3- Phê phán* người chưa coi trọng giá trị của bản thân mình hoặc không tôn trọng giá trị của người khác: Tự ti, nhút nhát, thiếu bản lĩnh sống; gặp khó khăn thì lùi bước.

*4- Làm thế nào để khẳng định giá trị của bản thân mình*?

- nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng.

- biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy.

- thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế

**c. Dàn bài:**

Bài viết tham khảo:

Ai sinh ra cũng có giá trị đặc biệt. Nhìn nhận và khẳng định giá trị của bản thân trong cuộc sống có ý nghĩa quan trọng, giúp chúng ta vươn lên, vượt qua khó khăn để có được thành công.

Mỗi con người sinh ra, đến với thế giới này đều có những giá trị đặc biệt. Giá trị đó là ở tự thân của mỗi người, giống như viên ngọc đang đợi được mài sáng vậy. Giá trị bản thân là những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội. Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

Bạn có thể có điểm mạnh về mặt này, nhưng cũng có thể có yếu điểm về mặt kia. Giá trị bản thân là của riêng bạn có, không thể sao chép hay vay mượn được từ người khác. Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia. Giá trị của bản thân không dựa trên công việc, ngành nghề mà bạn đang làm. Bạn là một công nhân, làm việc trong xưởng chế biến thực phẩm, giá trị con người bạn chính là nhân lực cung cấp thực phẩm cho thị trưởng. Đường phố sạch đẹp, xanh tươi và bầu không khí trong lành là công sức, vai trò của những công nhân vệ sinh môi trường. Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

Tạo nên giá trị bản thân là chính là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn. Có ai đó đã từng nói: “Khi tôi là chính bản thân mình, tôi hạnh phúc và có kết quả tốt”. Có rằng, thành công, quả ngọt và dấu ấn của bản thân bạn chỉ có thể do chính bạn quyết định trong hiện tượng và tương lai. Bên cạnh sự nỗ lực nội tại của bản thân, góp phần tạo nên giá trị của bạn còn có sự đóng góp của bố mẹ, những người xung quanh. Bạn không cần phải là đứa trẻ xuất sắc về mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của bố mẹ. Đây chính là một phần giá trị con người bạn.

Giá trị mỗi con người luôn được soi chiếu trên những giá trị chung của nhân loại, mà trong đó, giá trị mang ý nghĩa quyết định chính là nhân cách. Nghĩa là điều kiện tiên quyết để khẳng định giá trị là cách bạn nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng. Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, đồng thời, thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế. Có như vậy mới giúp bạn đạt nhiều thành công trong cuộc sống.

Tóm lại, mỗi chúng ta ai cũng có giá trị riêng. Mỗi chúng ta cần biết tự trân trọng, biết nhìn nhận và biết phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của mình. Đó chính là điểm mấu chốt để mỗi chúng ta góp phần nhỏ bé của mình cái chung của tạp thể, cộng đồng.

**Đề số 5: Nuôi thú cưng, nên hay không nên?**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**- Vấn đề cần bàn:** Có nên nuôi thú cưng không ( việc nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì đôi với con người?)

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về vấn đề (em từng nuôi thú cưng chưa? Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề việc nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì cho con người.

- **Xác định mục đích** của bài viết:

+ Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn việc nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì đối với con người (Tìm hiểu về các con vật nuôi trong nhà: *chó, mèo, gà, chuột hamster, rùa cảnh; chim cảnh,..* Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã vì vật nuôi đã được thuần hoá. Lợi ích của vật nuôi )

+ Cần làm gì những gì nếu nuôi thú cưng trong nhà mình.

**b. Tìm ý**

Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

+ Hiểu nào là những con vật nuôi?

+ Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?

+ Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?

+ Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?

**c. Lập dàn ý**

**+ Mở bài**: Nêu vấn đề cần bàn luận (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?).

+ **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tuỳ vào ý kiến (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?) để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:

- Nên có vật nuôi trong nhà (ý kiến).

- Nêu các lí lẽ để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà (lí lẽ).

- Nêu các bằng chứng cụ thế về lợi ích của vật nuôi (bằng chứng).

Lưu ý: Nếu em cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà thì cũng cần nêu lí lẽ và bằng chứng.

+ **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử vói vật nuôi.

**2. Viết bài**

- Viết theo dàn ý

**3. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**

- Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.

- Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết.

Bài viết tham khảo:

Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Có nên nuôi thú cưng? Theotôi, nên có vật nuôi trong nhà. Dưới đây là một số lí do chứng minh cho việc tại sao chúng ta cần có ít nhất một bé thú cưng trong nhà.

Thứ nhất, thú cưng giúp chúng ta cân bằng cảm xúc. Khoa học đã chứng minh các loài vật nuôi (đặc biệt là chó) thường khá nhạy cảm với cảm xúc. Vì vậy rất dễ dàng để chúng có thể phát hiện ra những cảm xúc tiêu cực như buồn, giận,... của con người. Những lúc ấy, thú cưng sẽ thay thế một người bạn tri âm, tri kỉ. Có những vấn đề mà con người khó có thể nói cho một người nào đó vì nhiều lí do cá nhân. Có một con vật lắng nghe, không phán xét những suy nghĩ, hành động của bạn là một cách để bạn giải tỏa căng thẳng và những nỗi buồn. Những cử chỉ âu yếm, vuốt ve của thú cưng có thể mang lại cảm giác an ủi, an toàn cho những rối loạn, bối rối trong lòng con người. Tôi có nuôi một con mèo, bất kể khi nào tôi buồn, bằng một cách thần kì nào đó, nó đều biết và ngay lập tức cuộn người trong vòng tay tôi. Đôi khi chúng ta không cần những lời khuyên cho vấn đề của mình, chúng ta chỉ cần người có thể lắng nghe để trút hết bầu tâm sự. Đôi khi sự im lặng và quấn quýt của một chú mèo là liều thuốc tốt nhất cho những rối loạn sâu thẳm bên trong con người.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

Tiếp theo, việc nuôi thú cưng giúp con người có trách nhiệm hơn. Chăm sóc, nuôi dạy thú cưng đòi hỏi sự kiên nhẫn và khoảng thời gian nhất định. Để vật nuôi có thể phát triển một cách toàn diện, chúng ta cần dành nhiều thời gian cho những hoạt động: cho ăn, tắm rửa, vui chơi, dạy dỗ,... chúng. Bởi vì đang nắm trong tay sinh mạng của một loài động vật nên con người có xu hướng có trách nhiệm hơn trong mọi việc. Bạn không thể để một con vật chết đói, chết rét,... vì những hành động vô tâm của bản thân mình được. Hơn nữa, con người sẽ trở nên kiên nhẫn hơn khi dạy dỗ một loài vật sinh hoạt có trật tự. Trước khi vật nuôi hiểu được những điều chúng được dạy, chúng sẽ mất thời gian làm quen và thời gian này sẽ trở nên rất khó khăn với chủ. Chúng phải sai nhiều lần thì mới có thể nhận thức được đâu là hành động đúng để duy trì. Vì vậy, nếu chủ nhân của chúng không kiên nhẫn thì việc huấn luyện sẽ thất bại.

Cuối cùng, sức khỏe con bạn sẽ được cải thiện nếu bạn nuôi dạy một loài vật nuôi đúng cách. Ví dụ như khi bạn nuôi một chú chó hay một chú ngựa (những động vật lớn, cần được vận động), bạn sẽ phải vận động nhiều hơn. Hàng ngày, một số thú cưng nhất định cần có thời gian được vận động, đi dạo, chạy nhảy. Để có thể quản lí và bảo vệ chúng, người chủ thường sẽ phải vận động theo nhịp độ của thú cưng. Hơn nữa, các bạn sẽ thức giấc và ăn ngủ điều độ hơn vì các bạn cần giữ cho thú cưng lối sinh hoạt cân bằng. Có thể nghe khó tin nhưng có bài báo khoa học còn đề cập đến việc chó có khả năng phát hiện ung thư ở người. Một đứa trẻ khi được sinh ra và lớn lên cùng động vật cũng sẽ ít có nguy cơ mắc hen suyễn và các bệnh khác hơn những đứa trẻ không tiếp xúc với động vật.

Tuy nhiên, tôi xin nhấn mạnh một điều: Chúng ta chỉ nên nuôi thú cưng sau khi đã suy nghĩ một cách nghiêm túc và kĩ càng. Nếu bản thân thấy không có đủ thời gian, không gian, tài chính, trách nhiệm,... thì không nên nuôi chúng bởi vì chúng sinh ra không phải để chịu đựng. Đừng để đến lúc những chú cún cưng, mèo cưng,... của bạn chết vì sự vô tâm của mình thì mới nhận ra rằng mình không hợp nuôi vật cưng. Hơn nữa, các bạn cần phải cân nhắc đến sức khỏe của bản thân khi nuôi chúng như việc bạn không thể nuôi mèo khi bạn bị hen suyễn; bạn không thể nuôi những con vật to nếu như bạn không thể kiểm soát được chúng,...vì nó sẽ ảnh hưởng đến cá nhân bạn cũng như những người xung quanh.

Như vậy, nuôi một con thú nuôi là một điều tốt đẹp mà bạn có thể trải nghiệm trong cuộc đời. Tuy nhiên đừng biến chúng thành gánh nặng cho chính bản thân mình. Hãy cân nhắc kĩ lưỡng trước khi quyết định nuôi một con vật nào đó. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự chia sẻ và đóng góp của mọi người.

**Ôn tập Ngữ văn 5 lên 6 Face book Nhung Tây 0794862058**

